

XUÂN VŨ

ĐỒNG BẰNG GAI GÓC



Đồng Bằng Gai Góc (5)

ĐỒNG BẰNG GAI GÓC (5)

**ĐỒNG
BẰNG
GAI
GÓC**

XUÂN VŨ

MIDWAY PRESS 2016

ĐỒNG BẰNG GAI GÓC (5); Tác giả: XUÂN VŨ;
Layout: MIDWAY, 2016

Một quê hương tan nát, một cuồng vọng tiêu ma. Đồng khởi thực sự là cái gì? Có giải phóng ba phần tư đất đai và bốn phần năm dân chúng không? Súng ngựa trời có tác dụng như đài Hà Nội rêu rao không? Đạo Quân Đầu Tóc có được mấy người và do ai chỉ huy? Nữ tướng Ba Định làm gì trong kháng chiến chống Pháp, và trong chiến tranh chống Mỹ? Tại sao Nguyễn Chí Thanh bốc mụ ta lên đặt trên đầu bọn trí thức hùa và đám cán ngố Bắc Kỳ? Trần Văn Trà bị rượt chạy suýt chết vì mưu toan sát nhập bộ đội Hai Phải vào các đơn vị dưới quyền chỉ huy của y.

Ông Đốc Huệ, Bác sĩ Trần Hữu Nghiệp, học giả Ca Văn Thỉnh và các vị trí thức khác được Cộng Sản xử dụng ra sao?

Vì quyển IV Đến Mà Không Đến hơi dày nên tác giả sẽ đưa các vấn đề sau đây vào quyển Đồng Bằng Gai Góc:

Cái chết của Tư Trang, Thái Trần Trọng Nghĩa,

Quách Vũ, Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Chí Thanh và các vấn đề khác chưa nêu lên trong quyển IV, như Lưu Hữu Phước làm con bài hiếu hĩ, hai thú Trường Bộ Văn Hóa của Chánh Phủ mà nuôi gà giò cõ nào và bị bọn Giải Phóng khinh miệt ra sao? Tác giả cãi lộn với cấp chỉ huy và viết thơ cho Trần Bạch Đằng trước khi hồi chánh. Khi tác giả hồi chánh về Sài Gòn được Chánh phủ, đồng nghiệp và bạn bè cũ đón tiếp niềm nở ra sao.

Khi tôi về đến nhà gặp ngoại tôi thì tôi mới thấy bộ mặt thật của đảng, hi sinh dân Nam Kỳ đến người cuối cùng để thống trị họ. Riêng tôi, tôi cảm thấy mình ngu. Cái ngu của một thằng học trò ba chớp ba nháng đang đi học lại bỏ trường để nhào theo Việt Minh hát Tiến Quân Ca. Nhưng không phải một mình tôi mà toàn dân Nam Kỳ quốc. Bây giờ, 1993, thì tất cả nam phụ lão ấu xứ Nam Kỳ đều thấy rõ điều đó rồi. Đã muộn! Dọc đường Trường Sơn và khi về R, tôi thường mở đài Sài Gòn. Thỉnh thoảng nghe tên những thằng bạn học. Chúng đang làm tổng giám đốc, giám đốc, kỹ sư, có thằng làm tướng. Mẹ kiếp, còn mình đi theo Việt Minh hai mươi năm chỉ được cái danh hiệu tên ăn trộm, chui luôn ngổ hẹp.

Tôi nhìn ngoại tôi mà hết biết nói năng gì. Ngoại đúng cho vẹt ăn ở bên mái chòi lụp xụp chỉ xô một

cái là đồ ngang. Ngoại nhìn tôi. Ngoại nhìn ông cán
lạ mặt mang súng ngắn một giây rồi hỏi:

- Cậu là ai?

- Dạ, cháu là...

Tôi bật lên tiếng khóc và chạy tới ôm lấy ngoại,
không nói nên lời. Ngoại tôi vẫn ngạc nhiên không hiểu.

- Con là thằng Triết nè ngoại?

- Ủa, con đó hả Triết?

Ngoại tôi cũng khóc theo và buông xui vừa lúa
xuống đất. Tôi đi thẳng vào chòi. Trời đất! Sao chiếc
bàn thờ bằng gỗ trắc lại đặt ở trong chòi vệt. Chiếc
bàn thờ chạm trổ. Thuở nhỏ tôi vói tay nhón gót
mới lấy được bánh trái cúng trên đó bây giờ sao lại
dời xuống đây? Còn nhà cửa đâu?

Ngoại tôi chậm chạp đi vào mắt cứ nhìn tôi trần
trần như chưa tin tôi đã về tới nhà. Ngoại quệt mắt:

- Nếu ngoại biết con ở đâu thì ngoại đã đi tìm rồi.

Hai chục năm nay ngoại có biết con ở đâu?

Chia ly, nước mắt. Sum họp, cũng nước mắt. Cả
hai dòng nước mắt đều đắng cay, hờn tủi. Ngôi nhà
ngói xưa năm căn rộng và một ngôi nhà dài dính liền
hình chữ Đinh đủ sức chứa hai trăm người đã biến
mất. Ngày xưa khi cái gọi là Cách Mạng Tháng Tám
vừa nổi lên, đây là nơi đóng quân, đóng cơ quan liên
tục. Lúa trong bồ xúc ra tha hồ ăn, nước mưa tha hồ
uống, trái cây ngoài vườn tha hồ hái. Trần Văn Trà,
Đồng Văn Cống nào có lạ gì ngôi nhà này.

Tất cả, bây giờ chỉ còn lại cái chòi vệt, một chiếc
bàn thờ ba chân và một mình ngoại. Tôi nhìn lên

thấy hình cậu tôi, người cậu thứ Tám tôi yêu quý nhất, chỉ lớn hơn tôi năm, sáu tuổi, tôi coi như một người bạn thuở ấu thơ.

- Cậu Tám sao vậy ngoại?

Như một bọc nước mắt bị gai châm, ngoại òa lên khóc. Tôi nghe trong tiếng khóc của ngoại hàm chứa một sự u uất khác thường, nhưng chưa đoán được nguyên do. Có lẽ ngoại không muốn để cho đứa cháu đi biệt mấy chục năm nay mới trở về buồn nên ngoại lại quệt nước mắt, rồi đi nấu cơm. Tôi trút ba lô xuống giường, lột súng máng trên đầu cột Tôi ngó quanh nhà, ngó đến đầu kinh hoàng tới đó. Tôi không ngờ quê hương tan nát và nhà cửa của ngoại tôi trở thành cái chòi như thế này, một cái chòi cất trên bờ chuối mà hai hàng cột bìa cắm dưới mương vì mặt bờ không đủ rộng. Cái chòi có vách lá sơ sài te tua bao bọc chung quanh còn bên trong thì không có vách ngăn. Phía trước là chiếc bàn thờ, dựa lưng vào bàn thờ là giường ngủ chung quanh là thùng, hũ, nia, sàng, đồ rách, chai lọ lớp bề lớp còn nguyên như chiếc thùng tàn cu thời chạy Tây, hai mươi năm trước. Trời ơi! Thời đó Tây nó không đốt nhà ngoại để bây giờ bọn cán bộ chi ủy tổ trưởng đảng, du kích, rút rĩa ăn hết, từ cây cột, chiếc đòn tay, cục gạch, tấm ngói, không thừa một thứ gì còn lại có thể chứng minh rằng nơi đây từng là một ngôi nhà ngói xưa.

Ngoại tôi đi ra bàn thờ rút một cây nhang và bảo tôi:

- Đốt nhang trên bàn thờ đi con!

Tôi đang lớ ngớ không biết làm gì, thì câu nói của ngoại làm tôi tỉnh lại. Mấy chục năm nay, tôi bắt biết nhà cửa, ông bà cha mẹ. Bất biết cúng quải là gì. Cách mạng làm cho người ta quên nguồn cội, bắt đầu từ những chuyện tưởng-như-nhỏ này, thực tình là không nhỏ. Có quên ông bà thì mới thờ phượng được Mác Lê Mao. Có quên cha mẹ thì mới gào “*Hồ Chí Minh muôn năm*” được. Rồi từ đó mới quay lại đấu tố cha mẹ ông bà.

Tôi cắm cây nhang trên bàn thờ mà không biết van vái những gì. Ngoại bảo:

- Vái vong hồn cậu con về phò hộ con.

Tôi hỏi ngoại:

- Cậu Bảy đâu ngoại?

- Cậu Bảy con ở trên Sài Gòn.

- Di Năm đâu ngoại?

- Di Năm đi ở độ cho người ta cũng ở trên Sài Gòn.

Tôi không hỏi di Tư tôi. Vì tôi biết di đang ở đâu. Trên đường về từ Phước Hiệp tới đây, tôi đã nghe danh dưong Tư. Ông là Cai Tổng. Chợ làng tôi đã trở thành thị trấn. Quận Mỏ Cày chia thành hai quận. Trên có Quận Trưởng, dưới có Cai Tổng. Tôi không dám nói tới những tên tuổi thân yêu vì sợ đụng tới cái lập trường của mình. Cách mạng là như thế đó. Cách mạng quải gỡ như thế đó. Không rõ ai bày đặt ra mà dân ta phải theo như thế này. Giá đừng có cái tháng Tám trong cuốn lịch thì dân ta đỡ hơn nhiều.

Tôi hỏi ngoại:

- Ngoại ở nhà có một mình vậy sao ngoại. Rồi có máy bay hoặc cà nông ngoại làm sao?

Ngoại chỉ cái hăm ở sau chòi.

- Chun vô đó.

Cách Mạng đã biến nhân dân thành những con chuột ở hang. Suốt từ Vàm Cỏ Đông về đến đây, tôi đến đâu cũng dớn dác tìm hăm. Khi thấy được cái hăm rồi mới yên tâm mắc võng nghỉ hoặc làm việc gì khác.

Ngoại nói:

- Ngoại muốn người ta làm hết năm gĩa lúa..

Nghe nói tới tiếng “lúa” tôi nhớ tới lúa ruộng, nhưng cũng không dám hỏi. Vì lại sợ mất lập trường.

Ở ngoài Bắc, tôi từng nghe các ông lớn khoe rằng sau Đồng Khởi giai cấp địa chủ đã *đầu hàng nhân dân vô điều kiện*. Nhiều nơi địa chủ không nhận lúa ruộng hoặc chỉ lấy lúa ruộng tượng trưng *một lon sữa bò*. Và: địa chủ trong Nam tiến bộ hơn địa chủ ngoài Bắc. Không cần học tập, không đợi đưa ra đấu trường mà đã giác ngộ Cách Mạng. Trong lúc Ban Chấp Hành Trung ương Đảng thì lại trở thành địa chủ khoác áo bản cổ nông, mới đáng nực cười.

Ngoại tôi bảo:

- Để ngoại kêu em Sơn của con vô cho má con hay.

- Em Sơn nào ngoại?

- Con gái của dì Năm con.

Bỗng một cô bé chừng mười một mười hai tuổi bé em đi vô chòi. Ngoại bảo:

- Con đi đằng xóm coi chừng có máy bay, cà nông thụt chạy về không kịp.

Cô bé hỏi.

- Ai vậy ngoại?

Ngoại bảo:

- Anh Hai mày đó.

- Con đâu có anh Hai như vậy.

Ngoại giải thích cho cô bé.

- Con của dì Hai mày. Anh Hai con đi Cách Mạng hồi con chưa có. Đi lại mừng anh Hai đi con.

Cô bé đến cúi đầu. Ngoại bảo:

- Con đi lên nhà chị Sơn kêu nó đi vô Cầu Mống cho dì Hai con hay.

- Hay gì ngoại?

Ngoại bảo cô bé đưa em cho tôi. Tôi bỗng bé gái ba tuổi mà rung động cả tim gan: mình đi xa nhà quá lâu. Ngoại giải thích tiếp:

- Em Sơn, con của dì Năm con, đẻ hồi 45. Khi con đi lên tỉnh với cậu Bảy con thì nó chưa dứt sữa. Bây giờ con của nó đã lớn chừng đó. Con hôn cậu Hai đi con.

Đứa bé biết máu mủ, hôn tôi và ôm cổ tôi. Tôi không ngờ tôi được một đứa cháu xinh xắn ngộ nghĩnh như vậy. Bao nhiêu gian lao chết chóc vượt Trường Sơn bằng Đồng Tháp Mười tưởng chừng như tan biến trong phút chốc. Tôi hôn hít nụng nịu liên hồi. Bấy lâu nay chỉ hôn khinh con cháu người ta.

Chập sau mẹ nó tới, một cô gái xinh đẹp, nước da trắng như bông bưởi, giống hệt dì Năm tôi, bước vô chòi, kêu:

- Anh Hai!

Ngoại tôi trêu:

- Ai là anh Hai của mày, coi kỹ lại coi!

Nó bỗng òa lên khóc. Ngoại tôi nói:

- Cha nó hi sinh đầu ở dưới miền Tây trước đình chiến. Di con đi tìm mà không ra tông tích.

Gia đình ngoại tôi đang sống trong thảm cảnh, ly tán hoàn toàn. Không còn gì hết. Trên bảy mươi tuổi, sống trên hai mươi năm trong vùng Việt Minh kiểm soát, nay thành một bà cụ trợ trợ cô đơn và nghèo nàn tột bậc. Dượng Năm tôi là một nhà Cách Mạng bị tù Côn Đảo. Di Năm tôi là cán bộ Phụ Nữ tỉnh, đã đào tạo nhiều lớp cán bộ Phụ Nữ Cứu Quốc dưới thời bà Ba Định, cậu Bảy tôi là Trưởng Ban Huấn Luyện Thanh Niên Cứu Quốc tỉnh, có bằng *Brevet Supérieur*, từng được chọn đi học Đông Âu năm 1947 nhưng cậu “không đi” với lý do ngoại tôi già yếu. Ruộng đất bị Cách Mạng tịch thu, vẫn vui lòng. Nhà cửa được Cách Mạng ở dùm. Vẫn cứ vui lòng. Ngoại tôi âm thầm chịu đựng, một tiếng bất mãn cũng không thốt ra.

Thế mà cậu Tám tôi bị chúng giết trong Đồng Khởi. Có gì đâu. Chúng mời cậu đi học tập chánh sách. Cậu không đi. Cậu bảo:

- Tụi chần trâu chần bò dạy ai mà học?

Chỉ có thể thôi. Nửa đêm chúng đến “mời” và cậu không về nữa. Bọn tá điền và lũ chần trâu dùng búa đập đầu cậu Nhưng còn tàn nhẫn hơn, chúng không cho ngoại tôi xin xác.

Nghe tôi về, có mang “Colt”, chúng nó sợ lắm.

Một tên tá điền cũ của ngoại tôi đến ngay tối hôm đó năn nỉ tôi. Hắn nói:

- Cậu có đòi thì tôi xin đóng đủ số lúa ruộng.

Tôi bảo:

- Tôi không cần.

Vài hôm sau tên Trương Ty Công An, vốn là bạn học cũ của tôi ở trường Quận, cho người mang thơ đến trao tận tay tôi. Xem thơ xong, tôi mới tá hỏa tam tinh. Chẳng những Cách Mạng giết cậu tôi, mà chúng còn giết cả cô tôi nữa.

Cô bị mấy thằng tổ trưởng, chi ủy đảng ve vãn, cô mắng chúng là đồ chần trâu. Chỉ có thế. Chúng giết xong cũng không cho nội tôi xin xác cũng không nói là tội gì. Bức thư của ông bạn vàng Trương Ty Công An cố ý giải thích cho tôi về trường hợp cậu và cô tôi, và xin lỗi (!) tôi. Chuyện đã như vậy rồi, còn nói gì được nữa. Cho nên tôi đành làm thính. Nếu nổi giận chúng sẽ giết tới gia đình tôi và cả tôi nữa rồi đổ thừa cho biệt kích thì ai làm gì được, khi bọn còn đồ đã có dao găm và lựu đạn trong tay.

Trong lúc em Sơn đi vô Hương Mỹ, giáp ranh với làng Minh Đức, để cho má tôi hay thì ngoại tôi dọn cơm cho tôi ăn. Đáng lẽ bữa cơm sum họp đầu tiên là bữa cơm ngon đầy ý nghĩa, nhưng tôi nuốt không vô. Tôi lại hỏi ngoại:

- Cậu Bảy, dì Năm làm gì ở trên Sài Gòn, ngoại?

- Dì Năm con thì ở đợ cho người ta.

Tôi kêu lên một tiếng như chim bị đạn. Đôi đũa trong tay tôi rơi xuống bàn. Ngoại tiếp:

- Con nhớ con Tám hồi trước bán bánh bèo ở chợ không? Ý mà không phải con Tám. Má nó mới bán bánh bèo còn nó hồi đó còn nhỏ. Tụi đó bỏ nhà lên Sài Gòn lâu rồi. Lên Sài Gòn nó vẫn bán bánh bèo mà làm giàu. Kỳ vừa rồi nó về thăm quê, nó có đến đây. Nó thấy dì Năm con sống cơ khổ quá, nó mới nhờ lên coi nhà dùm cho vợ chồng nó ra Vũng Tàu nghỉ mát hay tìm mối làm ăn gì đó.

Tôi nói để chữa thẹn:

- Vậy đâu phải ở độ, ngoại.

- Ủ, không phải ở độ thì thôi.

- Chùng nào ở hoài thì mới gọi là ở độ ngoại à! Chớ còn coi nhà giùm người quen...

Ngoại tôi cười:

- Vậy lâu nay ngoại tưởng là ở độ đó con à!

Tôi đau đớn không tả nổi từng câu. Tôi hỏi tiếp về cậu Bảy tôi, thì ngoại nói:

- Cậu Bảy con đi làm công gì cho người ta ở trên, ngoại không rõ, lâu lâu mới về một lần. Hồi Hòa Bình nó không ở nhà được vì *lộ mặt kháng chiến*, xóm làng đều biết, không trốn được nên phải đi xa. Chẳng ngờ lên trên đó thì bị đồng chí của nó chỉ chỗ cho mật thám bắt.

Tôi thấy bị chạm tự ái vì hai tiếng “đồng chí”.

- Đồng chí nào vậy ngoại?

Ngoại nói:

- Thì cũng mấy ông đi chung với nó trong chín năm. Lúc Hòa Bình thằng kia bị bắt bỏ tù, khi ra tù thì làm tai mắt chỉ chọc cho mật thám. Ngoại với di

Năm con khóc hết nước mắt con ơi! Dì Năm con đi tìm qua không biết bao nhiêu nhà tù. Nhưng cũng khá, người ta bỏ tù có sáu tháng rồi thả ra, cho phép đi làm ăn với điều kiện không được làm Cách Mạng nữa. Cậu Bảy con định cạo đầu lập Am tu niệm, nhưng dì Năm con bảo: *“Em là trai, còn mẹ già phụng dưỡng.”* Do đó nó đi Sài Gòn làm ăn ngoài ngoai.

- Còn mợ Bảy?

- Cũng ở trên lo nuôi mấy đứa con đi học. Cậu con có được hai trai ba gái. Thằng lớn sắp đỗ tú tài. Con em nó cũng học giỏi lắm. Vào dịp bãi trường chúng nó thường về đây chơi.

Tôi chờ gặp lại má tôi. Tôi biết má tôi vẫn ở ngoài vườn tại nhà cũ của tôi. Nếu bỏ đi bọn cướp chi ủy và tổ trưởng đảng ăn hết. Còn ba tôi thì vô chợ ở, dạy cho một trường trung học dân lập. Ông không ưa Việt Minh từ đầu 45. Ông chơi với bọn Đồng Văn Cống, Trần Văn Trà, tiếp đãi bọn này như thượng khách, com gà cá gỏi đều đều, nhưng không đi theo Cách Mạng. Tỉnh, quận mời ông, bạn bè đi kháng chiến cũng rủ ông, nhưng ông từ chối khéo:

- Tôi không ngủ ở đâu được ngoài cái giường của tôi!

Đó là sự thực. Từ khi tôi lớn lên ông không đi làm. Có đi tiệc tùng trong làng thì dù khuya mấy cũng về nhà, không ngủ ở nhà lạ. Nhưng bây giờ ông phải bỏ nhà vô quận lỵ Cầu Mống ở, xa má tôi, để nuôi nội tôi đang được người cô thứ Chín của tôi bảo bọc.

Năm 45 khi tôi thoát ly gia đình, ông buồn lắm,

nhưng không cần, vì biết tôi yêu nước mà đi chứ chẳng phải chơi bời lêu lổng gì. Khi đình chiến, má tôi vào miền Tây để rước tôi về ông nhân:

- Hòa bình rồi, về nhà, không đi đâu nữa!

Nhưng tôi hăng quá, chí tang bồng hồ thi, đi hai năm cho biết đó biết đây, coi cái Hồ Gươm, cái Tháp Rùa, đường Cổ Ngư quê hương Xuân Tóc Đỏ ra sao. Hai năm hóa hai mươi năm. Bây giờ quay về. Má tôi tóc đã hoa râm. Đứa em gái độc nhất không lấy chồng, ở vậy nuôi mẹ. Còn tôi... “vợ còn chưa có, hỏi chi con!”

Chuyện “*chữa cháy*” đầu tiên của má tôi là đi kiếm vợ cho tôi. Ở nhà má tôi đã đi “*làm suôi*” với người ta vài ba chỗ. Hai năm không thấy gì, người con gái này đi lấy chồng, lại hai năm nữa trôi qua vẫn không thấy gì, người con gái khác đi Sài Gòn. Má tôi không còn tin ở con số hai đó, nhưng vẫn bền tâm đi “*làm suôi*” thêm vài chỗ nữa. Vẫn bền biệt tin đứa con trai!

Bây giờ gặp được đây, mẩu tử trùng phùng nhưng không còn ai để làm suôi nữa! Má và ngoại tôi ngồi bàn, tìm kiếm, nhưng không còn ai. Người ta đã bỏ cái xứ Đồng Khởi gai góc này mà đi tìm chỗ dung thân. Ở đâu cũng sống dễ dàng, làm ăn cũng khá hơn ở cái quê hương này: Vũng Tàu, Tây Ninh, Sài Gòn. Đâu đâu cũng là đất lành đất tốt. Cho nên khắp một vùng năm bảy xã là phạm vi giao thiệp của gia đình, và nội ngoại tôi mà chẳng có một mống “*nữ nhi*” nào khả dĩ sánh đôi cùng ông cán K54 Mùa Thu không thuộc thành phần bản cố này.

Bỗng một tia hy vọng, có một cô thợ may con nhà

khá giả bên sông. Con sông đó là Rạch Tân Hương, một dòng nước đỏ thắm phù sa như một ống huyết quản nhỏ chạy suốt bề ngang Cù Lao Minh nối liền hai nhánh lớn Cửu Long là Hàm Luông và Cổ Chiên.

Con rạch này là nơi ghi dấu biết bao nhiêu kỷ niệm của thời thơ ấu tôi. Từ nhà tôi ra đây, tôi thường được đưa đi bằng xuồng bơi. Tôi được dịp thọc tay qua be xuống dọc nước, được dịp đi ngang qua chợ Tân Hương nhìn ngó những chiếc ghe chài to lớn lạ lùng. Được dịp biết ngã ba Cầu Quán mà tôi thường nghe ngoại dọa là nơi có “ma da” rút người, để cho tôi sợ mà không dám tắm sông. Bây giờ có thể con rạch đó trở thành thân yêu hơn đối với tôi chăng?

Đây là một gia đình gốc Hương Mỹ. Cô gái có chồng về đây, má tôi có nghe nói nhưng không quen. Do đó không thể đường đột đến xem mặt con người ta. Giao trách nhiệm cho thằng em con chú Sáu tôi hướng đạo. Cậu thanh niên này làm y tá xã. Nó không dám ở gần quận lỵ Hương Mỹ nên tản cư ra công tác ở xã này.

Một buổi sáng, sau khi ăn cơm sớm, hai anh em ngồi nói chuyện tình hình bên nội để chờ “ráo phèn” rồi sẽ xuất hành. “Ráo phèn” có nghĩa là sau mười giờ sáng mà không nghe đấm giã “cảo đùng”, nhại theo tiếng róc kết bắn, như nhại tiếng “cắc bùm” của mót-co-tông thời Pháp, không thấy trực thăng vùn vùn, không nghe pháo bắn dọn bãi ở đâu thì coi như bữa đó chín mươi phần trăm yên tĩnh, không có đổ quân chụp dù hoặc ruồng bố. Dân Mùa Thu mới về chưa hiểu qui luật bị nạn luôn.

Thấy tình hình êm chúng tôi khởi hành. Mười năm trên đất Bắc, tôi không “*cấy su hào*” vì tôi luôn luôn tìm đường trốn về Nam, cấy rồi ai gặt? Ngoài ra, tôi rất khoẻ mạnh, như con heo được bác đảng nuôi cho mập, sớm muộn gì cũng đứt lò Trường Sơn. Do đó tôi không ký tờ sống chung thân với ai cả, mà đợi ta về ta tắm ao ta.

Đường sá không còn nữa, con rạch không có ghe xuồng đi lại, nên có những quãng lục bình kẹt bít làm nghẽn cả cây số. Cầu ngang không ai bắc, có bắc thì cũng chỉ vài hôm là bị pháo hoặc trực thăng bắn gục. Pháo người ta có bản đồ ghi tọa độ cố định, nên bắn đâu trúng đó không phải pháo Việt Cộng bắn hoặc vào nhà đồng bào, tệt hơn, vào trường học. Do đó mà chúng tôi chỉ có một cách là mặc quần tiêu và cầm quần áo lợi xốc đứng qua sông. Tuy rằng chuyện đó hơi kỳ cục nhưng hãy còn đẹp gấp mấy ở Trường Sơn, mấy bà mấy cô có kinh mà phải lợi suối cả ngày.

Lên bờ là hai anh em lấy khăn rằn chị Ba Định lau chùi khô ráo không sót chỗ nào rồi mặc quần áo vào, lấy lược cào sơ cái đầu xong rồi thông dong thả bộ như các đảng đại quân tử đi dạo miền quê.

Thằng em tôi, lúc tôi ra đi hãy còn ẵm nách, bây giờ nó đã hỏi vợ xong cũng gần nhà cô thợ may này, nên nó rành đường không sợ vương lựu đạn.

- Quân ta không giết được quân nó mà lại giết quân mình luôn. Tụi nó đi bẻ dừa trộm, bị chủ nhà bắt được, chủ nhà không dám nói gì, nhưng chúng nó oán bèn đem gài trước cửa người ta.

- Chánh quyền ở đâu?

- Thì chánh quyền là tụi nó chớ còn ai nữa anh!

Trước khi quẹo vào nhà đối tượng, thằng em dặn nhỏ:

- Trong nhà này hể anh thấy đứa con gái ngồi may thì là “đó” nghen!

Tôi cười thâm, đi coi vợ kiểu này thì chỉ có Việt Cộng!

Nó dặn tiếp.

- Mình làm bộ mua cam. Đâu có ai biết là mình đến để làm gì. Anh thấy là anh chịu liền. Ở đây thanh niên vô không nổi, nên mới còn đó. Nó có bà dì ở trên Sài Gòn muốn đem nó lên trên nhưng má nó không cho.

Vừa quẹo vô mỗi đường một chút thì gặp một anh nông dân đội nón lá rách te tua đi ra. Thằng em tôi hỏi.

- Có chị Tư ở nhà không anh Tư?

- Có!

- Tôi đem cho chị một ít thuốc. Hôm qua chị nhần mà tôi bận quá.

- Chú cứ vô nhà. Tôi đi ruộng đắp bờ giữ nước. Tình hình căng quá, êm chút nào làm chút nấy.

Anh Tư vừa qua khỏi thằng em rỉ tai tôi:

- Ông già con nhỏ đó anh Hai!

Tôi giật nảy người. Như vậy tôi kêu bằng ông nhạc sao vô? Nhưng đã trót phải trét. Cứ liệu mình xông tới thử xem sao. Bố vợ Võ Nguyên Giáp đâu có lớn hơn chàng rể mấy tuổi. Ông Quyết ủy Viên Trung

uong lấy con gái nuôi. Bác Ba Duẩn cũng học một sách đó vẫn hiên ngang như thường.

Vào đến nhà, thằng em tôi lên tiếng trước:

- Chị Tư có nhà không? Khách tới!

Một người đàn bà từ trong bếp bước ra. Nó hỏi tiếp.

- Tôi cần một chục cam biếu bà già vợ. Cam nhà còn không chị?

- Còn. Nhưng chưa chín lắm.

- Kệ nó, chị hái cho tôi một chục có đâu.

- Đầu đuôi gì. Để lêu lêu trên cây đó, ông đi qua bà đi lại nó biến hết hồi nào không hay, biếu cho chú còn có nghĩa hơn.

Người đàn bà nước da trắng, dáng quen quen không biết tôi đã gặp ở đâu. Bà ta cũng ngó tôi với cặp mắt ngờ ngợ rồi vào bếp lấy rổ trở ra. Thằng em tôi hỏi:

- Cô thợ may có nhà không chị?

Trời đất! Nếu thành chuyện thì nó phải kêu bà ta bằng bác mà bây giờ nó chỉ phong chức “chị” cho bà ta thôi.

- Nó đang may trong buồng.

- Ông cán bộ này muốn đặt may cái vỏ radiô Sony.

Quả thật ngoại cho tôi tiền gởi mua radiô trên Bến Tre. Sáng đồ đi chiều đồ về thì có! Tôi bắt đầu sống theo kiểu các ông cán địa phương: lưng mang ba lô, vai đeo xác-cốt, vai đeo radiô vừa đi vừa vịn nghe lén vọng cổ đài Sài Gòn, đài BBC, VOA, v.v...

- Ờ được, để tôi biếu nó may. Chú mời ảnh uống

nước dùm tôi, tôi đi hái cam cho. Thời buổi này cái gì cũng phải vừa làm vừa chạy như vậy mà còn không kịp với trục thẳng.

Bà chủ nhà nói xong rồi tắt tả chạy ra vườn. Chúng tôi vừa ngồi thì một bàn tay trắng, ngón mũi viết khoát nhẹ tấm màn bằng vải bông, rồi một người con gái bước ra.

Guơng mặt giống mẹ như đúc. Cô nàng cúi đầu chào tôi rồi đứng ở bệ cửa vui vẻ hỏi thằng em tôi:

- Anh y tá mới mua radiô hả?

- Không! Của anh Hai tôi, ảnh ở ngoài Bắc mới về.

Cô nàng hỏi thằng em tôi, mặc dù nó nói là cái radiô của tôi.

- Anh muốn may kiểu nào?

- Y như cái cô may cho tôi hôm trước.

- Anh đem vải tới hay vải của tôi?

- Cô may bằng ni-lông dầu dùm tôi đi. Công cán vải vóc tính chung tôi trả cho.

- Ít lắm cũng một tuần mới xong.

- Bao lâu cũng được. Bao nhiêu cũng được. May cho khéo làm nghĩa nghe cô!

Cô gái buông tấm cửa buồng như để chấm dứt câu chuyện giá cả, nhưng bỗng cô lại tái xuất hiện.

- Chùng nào anh cho đám thanh nữ chúng tôi uống rượu đó?

- Cũng gần rồi. Còn rắc rối một chút.

- Rắc rối làm sao đó anh?

- Người anh ruột cô ta làm phi công ở Sài Gòn chưa đồng ý vì tôi là dân giải phóng.

- Như vậy anh phải làm sao?

- Tôi chờ chừng nào ảnh cưới vợ vùng giải phóng tôi sẽ xúi anh vợ ảnh không đồng ý lại trừ.

Cô gái cười, cặp môi và hàm răng nở như hoa, rồi vừa nói vừa buông màn:

- Anh chờ tới cóc mọc râu.

Thằng em tôi quay sang tôi thăm thì:

- Anh coi được chưa? Mấy điểm Liên Xô nào?

Ồ trong này cũng bày đặt cho điểm theo Liên Xô. Năm điểm là cao nhất. Tôi đang moi óc tìm xem người đàn bà kia là ai, từng gặp ở đâu, nên không chú ý đến câu hỏi của thằng em. Bỗng người đàn bà trở vào với rổ cam trên tay.

- Cam này tôi định hái bán trên Bến Tre đấy chú em.

Thằng em tôi cũng khá nhạy cảm, đáp:

- Ở đây cũng có giá vậy chị Tư, cần gì phải đi xa cho bầm dập!

Người đàn bà để rổ cam trên bàn rồi hỏi tôi:

- Xin lỗi anh là người ở làng này hay ở đâu đến?

Thằng em đáp.

- Dạ, ảnh đi tập kết mới về.

Tôi đáp.

- Tôi ở trong Cầu Mống!

- Anh là anh Triết phải không?

Bà ta nói trúng ngay tên gốc của tôi. Tôi gật đầu đáp:

- Phải, còn chị chắc không phải là người làng này?

- Dạ, tôi cũng ở trong Cầu Mống có chồng về đây.

- Sao chị biết tôi?

- Anh quên mau vậy?

- Tôi nhớ có gặp chị mà không biết gặp ở đâu, này giờ tôi suy nghĩ hoài mà không nhớ ra.

Người đàn bà cười chúm chím.

- Gặp hằng ngày mà không nhớ. Đâu anh thử tìm coi.

Người đàn bà quay sang thằng em.

- Chú ngồi chơi tôi đi móc dừa nạo uống nước.

Thằng em tôi đứng dậy bảo:

- Chị chỉ tôi móc cho. Nói xong nó đi ra cửa sau.

Người đàn bà nói theo:

- Chú coi cây nào có dừa nạo thì móc.

Chị ngồi trên ghế đối diện với tôi. Hai người chỉ cách có cái mặt bàn tròn. Chị cười thân mật đặt tay lên ngực:

- Nhuận nè, nhớ chưa?

Thấy tôi nhìn chị trân trân, chị lại cười:

- Nhuận học thầy Ba, thầy Nhì nhớ chưa? Anh ngồi bàn sau làm đồ mực trên áo của tôi, tôi khóc bắt đền đó.

Một ký vắng xa xôi bùng dậy trong tôi. Ngôi trường làng hiện lên trong đầu, một gian nhà ngói ba căn, nền đúc cao, lớp nhất ở giữa, lớp ba bên phải, lớp nhì bên trái. Tôi học lớp ba chung với nàng. Lên lớp nhì rồi lớp nhất cũng còn là bạn học...

- Anh lên Mỹ Tho học còn tôi ở nhà, cha mẹ bắt lấy chồng. Trên ba chục năm tôi đâu có gặp đứa bạn nào. Nay gặp anh là người đầu tiên học chung trường hồi đó.

Tôi hỏi vài tên người bạn cũ, chị nói một hơi rồi tiếp:

- Về làm dâu ở đây gần hai chục năm rồi. Nhà cha mẹ ruột trong đó mà có khi vài năm mới về được một lần, còn từ Đồng Khởi tới giờ biệt luôn. Bom đạn bời bời đâu có dám rời miệng hầm. Sao anh ở ngoài có vui không?

- Vui chó chị.

- Anh Hai của tôi cũng đi cán bộ đầu trên quận trên tỉnh gì đó.

- Vậy hả chị?

- Ảnh vừa cưới một bà cán bộ phụ nữ, hai ông bà dắt đi có cặp. Ba tôi la quá trời mà ổng đâu có nghe. Lỡ cưới rồi làm sao được.

- Cán bộ thì cũng tốt thôi, chó có sao đâu chị.

- Ừ mà quên, ảnh học trên tôi với anh hai lớp. Anh nhớ không?

- Bây giờ thì tôi nhớ rồi. Nhớ ra tất cả rồi. Nhớ cả anh Trung nữa.

- Ảnh thứ hai, tôi thứ tư, còn một đứa em gái thứ sáu ở trên Sài Gòn. Còn nhỏ ngộ lắm chó không phải ma lem như tôi đâu.

Chị cười thân mật.

- Bất ngờ tôi gặp anh đây thiệt là lạ. Hồng chừng trời đất - Chị ngưng ngang. - Hèn chi hôm qua có con chim khách đậu trên cây dừa ở mé sông kêu hoài.

Tôi hỏi thăm những ông thầy cũ chị nói:

- Thầy Ba thì bệnh già rồi chết. Con của thầy là chị Huỳnh Thị Ngọc Anh học chung lớp với mình thì có

chông ở đâu trong Đập, còn thầy Nhì bỏ nhà lên ở Bến Tre. Hai người con của thầy là anh Tiến và anh Sĩ cũng lên đó.

- Chị có gặp thầy không?

- Tôi chỉ nghe nói thôi chớ làm sao mà gặp được, thời buổi bây giờ không có ai dám đi thăm ai.

- Tại sao vậy chị?

- Anh không nhớ hồi đầu kháng chiến, người ta bắn hụt thầy Nhì à? Làng mình vỡ lở ra vì chuyện đó.

- Ờ ờ tôi nhớ ra rồi. Nhưng tới bây giờ tôi không hiểu tại sao người ta lại làm như vậy. Thầy có lỗi gì!

Thằng em tôi xách mấy cặp dừa nạo vào. Chị Nhuận mời tôi uống:

- Anh ra Bắc lâu vậy, còn nhớ chặt dừa ba dao hay vạt mặt nữa không? Tôi biểu anh chục cam đó. Tiền bạc gì.

Chị vừa nói vừa bảo thằng em tôi.

- Chú lấy khăn túm cho gọn. Mà quên nữa. Chú dắt anh Triết qua đây bằng cách nào?

- Dạ, lội sông.

- Trời đất! Thôi, cũng được. Kỳ này chịu khó lội về. Kỳ sau có muốn qua thì hú một tiếng tôi biểu thằng nhỏ phóng xuống qua cho.

- Bên kia hú bên này đâu có nghe chị Tư. Cây cối rậm ri như rừng!

Chị Tư ngập ngừng một chút rồi nói:

- Tôi có thằng con trai, nó muốn đi bộ đội. Tôi không cho. Vậy anh cho nó đi theo được không?

- Công việc của tôi khác với người ta lắm chị Tư à. Nó theo tôi đâu có việc gì làm.

Thằng em tôi tiếp:

- Ảnh viết báo đó chị Tư.

- Ảnh viết báo thì dạy cho nó viết với.

- Để tôi xem.

- Anh cứ đem nó theo đỡ tay đỡ chân anh. Đừng ngại gì. Để nó theo bộ đội, tôi với ba nó lo lắng.

Tôi kiếu từ chị ra về. Đến mé sông, thằng em tôi hỏi:

- Anh coi được không?

Tôi lắc đầu. Nó dậm chân:

- Con người ta như vậy mà anh chê cái nổi gì?

- Anh đâu có chê.

- Bộ anh có hứa với ai ngoài Bắc hả?

- Có ai mà hứa!

- Gia đình này không thích giải phóng mà cũng không theo quốc gia. Anh vô cái là họ ngã theo mình liền.

Tôi vẫn lắc. Thằng em cứ càu nhàu:

- Không sớm thì muộn, dì Sáu nó ở Sài Gòn sẽ về đem nó lên trên đó anh.

- Sao em biết?

- Em biết. Dì Sáu học nữ công ở nhà mình một năm.

- Bao lâu rồi?

- Đầu cả chục năm trước. Dì nó đẹp và khéo nữa.

- Nhưng mà... không được đâu!

- Tại sao vậy?

- Dân thành đâu có hợp với anh.

Hai anh em lại lội sông về. Tôi không cho nó biết

Nhuận là bạn học cũ của tôi. Cho nên nó cứ bút rút trách móc tôi hoài, nhưng tôi cứ lảng ra mà không nêu lý do gì hết.

Việc quan trọng nhất của tôi về đây là viết tiểu thuyết *Đồng Khởi*. Ở trên đã giao phó cho tôi cái công việc đó trong một chỉ thị “*bất thành văn*” của R lẫn Trung ương. Và tôi cũng đã nhận “*sứ mạng*” đó. Bây giờ về ngay đây, làng Minh Đức, một trong những xã hàng đầu của Đồng Khởi và có cả một số đội viên đội quân *Đầu Tóc*¹ nữa, tha hồ mà nhặt hái những bó tài liệu quý.

Muốn viết được tiểu thuyết đó để gởi ra Bắc, phải tốn com tốn gạo chớ không phải dễ. Hồi ở ngoài Bắc tôi có đọc tập ký của Trần Hiếu Minh, tức Nguyễn Văn Bổng, ủy viên Ban Chấp Hành Hội Nhà Văn Hà Nội viết về Bến Tre. Tôi nôn nao lắm, muốn về mau mau. Bây giờ về đến rồi phải tính tới chuyện viết.

Nhưng trước nhất là phải lo cái hầm bí mật để sống cái đã. Hồi ở trong trường “*vác gach*” tướng Nguyễn Văn Vịnh vô nói toàn chuyện phấn khởi để cho đám gà mờ chánh trị này phấn khởi:

- Các đồng chí về trong đó thì tình hình đã khá hơn nhiều rồi. Hiện giờ khu giải phóng rộng hơn thời kháng chiến. Bộ đội hành quân toàn bằng đồ máy.

Nghe mà mê rưng rún con nòng nọc. Sống chết cũng bỏ về. Có nhiều cụ trên năm mươi cũng nằng nặc đòi về cho được. Rồi chết dọc đường như rạ.

¹ Bây giờ Việt Cộng đổi lại là “Đạo quân tóc dài” cho dễ nghe hơn.

Bây giờ tôi về đến, thì vùng giải phóng có bằng chiếc đệm của tá điền đồng Nọc Nạn, vừa bé lại vừa rách không xoay trở được. Bất cứ chỗ nào pháo cũng bắn tới. Đó là chưa nói đến trực thăng. Chỉ trong vòng mười lăm phút là tới nơi, một thời gian đủ cho giải phóng rút xuống hầm bí mật. Cho nên cái hầm là điều sinh tử.

Thời kháng Pháp khoẻ như đi dạo, mười năm chỉ bị ruồng vài lần. Tàu Tây còn cách năm mươi cây số đã chạy rồi. Đâu có thấy thằng Tây mồm ngang miệng dọc ra sao. Bây giờ cứ mỗi sáng thức dậy sớm ăn cơm rồi ngồi nghe ngóng động tĩnh để bỏ vó hùm. Ở trên R tuy sợ B52 nhưng ngoài B52 không sợ gì khác. Còn xuống đây sợ đủ thứ cả B52. Loại máy bay thả dưa hấu này đã bắt đầu xuất hiện ở Mỹ Tho, thì cái Quê Hương Đồng Khởi này sức mấy mà nó tha cho.

Khi còn ở trên R tôi tưởng dễ lắm. Bây giờ đụng vào thực tế rồi mới biết là khó. Làm sao tìm một cái nắp. Hai trăm đồng một cái. Nhưng phải là tay thợ mộc mới đóng được chứ đâu phải như cái nắp mái nắp soong.

Ở trong nhà ngoại tôi hơi gần đồn bót, cả hai mặt tính từ đồn quận Cầu Mống ra, lính từ Giồng Luông lên bất cứ lúc nào. Cho nên tôi phải lùi ra phía vàm Rạch Tân Hương mà đóng đô ở nhà bà cụ của tôi, tức là cô ruột của ông nội tôi. Bà cụ không có con trai. Chỉ có ba người con gái. Bà thứ Năm ở trên thành lại có con làm quận trưởng quốc gia, nên không thể

nhờ cậy gì được, trái lại tôi còn trốn lánh. Bà thứ Ba thì có nhà ở gần nhà cụ. Bà Ba có người con gái tôi gọi bằng cô Hai đang làm chi ủy viên, và người em, tôi gọi bằng bà Bảy đang làm đảng ủy viên. Bà Bảy tuy vai lớn nhưng chỉ hơn tôi chừng năm sáu tuổi, có chồng tập kết làm giáo sư Đại Học có sang Liên Xô tu nghiệp. Như vậy tôi dựa vào gia đình cụ tôi là đứng lập trường hoàn toàn.

Thằng em tôi ở đây chăm sóc bà cụ tôi thường xuyên. Bà cụ đã ngoài tám mươi nhưng rất khỏe mạnh. Bà cụ đi vườn tét tàu dừa trồng rau nấu com, nấu nước may vá như thường. Ngôi nhà ngói xưa của cụ cũng tan biến đi đâu mất chỉ để lại một dấu vết: đó là bộ ván gỗ. Ngoài ra không còn một tấm ngói. Hỏi nhỏ tôi đã từng đến nhà này, điều làm tôi ngạc nhiên nhất là hai cái “Thọ” để dành cho ông cụ bà cụ đường già. Bây giờ hai cái Thọ đó đã nằm dưới muong, vì sợ bom nổ cháy nhà. Cháy món gì cháy chứ còn hai cái Thọ thì phải bảo vệ cho nguyên.

Tôi về đây cả nhà đều mừng rỡ, vì tôi là cháu ruột của dòng họ Bùi. Cụ thường tự ví mình là bà Địch Thiên Kim, cô ruột của Địch Thanh vậy.

Tôi tìm mãi không ra một ông thợ mộc thuê đóng nắp hầm. Cuối cùng thằng em tôi cho tôi một cái. Tôi hỏi ở đâu nó có. Nó bảo của chi ủy làm rồi không xài. Mà nó cũng không dám xài. Hễ có chuyện gì thì nó chạy cạ còng như nai trên rừng chó không dám chui hang.

Nó dắt tôi đi xem. Ở tận ngoài lùm rậm ở sát mé

sông. Nghe nói tới hầm bí mật trên báo hồi kháng chiến, mà tới bây giờ mới thấy nó trên thực địa. Sau này khi lên Củ Chi tôi mới nếm mùi cả **Hầm Bí Mật** lẫn **Địa Đạo**.

Thằng em moi móc một lúc mới tìm được cái nắp và lôi bật nó lên. Tôi nhìn thấy hơi ôi. Nước đầy tới mép miệng hầm. Biết tôi không hài lòng, nó bảo:

- Coi vậy chớ mình cũng xuống được lúc nước ròng. Còn nếu rủi nó chụp vào lúc nước lớn thì mình lặn xuống sông đội lục bình.

Tôi thất vọng hoàn toàn về cái vùng giải phóng bao gồm bốn phần năm miền Nam của Nguyễn Hữu Thọ. Mẹ kiếp thằng Nam Kỳ này đập cút Trung ương rau muống hay bị Trung ương cho ăn bùa mê mà cũng bày đặt nói láo bịp gà nhà.

Thực tế thì tôi không thể nào dám xuống một cái hầm thuộc loại siêu như vậy, nhưng về mặt tâm lý thì tôi thấy như đã có một cái bừa bối gì che chở cho mình, nên cũng yên tâm mà sưu tầm tài liệu để viết về Đồng Khởi.

Tôi bỏ qua việc kiếm vợ để lo “*việc nước*”, tức là sáng tác. Lúc bấy giờ ở Hà Nội, báo Văn Nghệ lâu lâu mới nhận được bài của Anh Đức hay Giang Nam. Chúng nó nói toàn chuyện lên mây gõ vẩy rỗng, xuống biển xỏ mũi kinh ngư. Nhưng khi tôi về đến R thì thấy chúng nằm chèo queo rên hừ hừ. Thăng Đức thì còn đi được một chuyến xuống tới Rạch Giá quơ được tài liệu mồm rồi phía ra cái *Hòn Đất*, do nhà xuất bản Văn Nghệ in. Tố Hữu bắt bác sĩ Trần Hữu Tước, chủ nhiệm khoa Tai, Mũi, Họng Bệnh Viện Bạch Mai, dịch ra tiếng Pháp để bịp thế giới. Tôi có liếc sơ vài trang thì thấy nó rất đúng lập

trường chống Mỹ của đảng. Tôi không bao giờ đọc hết một trang của anh bạn văn này vì tôi thấy nó viết bằng lập trường hơn là cảm xúc.

Bây giờ đến phiên tôi phía ra một cái tiểu thuyết *Đồng Khởi* kiểu *Hòn Đất*.

Tôi bắt đầu tìm tài liệu ngay trong gia đình bà cụ tôi, nơi cô Hai chi ủy và bà Bảy đảng ủy. Cô Hai bằng tuổi tôi. Hồi đầu kháng chiến trong lúc cô đội nón rom, mặc đồ tây, lưng đeo dao găm hò hét thiếu nhi đi nhịp “*một hai*” và hát *Lên Đảng* thì ở trong Cầu Mống tôi cũng làm như vậy. Sau hai chục năm gặp lại nhau, một người làm chi ủy, một người tập kết mới về.

Còn bà Bảy tôi, thật tình tôi không hiểu tại sao bà vô đảng và làm tới đảng ủy? Bà học chữ nho nơi ông cụ tôi, từ nhỏ không đến trường, khuê môn bất xuất chuyên theo bốn chữ *công, dung, ngôn, hạnh*, thêu thùa rất khéo nổi tiếng cả một vùng, mở lớp dạy học trò tại gia. Một người con gái đọc chữ nho ron rớt lại vô đảng. Ai dám giới thiệu? Thế mà bà đã vô.

Một hôm nhân lúc cô Hai đi họp về ghé qua. Cô tích cực thấy mà ngán. Cô có con nhỏ, cô bế lội muơng lội xẻo đi họp, đi “*chi đạo công tác*” hằng ngày, không mấy khi cô có mặt ở nhà. Bà cụ tôi bảo:

- Nó làm kiểu đó, con nó lên ba là nói chính trị nghe mà mệt cho coi.

Cô vào nhà vừa để bé lên võng, tôi nói ngay:

- Cô cho cháu hỏi thăm vài vấn đề địa phương chút cô Hai.

- Ủ hời thì hời đi. Cô nói cho nghe mặc tình mà viết...

- Ở ngoài Bắc cháu có nghe chuyện đấu tranh của *đạo quân đầu tóc* của Tạ Thị Kiều.

Cô ngơ ngác:

- Tạ Thị Kiều nào?

- Dạ Tạ Thị Kiều anh hùng quân đội.

- Hời nào?

- Dạ trước khi cháu về Nam, cháu có dự một hội nghị "*anh hùng giải phóng*" trong đó có cô Kiều.

- Sao cô không biết? Quê cô ta ở đâu?

- Ở An Thành, là xã có mả ông Hàm Văn gần Thom.

- Cô đi họp huyện ủy hoài sao cô không biết? Nếu có người trong huyện đi ra Bắc thì phải thông qua huyện ủy chứ. Cô ta chừng bao nhiêu tuổi? Hình dáng ra sao?

- Dạ cổ chừng hai mươi lăm, nghe nói là chưa có chồng. Cổ rất sợ chó con. Hễ thấy chó con là chết ngất. Cổ báo cáo chiến thuật đoạt bớt của cổ bằng con khỉ.

- Chuyện gì lạ vậy, cô không biết gì hết!

- Cổ báo cáo rằng cổ dùng con khỉ nhử tụi lính ra khỏi lô-cốt và hò du kích xung phong lấy lô-cốt.

- Cô không biết chuyện nào trong huyện như vậy hết. Nếu có là cô phải biết.

Tôi bèn hỏi sang đạo quân đầu tóc. Cô nói:

- Có thể ở đâu trên Phước Hiệp, Định Thủy gì đó, chó ở dưới này, Minh Đức, Hương Mỹ, Tân Trung,

Ngài Đăng, Cẩm Sơn, An Định, Thành Thới, An Thới do cô phụ trách thì không có quân nào gọi là quân đầu tóc.

Tôi mới vỡ lẽ ra cô là huyện ủy viên.

- Vậy sao ở ngoài cháu nghe chính tên các xã cô vừa kể là xuất phát điểm của quân đầu tóc. Báo kể chính danh các xã mình cháu mừng muốn chết đây mà! Quê hương mình anh đừng như vậy cho nên cháu mới lặn lội về đây để “viết báo”.

Thấy cô ngồi lặng thinh có vẻ bối rối, tôi hiểu ngay cái nghiệp báo của nhà mình nên tôi lảng sang vấn đề khác.

- Còn ba cây súng ngựa trời như thế nào, cô?

- Cái đó thì có. Hầm chông, lựu đạn gài cũng có. Để cô viết cho miếng giấy giới thiệu cháu với mấy đồng chí có trách nhiệm hồi đó. Nhưng cháu phải chịu khó móc họ ra chớ bây giờ họ cầu an bảo mạng không chịu làm gì nữa hết. Có nhiều người muốn ra vùng meo đóng vai lem nhem.

- Nghĩa là sao cô?

- Là ở trong này bom đạn ác liệt quá, họ không chịu nổi nên men ra vùng trái độn, mặc áo trắng, gặp lính như dân chợ. Thời buổi này mà mặc áo trắng là đầu hàng địch rồi cháu ạ. Cháu sẽ thấy. Số này không ít đâu. Chi bộ họp để ra nhiều biện pháp kỷ luật nhưng vẫn không kết quả.

Buổi nói chuyện đầu tiên không mấy gì mỹ mãn cho cả cô lẫn cháu. Cô bất mãn, còn cháu hoang mang.

Tôi hơi thối chí. Vì tôi biết đây là cái ngón của

Ban Tuyên Huấn Trung ương. Tố Hữu bêm mép phi thường. Cả ngàn văn nghệ sĩ dưới quyền chỉ huy của hần, hần xoay bẻ nào phải chịu bẻ nấy. Trước đây, khi Hòa Bình vừa lập lại, bộ đội Nam Bộ tập kết ra Bắc, có mấy chiến sĩ được chọn và trao tặng danh hiệu “*Anh Hùng Quân Đội*”. Tôi là nhà văn Nam Bộ duy nhất được “*danh dự*” (!) mời ra Hà Nội để viết về thành tích của *Anh Hùng Sơn Ton* người Miền lai thuộc bộ đội địa phương Sóc Trăng. Điều tra xong, tôi báo cáo lên cấp trên rằng đây không phải là một anh hùng. Nếu Sơn Ton là anh hùng quân đội thì bất cứ chiến sĩ nào cũng có thể là anh hùng quân đội được cả. Trước khi chia tay tôi có hỏi Sơn Ton tại sao như vậy? Sơn nói rằng “Ở trên Ban Thi Đua Trung Đoàn đem cả thành tích của huyện Long Phú đắp vào cho tôi!”

Chuyện này tôi viết lên báo Việt ngữ hải ngoại một vài lần rồi, nhưng quên cho anh ta đi “*song ca*” với chiến sĩ gái Tạ Thị Kiều. Nay bỗng dung nhớ lại.

Lúc ở ngoài Bắc tôi có được “*danh dự*”, cũng danh dự, gặp nữ anh hùng Tạ Thị Kiều mà Trung ương đặt ngang hàng với Nguyễn Thị Chiến của miền Bắc. Cô đã lên diễn đàn kể chuyện dùng chiến thuật con khỉ chiếm ba lô-cốt một lúc, làm thỉnh giả gồm có cả đại tướng khâm phục vỗ tay rần rần. Các nhà báo chớp ảnh nháy lia, ghi chép đã đời. Tôi nữa, tôi quơ ngay tài liệu đem về thức đêm “*sáng tạo*” ra cái truyện ký *Lửa Quê Hương* đăng báo Văn Nghệ được độc giả lẫn ở trên khen kịch liệt.

Cái ngọn *Lửa Quê Hương* nhen nhúm suốt con đường Trường Sơn, tưởng thành hỏa diệm sơn, nào ngờ về đến Quê Hương thì lửa kia tắt rụi. Nhưng chưa hết, sau đó ít lâu, tôi mò tới tận nhà vị “*nữ anh hùng*” tác giả chiến thuật khỉ kia. Tôi chẳng hiểu như thế nào cả. Nhưng cũng còn hy vọng ở nhiều nguồn tài liệu khác.

Tôi được cô Hai cho tiếp xúc với mấy người đã từng biết hoặc xử dụng súng ngựa trời. Đây cũng lại là một thần thoại do báo *Nhân Dân* sáng tác nên. Súng ngựa trời đã từng là một loại vũ khí giúp cho giải phóng quân “*chiến thắng oanh liệt, đánh cho quân Mỹ Ngụy những trận xiển niễn*”. Hỗ trợ cho cây súng thần thông này là chông ba lá, lựu đạn gài, ong vò vẽ và kèn trận làm bằng tàu đu đủ. Tôi đã từng đọc một câu thơ từ miền Nam gởi ra, mô tả chiến công của giải phóng quân, mà còn nhớ tới bây giờ.

... *Thổi kèn đu đủ mà đồn rút lui.*

Nghĩ ghê gớm thật. Báo *Nhân Dân* là một tờ báo nói láo nhất thế giới mà Ban Tuyên Huấn Trung Ương của Tổ Hữu là một ban bầu cua xảo quyết lừa đảo phi thường.

Bạn đọc chắc ít ai biết cuốn sách “*kể tội Mỹ Ngụy*” mang tên *Từ Tuyên Đấu Tổ Quốc*. Trên hai trăm năm chục trang sách đặc nghệt những cảnh rừng rợn “chỉ có thể xảy ra ở Miền Nam” thôi:

Một binh sĩ Sài Gòn tên Hoàng Văn Đáp đi trận về gặp con chết bó chiếu đem chôn, những cảnh lính Sài Gòn bắt một thanh niên mổ bụng lấy gan

xào ăn, anh thanh niên được thả ra chạy hoảng rồi ngã xuống chết, v.v... viết dưới hình thức những bức thư ngây ngô ngắn gọn sử dụng triệt để ngôn ngữ Nam Bộ. Mỗi bài đều ký tên bà X, ông A, chị B... là những người trong cảnh hoặc từng mục kích những cảnh hãi hùng đó.

Nhưng nào ai biết được tác giả những bức thư là sáng kiến của Tố Hữu được thực hành bởi một đám gốc dưa hấu làm việc ở *Ban Thống Nhất* của tướng Nguyễn Văn Vịnh. Vịnh thực hành “sáng kiến” đó. Một thằng bạn của tôi phụ trách việc này cho biết như thế, mà không cần hẳn cho biết chuyện đó, tôi cũng đoán được.

Tôi hỏi hẳn sao không nhờ Hội Nhà Văn? Hẳn nói thẳng:

- Nhà văn tụi mày hay trở cờ lắm, vả lại đám tay ngang viết càng ngô nghê, càng trật cú pháp càng làm cho độc giả dễ tin.

Sẵn đây tôi cũng kể luôn vài vụ bịp na ná như vậy. Đầu khoảng 58-59 gì đó, đài Hà Nội và báo *Nhân Dân* đưa tin vụ “thăm sát Phú Lợi” bảo:

- Ngô Đình Diệm đã bỏ thuốc độc giết trên hai ngàn tù nhân ở Phú Lợi.

Thế là cả Miền Bắc vang lên tiếng hô “đả đảo”. Rồi Trung ương ra lệnh cho dân biểu tỉnh tuần hành ở Hà Nội và các thành phố Nam Định, Hải Phòng, Hà Đông, Thanh Hóa... “chống Ngô Đình Diệm!”

Cũng Tố Hữu bày ra “thức đêm sáng tác gây căm thù” và làm bài *Thù muôn đời muôn kiếp không tan*

trước tiên trên báo *Nhân Dân*. Kế đó là Chế Lan Viên, Xuân Diệu, v.v. thức đêm làm thơ! Thơ quá hay nên tôi chẳng còn nhớ câu nào. Khi tôi về Sài Gòn, tôi cố ý tìm hiểu vụ này nên đã đi đến tận nơi vùng đất có cái tên là Phú Lợi. Tôi bí mật điều tra thì chẳng ai biết đó là gì.

Rồi đến vụ “*Anh hùng Nguyễn Văn Trỗi*”. Văn nghệ sĩ lại phải một đêm không ngủ. Nhất là họa sĩ và các nhà quay phim. Những ngà tư lớn của Hà Nội đều có treo áp phích “*Nguyễn Văn Trỗi trước lưỡi lê*”. Lại cũng Tố Hữu đi đầu với bài thơ *Hãy Nhớ Lấy Lời Tôi*. Trong đó có câu:

“*Phút thiêng liêng anh gọi bác ba lần*”.

Dân có biệt tài nói lái Nam Kỳ bảo:

- Chính anh Trỗi gọi bác “*bốn lần*”.

Mãi đến khi ra hải ngoại, tôi mới đọc một bài, nếu tôi không lầm thì tác giả là một luật sư, nói về những phút cuối cùng của vị “*anh hùng*” đó. Anh ta đái cả ra quần và không còn biết gì trước khi được áp giải ra bãi bắn, lại chửi:

- Quân đi chó nó lừa tao.

Còn về toàn cuộc Trỗi đặt mình trên cầu Công Lý là cả một chuyện mĩa mai cho vong hồn Trỗi. Lúc đó Trỗi mới cưới vợ, cô vợ có nhan sắc. Tổ trưởng đặc công của Trỗi đầu phải là thằng mù. Đã không mù lại càng sáng mắt hơn nữa. Lúc tôi về trên R tôi có nghe một vài tiếng xì xầm, bảo rằng có một thâm ý, một dã tâm, ở đằng sau vụ đặt mình này. Trỗi ôm nguyên “*trái mìn*” bỏ vợ mới cưới là do sự chi huy sáng suốt

của đồng chí tổ trưởng. Một vụ Nguyễn Bình tái diễn. Chỉ khác một điều là Bình không có vợ. Tôi muốn phăng tới ngọn nguồn, nhưng người ta bảo tôi hãy đọc quyển “*Sống Như Anh*”, dân Hà Nội chế diễu đọc là “*Không Sống Như Anh!*”, của Trần Đình Văn thì rõ. Chính các đồng chí giai cấp công nhân đã bố trí cho Trỗi lên chức “*anh hùng*” này. Tội nghiệp cô Quyên góa bụa suốt đời vì cô không thể sánh duyên cùng các bác, mà các bác không ham làm kẻ đến sau. Còn các cậu thanh niên thì chẳng dám hoặc chẳng đại gì mớ tới. Bác Nguyễn Chí Thanh ơi, vong hồn bác có linh thiêng xin hãy giúp cho đứa “*cháu gái*” yêu quý mà bác cung như vàng hổi còn mớ ma bác!

Tôi ngon trớn dắt độc giả đi hơi xa *đạo quân đầu tóc và súng ngựa trời*, nhưng không lạc đề. Tôi muốn nói rõ một vấn đề: Cộng sản nói ra là bịp. Chúng bịp nhân dân trong nước, nhân dân thế giới là sự thường. Chúng bịp lẫn nhau. Như trường hợp “*nữ anh hùng*” Tạ Thị Kiều tôi vừa kể trên. Như vụ Nguyễn Bình chống Pháp và vụ Nguyễn Văn Trỗi thời chống Mỹ.

Khi nghe tên cô nàng ở ngoài Bắc, tôi đã chíp trong bụng, dự định sẽ sáng tạo cô thành nhân vật chính của truyện nhưng bây giờ thì cái sườn đã lung lay.

Tôi đi tìm hiểu “*súng ngựa trời*”. Phải mất năm ngày đi tới đi lui tôi mới được chú Bảy Măn người chôn giấu con ngựa trời, dắt cho đi xem. Tôi phải theo chân băng đồng khá vất vả. Cánh đồng này thuở bé tôi đã từng bắt ốc mò cua thả diều, chơi

đế, bây giờ tôi không nhìn ra. Chỉ còn đám cây xanh ngắt là còn đứng nguyên tại chỗ. Đó là cảnh chùa *Phật Oai Linh Tự* sau nhà ngoại tôi. Từ đó tôi có thể tìm ra phía lộ đá Cầu Mống Giồng Luồng thì thấy hai mảnh mặt trời mọc. Đó là nóc nhà của ông Phủ Kiểng, suôi gia của Hội Đồng Trạch, và nóc nhà của ông Phó Hoài, hai vị đại điền chủ lừng danh này được dân kính nể và cử tên, gọi là ông Phủ *Cánh* và ông Phó *Huồi*. Người ta đồn nóc nhà lợp bằng ngói mua bên Tây nên không đóng rêu, cứ đỏ như mặt trời.

Gia đình chú Bảy Măn là tá điền cũ của ông cụ tôi nên cô Hai tôi sai khiến dễ dàng. Bảy Măn mới ngoài bốn mươi, nhưng ông để râu tóc bồm xồm coi như tuổi sáu mươi. Để khi bị lính quốc gia bắt thì giờ cái tuổi già ra mà chạy tội và hy vọng sẽ được tha.

Bảy Măn dắt tôi ra một cái đĩa ở giữa đồng rồi nhảy xuống nước lặn hồi lâu mới trỗi lên. Tôi hỏi:

- Được không chú?

Chú vớt mặt và lắc đầu.

- Chú không nhớ chỗ giấu à?

- Lính ruộng kỳ trước tôi xách nó ra đập xuống đây, không biết nó lạc đi đâu?

Bảy Măn lại tiếp tục lặn. Hai ba lượt mới lòi được con ngựa trời lên đưa cho tôi. Tôi đã thấy ngựa trời đứng hiên ngang ở Viện Bảo Tàng Cách Mạng Hà Nội với dòng chữ:

“Khẩu súng này đã đánh tan một đại đội giặc ruộng vào xã Phước Hiệp, Quận Mô Cày, tỉnh Bến Tre.”

Vì những địa danh này thuộc tỉnh tôi nên tôi khắc ghi trong lòng. Định khi về sẽ tìm đến nơi để lấy tài liệu. Xã Phước Hiệp cách đây không xa. Có ngày tôi sẽ đến đó.

Tạm thời bây giờ xem đồ *con ngựa* này cũng được. Tôi nghiệp chú ngựa xưa kia chúc có sắc lông màu lửa của cuộc Đồng Khởi vĩ đại bây giờ bị đập lút dưới đất cái nên hóa ra ngựa ô.

Tôi nâng cái bảo vật Cách Mạng đặt lên gò đĩa trong khi chú Bầy Mẫn leo lên bờ đứng run run. Với hai hàm răng khua lập cập, chú nói:

- Cậu Hai xem mau mau dùm chút.
- Để tôi rửa sạch đã.
- Hay cậu cứ giữ lấy hoặc đem đi đâu thì đem.
- Tôi giữ làm gì?
- Vậy cậu coi mau mau để tôi bỏ xuống để người ta trông thấy.

Tôi lấy làm lạ tại sao y sợ như vậy. Và lại ngó qua là tôi đã “*chụp*” được hình nó rồi. Cần gì phải xem lâu. Ở ngoài Hà Nội tôi còn phịa nổi truyện *Lửa Quê Hương* kia mà, huống chi đã về đến quê hương rồi! Tôi bảo Bầy Mẫn:

- Chú vui trở lại đi!

Bầy Mẫn nhanh nhẹn chụp lấy chú ngựa ô nhảy xuống đĩa lặn một hơi rồi trồi lên dặn tôi:

- Cậu Hai nhớ chỗ này. Khi cần cậu cứ đến móc nó lên, không cần hỏi tôi nữa.
- Bộ chú tính không xài nữa hay sao mà đập kỹ vậy?

Bảy Măn không nói gì leo lên bờ rồi cun cút lùi đi không nói thêm tiếng nào. Tôi phải đuổi theo bảo chú nói về cách xử dụng và đạn dược ra sao, những trận đánh nào ngựa đã khạc lửa. Nhưng chú xua tay:

- Cậu về hỏi cô Hai, cổ rành hơn! Tôi quên hết rồi.

Rồi chú biến nhanh như sợ người khác trông thấy cái việc vừa làm của mình. Về nhà tôi hỏi cô Hai, thì cô nói:

- Mấy thằng cha đó bây giờ “sọc dưa” hết rồi.

- HỒi Đồng Khởi chú có tham gia không?

- Thì thằng chả đi lấy kiểu đầu trên Phước Hiệp Định Thủy gì về bắt mấy ông lò rèn làm đó chó ai.

- Sao bây giờ chú sợ người ta thấy?

- Sau Đồng Khởi chẳng ngờ Quốc Gia nó mạnh như vậy. Rút bao nhiêu đồn nó đều đóng trở lại mà còn lấn thêm. Mấy ông nội có dĩnh dáng tới Đồng Khởi bây giờ bôi mặt lem lem để sống cho yên thân. Nghĩa là không muốn chiến đấu nữa, nên tìm cách lẩn la với địch và mong nó quên cho cái dĩ vãng.

Tôi hỏi qua con ngựa trời. Cô nói:

- Thì nó như cháu thấy đó.

- Không có gì nữa à?

- Chỉ bấy nhiêu thôi.

- Rồi đạn dược làm bằng gì?

- Miếng sành, sắt vụn, hộp lon cắt nhỏ ra, dồn vào nện chắc, bên ngoài đổ sáp.

- Còn thuốc nổ?

- Cô không rõ, để bữa nào cô giới thiệu cho mấy người rành vụ đó.

Tôi lấy giấy vẽ ra hình thù con ngựa và hỏi:

- Có phải nó như thế này không cô?

-Ừ, chắc là như vậy.

- Trong xã mình có xử dụng nó lần nào chưa cô?

- Có một lần phục kích ở Ngã Ba Lộ Chùa. Chùa Tuyên Linh đường vô Cầu Mống chớ không phải Chùa Oai Linh ở sau đồng.

- Kết quả ra sao cô?

- Bắn không nổ. Dưới Giồng Lượng có Tổng Y. Trên Cầu Mống có Tổng Cường là dưỡng rể của cháu. Nhưng Tổng Y có lính, thường đi ruồng miệt Cải Bần có khi thọc tới trên ranh Minh Đức, còn Tổng Cường thì nhát lăm không dám ra khỏi chợ Cầu Mống. Trận đó du kích bị lính rượt chạy suýt chết. Mất một cây, còn một cây, y đem về nhận luôn xuống địa tới bây giờ không nhắc tới nữa.

Bạn đọc muốn biết món vũ khí “*thần thông*” này ư? Đó là một cái ống trúm bằng sắt to nhỏ tùy sự sáng tạo. Ở trước đầu có hai cái chân chỏi nó ngước hòng lên. Miệng nó dồn loại đạn đặc biệt như bà Huyện ủy vừa mô tả. Thuốc nổ nhét sau đuôi. Cái kim hỏa nện vào hột nổ bằng một sợi dây thun căng thẳng. Chỉ có thế. Chắc chắn trên thế giới không có loại vũ khí nào đơn sơ hơn cây súng “*Ngựa Trời*”. Vậy mà đánh cho Mỹ Ngụy những đòn xiên niên!!!

Vậy là xong con ngựa trời. Vừa nghỉ dưỡng sức vừa đi sưu tầm tài liệu ở xã nhà, tôi nghĩ dần cái dàn bài cho tiểu thuyết *Đồng Khởi*. Lúc bấy giờ trực thăng thường đổ chụp phía bên Cù Lao Bảo, cho nên tôi ở

Cù Lao Minh bên này cũng khá yên ổn. Một hôm cô Hai bảo tôi:

- Cô cho cháu cái đề tài hay lắm.

- Đề tài gì vậy cô?

- Bà Diên. Bà diên nhưng nói toàn chuyện Cách Mạng mà bằng thơ lục bát chớ không nói chuyện như mình. Ví dụ như: *Ngày ngày bắt ốc hái rau, ngày mai ta sẽ lên lầu vinh quang*, hoặc là *Bao giờ thằng ngốc làm vua, Tổng Y sẽ rui Tổng Cường lên ngôi!*

- Ngồi gì, cô?

- Đã bảo là bà diên mà! Tổng Y nghe câu đó cho lính tới bắt vô bót đập cho một trận nhưng về nhà vẫn đọc thơ chửi rủa Tổng Y, và càng diên hơn trước.

Tôi thích lắm. Định bụng sẽ xây dựng bà Diên thành nhân vật rất lý thú. Trong vở kịch “*Lu Ba*” của Liên Xô mô tả Cách Mạng Tháng Mười, được Hà Nội công về dịch ra rồi mời đạo diễn Liên Xô qua dạy, diễn triển miên ở Nhà Hát Tây, có một nhân vật khủng khủng rất xuất sắc do kép Đào Mộng Long đóng hay cho đến đổi không ai thay được. Bây giờ Cách Mạng Đồng Khởi cũng có thua gì. Tôi đi tìm gặp bà Diên ngay.

Trước kia vào thời Pháp, cặp hai bên rạch Tân Hương là hai con lộ. Dân chúng đi lại rất dễ dàng. Bây giờ lộ bị đào xới rào rập cấm bãng tử địa từng chặng một, không ai dám đi, chỉ để du kích. Dân phải đi đường ở sau ruộng. Đó là những bờ ranh, được giải phóng gọi là Lộ Mới, nhỏ hẹp bất tiện hơn lộ làng bội phần.

Từ nhà bà cụ tôi muốn đi chợ Tân Hương phải qua nhà ngoại tôi. Rồi từ chợ bằng đồng đến nhà bà Diên.

Muốn đến chợ phải đi qua một chiếc cầu sắt. Tuy không có xe hơi qua lại, nhưng chiếc cầu rất chắc chắn. Nhà bà đề tài ở gần vườn Mù U của ông Cả Hóa, một điền chủ lớn trong làng, có người con trai tên Nhi Ưu cùng đi học với cậu Bảy tôi ở trường Phú Xuân ngoài Huế. Lúc nhỏ tôi và cậu Tám tôi thường đến đây hót cá lia thia về nuôi. Cá ở vườn này nổi tiếng là loại cá chiến, đá bền và rất dữ.

Bây giờ trở lại đây, tôi không còn thấy ngôi nhà xưa vĩ đại núp trong khu vườn sầm uất nữa. Đây là một nhà giàu xưa, tiền đầy cả ruộng xe, nhưng không xài phí, chỉ có đám con phá của. Gia đình này bỏ lên thành, không tham gia kháng chiến. Ngôi nhà cũng bị phá hoại thời kháng Pháp và giải phóng cạp sạch sau Đồng Khởi như nhà ngoại tôi. Còn vườn Mù U thì mạnh ai nấy đồn nên không còn một gốc. Tôi gặp bà Diên ở trong một ngôi chòi lụp xụp của con dâu bà. Bà không còn ra người. Tôi muốn khai thác ngay điểm đó, nên vô đề ngay:

- Nghe nói bà cụ bị lính Tổng Y đánh bệnh nặng...

Người con dâu không đợi tôi dứt lời, nói ngay:

- Ông đâu có đánh đập gì. Ông nghe đồn má tôi mắc bệnh như vậy, ông cho lính bắt đem về hốt thuốc cho uống, rước thầy pháp ếm đối, nhưng không hết. Ông còn cho mấy trăm về nhà chạy thầy.

Tôi bị hẫng, nên lái sang chuyện khác:

- Bà cụ bình từ hồi nào vậy chị?

- Hồi trước 45 lận mà. Nhưng hồi đó còn nhẹ, rồi nặng lần lần. Hồi Đồng Khởi mình đánh trống đánh mõ suốt đêm ngày nên má tôi mất trí luôn đó chớ đâu có ai đánh đập làm chi một bà già.

Thế là tôi bị cụt hứng, như cái đề tài ngựa trời.

Một buổi chiều tôi ngồi ở mé sông xem địa thế phòng khi có chụp dù thì đông ngả nào cho tiện. Tôi tưởng ông cán Mùa Thu về thì được sẵn đón hoan hô ngất trời, nhưng không có ma nào thêm ngó tới. Nếu không có gia đình nội, ngoại tôi thì tôi không biết nương tựa nơi ai.

Thình lình đồ máy đổ lại. Đây là con đồ không bến. Chỗ nào có khách lên khách xuống thì nó tấp vào rồi khách cứ chịu khó lợi, chớ không có chỗ nào nhất định.

Bỗng một tiếng kêu:

- Triết.

Tôi nhìn xuống mũi đồ nơi khách đang lúm xúm chuẩn bị vọt lên, thấy một người tóc bạc. Phải mất mấy giây đồng hồ tôi mới nhận ra cậu Bảy tôi. Tôi như bị ngọng, kêu lên mà không rõ tiếng. Như một giấc chiêm bao. Trên mười năm xa cách, kể từ hòa bình lập lại tới nay. Tôi đi theo cậu về nhà ngoại.

- Sao cậu biết con về?

- Dì Năm lên Sài Gòn gọi cậu.

Tôi buột miệng hỏi liền.

- Sao cậu không ở nhà mà đi lên trên?

- Chính ngoại cũng không muốn cậu ở nhà.

Tôi đã biết ngay tại sao, nên không đá động tới việc đó nữa. Cậu hận vì cái chết của đứa em trai. Hận kháng chiến, hận đủ thứ. Không người kháng chiến nào, dù còn theo đuổi hay bỏ về thành, mà không hận kháng chiến. Năm 1950 lúc ở miền Tây, tôi cũng đã chèo xuống ra thành rồi. Rủi thay gặp thằng bạn chí thân chặn lại nghe nó than một câu: “*Mày đi rồi tao chơi với ai?*” mà trở lại. Cậu tôi là một trí thức lại càng hận kháng chiến tràn đầy. Ngoại tôi gặp hai cậu cháu tôi cùng một lúc thì mừng lắm, làm thịt cả một con vịt. Ngoại tôi rung rung nước mắt, bảo:

- Cậu cháu có nói gì thì nói cho hết đêm nay đi, khuya xuống đò trở lên trên.

Tôi biết ngoại tôi càng hận về cái chết của cậu Tám tôi. Ngồi trước mặt người cậu thân yêu, tôi như thấy lại tôi hai chục năm trước, một học sinh thành tập tễnh đi theo Cách Mạng với tất cả lòng yêu nước hồn nhiên như trong một bài hát của dân tộc Pháp..

Mère Patrie renaitra! (Tổ Quốc sẽ tái sinh!)

Thiệt sung sướng và tự hào cho người kháng chiến. Thời đó ai ở nhà là cảm thấy có tội với Tổ Quốc. Cậu tôi dắt tôi đi cho tôi vào trường huấn luyện cán bộ Thanh Niên Cứu Quốc tỉnh lúc tôi chưa thành niên. Rồi trường đó, tôi xa cậu tôi như chim đủ lông cánh bay khắp trời. Cậu hỏi.

- Cháu ra ngoài có gặp bà con Bến Tre mình không?
- Có gặp đủ hết cậu à.
- Họ công tác có phần khởi không?
- Dạ được.

- Như ai kể cho cậu nghe để cậu mừng.

Tôi đã nói láo về cái miền Bắc xã hội chủ nghĩa ôn dịch với biết bao nhiêu người tôi gặp trên đường từ R về đến đây êm xuôi trót lọt, chỉ có lần bị một cậu giao liên ở Vàm Cỏ Đông chơi vô bằng hòng thôi. Bây giờ tôi có thể nào dối gạt cậu tôi? Tôi không có can đảm. Hơn nữa cậu tôi không phải là người dễ nghe tuyên truyền. Chính cậu từng là Trưởng Ban Tuyên Huấn Thanh Niên Cứu Quốc tỉnh thời anh Mạch Văn Tu làm Tỉnh Đoàn Trưởng.

Tôi không nghĩ ngại gì hết, bắt đầu kể về ông Nguyễn Văn Huệ, tức ông Mười Huệ, tức ông Đốc Huệ ở Giồng Trôm từng làm Chủ Tịch Tỉnh suốt chín năm. Tôi nói:

- Dân Nam Kỳ hy sinh không để làm gì hết cậu à!

Cậu tôi ngồi điềm nhiên không tỏ vẻ gì hết khi nghe câu chuyện của tôi.

Ở Miền Bắc tôi từng gặp nhiều người Bến Tre trong đó có những chú bác từng lãnh đạo cơ quan đoàn thể ở tỉnh nhà trong chín năm Nam Bộ Kháng Chiến như ông Mười túc bác Mười Huệ chủ tịch tỉnh, ông Đỗ Phát Quan đại biểu Quốc Hội năm 46, người Bình Khánh; ông Nguyễn Tảo, Ty Trưởng Công An; ông Nguyễn Văn Kinh Tổng Thư Ký Ủy Ban; Phan Thêm, chủ nhiệm Việt Minh; Nguyễn Thanh Thế, Giám Đốc trường tư thực Duy Minh; ông Tư Minh, ủy viên huấn luyện Thanh Niên Cứu Quốc tỉnh, v.v...

Trừ ông Phan Thêm là được Hà Nội coi trọng. Ông này được cho làm Phó Ban Tổ Chức Trung ương dưới quyền Lê Đức Thọ vì hẳn không phải là dân Nam Kỳ!

Tôi xin nói thêm về những điều mắt thấy tai nghe mà không một ai có thể tưởng tượng nổi. Ở trong

Nam cứ cầm đầu lay “*on Bác on Đảng*” và bỏ vợ bỏ con nhảy xuống tàu ra Bắc để:

Mười năm đồn lại một ngày

Là ngày tay mẹ cầm tay Bác Hồ!

(Thơ Xuân Vũ năm 1954 đăng trên báo *Văn Nghệ Hà Nội*).

Khi ra đó vài tháng rồi, chàng thanh niên tên Xuân Vũ này lại cũng mẫn thơ, nhưng không dám đăng báo.

Mười năm rõ mặt bác Hồ

Là con quái vật miệng hô mắt lồi.

Một trong những người Bến Tre tôi kính phục và gần gũi nhất là ông Mười Huệ. Lúc bấy giờ có lẽ ông đã sáu mươi, râu tóc bạc phơ, bệnh hoạn và bị hắt hủi như con chó già. Xin lỗi ông Mười, cháu xin nói thật, nói thẳng bằng một danh từ không mấy thanh cao. Bọn lưu manh có thanh cao gì! Nhưng đó là cảm nghĩ thật mỗi khi tôi gặp ông Mười. Tôi hết biết nói gì. Ông Mười là Chủ tịch Ủy Ban Kháng Chiến Hành Chánh suốt chín năm của tỉnh nhà. Lúc đó tôi chỉ là Thiếu Nhi Cứu Quốc nhưng mê kháng chiến vô cùng vì tưởng là nước mình sẽ được như nước Pháp mà tôi đang học lịch sử ở trường.

*Vinh quang thay, những kẻ hy sinh cho Tổ Quốc...
Tình yêu thiêng liêng của Tổ Quốc...*

Miền Bắc Việt Nam mà tôi đụng vào đã thành một cái *tổ Cò*, mà con cò già bất hạnh nhất là ông

Muời. Ông được phong cho chức “*Tổng Thư Ký Hội Việt Pháp Hữu Nghị*” trụ sở ở đường Lý Thường Kiệt gần ngã tư Phan Bội Châu. Cái hội này “*quan trọng*” đến nỗi không có ai tới lui hết, không làm gì hết và cũng không biết ai lập nó ra. Nếu có làm gì chẳng nữa thì ở đâu làm không phải ông Muời. Vì ông chỉ là Tổng Thư Ký thôi. Chủ tịch hình như là Phạm Huy Thông một thạc sĩ làm tay sai cho một trưởng ban tuyên huấn học chưa hết trung học để được yên thân. Nhưng ông Muời cũng cứ ở đó như một loại ông Từ giữ chùa. Ông không ở nhà chính mà lại ở trong cái ga-ra. Hai bác cháu tập kết sao mà giống nhau như hệt: ở ga-ra. Tôi ở cách đó không xa, cũng trong một cái ga-ra nhưng cái của tôi thì quá đổi tồi tàn, dột nát và gấn sát một cầu tiêu thùng. Tôi ở chung với Nguyễn Quang Sáng, bây giờ là Tổng Thư Ký Hội Nhà Văn. Hằng ngày tôi đến Đài Phát Thanh Tiếng Nói Việt Nam làm việc ở 54 Quán Sứ trước Viện Ung Thư, bên cạnh Chùa Quán Sứ, thì đi ngang số 7 Phan Bội Châu. Đây là một cái quán hai tầng của một gia đình người Tàu. Tầng dưới thì buôn bán, tầng trên gia đình cư ngụ và cho mượn. Ông Muời vẫn thường đến đây uống trà, hoặc sáng hoặc chiều, không thành cũ nhất định.

Cái quán này là nơi thân mến của dân Nam Kỳ quốc. Phía bên kia đường là nhà máy nước đá của một bà tư sản góa chồng rất đẹp. Đó là mục tiêu rửa mắt của khách ầm trà trong quán này. Bà tư sản hình như cũng bén lăm nên mỗi lần chúng tôi uống trà và

nói chuyện râm ran bên này thì bà ra đứng ở cửa bẹo hình bẹo dạng. Sau này có thằng bạn tôi trẻ hơn bà có mười tuổi bị đánh vô và bị kiểm thảo trần ai suốt tụt lon thiếu tá.

Khi nào ngồi quán mà thấy tôi đi ngang, ông Mười cũng ngoắc:

- Xuân Vũ, vô làm vài chung cho ấm rồi đi làm, cháu!

Râu tóc ông Mười đã bạc phơ, mắt không lúc nào rời cặp kiếng trắng, quần áo vải ta trắng bèo nhèo, chân mang guốc vòng mòn hết gót, tay không có đồng hồ, túi không có bút máy, không có gì ráo trơn, ngoài tấm thân già bệnh hoạn. Tay trái của ông bị “*chuột rút*” đơ đơ không cử động bình thường được nhưng khổ thay, ông lại không có tiêu chuẩn vào Bệnh Viện Việt Xô. Cho nên rót nước châm trà, hay rót trà ra chung ông Mười chỉ dùng một tay.

Ba hào một bình trà. Nói cho ngay trà ở quán chị Hai không phải trà cau khô. Có lẽ chị ưu đãi tụi dân Nam Kỳ này nên đem ra trà thiệt thì không rõ. Ở các quán cà chớn thì xác trà ngâm nước cau khô phục vụ khách. Dân ghiền, lúc đờm sắp trào lên cổ thì thứ gì chát chát là nuốt càn, sá gì nước cau khô? Một bình trà năm, sáu mạng uống như qui sủ cả giờ đồng hồ, ba bốn “*phuych*” nước sôi. Chị Hai vẫn vui vẻ không sốt ruột như các chủ quán khác. Do đó dân Nam Kỳ chúng tôi coi đây như là trụ sở của mình. Có chuyện gì vui buồn cũng ra đó nói cho nhau nghe. Còn ông Mười thì coi đó như văn phòng thứ hai của Hội Việt Pháp Hữu Nghị

vậy. Lắm khi bọn tôi kiếm được gói trà Chính Xuân, Ba Đình, Hồng Đào, nhớ ông Mười thì cũng đi thỉnh ông đến chủ tọa ở quán chị Hai.

Có lần Phan Văn, nhạc sĩ của đài phát thanh, một chàng thanh niên tuấn tú khôi ngô của Sài Thành không biết theo ai mà ra Khu 8 của Trần Văn Trà rồi lọt xuống miền Tây ở chung với tôi trong phòng chính trị. Hắn làm nhạc, tôi làm lời, lấy làm tâm đắc lắm. Thỉnh thoảng hai đứa lên ra rừng, hắn xô-lô cho tôi nghe bản *Những Cánh Hoa Đời* của hắn làm ở Sài Gòn.

- Ê, mày Xuân Vũ, ngã mạn vậy đủ chưa? Mai mốt ra đồng tao hát bài *Tiếng Còi Trong Suong Đêm* Tango Melodie của Lê Trục cho mày rụng rún.

Phan Văn cộng tác chung với tôi ở Phòng Chính Trị Khu 9 mấy tháng rồi cùng về Cần Thơ vài năm. Hắn là người chỉ hợp với đường phố, những vũ trường và sân khấu nhưng không hiểu sao hắn lại đi kháng chiến. Tôi với hắn thường hợp tác đi lao động sản xuất để chui vô chòi vịt làm nhạc. Có lần cơ quan được lệnh sản xuất thêm để lấy tiền cứu trợ miền Đông bị bão lụt. Tôi và hắn đi cắm câu ở gần Kinh Xáng Cụt. Hai đứa tìm nơi ngủ cho đã rồi sáng ngày thức dậy mua cá của nông dân về nộp cho cơ quan bán lấy tiền cứu trợ. Và được chấm điểm cao.

Trong số bản nhạc của Phan Văn-Xuân Vũ có một bài được giải nhất Giải Cửu Long năm 1950. Ngoài ra còn một bài thơ của tôi được hắn phổ nhạc và rất được phổ biến trong hai khu 8 và khu 9 lúc bấy giờ.

*Em lớn lên
Em ăn rau và cải
Trông trên đồng tro tàn
Trên nền nhà rụi cháy
Hàng cột ngã thành than.
Cơm em ăn mỗi ngày
Đều có dính máu Tây
Vì mùa khô mùa nước
Tây phơi xác ruộng này.
Nhà em Tây nó đốt
Em ra ngủ ngoài vườn
Khác gì anh chiến sĩ
Quen lạnh lẽo gió sương.
Bây giờ em còn bé
Em gắng tập súng cây
Ngày mai em sẽ lớn
Cầm súng thiết đánh Tây.
Em lớn lên trong kháng chiến.*
(1947)

Ra Hà Nội, nhớ bà vợ lai Nhứt Bồn đẹp quá trời,
Phan Văn phát khùng lên. Một hôm hấn vô đại Văn
Phòng Ban Giám Đốc Đài Phát Thanh do ông Huỳnh
Văn Tiểng làm Phó Giám Đốc, sùng sộ:

- Ê! Anh Tư, anh cho tôi về Nam đi! Tôi chán quá rồi.

- Đi sao được mà đi đồng chí!

Lúc đó tôi vừa bị kiểm thảo xong về vụ lên Ủy
Ban Quốc Tế xin về Nam.

Phan Văn liền rút con dao rọc giấy ở trên bàn,

vung lên. Huỳnh Văn Tiếng vốn phục phịch to con nên không chạy kịp, cũng không la. Nhưng Phan Văn không chơi anh Tu mà cởi nút áo sơ-mi tay manchette, đưa trước mặt anh Tu, đâm một phát, rút dao ra ném trên bàn rồi để cho máu nhỏ giọt xuống gạch và bảo:

- Anh coi nè!

Huỳnh Văn Tiếng ón quá nhưng lúng túng không biết phải đối phó cách nào còn Phan Văn thì trợn mắt nói tiếp:

- Vợ các anh là l... người ta còn vợ tôi là l... bò hả?

- Đừng nói vậy đồng chí... Cách Mạng...

Phan Văn không nói gì thêm bỏ đi xuống và cuốc một mạch tới quán chị Hai, cánh tay còn rùng rùng máu. Tôi là người thân nhất của Phan Văn ở đây nên hỏi ngay. Phan Văn kể lại câu chuyện đã xảy ra. Có mặt ông Mười ở đó. ông khuyên can:

- Cháu không nên làm vậy, chẳng có ích gì.

Ông luôn luôn tỏ ra là bậc cha chú và là một trí thức đã từng trải trong cuộc sống với tụi Hà Nội. Không bao giờ tôi nghe ông nói một câu bất mãn hoặc góp vào những chuyện bất mãn. Nhưng tôi biết ông chán ngán, ê ẩm vô cùng. Đã lỡ tay trót đã nhúng chàm. Đại rồi còn biết khôn làm sao đây. Bỏ bỏ cái mồm sẽ bị cắt phieu.

Những người cùng làm đốc học trường quận với ông, thấp hơn ông ở lại đều đã vinh thăng như ông Đốc Ninh ở Thạnh Phú, ông Đốc Trinh ở Ba Tri, ông Đốc Chỉ ở Mỏ Cày. Ông Mười là một bậc trí thức đầu

phải là có “*nhieu lăm*” trong kháng chiến và trong hàng ngũ Cách Mạng. Mà chúng nó khinh miệt bỏ bê làm vậy?

Một hôm ông Mười có ý tốt đối với tôi. Ông có đứa con gái tên là Vân Thanh rất duyên dáng mặn mòi, bọn Nam Kỳ găm ghé nhưng không đứa nào dám vì ông nghiêm khắc lắm. Hơn thế nữa, ông đã rào trước:

- Con nhỏ còn đang học trường Miền Nam. Nó còn nhỏ!

Nhưng ông Mười có trông thấy chỗ khác và nhờ người ta làm mối cho thằng cháu đồng hương. Do đó mà tôi có dịp đến căn nhà “*Việt Pháp Hữu Nghị*” của ông. Đó là cái ga-ra bên cạnh cái villa nhỏ mà người ta căng tấm bảng ở cửa ngõ “*Association Vietnam-France*”. Trong cái ga-ra của ông có một cái giường nát và cái bếp ở xó hóc lạnh tanh. Tường cũ loang lổ, gạch dưới nền mòn khuyết lồi lên những gân xi măng.

Ngậm ngùi, chua xót quá đỗi, tôi cũng tạm ngồi uống trà và hỏi thăm ông:

- Bác ăn cơm ở đâu bác Mười?

- Đàng hợp tác xã công nhân xe lửa.

Tôi cũng đã từng ăn ở đó nhưng đông quá, món ăn kém, không thể ăn được nên chuồn đi chỗ khác. Bạn ơi! Bạn đừng tưởng có tiền là xách đít đi đâu ăn cũng được nghe. Muốn ghi tên vào Hợp tác xã bạn phải được xét lý lịch như trước khi vô đảng đấy.

- Chen lán lảnh cơm có bữa muốn rách áo cháu à!

Đó là câu nói nặng nề nhất về chế độ mà tôi được nghe từ miệng ông Mười.

- Rồi bác ăn ở đâu?

- Bác nhờ con Hai chủ quán nấu. Con nó đem lại cho bác ở đằng đó.

Tôi nhìn cánh tay yếu của ông mà ái ngại vô cùng. Già vậy mà ở một mình, rủi đau ốm bất thường rồi lấy ai mà cậy nhờ? Đọc được ý nghĩ đó của tôi ông nói:

- Bác có thằng cháu y tá. Lâu lâu nó có ghé qua.

Tôi tưởng rằng nhà của ông Tổng Thư Ký Hội Việt Pháp khá hơn nhà tôi, nhưng khi ngó lên nóc thấy một lỗ lớn, tôi chưa kịp nói gì thì ông cắt nghĩa:

- Bác đã dời chiếc giường tránh chỗ dột. Mưa nhỏ không sao. Còn mưa lớn thì bác mở cửa lên nhà trên ngồi chờ hết mưa thì xuống.

Tôi không dám hỏi tới: *“Sao bác không ở trên nhà trên?”* vì sợ câu trả lời sẽ làm đau lòng cả bác lẫn cháu, nên thôi, bèn nói lảng:

- Nhà của cháu hễ trời mưa thì cháu với thằng Sáng ngồi trùm ni-lông chong góc.

- Kệ nó cháu, ráng ráng thử coi.

Ý bác nói là ráng sống để lết về xứ. Tôi tìm hiểu thử xem những người trụ cột của tỉnh Bến Tre có ai được trọng dụng không?

- Chú Hai Sách bây giờ ở đâu bác?

Hai Sách là Trưởng Ty Công An sau cùng của Bến Tre.

- Nó làm Phó Ty Thái Bình. Mà hình như là Phó Ty Thương Bình thì phải.

- Còn chú Mười Kinh?

- Nó làm gì ở Bộ Nội Vụ. Chết rồi, cháu không hay sao? Nó đi đón Việt kiều ở Tân Đảo về, trật chân trên tàu rơi xuống biển. Không hiểu sao tại Cảng Hải Phòng mà không vớt được?

- Còn bác Nguyễn Tẩu?

- Làm cái gì ở Sở Nhà Cửa. Ôi thôi tàn lác hết cháu ơi! Bây giờ cháu đang viết cái gì?

- Dạ đi cà nhong chó có viết được cái gì đâu bác. Một năm ba bài bút ký đăng báo thôi.

- Chuyện kháng chiến mình hay quá không viết được sao?

- Dạ không..

- Tại sao vậy cháu?

- Dạ không hiểu tại sao nữa. Cứ ngồi lại thì nhon rồi buông bút bỏ đi đạp xe chạy rong ngoài đường bác à!

- Vừa rồi thương binh Nam Bộ làm loạn ở tỉnh Thái Bình không biết thành Sách có đối phó nổi không?

Vâng, chuyện kháng chiến chống Pháp đẹp quá mà không ai muốn nhắc lại. Vì nhắc lại chỉ thêm đau lòng. Tôi nhớ hồi còn ở tỉnh nhà, cán bộ được coi như thần thánh, kháng chiến chống Pháp là một vinh quang. Thanh niên không ai ở nhà. Không bộ đội thì cán bộ, không cán bộ này cũng cán bộ kia, đến đổi con cháu Hội Đồng, Cai Tổng cũng bỏ nhà đi. Không đi là có tội. Còn bây giờ thì ai cũng thấy “*giá đừng đi*”!

Thời đó ông Mười cũng đã trên năm mươi. Ông

là Chủ tịch Tỉnh, không có Phó Chủ tịch và cũng không có ai thay thế nếu ông hy sinh. Ông mặc bộ đồ lụa Ba Tri cổ đứng đi dép cao su, đội nón mây rộng vành, loại nón của người Tàu, ông đi bộ khi dòi cơ quan, tự mang ba lô lấy, nếu trời mưa thì ông chống gậy. Thanh Niên Cứu Quốc của anh Mạch Văn Tư, Phụ Nữ Cứu Quốc của chị Ba Định, Nhân Dân Cứu Quốc của ông Trọng Già đều bu chung quanh Ủy Ban Tỉnh để dễ bề ăn ké máy đánh chữ, po-luya hoặc nhờ nhồi ghe xuống cùng các thứ khác.

Hồi đó chị Ba Định cũng khờ ẹt chớ đâu có trí óc gì bao nhiêu, nhờ ông Mười dạy dỗ cho nên được làm Đoàn Trưởng Phụ Nữ Cứu Quốc tỉnh. Chỉ đâu có nói chuyện được trước đám đông. Hễ có mít tinh thì chị Hồng Yến vợ anh Phan Minh Triều viết diễn văn cho chỉ đọc vậy mà còn đọc trật lất: *Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa* chỉ đọc thành *Việt Nam Dân Chủ Cộng Hào*, còn “*thân ái chào quý đồng chí*” thì chỉ rặn ra là “*thâm ấy chà quý đồng chí*”.

Thấy cậu tôi ngồi nghe mà sắc mặt không vui nên tôi không muốn kể thêm. Cậu thờ dài, chê trách Cách Mạng thì có lẽ cậu không nỡ. Vì cuộc kháng chiến chống Pháp tự nó là một cuộc chiến đấu đẹp đẽ và cao quý. Nào ai có biết đảng là gì. Cho nên cứ nhắm mắt đi theo, đến khi mở mắt ra thì đi đã quá sâu, không có can đảm trở lại nữa.

Cậu ngồi đó, có lẽ trong đầu cậu hiện lên những nẻo đường kháng chiến từ Cù Lao Minh sang Cù Lao Bảo, Sóc Sãi, Thành Triệu, Bang Tra, Ba Vát,

Mỏ Cày, Phước Hiệp, Định Thủy, Bình Khánh, An Định, Tân Trung, Minh Đức, Hương Mỹ, Thành Phú, Giồng Luông, Giồng Ót, Giồng Bãi, An Qui, Thành Phong, Cồn Chim, Cồn Diệp...

Thanh niên trai tráng tới đâu, ông Mười đi tới đó. Chữ ký của ông chân phương có những vòng bán nguyệt bao bọc chung quanh như mây khói.

Mà mây khói thật, như cuộc đời của ông. Đi với Pháp quyền cao lộc cả xe hơi nhà lầu, lại bỏ đi theo “Cách Mạng” để được phát cho cái ga-ra nát.

Đó là ông Mười Huệ ở Miền Bắc. “Giải Phóng” Miền Nam rồi, ông cựu Chủ tịch Tỉnh từ Hà Nội trở về làng, về tỉnh nhà, không phải với chiếc áo gấm như những ông Nghè bái tổ vinh qui mà với chiếc áo bà ba bạc màu, gậy chống đi từng bước, bàn tay chuột rút treo trên cổ như một mối hận chưa trả xong. Ông lần về tận quê. Không còn gì, ngoài một quả núi tro trong lòng mà cách mạng đã dựng lên cho ông từ ngày ra Bắc. Không có gì ngoài dăm ba nụ cười gương mà bọn tỉnh ủy - một lũ con nít khi ông đã là lãnh tụ tối cao của tỉnh này - dành cho ông như cái hạnh phúc hồi hương tưởng không bao giờ có.

Về tới xứ hôm trước, hôm sau ông ra chợ Mỹ Lồng ngồi chễm hễm tự thưởng cho mình, cũng còn có nghĩa là cảm ơn cách mạng bằng một tô cháo lòng heo. Đúng là cháo lòng heo! Nhưng thôi, so với hàng trăm người Bến Tre khác đã nằm lại nghĩa trang Mai Dịch, Văn Điển, thì ông Mười còn sướng hơn nhiều.

Một ông chủ tịch tỉnh đi tập kết về ăn cháo lòng ở

tại nơi mình từng làm đốc học. Trí thức bị hạ xuống làm dân phu phen kéo xe, quét chợ, còn những tên kéo xe quét chợ, thợ hồ, chăn trâu chăn vịt, cạo mủ cao su thì lại đóng vai trò chủ tịch quận, chủ tịch tỉnh thậm chí chủ tịch nước. Ông Mười về được xú chắc là thỏa nguyện rồi. Vì lúc ở ngoài Bắc ông có ước mong gì nữa đâu. Nhưng bi kịch của ông Mười không dừng lại ở đó.

Màn cuối còn thê thảm hơn nhiều.

Số là ông có một chàng rể tên là Phát, có lẽ tên Tây nên gọi là Phát Nê (René). Trong kháng chiến Phát Nê đã làm đến đại đội phó. Có lẽ vì thành phần không cơ bản nên không được tiếp tục cuộc đời binh nghiệp, bị lột áo lính ngay khi ra Bắc và làm một việc gì không khá lắm ở Bộ Công Nghiệp. Thình thoảng tôi có gặp anh ta ăn mặc đom đống phóng xe đạp Bờ Rô đến thăm ông già vợ. Khi về Nam, con trai của Phát Nê đã lớn và làm tới đại úy Hải Quân (Ngụy). Phát Nê tỏ ra mình rặc với Cách Mạng nên về Bến Tre gặp dòng họ thì kênh mặt như một ông Nghè đỏ. Ông đại úy con trai của Phát Nê đang chuẩn bị cưới vợ, con gái của một dân biểu hay tư sản gì đó của tỉnh nhà. Phát Nê về tới là “ách” lại cái rụp. Không có “*hòa hợp hòa giải*” gì với thằng con đại úy Ngụy cả.

Thằng bé mang dòng máu “Ngụy” không thêm cài lập trường với ông bố giải phóng mà vào buông khóa trái bắn súng lục vào đầu. Kết quả như thế nào cho ngoai nó, các dì, các cô nó và cả gia đình bên vợ nó, nhất là đối với vợ sắp cưới của nó, ai cũng có thể đoán ra.

Nhưng đối với mẹ ruột của nó, người đã nuôi nó, cho nó ăn học thành tài, trong lúc bố nó càn khôn xây dựng xã hội chủ nghĩa Bắc Kỳ rầm, chắc khó ai đoán được.

Bà vợ Phát Nê điên. Bà làm sao để được nữa mà không điên. Bà đi lang thang ngoài chợ kêu tên con suốt ngày. Bà đã trở thành một người mất trí sau phát súng của thằng con trai duy nhất. Còn ông Mười sau cái tai nạn trời giáng đó, ông càng rú xuống. Và qua đời.

Dêm hôm tôi gặp lại cậu tôi có lẽ là một trong những đêm dài nhất đời tôi. Tôi đã kể cho cậu tôi nghe tất cả những gì tôi đã SỐNG ở Hà Nội trong vòng mười năm.

Xin mời bạn đọc quyển *Biển Lửa* và *Núi Tro* tôi đã viết, trong đó tôi mô tả tinh thần kháng chiến giành độc lập như một biển lửa và cái biển lửa đó trở thành một quả núi tro trong lòng dân Nam Kỳ và toàn dân Việt Nam.

Cậu tôi nằm nghe, không hỏi nhiều, chỉ thờ dài. Mãi đến khuya, tôi mới hỏi cậu:

- Cậu biết anh Mạch Văn Tư bây giờ ở đâu không?
- Cậu nghe nói ảnh lên Sài Gòn.
- Hèn chi cháu không gặp ảnh ở ngoài.
- Một vài bạn quen của cậu có cho biết lúc sắp chuyển quân ra Bắc, các ông Hoàng Xuân Nhị, Hà Huy Giáp có đến gặp ảnh ở tại nhà thuyết phục ảnh

đi tập kết, nhưng anh nói: “*Nhiệm vụ tôi với Tổ Quốc đến đây là đủ. Bây giờ tôi phải làm trọng trách của tôi đối với gia đình tôi.*” Anh nhất định về Sài Gòn.

- Có chuyện đó nữa sao cậu? Cháu thật không ngờ.

- Lúc kháng chiến cháu còn nhỏ, cháu không hiểu được chuyện nọ chuyện kia bên trong hoặc đằng sau lưng Cách Mạng. Cậu biết hết nhưng cũng đành im chớ làm gì được. Đối với cậu, họ cũng lôi kéo xô đẩy dữ lắm. Cậu là người giữ đạo Công Giáo thì có bao giờ vô đảng được. Và cậu có biết đảng là cái gì.

- Còn anh Tư?

- Anh không có đạo, nhưng anh là người cứng đầu. Mấy ông Phan Thêm, Bảy Khánh là bí thư, phó bí thư tỉnh ủy hồi đó muốn anh vô đảng để gây ảnh hưởng trong giới trí thức trẻ đi theo kháng chiến. Cháu biết hồi kháng chiến chống Pháp, trí thức tỉnh mình đi theo kháng chiến đông lắm. Trước nhất là ông Đốc Thịnh, kế đó là ông Đốc Huệ, rồi giáo sư Nghĩa thầy của cháu. Những người có bằng Tú Tài khá đông. Còn giới thầy giáo thì có thầy Hữu, thầy Ngọc, thầy Viễn, thầy Báu, thầy Hậu.

- Có chị Ba Định nữa chớ!

- Chị Ba là Phụ Nữ xã Lương Quới bên Bảo vì dễ bảo nên được mấy ông tỉnh ủy nâng đỡ lên làm đoàn trưởng Phụ Nữ tỉnh, coi như tay mặt tay trái của tỉnh ủy.

Đột nhiên cậu hỏi tôi.

- Cháu nhớ Bùi Ngọc Nghi không?

- Dạ nhớ chớ. Anh là Phó của anh Tư.

- Họ thấy không thuyết phục được anh Tư nên gọi ảnh lên Miền. Lên Miền, ảnh gần mấy ông lớn ở Khu, nhưng ảnh vẫn không chịu vô đảng. Cho nên ảnh bị đưa luôn lên xứ đoàn làm ủy viên thường vụ kiêm trưởng ban tuyên huấn Thanh Niên Cứu Quốc Nam Bộ. Cháu nhớ tập san *Lửa Hồng* không? Đó là do tay của ảnh làm. Ảnh có tài tuyên truyền và huấn luyện, nên người ta muốn ảnh vô đảng. Có vậy thôi.

- Hồi ảnh mở trại huấn luyện Thanh Niên Cứu Quốc ở Cồn Chim...

- Cháu không nhắc là cậu quên rồi. Ảnh có bắt mãi bỏ chức một lúc qua nằm ở Tiệm Tôm bên Ba Tri. Tỉnh ủy hoảng hốt cho người đi triệu ảnh về. Vì sợ ảnh theo Tây. Ảnh mới về mở trại huấn luyện đó. Một tay ảnh đào tạo cả ngàn cán bộ Thanh Niên Cứu Quốc cho tỉnh mình và cho tám tỉnh miền Trung. Ảnh hưởng của ảnh trong giới trẻ lớn lắm, nên tỉnh ủy vừa dùng ảnh lại vừa sợ ảnh. Nhưng ảnh đâu có tranh giành cái gì với ai. Ảnh chỉ huấn luyện cho thanh niên lòng yêu nước và lòng nhân đạo thôi. Cháu có còn nhớ hình mấy nhà văn treo ở giảng đường không?

Tôi nhanh nhẩu đáp.

- Dạ Gorki, Barbusse và Rolland.

Cậu tôi tiếp:

- Tỉnh ủy muốn đưa Bùi Ngọc Nghi rủ rì để nhét “*Chương trình cơ sở vấn đáp*” của đảng do Trường Sinh soạn vào trại huấn luyện của ảnh (Mạch Văn Tu) nhưng ảnh cự tuyệt thẳng thừng. Do đó sau ba

lớp đào tạo cán bộ cho tỉnh, ảnh định đề nghị biến nó thành trường huấn luyện cho Miền. Vị trí Côn Chim rất thuận lợi về địa du lẫn thiên nhiên. Nhưng vì sự cụ tuyệt của ảnh mà ảnh bị đưa lên Miền. Lên đó xong ảnh lại xuống Trà Vinh tiếp tục mở lớp...

Bao nhiêu cái sự đòi ở phía hậu trường kháng chiến, mãi tới bây giờ tôi mới được cậu tôi bảo cho nghe. Cậu tiếp:

- Sau khi ảnh lên Miền, tỉnh ủy đưa Bùi Ngọc Nghi sang thay thế. Nghi là một thanh niên nhưng tâm hồn cần cỗi, kiến thức ít ỏi nên không làm được việc. Tỉnh ủy rút Nghi về cho anh Cao Thái Tôn sang. Anh Tôn là một thanh niên vườn, lại là một ông cụ non, chỉ được cái tính dễ bảo như bọn Lê Hoài Đôn, Xuân Ôn, đệ tử của Trường Sinh.

Tôi nói.

- Cái thời đó Văn Phòng đóng chết ở Bình Khánh và anh Tôn ra tiệm thuốc cao đơn hoàn tán ở chợ An Định để làm quỹ tự túc cho Thanh Niên Cứu Quốc. Hai Quang bây giờ là bí thư tỉnh ủy, hồi đó...

- Hồi đó chỉ là cán bộ của cậu thôi. Ảnh cũng học lớp của anh Tư.

Khuya hôm đó, tôi cầm đuốc đưa cậu tôi xuống bến đi trở lên Sài Gòn. Tôi buông cây đuốc xuống đất vì không muốn ánh lửa soi thấu giọt nước mắt chia ly. Qua giọng nói, tôi đoán hình như cậu tôi khóc. Cậu nghẹn ngào:

- Cháu cẩn thận nghe. Bom đạn bây giờ không phải như thời trước. Thỉnh thoảng về thăm ngoại dùm cậu.

- Dạ.

- Cậu không muốn lên Sài Gòn, nhưng ngoại không muốn cậu ở đây. Làng này bây giờ cậu thấy là của ai đâu không còn là của cậu. Nếu không có ngoại ở đây, cậu sẽ không bao giờ về nhà. Cậu muốn ngoại lên Sài Gòn quách cho rồi, nhưng cậu chắc chắn ngoại không đời nào chịu rời nơi đây. Đất đai mồ mả ông bà ở đây, bỏ đi sao được.

Tiếng tù-và đồ máy rúc vang tiến chân cậu tôi và tôi. Hai cậu cháu trước kia cùng một đường. Bây giờ đã sang ngã rẽ. Tôi nhìn theo bóng con đò biến dần giữa bờ rạch rậm ri hoang dại. Không biết suy nghĩ gì, cảm xúc ra sao. Cho đến khi tiếng máy đã tắt hẳn thì tôi mới đứng đây. Cây đuốc đã tắt tự lúc nào, bó lá dừa nằm tro trên mặt đất, một mớ tro bên cạnh như chính nắm mồ của nó. Đó là hình ảnh của hai mùa kháng chiến. Lạ lùng thay cái cuộc kháng chiến này. Tôi sực nhớ lời Sơn Nam lúc hai đứa gặp nhau ở Chắc Bàng:

- Mà có bao giờ thấy Cách Mạng lạ lùng như vậy không? Khi kháng chiến thì đồng cam cộng khổ, lúc Hòa Bình thì tên này trối tên kia quăng vô chuồng cạp rồi chạy đi nhậu nhẹt nhìn đồng chí mình bị cạp phanh thây.

Tôi quay vào nhà. Ngoại tôi đang đứng ở giữa sân như dõi theo cuộc chia ly của hai thế hệ. Có lẽ ngoại cũng đã khóc như cậu tôi và tôi. Tôi muốn nói câu gì nhưng không nói được. Tuy ngoại không nói nhưng tôi đoán ra nỗi lòng của ngoại. Ngoại không muốn cậu tôi ở lại quê.

- Thà nó đi cho khuất mắt, ngoại khỏi phải nhớ cậu Tám con.

Hoặc:

- Cuộc kháng chiến này là một sự phản bội. Nuôi dưỡng nó để rồi nó trở lại hại mình, giống như một thú chó điên cắn cả chủ nhà.

Tôi hiểu mối hận trong lòng ngoại tôi và của cả gia đình ngoại tôi nữa. Tôi cũng hận tràn lòng nhưng không thể nói gì. Nói theo ngoại thì đụng Cách Mạng, mà đụng Cách Mạng thì sẽ không toàn mạng. Còn nói theo lập trường thì tôi không thể nào. Cái lập trường đó tôi đã từng lê nó tới bờ sông Bến Hải năm 1960, suýt tuột nó ra vớt lại bờ Bắc trước khi lội về Nam rồi. Bây giờ lội nó về đến đây, quả thật nó không còn đầy được nửa túi quần, thì việc trút nó đi không khó.

Tôi đi vào nhà. Cái ảnh cậu Tám tôi trên bàn thờ vẫn còn đó. Đôi mắt buồn thảm như trách móc như nhớ nhung thằng cháu, cứ đau đau nhìn tôi. Tôi thấy đau buốt tim gan. Từ ngày về, tôi vẫn chưa có dịp thăm qua mảnh vườn thần tiên của tuổi ấu thơ, có thể nói là góc trời thơ mộng của tôi. Ao nuôi cá, muơng vũng, tre trúc, dừa đủ loại, có cả dừa Tân Quan, mận ổi xoài cam quýt mảng cầu, khế, cau, chuối, mít, không thiếu một thứ cây ăn trái nào, một khu vườn sum suê xanh tươi quanh năm, tôi có thể chạy chơi leo trèo hái trái bắt chim, câu cá, tát cá bắt cứ lúc nào.

Vậy mà bây giờ không còn gì hết. Không còn gì

hết. Vì đạn bom tàn phá và không có bàn tay săn sóc, chỉ có bàn tay phá phách. Nền nhà xưa của ngoại tôi không tìm thấy nữa. Nền nhà đổ sập vậy mà không còn dấu vết gì thì đủ biết sự tàn phá đến mức nào. Cây cối chết đi thì còn có thể hiểu được nhưng đến nương vũng cũng không còn ở chỗ cũ. Một bàn tay nào đã lấp đã dời đã hủy diệt tất cả. Tôi như lạc lối vào một mảnh vườn xa lạ. Đâu rồi cây khế ngọt ở mé nương mà tôi thường nhặt những trái rụng ăn như những quả ngọt của tiên ban? Đâu rồi cây mận xanh trái có nùm ăn giống như trái lý ngoại tôi trồng lúc tôi giáp thôi nôi? Đâu rồi cây đào nhánh oằn những trái hồng tươi như những quả tim không bao giờ rụng. Nằm dưới gốc ngó lên tường như đào tiên của Ngọc Hoàng bị Tôn Hành Giả hái trộm thuở nào.

Gần dấu đạn cà-nông kia có lẽ là gốc ổi bát ngoặt già ruột đỏ như mặt trời, lâu lâu mới có một trái nhưng ngoại không đốn vì đó là cây ổi lúc còn sanh tiền ông ngoại xin giống ở đâu về trồng.

Ở dọc mé nương ranh còn có mấy gốc dừa “heo cạ”, loại dừa thấp lùn, người ngồi có thể bẻ được, con heo đi ngang đụng bụng dừa, nước ngọt như dừa xiêm. Tận cuối vườn có cây dừa Tàn Quan già cao chót vót nhưng rất sai trái. Vỏ nó nhai ngọt như nước mía. Cậu Tám tôi không thể móc tới, càng không thể trèo. Muốn ăn dừa Tàn Quan phải nhờ ông Bảy Đạt trèo bẻ. Bây giờ cây dừa quý giá đó không còn, mà người độc nhất có thể trèo nó cũng đã mất, không biết hồi nào và tại sao. Cho đến bây

giờ khi ngồi viết những dòng này thì cây dừa lẫn ông Bảy Đạt hiện lên tâm trí tôi như còn sống.

Ông là người tá điền lâu năm nhất hay có họ hàng gì của ngoại, tôi cũng không rõ. Chỉ biết là lúc nào ngoại tôi cần làm vườn, xay lúa giã gạo thì ông Bảy đến liền.

Hôm nọ khi tôi vừa về, đi ngang qua vườn, tôi thấy có một bà già cô đơn, bệnh hoạn ngồi dưới một mái lều. Vài ngày sau tôi đi ngang lại thấy bà vẫn ở đó. Thì ra đó là bà Bảy. Ông đã chết, bà thì không con cháu, không có ai săn sóc, lại sống giữa chiến tranh. Ngoại tôi có hơn gì bà bao nhiêu. Thời gian thật là tàn nhẫn.

Những bạn gái từng chơi nhà chòi lợp bằng lá chuối, những bạn trai từng lặn hụp ở dưới muong nay đã lạc đi đâu hết, không còn một người nào quen gặp lại ở đây.

Ngày xưa chim chóc trong vườn đông lắm. Tôi và cậu tôi là những tay bắn giàn thun không kém Dương Bá Dương bách bộ xuyên dương là mấy. Những chú chim đủ loại, trao trảo, chim hát bội, gõ kiến... bị hạ thường nằm lỉnh nhỉnh trong chiếc túi vải của tôi. Bây giờ vào buổi sáng mà không thấy bóng một chú chim hút mật. Một sự vắng lặng đông đặc bao trùm lấy tôi. Tôi đắm mình trong sự vắng lặng hải hùng đó, nhưng tôi không muốn thoát ra. Những ngọn cỏ và những mảnh sành vụn như nín lại chân tôi.

Đó là sự sống dậy của những kỷ niệm.

Một miếng mái to nằm chênh vênh ở giữa vườn.

Lòng tan vỡ của nó còn cố giữ lại một ít nước mưa. Từ đó nhô ra một bụi cỏ già, cái này như linh hồn của cái kia. Không có mảnh mái thì cỏ không có nước để sống, không có cỏ thì mảnh mái bê kia trở thành vô dụng hoàn toàn.

Có phải đây là một trong những chiếc mái vù quý giá cao khỏi đầu tôi mà ngoại dùng để đựng nước mưa bí uống vào mùa hè? Muốn mức nước trong mái tôi phải trèo lên chiếc ghế đầu. Ngoại tôi sợ tôi cắm đầu vào đó không ai hay nên đã ràng nắp mái lại. Gần đó nằm chõng chơ một chiếc bàn thờ chỉ còn có hai chân, còn mặt bàn thì bị cháy.

Hình như mảnh vườn này đã hứng một trái bom cách đây đã lâu mà mưa nắng đã xóa đi gần hết dấu vết. Chiếc bàn thờ bằng gỗ trắc mun đen cao khỏi đầu tôi, chạm trổ hình chim và hoa lá. Ngoại tôi bắt cậu Tám tôi và tôi lau chùi thật kỹ mỗi khi có đám giỗ. Bên cạnh là chiếc bàn tròn có bộ chân lùn chạm trổ bốn con lân chụm đuôi vào nhau, đầu mỗi con quay ra một phía.

Chiếc bàn không còn nguyên và mưa nắng làm mất màu. Nó nằm hứng mưa phơi nắng như vậy có lẽ là vì sức nặng của nó. Ngoại tôi không thể tìm đâu ra tám người cùng một lúc để khiêng vào. Hơn nữa từ đây mà nơ nó xuống chòi thì phải qua những cây cầu dừa hoặc những khúc đứt lầy lội. Thôi đành để cho nó nằm ở đó tiếp tục cuộc đời sương gió.

Tôi nhìn thấy chiếc bàn mà đứt ruột đứt gan. Không phải vì nó đáng giá gì ghê gớm lắm, nhưng

vì nó là vật thân yêu và nâng niu của gia đình. Chỉ những khách quý mới ngồi ở đó. Tôi thực tình không dám đứng lâu trước đồng bàn ghế sứ mẻ, gãy nát, cháy vỡ gom lại thành đồng như một chứng tích chiến thắng của Đồng Khởi mới vừa đây và của kháng chiến chống Pháp trước kia.

Tôi lảng lạng quay bước. Vườn không có lối đi, phải rẽ cỏ. Bất ngờ tôi thấy một mảnh thiếc có kèm một miếng kiếng bể dính mắc trên cành cây, một thú cây lạ xưa kia không thể mọc xen với cây ăn trái trong vườn này. Tôi nhận ra đó là một mảnh của của chiếc thùng hấp bánh khéo mà dì Năm tôi thường dùng.

Di là người thông minh và khéo léo nhất nhà. Di lúc nào cũng làm bánh, làm mứt, thêu thùa không khi nào ngớt. Những tấm tiền bàn, tấm chắn, y môn, của buồng treo trong nhà đều do dì thêu đẹp hơn cả hàng chợ. Tôi còn nhớ tấm chắn treo ở căn giữa dì thêu mất sáu tháng. Khi treo lên khách đều trầm trồ và ngợi khen kẻ đã tạo ra nó.

Hãy tưởng tượng một người con gái mặt mày đỏ ửng đỏ lưng ngồi chăm chăm qua cửa kiếng của chiếc thùng theo dõi những chiếc bánh bông lan, tay quạt than được trên nóc thùng, tùy độ chín của những chiếc bánh mà gia giảm độ nóng, mừng rỡ mãn nguyện khi bánh ngon, đau khổ khi bánh khét... từng giây phút không rời, bỗng có hai thằng oắt con đến phía sau lưng nói lảm thảm:

- Tôi vái cho hu! Tôi vái cho hu!

Người con gái quay lại la lên:

- Má ơi! Xuống coi hai thằng quỉ nè má!

Ngoại tôi bênh con trai và cháu ngoại, hỏi:

- Tụi nó làm gì mà mày la?

- Nó vái cho bánh khét!

- Nó vái thì nó vái còn... khét hay không là do mày, la nỗi gì?

- Hai thằng quỉ đó là tôi và cậu Tám tôi.

Úc vì ngoại đã không rầy lại còn bênh hai thằng quỉ, dì Năm tôi khóc, bảo:

- Có khét tao cũng không cho.

- Không cho tôi ăn cắp.

Dì Năm tôi nghe nói vậy thì càng sợ nên lấy cái bánh chai “thí” cho lũ quỉ và bảo:

- Đông đi rồi đừng có trở lại nữa nghe!

Hai thằng quỉ đớp bánh chạy đi. Ôi! những cái bánh tuyết trần. Hai cậu cháu chạy đi bắn chim trên cây ổi cây xoài một chốc rồi trở lại. Cậu tôi hỏi.

- Có cái nào khét nữa hôn chị Năm?

Dì Năm tôi sợ hai thằng quỉ nên vừa thí bánh cho vừa năn nỉ:

- Đi chơi đi rồi làm xong chị thưởng thêm.

Khi tôi vượt Trường Sơn, những đêm nằm dưới mưa tôi mơ thấy quê nhà. Bây giờ giấc mơ đã trở thành sự thực mà lại là giấc mơ tàn.

Một bữa, sau giờ tan phèn tôi đi tìm ván để thuê đóng nắp hầm bí mật. Bây giờ dân toàn ở chòi, cột cau cột dừa, vách lá, khó tìm ra miếng gỗ tốt. Nhà lớn thì giờ xuống xếp lại ngâm kèo cột dưới ao, ở chòi. Mà cũng không dám ở trong vườn, phải ra ngoài đồng trống. Đó là một cách nói với trực thăng:

- Chúng tôi phơi lưng giữa trời như thế này không dính dáng tới mấy ông Việt Cộng, xin mấy ông Quốc Gia đừng bắn!

Tuy vậy đám Cộng vẫn tùng tịu dấu lẩn trong chòi. Có nhiều tên bị “*bù nốc*” phát hiện đuổi tận ổ, đáp xuống ném lựu đạn vô hầm.

Tôi đi vào nền nhà bà cụ ngoại, tức là nhà của mẹ ruột ông ngoại tôi ngay giáp ranh với nhà bà cụ nội tức cô ruột của ông nội tôi. Dân hai làng Minh Đức thường làm suôi với nhau lâu đời cho nên đó cũng là miếng đất vừa là quê ngoại vừa là quê nội của tôi. Đã hơn hai mươi năm tôi không đến ngôi nhà này.

Theo má tôi vừa nói, bộ cột kèo của nhà bà cụ ngoại tôi bằng gỗ cẩm xe, ở đời đời không có mối mọt nào dám kê răng vào. Nhà ngói năm gian nền cao một thước. Nhưng bây giờ tôi không tìm được vài mảnh gỗ để làm nắp hầm bí mật. Ngay cả nhà của ông chánh trị viên cũng không còn. Cậu cũng tập kết và về nhà như tôi. Bạn trở lên R cậu còn dắt một thằng con trai. Đến Tháp Mười thì bị bom. Cậu chết, không biết con cậu ra sao. Tôi nghe tin đồn như vậy nhưng chẳng biết ai để hỏi thêm tin.

Vùng này xưa là một trong những cái nôi của những lực lượng võ trang tinh trên Cù Lao Minh đối diện với Thạnh Phú Đông bên Cù Lao Bảo. Mỗi lần bộ đội về đóng ở đây, dân hai làng Minh Đức và Hương Mỹ đều cử đại biểu đến ủy lạo chiến sĩ, chớ không phải ai muốn đến là đến.

Cũng từ nơi đây bộ đội anh Hai Phải xuất phát đánh đồn Cầu Mống, một trận kinh thiên động địa mở màn cho toàn quốc kháng chiến năm 1946. Tôi sẽ xin kể sau, trong trận đó có tên nhóc con này tham gia.

Tôi nhớ trước cửa nhà có một cội me vĩ đại, tàng cây che mát cả một góc sân. Vào mùa trái chín, cả xóm đều đến làm quen với nó. Nhà nào cần nấu canh chua chỉ cần cho con nít đến gốc lượm trái rụng là đủ. Năm nào cũng vậy, bà tôi hái phơi khô cất cả hũ ăn suốt năm. Bây giờ gốc me còn tro ra đó, không biết ai đốn hồi nào. Một nỗi buồn xâm chiếm mảnh tâm hồn vốn đã xám xịt của tôi.

Tôi đi tay không về nhà bà cụ. Thằng em tôi bảo:

- Bên chị Tư mời anh sang chơi.

- Chuyện gì vậy?

- Chắc anh của chị đến, ở trong Cầu Mống ra.

- Lại vượt sông nữa hả?

Nhớ chuyện “*hạnh ngộ*” bất ngờ lần trước, tôi thối thoát. Nó cũng tinh ý. Sau đó nó tìm biết má cô thợ may là bạn học trường làng của tôi, nên nói ngay:

- Kỳ này người Sài Gòn về anh ạ.

- Ai rước mà người ta về?

Tôi biết ai đã âm thầm cho người đi rước dì Sáu cô thợ may nhưng vẫn hỏi.

- Chắc cô Hai.

- Ủ, đi thì đi!

Nói thế nhưng tôi vẫn ngần ngại. Người ta là dân Sài Gòn, mình như “anh nhà quê chính hiệu” đứng gần nhau chắc coi không được.

- Để chờ lệnh bác Hai hả em?

- Thì bác Hai đã bàn với ba chị, nếu không, ai móc chỉ về đây cho được? Hơn nữa bà cụ và bà Tư (ngoại tôi) đã đồng ý cả rồi mà.

Khi rước được người đẹp Sài Gòn về khu giải phóng cả hai bên nội ngoại tôi đều mừng. Coi như đường đi đã đến nửa đoạn rồi. Ai cũng sẵn sàng đóng góp, khuyến khích. Vì tôi là cháu đầu lòng của cả bên nội lẫn bên ngoại nên sự ủng hộ càng lớn. Mấy đứa em tôi thì chuẩn bị ăn đám cưới anh Hai. Tôi cũng nôn lăm, phen này có vợ, thiệt vui.

Cũng may sáng hôm đó trời đất yên lành không có pháo mà trực thăng cũng êm rơ.

(Bạn đọc thân mến. Đã mấy chục trang sách rồi tôi nói nhiều về tôi, thực tình là tôi không muốn, nhưng tôi phải làm là vì tôi đưa cái tôi và dòng họ, gia đình tôi ra là để làm ví dụ cho những gia đình khác, hoặc có thể, toàn thể dân tộc: cách mạng đã phá hoại đất nước và dân tộc Việt Nam như thế đó. Bàn tay ác hại của đảng mớ tới đâu, máu đổ tới đó. Nếu không có trò giải phóng thì giờ này dân tộc ta đâu có khốn khổ điêu linh, nát tan thể xác lẫn luân lý và tinh thần).

Lần này tôi không lội sông như lần trước mà phải đi vòng ra phía vàm để nhờ cây cầu khỉ lưng lơ như rặng rụng nhưng cũng rặng đi. Chiến thắng không gian khổ thì thành công chẳng vẻ vang mà! Thằng em tôi hết dạ thương anh nên cũng đi *ết-cọc* như lần trước.

- Ở ngoài Bắc chắc đi xe hơi, lộ đá, cầu sắt chó đâu có lội sông và leo cầu khỉ hả anh Hai!

- Xã hội chủ nghĩa mà đâu có tệ vậy em!

Mười năm không đi cầu khỉ, bây giờ tôi nhìn dòng nước chảy mà run chân: nếu lội sông sang nhà người ta thì mất tư thế cách mạng quá đi. Sang tới bên đó quần áo bèo nhèo, mặt mày lem luốc như chạy chụp dừ. Ai đi coi vợ kiểu đó. Ngày xưa Lưu Bị giang tả cầu hôn oai phong hơn nhiều. Vừa run run bước thì nhিপ cầu giữa gãy cụp. Hai anh em nhào lộn xuống sông. Thằng em hốt hoảng kêu om sòm:

- Anh Hai! Anh Hai, có sao không?

Tôi trồi lên vuốt mặt cười khi khi:

- Để anh lội sải nước ngược một khúc để thử sức coi!

Tôi cời súng ngắn đưa cho thằng em đang ôm chân cầu lo lắng cho tôi, rồi bơi.

Nó cười hắc hắc.

- Anh cũng biết lội ha!

Tôi sải nước ngược một quãng rồi thả ngựa trở lại chân cầu. Hai anh em leo lên, mình mẩy ướt mềm. Tôi bảo.

- Thôi trở về. Cái điếm này xui lắm.

Thằng em tôi cương quyết tiến tới. Nó bảo tôi trở về, còn nó sẽ đến nhà cô thợ may lấy xuồng bơi qua bến nhà rước tôi. Tôi đành phải thi hành kế hoạch của nó.

Chỉ vài tiếng đồng hồ sau tôi đã đối diện “*Di Sáu*” nó.

Đó là một người con gái gần ba mươi tuổi, nước da trắng, tóc thật đen, không son phấn có cặp mắt rất sắc. Cô đã từng học nữ công bên bà Bảy đảng ủy viên của tôi, nên vừa gặp tôi thì hỏi thăm gia đình cụ tôi liền.

- Lâu quá em không có dịp về đây để thăm bà và cô Bảy, thiệt là có lỗi.

Nàng xưng “em” còn tôi thì cứ giữ lễ bình thường trong mấy câu đầu xã giao.

- Tôi đi hai mươi năm mới về được, nhưng ông bà đâu có bắt lỗi gì cô. Chiến tranh đã làm cho bà con xa cách chứ đâu có ai muốn.

Chị Tư đem một đĩa cam đã lột và tách ra từng múi và một đĩa bánh kẹo chắc của dì Sáu mua ở Sài Gòn về chớ ở khu giải phóng không thể có thứ này. Ý chừng chị muốn bảo “*hai em*” ăn cho thông cổ và nói những tiếng ngọt ngào với nhau.

Nhưng câu chuyện kết thúc nhanh hơn sự mong ước của mọi người. Tôi đứng dậy chào nàng. Hai bên không tỏ chút gì lưu luyến nhau. Chị Tư nét mặt buồn rười rượi, tiễn tôi ra ngõ. Tôi không nói gì ngoài tiếng “*cám ơn*”. Còn chị thì lẳng lặng quay vô.

Trên đường về, thằng em tôi sốt ruột hỏi thẳng:

- Anh thấy chỉ thế nào?

- Đẹp lắm?

- Học trò ruột của bà Bảy, đó anh ạ! Bà Bảy cho người đi móc chỉ về đó.

Thấy tôi không nói gì thêm về cô “*học trò ruột*”, thằng em lại hỏi tới:

- Anh có nói gì không?

- Thì hỏi thăm công việc làm ăn, ở Sài Gòn có vui không, chừng nào cổ về thăm chị Tư nữa?

- Vậy thôi à?

- Chỉ vậy thôi.

- Anh thiệt à!

- Mới quen người ta thì bấy nhiêu là đủ rồi. Em muốn anh nói gì nữa?

- Hồng lẽ chỉ về đây để nghe có bấy nhiêu?

Bây giờ tôi mới thấy cái khó của sự cưới vợ. Một người làm vừa lòng mọi người và mọi người làm vừa lòng một người.

Vấn đề đặt ra khá cấp bách. Đám em của tôi, lúc tôi đi theo Cách Mạng thì còn bồng trên tay bây giờ đã có con, còn tôi thì vô sản hoàn toàn. Em gái tôi đã không lập gia đình ở vậy nuôi cha mẹ già, bây giờ tôi về đây rồi thì tôi phải cho cha mẹ tôi một đứa cháu để vui tuổi già. Đạo lý Khổng Tử có dạy rằng một trong bốn điều *đại bất hiếu* là không có con trai để nối dòng. Bây giờ tôi thấy đó là điều có lý và tôi sợ nó nhất.

Nhưng đứng trước hoàn cảnh này ông cán Mùa Thu làm sao xoay sở. Có thể nào người ta bỏ công ăn chuyện làm và gia đình trên đó để “*dọn*” về dưới này chẳng? Nếu nàng ưng ý thì tôi lấy gì nuôi? Cha mẹ tôi tôi còn không nuôi được bây giờ bắt cha mẹ phải nuôi vợ mình hay sao?

Khi chưa đựng thực tế thì cứ nghĩ là “*một túp lều tranh một quả tim vàng*” đẹp lắm. Nhưng thực tế hơn ai hết là Sơn Nam. Năm 1949 ở miền Tây Nam Bộ anh đã bảo tôi:

- Một túp lều tranh với một bó bạc xanh thì trái tim kia mới là trái tim vàng được.

Có lẽ người đẹp Sài Gòn cũng nghĩ như thế. Nàng đâu còn là học sinh áo xanh áo tím mà mơ chuyện ép bướm ép hoa tặng cho bạn tình.

Khuya hôm đó tôi nằm nghe tiếng tù-và rúc tù chiếc đèn máy quạt thuộc trên Rạch Tân Hương. Nó đưa nàng đi rồi rước nàng trở lại Sài Gòn. Tiếng tù-và vui buồn là tự nó chứ không phải do tôi hoặc nàng.

Sống trong gia đình bà cụ tôi, với một huyện ủy

viên là cô Hai tôi, một đảng ủy viên là bà Bảy tôi, tôi không phải lo mất lập trường, nên thừa thời giờ để đi sưu tầm tài liệu. Tôi tiếp xúc với mọi người.

Một nhận xét của tôi: “Người dân tôi hết còn là người” như Gorki từng nhận xét dân tộc của ông dưới thời nào đó: “Người nông dân hết còn là người”.

Con người lúc nào cũng sợ hãi, mất láo liên. Nghe một tiếng vỗ nia đánh bập, một tiếng chài nhíp vào tai cối cũng giật mình ngỡ đó là đạn pháo “đề-pa”!

Không dám đi quơ củ ngoài vườn vì sợ lựu đạn của du kích. Không dám ra đồng trồng vì sợ trực thăng, không dám ngủ trên giường vì sợ cà-nông lẫn xuống đất không kịp, không dám đi xa miệng hầm vì sợ máy bay ném bom chạy về không kịp.

Nhận xét của tôi về Đồng Khởi: đó là một ván bài ăn may, còn Giải Phóng, một sòng bạc ăn lận bởi một tay chơi tiêu lòn bên trong nội bộ.

Sau Đồng Khởi, QLVNCH đã đóng lại ngay những đồn bót đã mất, hơn thế còn mở rộng thêm vùng kiểm soát khiến cho vùng giải phóng teo lại như mảnh da lừa. Thời đánh Pháp vùng giải phóng thênh thang bên Cù Lao Minh lẫn Cù Lao Bảo. Bên Minh chỉ có quận lỵ Mỏ Cày là do Pháp kiểm soát, vùng đất còn lại, gồm có mười mấy xã của quận này và toàn bộ quận Thạnh Phú không có đồn bót. Cơ quan bộ đội tha hồ đi bộ đi ghe. Một nửa kia của Cù Lao Bảo từ Mỏ Cày lên tận đầu Cù Lao cũng giải phóng. Bây giờ vùng Việt Cộng chui rúc nằm trong gọng kềm Mỏ Cày Thạnh Phú. Ở Mỏ Cày chỉ có mấy

xã Bình Khánh, Phước Hiệp, An Thái, Thành Thới, Minh Đức, Tân Trung là đất cấm dùi của lão Thọ, nhưng cán bộ và bộ đội không dám ăn no ngủ kỹ vì sợ biệt kích, chụp dùi, giang thuyền tới viếng không biết lúc nào, ngay cả nửa đêm cũng xảy ra những trận chụp dùi kinh tâm tán đờm.

Đồng bằng Bến Tre quả là một thứ *Đồng Bằng Gai Góc* chứ không phải một thứ đồng bằng mà Việt Cộng có thể dùng làm nơi ăn hút và làm bàn đạp tấn công như xưa. Mỹ không phải là Pháp. Bởi vậy nên quân Giải Phóng Miền Nam không thể có Tầm Vu, Sóc Xoài, Giồng Đình, Giồng Dứa, La Ngà, Bàu Cá. Còn riêng Bến Tre thì đốt đuốc tìm cũng không ra Phú Lễ, Tân Xuân, Định Thủy, Giồng Chùa... mà chỉ có con ngựa trời khắc không ra lửa. Còn toàn Miền Nam thì không có gì hơn là bãi xương trắng Bình Giã Đồng Xoài Phước Long. Đó là những trận so cựa giữa Mỹ và Quân Đội Nhân Dân Miền Bắc chứ không phải giữa Mỹ và Giải Phóng Quân. Giải Phóng Quân vào lúc tôi về chỉ là những thanh niên ô hợp chưa có đủ súng, không có chỉ huy hiểu khoa học quân sự, mà đó là những thanh niên bốc tếu. Chỉ được vài năm đầu sau Đồng Khởi. Còn bây giờ là lúc Giải Phóng Quân đang tự giải phóng ra khỏi những cái đơn vị Giải Phóng của mình để về nhà, giống y như thoái trào hồi 1950-52 của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Một bữa tôi đang tìm vị trí ngoài vườn để làm hầm mới trốn máy bay. Vì trước đây trong nhà cụ tôi chỉ có hầm trốn pháo. Ban đêm ngủ trong đó, ban

ngày thì trốn máy bay cũng chui vô đó. Nếu nhà bị ăn bom thì cả gia đình chết cháy. Đắp một cái hầm tính ra không kém một cái nhà bao nhiêu. Phần lớn người ta giữ nhà đem ra đồng cất chòi, còn cột kèo dư thì xây hầm. Cuộc sống của người dân đang bình thường bỗng trở thành cuộc sống ở chòi và ở hang.

Đang mệt thì có tiếng kêu:

- Anh Hai!

Tôi quay lại thấy một thanh niên cao lớn, cổ quàng vải dù, đầu đội nón tai bèo, lưng đeo “Cun” có vẻ oai phong lẫm liệt. Tôi không biết đó là ai, thì cậu ta tự giới thiệu:

- Em là thằng Bình nè.

- Bình nào?

Bà Bảy tôi đi đến đứng bên cạnh và vò đầu nó:

- Thằng Bình con chú Năm Vị con không nhớ à?

Tôi gật đầu mơ màng. Mãi lúc sau mới nhớ ra. Bà Bảy thích lắm. Vì chồng bà là trí thức tham gia Cách Mạng từ 45, tập kết ra Bắc được đi học Liên Xô về nước dạy Đại Học Tổng Hợp. Cứ vài tháng bà được một lá thư dài tám tờ pơ-luya từ Hà Nội gửi vào.

Bà luôn luôn tin tưởng ở Bác Hồ. Cho nên bà rất vui mừng. Bà nói:

- Họ Bùi bây giờ được hai thằng đực rựa thật là quý. Bỏ cuộc đó đi, rồi bắt con gà mái, bà làm thịt đãi tụi bây.

Mỗi lần nói chuyện với bà, tôi thấy tội nghiệp bà hết sức. Gần bốn mươi tuổi rồi, bà hứa hôn hồi đầu kháng chiến.

*Bao giờ kháng chiến thành công,
Chúng ta cùng uống một chung rượu đào
Tết này ta tạm xa nhau,
Chắc rằng ta sẽ Tết sau sum vầy.*

Tết sau là Tết nào? Bây giờ là cái Tết thứ hai mươi rồi! Bà rất tự hào. Bà tự ví đời mình như các nhân vật *Cung Oán Ngâm Khúc*, *Khuê Phụ Thán* lẫn *Hòn Vọng Phu*. Rất tích cực công tác, luôn luôn đi vắng nhà lúc ban ngày. Còn ban đêm tuyệt đối không ra khỏi nhà. Đảng ủy coi bà như một người gương mẫu, đồng thời là linh hồn của họ vì tính khí cương trực, đức tính thủy chung cùng trình độ chính trị văn hóa của bà. Bà là một người đẹp, dáng dấp mảnh mai, học chữ nho tại nhà, làm thơ Đường luật và đi theo chỉ hướng của vị hôn phu một cách triệt để.

Bây giờ có thêm mấy thằng đực rựa này nữa thì bà càng thấy chí hướng của bà là đúng. Tòe quăng cuốc đi vào. Thì thấy một ông ngồi chong ngóc trong nhà. Đó lại là một thằng đực rựa họ Bùi khác. Tòe kêu lên.

- Chú Khanh!

Chú là bà con chung đầu ông cụ với tôi, tức là bà nội của chú là em gái của ông cụ tôi, cùng họ Bùi. Má của chú là con gái của ông Chánh Đầu, một người rất có uy tín trong làng đặc biệt hơn nữa, lúc về già ông cất nguyên một cái thánh thất Cao Đài, tu tại đó và mấy năm cuối cùng của đời ông, ông không ăn cơm chay nữa mà chỉ ăn toàn bông và uống nước mưa hứng giữa trời. Dân trong vùng mến phục ông, nhiều người đem bông tới tặng ông dùng bữa. Ông ăn bất cứ bông gì. Ông bảo:

- Bông là tinh chất của vũ trụ.

Khi ông viên tịch, mộ ông ngày nào cũng có bông tươi rắc lên. Chú có người anh thứ Tư học trường *Le Myre de Vilers* cùng khóa với anh của Ngô Quang Trưởng, con được sư Ngô Quang Thọ ở Mỏ Cày. Chú đi kháng chiến. Lúc Léon de Roy chiếm đóng tỉnh Bến Tre thì chú chạy xuống miền Tây ở vùng Đầm Cùn. Không biết lý do gì chú bị Sở Công An Nam Bộ bắt. Sau đó ít lâu, được thả ra, chú về nhà cưới vợ làm ăn luôn, mặt trận mặt gì mời chú cũng "*Không!*" Một tiếng "*không*" dứt khoát.

Ở Hà Nội tôi có gặp chú Khanh một lần ở vùng đầu đường Hoàng Hoa Thám. Lúc đó chú bảo chú sắp về quê. Chẳng ngờ bây giờ lại gặp nhau ở quê, mà tại nhà bà cụ họ Bùi. Bà cụ mừng rỡ vô cùng. Cụ nói:

- Hồi xưa Địch Thiên Kim chỉ có một đứa cháu là Địch Thanh, bây giờ tao có tới ba Địch Thanh, tao hơn bà Địch Thiên Kim rồi.

Bà con tới lai rai, vì đến đông không đủ hầm chui, khen:

- Một nhà "*Cun*" (Colt - tức K54).

Thằng Bình làm đại đội trưởng Giải Phóng Quân. Chú Khanh, thiếu tá. Chú về Nam giữa lúc rau muống tràn ngập R, không có việc gì làm nên lãnh chức xã đội trưởng Cà-Tum. Vinh quang thay một ông thiếu tá! Bà cụ tôi nói:

- Quan võ có thằng Khanh, quan văn có thằng Triết.

Tôi hỏi tình hình trên R thì chú lắc đầu không nói. Tôi hỏi về thăm nhà chừng nào chú đi. Chú bảo:

- Công tác đây chớ thăm nhà gì. Tao tách đoàn ghé lại đây.

Cơm nước xong, trong lúc chú kể chuyện cho cả nhà nghe thì tôi và thằng Bình đi ra vườn. Bình cao lớn như chú tôi. Lúc tôi là “Tổng Tư Lệnh Thiếu Nhi Cứu Quốc” xóm Cổ Cò chỉ huy đám con nít thì Bình còn ẵm trên tay. Bây giờ nó là đại đội trưởng. Hai anh em hỏi thăm nhau qua loa rồi bước sang lãnh vực Cách Mạng.

- Em đóng quân bên Bảo à?

Tôi hỏi vậy vì nếu nó đóng quân bên Minh thì ắt nó đã nghe tôi về và chạy đến lâu rồi. Nó nói:

- Em ở trên Mỹ Tho.

- Ủa sao lên tới đó?

- Dạ, hồi sau Đồng Khởi tụi em bị đưa lên Khu để thành lập bộ đội Khu.

- Rồi sao?

- Dạ, thì em ở luôn trên đó tới bây giờ.

Hồi ở Hà Nội, tôi được thư nhà báo tin hai em con của chú tôi đi giải phóng quân, lại nhằm lúc tôi gặp nữ anh hùng Tạ Thị Kiều nên ngồi bút tôi hứng khởi vô cùng. Sau khi viết truyện *Lửa Quê Hương* tôi bèn lia thêm một bài *Gởi Cho Em Là Giải Phóng Quân*. Hai bài đăng liên tiếp trên báo *Văn Nghệ*, là một điều hi hữu. Trong bài *Gởi Cho Em* tôi có viết một câu, tới bây giờ hãy còn nhớ, mà mắc cỡ rùng mình...

- “*Em hãy làm cội tùng, đừng sống cuộc đời của ngọn cỏ trong chậu úp...*”

Bây giờ ngồi đối diện với cội tùng non hay ngọn cỏ già tôi cũng không biết.

- Em có dự trận Ấp Bắc không?

- Dạ có.

- Trận đó vang dội khắp thế giới, chớ chẳng phải vừa nhen em!

Thấy thằng nhỏ làm thình, tôi nói tiếp:

- Đến nổi ở ngoài Trung ương gọi một nhà văn về viết về trận đó để gọi ra thế giới.

Đó là nhà văn Nguyễn Ngọc Tấn ở Phòng Văn Nghệ Quân Đội, cấp bậc trung úy được gọi về Nam cho giải phóng quân, trước cả Bùi Đức Ái và Nguyễn Văn Bổng. Tấn đã đến tận Ấp Bắc viết một bài bút ký gọi ra Bắc đăng báo, ký tên là Nguyễn Thi (không phải là Nguyễn Đình Thi). Sau này Tấn qua Trà Vinh viết về Út Tịch là người “Nữ anh hùng giải phóng” được Trung ương tuyên dương, được Bác Hồ tặng áo lụa!

Tấn khởi đầu làm văn nghệ bằng thơ. Thơ kháng chiến của Tấn hay lắm, nhất là tả bộ đội.

Quét những lá vàng,

Vun sau thành đồng

... Chờ một hôm nào hơ hóng áo anh.

... Trời oi gai móc thịt da

Ở nhà còn lạnh hướng ra chiến trường

(Thơ Đồng Nội)

Tuy không sắc sảo và điêu luyện bằng Nguyễn Bính nhưng hơn xa Bảo Định Giang, Bảo Việt. Đời của Tấn là một bi kịch. Khi ở chiến khu D, Tấn có yêu một nữ nhạc sĩ dương cầm. Hình như đã làm lễ cưới. Không hiểu sao khi tập kết, Tấn không đem theo,

trong lúc Tấn có thừa tiêu chuẩn. Hơn nữa, Tấn là bạn cột chèo với Võ Huy Xứng là Trưởng Phòng Chánh Trị khu lúc bấy giờ.

Ra Bắc ở một mình. Tấn đau khổ. Đầu khoảng 62-63 gì đó không hiểu bằng cách nào mà bà nữ sĩ ra được Hà Nội trong lúc chàng thi sĩ lại đã lên bệ phóng Trường Sơn. Hai bên gặp nhau chẳng biết được mấy ngày. Chàng không thể ở lại còn nàng thì không lẽ mang ba lô vượt Trường Sơn? Để cho chàng thêm thi hứng, Trung ương bèn cho chàng đi nhanh vào Trường Sơn, không để dây dưa sợ cái lập trường mềm đi mất. Riêng nàng thì được anh Sáu Thọ cho đi Bu Đa Pét học dương cầm. Từ xa, tới xa. Vì Cách Mạng xa nhau. Rồi vì Cách Mạng lại xa nhau lần nữa. Lần trước mười năm lần này vĩnh viễn: Tấn bị bom pháo đầu ở vùng Bời Lời, trong ba lô ắt hẳn có một bài thơ tình không vần và không câu cuối.

Sẵn tài liệu sống trước mặt, tôi đại gì lại bỏ qua. Thử khai thác xem có đủ chất viết một bài về Ấp Bắc không. Tôi hỏi thàng em:

- Em có thể kể cho anh nghe về trận Ấp Bắc không?

Cậu bé ngồi lặng thinh, hồi lâu mới đáp nhỏ rí:

- Dạ được.

Nó kể cho tôi nghe, xong, tôi hỏi đó là sự thực à?

- Dạ theo em biết thì nó như thế đó.

Theo lời của Binh thì trận Ấp Bắc là một chuyện không biết nên nói là may hay rủi. May là vì đoàn tải vũ khí từ Trà Vinh về ngang Mỹ Tho thì bị quân Sài Gòn

bao vây. Vũ khí này được đưa về để thành lập một đơn vị chủ lực Khu II do Lê Quốc Sản ở ngoài Bắc về làm Tư Lệnh. Sản là Trung Tá được phong Đại Tá để tương xứng với các Tư Lệnh Vùng. Sản về, vừa đến Tháp Mười chưa giờ trò gì được thì chết. Tôi có nói đến cái chết của y trong hồi ký Củ Chi. Cùng lúc với Nguyễn Văn Bảo chánh ủy Sư Đoàn 330 về làm chánh ủy Khu IV, Nguyễn Hoài Pho Tư Lệnh Khu III, cả ba mạng đều bỏ mạng. Bị bao vây, đoàn vận tải phải phân phát một số vũ khí ra cho bộ đội Mỹ Tho-Bến Tre vừa mới tập trung để hình thành chủ lực khu, nhưng có một số vũ khí mới chưa ai biết sử dụng được nên phải chôn giấu và bị quân Sài Gòn móc lấy hết.

- Kết quả trận đánh ra sao. Em cứ nói thật rồi anh liệu mà đề cao.

Thằng bé ngẫm nghĩ một hồi, rồi nói:

- Tiểu đoàn em chết gần hết. Ban chỉ huy tiểu đoàn không còn ai. Các ban chỉ huy đại đội hi sinh hoàn toàn. Em lúc đó là tiểu đội phó được cho làm đại đội phó. Nhưng đại đội em chỉ được hai tiểu đội. Cả tiểu đoàn quân số trên hai trăm còn lại chừng năm mươi.

- Rồi sao?

- Dạ rồi ở trên xuống ủy lạo, tuyên dương phong chức và đặt tên là đơn vị anh hùng Tiểu Đoàn Ấp Bắc. Nếu không có số vũ khí này thì tiểu đoàn em đâu có chết dữ vậy.

- Tại sao?

- Dạ vì tụi em chỉ có trường bá đồ mà không đủ

đạn. Bắn một chập là hết trơn. Tụi nó chỉ cần nhảy giò xuống bắt sống chó đầu cần bắn mà chết.

Tôi xem mồi cậu đại đội trưởng này không hề hời thừa thắng xông lên cho lắm nên hỏi qua chuyện gia đình. Nó nói thẳng không sợ tôi buồn:

- Em về thăm gia đình vô thời hạn anh ạ.

- Sao vậy?

Tôi hiểu là thằng nhỏ mất ý chí chiến đấu nên chỉ hỏi lơ là. Nhưng nó cứ nói thẳng:

- Đơn vị em đâu còn mà trở lại. Tình thế này mình không làm gì được. Ở Mỹ Tho không một giờ nào yên. Buổi sáng thức dậy thật sớm, nấu cơm ăn rồi ra đồng phân tán vào các chòi dân, tối mới về vườn, lại bị pháo. Toàn ở hầm. Một lần đơn vị em bị chụp giữa đồng. Chắc có điệp báo. Hoặc là nhân dân không muốn cho mình chen vô hầm, ở trong chòi với họ nữa nên báo cho lính. Em sống sót là nhờ cái gì em cũng không biết nữa.

Sau này nó ở nhà luôn. Thím tôi cưới vợ cho nó. Họ hàng không ai xúi nó đi trở lại đơn vị nữa. Mà có xúi chắc nó cũng không đi. Năm nay (1993) nó đã có cháu nội.

Dịp may hiếm có, tôi đề nghị với chú Khanh tổ chức một buổi về thăm nhà. Nhà tôi, nhà Bình và nhà chú ở gần nhau. Sẵn có mặt ba chú cháu về thăm một chuyến.

Trước nhất bà Bảy và cô Hai tôi bàn với đảng ủy và chi ủy tổ đảng địa phương. Tụi này thấy tôi về không có đeo K54 thì lạnh nhạt, không giúp cả việc làm hầm. Tôi không đeo K54 như các nhà quân sự

lại nhét trong ba lô. K54 là vật chuẩn đánh giá cán bộ. Bây giờ thấy chú Khanh và em Bình mang “*Kun*” thì họ tích cực giúp đỡ. Họ cho du kích đi dò đường trước, gõ chuông ngại. Rồi một tổ đi nằm quá nhà tôi để có lính quận ra thì báo liền.

Vậy là ba ông quan văn quan võ họ Bùi yên chí lớn hồi hương với chiếc áo bà ba đen, chân đất và súng ngắn giắt lưng. Má tôi căn dặn không cho tôi về nhà, vì sợ gián điệp báo cho lính. Lính vô nhà tôi nằm sẵn. Về là đứng.

Tôi về tới nhà ngoại tôi, hôm trước hôm sau cả chợ Cầu Mống đã hay: “*ông Trung Tá*”. Không biết ai phong quân hàm cho tôi ngon vậy! Đi kháng chiến làm phóng viên chiến trường đã đòi, ra Bắc lãnh chức, vợ mấy thằng trưởng phòng trưởng ban chuyên làm kẻ đấm bóp cho chúng, lại lãnh chuẩn úy. Tôi thêm cái “*lon*” sữa bò đó à? Tôi cởi áo lính ra làm báo luôn. Sau này Tổng Cục Chính Trị gọi lại, tôi cũng không luôn. Trở lại cao lắm cũng là đại úy như bọn Nguyễn Khải, Nguyễn Ngọc Tấn là cùng. Mà tôi cũng đâu có ham làm “*quan võ*” nhất là dưới quyền của ông đại úy rằng bậc lập trường cao muôn trượng Thanh Tịnh.

Cuộc hồi hương của ba tên đục rựa họ Bùi được bố trí vào lúc đêm và giờ xuất phát rất bí mật: chín giờ tối. Với sự bố trí kể trên, nguy hiểm thứ nhất được loại trừ: biệt kích chụp dùi. Chỉ còn nguy hiểm thứ ba là pháo. Cầu Mống có pháo 105. Ở nhà thì pháo bắn cũng chết. Vậy là coi như an toàn đến tám

mươi phần trăm. Đèn pin không được dùng đến vì đó là phương tiện hiện đại, có thể lẫn lộn với địch. Cái gì lạc hậu nhất là của đảng ta: đuốc lá dừa.

Tôi về đến nhà, má tôi hồn vía lên mây. Bà dậm chân:

- Mày về làm gì? Nhà cửa tan tành như vậy đó. Coi mau mau rồi đi!

Tôi vô cửa hông ra cửa sau và trên đường trở ra “căn cứ” tôi tạt vào thăm nhà ông nội bà nội, nhà ông Mười bà Mười, nhà ông cụ, tức ông nội của bố tôi, rồi đi một vòng kim tinh, vạch cỏ tìm mộ ông nội rồi trở ra ngay.

Ở ngoài này bà cụ, bà Bảy, và cô Hai đầu có ngủ. Cả nhà thức chờ tôi về và nghe ngóng coi có pháo bắn không. Tôi không dám cho ngoại tôi hay vì má tôi dặn ngoại tôi đừng có cho tôi về. Hễ vài bữa thì má tôi ra thăm chừng tôi một lần, coi tôi có còn ở đó không, và tiếp tế thực phẩm, tiền bạc.

Cuộc hồi hương coi như thắng lợi hoàn toàn. Chú Khanh và thằng Bình cũng đạt được mục đích như tôi, nghĩa là rảo quanh nhà được một vòng.

Cuộc sưu tầm tài liệu để viết tiểu thuyết Đồng Khởi ở quê ngoại của tôi chấm dứt. Một bữa tôi hỏi cô Hai tôi:

- Cô có biết bà nào tham gia đội quân đầu tóc hỏi đó không cô?

Cô Hai nói:

- Hồi đó cô chưa trách nhiệm. Cháu muốn biết rõ thì phải lên tỉnh tìm bà Sáu Hòa. Chắc cháu có quen.

- Bà là ai mà cháu quen?

- Bà là cựu trào kháng chiến, cán bộ của bà Ba Định. Hồi đó cháu ở văn phòng Thanh Niên tỉnh thì biết bà.

- Nhưng hồi đó đâu có ai tên Sáu Hòa.

- Hình như bà tên là Sáu Nết.

- Dạ. Chị Sáu Nết, chị Hồng Yến cháu có biết. Chồng bà Sáu Nết là ông Hồ Văn Thoại làm tờ báo *Hi Sinh* của tỉnh. Còn chị Yến thì thành hôn với

anh Phan Minh Triều, trưởng văn phòng của Ủy Ban tỉnh.

- Cháu lên đó sẽ còn gặp nhiều người nữa. Tài liệu thiếu gì. Lo không có đủ bút mực mà ghi.

Thế là tôi chuẩn bị đi qua gặp tỉnh ủy bên Cù Lao Bảo. Trước khi đi tôi nhắn má tôi ra. Sau vụ cô gái Sài Thành, má tôi buồn lắm. Con gái vùng giải phóng kiếm đồ con mắt không có một đứa. Chúng đi giải phóng đâu đâu hoặc ra thành làm ăn rất khá, không cô nào chịu ở nhà.

Lúc bấy giờ Mỹ đã vô, công việc làm ăn hái ra tiền nên người ta ùn ùn đi Sài Gòn, không mấy ai theo giải phóng. Có gia đình nông dân, vốn là tá điền của ngoại tôi, bị một thảm kịch vui vẻ.

Số là ông ta làm cán bộ nông hội giải phóng. Ông có hai đứa con gái, mới ban đầu thì đi buôn hàng chuyển theo đồ máy lên tỉnh. Coi bộ mần ăn khá cô nàng vọt lên Sài Gòn. Làm ăn khá hơn nữa cô ở luôn. Ông bố dọa làm tờ từ vì con gái làm mất uy tín. Nhưng cô gái không ngán, thừa thắng xông lên cô lấy luôn “*lính Ngụy*”. Hồng biết lính cỡ nào mà có xe jeep chở cô về đến tỉnh. Cô nhảy xuống đồ về nhà, thừa lúc ông già đi họp nông hội, bèn xúc luôn cô em gái lên Sài Gòn gả cho “*lính Ngụy*” luôn. Ông già hăm mẽ rằng, nhưng hai thằng rể Ngụy vẫn cứ gởi quà về cho bố vợ giải phóng đều đều, khi thì bánh Trung Thu, khi lại quần áo, sữa đường dầu ăn. Ban đầu ông ta giữ lập trường “*ta-bạn-thù*” rất nghiêm minh, la hét om sòm và dọa trả lại, nhưng dần dần

quà gởi thường quá, ông đem cho bớt các đồng chí. Các đồng chí đem ra xài công khai. Ông thấy không ai nói gì nên cứ nhận, lâu lâu lại bảo gởi món này món nọ. Khi tới sang đây hai cô có gởi thư nhận là đồng hương và cho biết ông già bị thương cụt một chân hồi chiến tranh. Hai cô gởi thuốc men và một cặp tóc về cho ông bố.

Má tôi đưa tôi một quãng trong vườn dừa bà cụ rồi đứng lại móc tiền cho tôi:

- Tía mày không chịu cho mày đi, nhưng mày đi, tía mày (má tôi không bao giờ gọi bố tôi bằng “ông”) cũng để cho mày đi. Hồi hòa bình tía mày bảo tao vô Khu 9 rước mày về. Mày nói để mày đi hai năm. Bây giờ là mấy năm? Con *Line* không lấy chồng là vì mày. Bây giờ tao già rồi, cháu ngoại không có, cháu nội cũng không. Mày coi mấy thím của mày đó, cháu nội cháu ngoại cả bấy. Đây rồi tía mày cũng như ông ngoại, khi chết không có cháu.

Lời trách móc thấm thía vô cùng. Tôi còn biết nói gì. Tình hình như vậy làm sao kiếm ra một cô dâu cho bà?

- Mày không thấy đứa cán bộ phụ nữ huyện, phụ nữ tỉnh gì sao?

- Không có đâu má ơi.

Rồi tôi đi, lòng buồn héo hon vô hạn, tâm sự bồi bồi, nhưng còn biết làm sao? Hồi ở ngoài Bắc quyết lòng trốn về cho được. Bây giờ về được rồi lại thói chí nản lòng. Tìm không gặp tỉnh ủy ở bên Bảo. Tôi quay sang Cù Lao Minh, ở vùng An Định. Đang đứng

lớ ngớ ở chợ Cái Quao, làng An Định nhưng chợ tên là Cái Quao, cũng như làng Hương Mỹ nhưng tên chợ là Cầu Mống, làng Minh Đức có chợ tên là Tân Hương, thì gặp một thằng bạn cũ. Nó vừa ở dưới đò máy đi lên. Khu giải phóng xài toàn đò máy nhưng không phải để cho bộ đội hành quân mà để dân đi thành. Làng nào có sông thì có đò máy, có làng hai, ba chiếc, mỗi ngày có hai chuyến lên thành.

Nó tên là thằng Bảy Quế, con thầy giáo Trí ở chợ Xếp Hòa Lộc. Thấy nó ăn mặc bảnh bao, mũ phớt, cà rá đồng hồ chói chang thì tôi sực nhớ nó công tác quân báo cho Hai Tình, trưởng ban quân báo tỉnh cũng là bạn học của tôi và của chị ruột người đẹp Sài Gòn. Sau này tôi gặp hấn lảng vảng ở bến đò này luôn, để lấy tin hoặc tung tin ra thành.

Hấn trở tay:

- Văn Công R xuống kia kìa!

- Ở đâu?

- Một số đã tản vô vườn còn một số mê đồ thành đang bu trong các quán.

Tôi xộc vào thì thấy bá quan đủ mặt. Trưởng đoàn là Ba Thanh Nha, soạn giả cải lương ở ngoài Hà Nội về, chạy tới ôm chầm lấy tôi:

- Về tới xứ rồi hả? Lo vợ con gì được chưa?

- Anh đi đâu dưới này?

Thanh Nha rí tai tôi:

- Chạy trốn chiến dịch Johnson City (hay Junction City) chớ đâu!

- Trốn đâu chớ ở đây không có “hảo hảo” đâu anh Ba.

- Tao đi tuốt Khu 9 chó ở đây sao nổi. Bom pháo ở đây còn hơn ở R.

- Anh qua Đồng Chó Ngáp thấy chó có ngáp không?

- Phải đổi ra là Đồng Chó Tru thì mới đúng.

- Quân tướng còn đủ không anh Ba?

Ba Nha nháy mắt và cười:

- Tao đem nó xuống cho mày kia!

- Nó nào?

- Làm bộ hoài! Con “su hào” mày không nhớ hả?

Tôi như bừng tỉnh giấc mơ. Trên đường Trường Sơn, chúng tôi có đi qua tình bạn một tí ti, Ba Thanh Nha bảo:

- Tìm chỗ uống trà bàn với chú mày vài chuyện công lẫn tư.

- Chỗ thì có nhưng không thể ở lâu trong chợ được. Trục thẳng nó đến “*phượng hoàng vô môi*” đó.

Ba Nha cười:

- Chà! Mới xuống đồng bằng mà rành dữ ha! Có bị phát nào chưa?

- Mới bị “bủa lưới” nhưng chưa bị phóng lao. Mới bị phóng pháo thôi.

Anh rỉ tai tôi.

- Ê đừng có giỡn với nó nghe chú em. Tỉnh ủy Long An vừa bị một mẻ... to.

Vài ba người trong ban chỉ huy tháp tùng theo Ba Nha đi uống trà. Ba Nha còn quay lại nhắc chung:

- Mua gì thì mua riết đi nghe. Làng chàng ở đây không có lợi.

Tôi nói với Ba Nha:

- Tôi chắc tụi nó “nuôi” cái chợ này cho mập rồi nó làm thịt không biết giờ nào! Chớ không có lý nào chợ búa rình rang như thế này mà nó thả cho tự do?

- Đúng đó ông bạn cố tri!

Một tiếng nói bật lên và một bàn tay vỗ vai tôi. Tôi ngó lại, thì ra là Bảy Quế. Tôi giới thiệu với ban chỉ huy đoàn Văn Công.

- Thằng “báo” hại! Đây là ông...

Nhìn cặp mắt Bảy Quế nháy, tôi nói trớ.

- Đây là ông bạn tôi có cô em gái rất đẹp không biết gả chưa?

Cả bọn cùng cười. Bảy Quế cũng cười:

- Gả rồi nhưng gả cho “quân nó” mới bỏ mạng sa tràng chớ!

- Sao mất lập “trường gà” vậy mậy? Hồi kháng chiến, mỗi lần nó dắt tụi tôi ghé nhà “ưu điểm”, nó đều rí tai từng thằng: “Muốn ăn gì ăn, muốn ngủ chừng nào thì ngủ nhưng cấm mò em gái tao!”

Cả bọn cười rộ. Tôi tiếp:

- Bây giờ lại bị người ta cuỗm mất. Mà là quân nó, không phải quân ta.

Bảy Quế cười ngo ngoậy bộ râu cá chốt hóm hình:

- Ai biểu tụi bây cứ lấp ló không chịu dõ!

Ba Nha chen vào:

- Hồi đó mấy cậu này chưa có biết muốn vợ. Tội nghiệp, bây giờ muốn động trời thì lại kiếm không ra!

Đồ phụ tùng sẵn trong ba lô, chỉ cần moi ra. Nào chung mắt trâu, nào bình trà làm bằng hộp gi-gô. Củi thì đó, nhà sụp, nhà bị bom, tha hồ rút lấy làm

củ chum chó đâu có phải như trên Trường Sơn gọt cây đứng lấy từng lát như cam thảo, mà nấu lâu lắc!

Ba Nha vừa châm trà vừa lâm râm.

- On ai, vong hồn Hoàng nhạc sĩ và Lê thi sĩ!... về đây hưởng bầy chung trà.

- Nói nhảm gì vậy ông nội?

Tám Không, thành viên của ban chỉ huy đoàn nói:

- Hoàng Việt và Lê Anh Xuân chết rồi.

- Ủa, sao vậy?

- Lê Anh Xuân và thằng Hồng Đức bị chết ngộp dưới hầm ở Long An còn Hoàng Việt bị rốc kết phóng ngay miệng hầm ở An Hữu.

- Ảnh đi đâu vậy?

- Mày quên à? Ảnh về là để làm Bản Giao Hưởng II về Cửu Long Giang. Vừa tới An Hữu thì lâm nạn.

Tôi ngồi chết trân. Cả ba người này tôi đều biết. Riêng Hoàng Việt thì rất thân, thân đến độ dám nói chuyện bất mãn với nhau mà không sợ đi báo cáo. Cả một chuỗi dài kỷ niệm giữa hai đứa hiện lên trong tôi. Thôi, vậy là hết một đời nghệ sĩ. Đi năm sông bảy núi không sao về chết ở lỗ chân trâu.

Trên đường Trường Sơn anh tâm sự với tôi về những bản giao hưởng mà anh định sẽ làm. Anh nói anh đã từng đến Sông Danube đi thuyền trên đó. Danube đâu có hơn gì Cửu Long Giang nhưng nó có được thể hiện trong hai bản bất hủ là *Sóng Danube* và *Danube Xanh*. Cửu Long ta hùng vĩ thế mà... Anh đã làm bản giao hưởng Quê Hương ở bên Bucarest. Giàn nhạc giao hưởng Hà Nội đã trình diễn bản

nhạc này ở Nhà Hát Lớn để tiễn chân anh về Nam, cũng là vĩnh biệt anh lần đó.

Đến đây tôi muốn trả lời cho một người bạn nhạc sĩ Việt Nam hiện đang tị nạn ở Mexico. Nhạc sĩ đọc sách của tôi và hỏi tôi: Hoàng Việt về Mỹ Tho có một tiểu đoàn bảo vệ cho anh để anh sáng tác, phải không? Xin thưa: Đó là chuyện trên sao Hỏa. Hà Nội có coi những nhà văn hóa và nghệ sĩ ra gì. Hoàng Việt là một nhạc sĩ sáng tác nhiều nhất và hay nhất trong chín năm kháng chiến Nam Bộ. Anh là hạt ngọc của Việt Nam chứ không phải riêng của Cộng Sản. Đến năm 1965, theo tôi biết thì ở Miền Bắc chỉ có Hoàng Việt là người độc nhất có khả năng sáng tác nhạc giao hưởng. Từ *Bungari* về với mái tóc bạc quá nửa, anh được đưa vào trường vác gạch chuẩn bị *đi* Nam. Với tiêu chuẩn của một binh nhì. Anh ốm yếu, nghiện trà thuốc nặng cho nên trên đường Trường Sơn ngoài cái đói anh còn phải chống trả với cái ghiền. Không một tắc sắt trong tay, chân đau lê lết, giao liên bỏ bê, có biết đó là ai. May sao tôi cũng ốm lợt lại sau đoàn. Thằng què được thằng mù công, nương tựa với nhau mà lết về đến quê nhà.

Chúng coi Hoàng Việt như một tân binh nên phát vòng kaki, không có món gì đặc biệt, cho nên cái ba lô của anh mỗi khi mắc mưa, nặng như Ngũ Hành Sơn nằm trên lưng ông Tôn Hành Giả Hoàng Việt có gắn lá bùa lập trường và tiêu chuẩn.

Tiêu chuẩn gì? Lê Đức Thọ, anh vợ là cựu Trưởng Ty Công An Bạc Liêu ra Bắc được cho ngồi ghế Giám Đốc Sở Du Lịch, về Nam lại được đi máy bay.

Vợ Nguyễn Chí Thanh và vợ tướng vô thăm chồng trong R lại được đi máy bay và được lính khiêng từ Minốt về Tây Ninh bằng vòng hoa. Chuyện đó đã đành, bởi vì chồng làm đại tướng trung tướng thì vợ phải được tiền hô hậu ủng là lẽ thường. Tổng Bí Lê Duẩn có vợ bé bị vợ lớn đánh đuổi phải đem gởi cho Mao Chủ Tịch, mỗi lần sang thăm vợ bé, tốn ít nhất là mười năm lợi tức của một xã viên.

Đừng nói đâu xa, hãy nhìn Thép Mới Tổng Biên Tập báo *Nhân Dân*, cả đời viết được chục rưởi bài tùy bút, “*tác phẩm*” của y gom góp lại in được chừng mười đến mười lăm trang đọc được. Thế mà vô Nam, hần đi đâu được đám Bake bộ chỉ huy giải phóng cho cần vụ đi theo đũa mang ba lô, đũa vác AK hộ vệ. Vì hần là dân triều đình. Còn Hoàng Việt đi đơn thân độc mã, phó mặc cho giao liên, du kích vô trách nhiệm cho nên thay vì cất giấu kỹ lưỡng chúng lại nhét Hoàng Việt vào một cái hầm, trống toang hoác, chẳng trách gì trực thăng phóng quả rốc kết ngay chóc miệng hầm. Tất cả thân xác nhà nghệ sĩ số một của miền Bắc chỉ còn lại một mảng tóc bạc dính vào gốc cây gậy cúp bên miệng hầm. Phát súng đó đất giá không kém gì nhánh cây giết Nguyễn Chí Thanh ở Tam Giác Sắt trước Mậu Thân.

Còn Lê Anh Xuân, con cụ Ca Văn Thỉnh cũng đáng tội nghiệp. Xuân vô Nam hận một nỗi: người tình ngoài Bắc không chờ đợi nên đã sang ngang. Lê Anh Xuân đang viết trường ca về Nguyễn Văn Trỗi: “*Trong Cách Mạng, yêu nhau, song sắt nhà tù cũng nở*

hoa”. Xuống dưới kia y sẽ viết tiếp với sự hợp tác của Nguyễn Văn Trỗi.

Thanh Nha thuật cái chết Hoàng Việt rất chi tiết. Hiện giờ vợ Hoàng Việt chưa biết tin. Thành bé mà Hoàng Việt mơ tưởng sẽ có sau hai mươi năm cách xa vợ hiện đang nằm trong bụng mẹ, nhưng khi nó ra đời thì tiếng khóc của nó là tiếng kêu oán than của một bé mồ côi - mà Lê Trực (tức Hoàng Việt) đã tiên tri cho mình từ trước 45.

Tiếng còi trong sương đêm

Nghe vi vu oán than

Thôi khóc chi đau lòng

Con cố yên giấc nồng

Khi ra đi có hứa thu nay về.

Tiếng ru của người mẹ trong *Tiếng Còi Trong Sương Đêm* nay đã trở thành chính tiếng ru cho bé Lê Tương Phùng, cái tên mà anh đã đặt cho đứa bé và đã nói với tôi trước khi về tới R, ngay trong lúc đau nằm tại một trạm ở giữa Trường Sơn man rợ. Lê Tương Phùng đã trở thành Lê Thiên Thu đứa bé nay đã hai mươi tám tuổi nhưng không bao giờ được bố hôn, bố bồng.

Cả bọn uống trà ngon lành và hời hả, trò chuyện cũng hấp tấp. Bảy Quế nói:

- Cái chợ Cái Quan này chỉ cách tỉnh lỵ Bến Tre không đầy mười lăm phút trực thăng. Nó còn để đó để làm đầu mối đưa tin lấy tin. Giống như một cụm chà mà bà con thả dưới sông. Đám cá tưởng đó là nơi an toàn tránh khỏi tay thợ chài, nào biết đâu sẽ có một bữa bất ngờ người chủ bao đăng xúc một phát là sạch. Nào cá lóc, cá trê, cá lòng tong...

Tôi trở bộ râu của nó và nói.

- Và cá chốt nữa.

Ba Nha gạt ngang.

- Thôi đừng có khùng bố để ông uống trà cho ngon miệng!

Tôi hỏi về tình hình R. Anh nói một hơi. Tiệc trà giải tán thắng lợi năm trăm phần trăm, mạnh ai nấy lui. Tôi đi theo Ba Nha để gặp cô “*su hào*”. Ba Nha giục.

- Nói gì thì nói mau mau đi. Đoàn sẽ rời ngay nơi này. Hay muốn ở đây luôn thì nói.

Dâu có gì để nói. Nhìn thấy cô bé trên đất quê nhà, tôi cảm thấy là mười năm sống trên đất Bắc tôi “*tu hành*” là sáng suốt, vì sớm muộn gì tôi cũng sẽ bị đúc trong lò Trường Sơn. Nếu có vợ có con bỏ lại, ai nuôi? Tôi chạy dài, chạy không ngó lại cái sự “*giúp đỡ*” của đảng ủy chi ủy mà tôi đã từng thấy.

Còn bây giờ rau muống đã bỏ vô tới đây? Lại cũng không thể. Tôi cưới vợ để đi theo văn công lêu bêu nay tỉnh này mai tỉnh khác ư? Còn nếu bắt về nhà làm dâu thì cô nàng có chịu? Trường hợp này cũng na ná như trường hợp người đẹp Sài Gòn. Hôn nữa, Ba Nha cũng không có đủ quyền hạn quyết định một vấn đề như vậy.

Tôi có yêu một cô Bắc Kỳ thật, nhưng cô Bắc Kỳ ấy thì đang ở xa. Tôi chắc Bắc Kỳ cũng yêu tôi lắm! Chúng tôi chỉ mới hôn nhau và tạm biệt. Nếu phải lấy vợ người khác xú thì tôi chỉ xin lấy cô Bắc Kỳ đó mà thôi. Trên thế gian này mọi cuộc tình sâu đậm đều tan vỡ. Romeo Juliette, Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài, v.v...

Thêm tôi nữa, Xuân Vũ và cô Bắc Kỳ!

Tôi vào quán mua ít quà tặng cho cô bé và báo các bạn:

- Đây là cái chợ độc nhất trong vùng Giải Phóng mà tôi gặp suốt từ R về đến đây, các bạn muốn mua gì thì trút hồ bao ra mà mua đi, đi xuống I3 (tức Khu 9 cũ) càng gay go hơn.

Ba Nha nói:

- Từ ngày về Nam tới nay tao mới biết cái chợ.

- Đây chỉ là những cái chòi không phải là chợ. Chỉ khác chòi ngoài đồng là vì ở đây có hàng hóa từ thành thị đem vào. Tôi có ghé ngang đây khi từ R xuống, nhưng lúc đó không sung túc bằng.

- Mẹ kiếp! Chợ làng mà phong phú quá.

- Dạ thưa anh Ba, xứ này từ xưa nó vẫn như thế, hơn thế mà! Anh còn lạ gì!

Tôi biết Ba Nha sợ mất lập trường nên chỉ nói thế thôi. Sự thực, cũng như tôi nghĩ anh phải nói:

- Phong phú hơn cả Mậu Dịch Tổng Hợp Hà Nội.

Mà đúng thế. Nếu anh có nói thì đó cũng là sự thật. Ở đây có bán cả bàn máy may, đuôi tôm, phân hóa học Urée, mua không phải phiếu. Từ cây tằm xía rằng đến lọ tương chao, cứ bỏ tiền ra thì lấy hàng. Ai muốn mua một lúc hai, ba bàn máy, ba, bốn đuôi tôm, nếu không sẵn, mai sẽ có chuyến đồ về sớm nhất trong ngày.

May quá, bữa nay Trời Phật phò hộ, “đống chà” vẫn còn là nơi ẩn núp của lũ cá lóc cá trê R mới tới. Chia tay nhau, Ba Nha chỉ nói y như Hai Tân phó ban Tuyên Huấn, lúc tôi và Tư Mô rời tiểu ban Văn nghệ R:

- Cố gắng cẩn thận nghe cậu!

- Cảm ơn anh.

- Tao thấy cái đồng bằng này không bằng phẳng chút nào hết, lại còn gai góc hơn trên rừng.

- Trời kêu ai nấy dạ anh Ba ơi! Anh Hoàng Việt lợi

Trường Sơn ba tháng không sao, ló xuống đồng bằng có mấy bữa thì lâm nạn. Cẩn thận là đã đánh rồi, nhưng biết thế nào mà cẩn thận?

Ba Nha là một người đang hoàng, trên đưa lên thay cho Tám Nhàn được gọi về Bắc. Anh là một loại người gương mẫu, chỉ sáng tác có một tuồng cải lương cho đoàn Chuông Vàng Hà Nội diễn. Đó là tuồng *Hương Sen Đông Tháp*. Về trong này phần lớn thời giờ anh dùng để chiến đấu với muỗi đòn xóc. Cuối cùng anh là kẻ chiến bại trước kẻ thù tí hon này. Không biết mả ở đâu. Ai mà tìm cho được. Xương chiến sĩ Nam Kỳ không những phủ trắng Trường Sơn mà còn trắng cả R và đồng bằng nữa.

Khi đoàn xuống tới Rạch Giá thì bị chụp. Một số diễn viên bị bắt, trong đó có Nguyễn Trọng Miên, người Châu Đốc là nhạc trưởng của đoàn.

Tám Không, người Giồng Luông, quận Thạnh Phú, được phép đoàn ở lại móc gia đình.

Sở dĩ y có cái tên nghe vui vui như vậy là vì lúc xa gia đình, vợ y có mấy điều “răn” cho đức lang quân tâm niệm. Một là, hai là, ba là... như là một loại nghị quyết của Trung ương đảng. Y là đồng hương và bạn học ở trại huấn luyện Thanh Niên Cứu Quốc Tỉnh, y học bên Thiếu Nhi, tôi nhỏ tuổi hơn y nhưng lại học bên Thanh Niên. Trong kháng chiến, y theo tiểu đoàn 307, tôi làm phóng viên chiến trường.

Ra Bắc y viết và đóng kịch, tôi viết văn. Lợi Trường Sơn cùng một chuyến, và lại gặp nhau đây để “kéo bè kéo cánh”, giúp đỡ nhau viết về Đồng Khởi vĩ đại!

Vợ y là diễn viên số một đoàn Văn Công Nam Bộ. Con y mới ba tuổi, y chỏ lại nhà tôi chơi hoài. Y giục tôi.

- Kiếm một chỗ cấy rau muống đi để “*có một cục để trên đầu trên cổ với người ta*”.

Y lấy tên tôi đặt cho con. Có lẽ vì quá yêu tôi chẳng. Yêu nhau lắm nhưng không có cắn nhau đau như người ta thường nói. Bây giờ y mới chế diễu tôi:

- Rau muống non quắn chân vậy không chịu để về đây không khéo lại quơ dưa hấu sồn!

- Mà y có thực hành đúng “*tám không*” không?

- Tao bây giờ còn “*muời không*” nữa chớ thêm tám.

- Cái “không” nào khó thi hành nhất?

- Không có việc gì khó. Chỉ sợ lòng không bền. Đào sông lấp biển, “*Quyết chí cũng làm nên*” mà chú Hai nó.

- Ủ, tốt lắm. Bây giờ mày tính trụ hình ở đâu?

- Tao có chỗ rồi.

- Ở đâu mà hay vậy?

- Chớ dất mới gặp “*cố nhân thời xa vắng!*”

- Cha chả! Coi bộ lẳng mạn rồi đã!

- Hi hi, nhưng cố nhân lại có cửa mày ạ!

Hai đưa cùng cười rồi dất nhau đi vô vườn để phòng “*Phượng Hoàng bủa lưới phóng lao*”. Tám Không bảo:

- Mẹ, con gái một bảy, con trai một lữ mà đều thất nghiệp. Tao không hiểu người ta giữ để làm mắm hay làm gì mà không cho chúng nó xấp với nhau. À quên, *Điêu Thuyền* vào rồi!

- Gặp *Lữ Bố* chưa?

- *Lữ Bố* đang mắc nạn, tổ chức còn điều tra nên hai đảng chàng và thiếp chỉ hờm sẵn cái bàn cờ chó chưa xuất tướng xe đâm thọc gì được cả.

- Hoàng Việt chết thiệt sao mày?

- Còn giả với ai nữa chó?

- Coi chừng công điện bỏ dấu lộn.

- Chữ gì chó chữ "*Hoàng Việt*" không lộn được. Ở dưới tỉnh bây giờ người ta lấy tên là Năm Quyết, Sáu Thắng, Mười Bò, Ba Ngố chó ai có loại tên mất lập trường đó mà lộn. Chặc! Nếu cần hi sinh một cánh tay của tao để ảnh sống lại, tao xin sẵn sàng.

- Thôi mày ơi! Đừng có nói nhảm.

Tôi dắt Tám Không đi loanh quanh một hồi thì gặp một cái nhà hoang ở mé vườn. Hai đứa mắc vòng nằm. Đâu cũng thế, dân không ở trong những nơi rậm rạp và tránh giải phóng. Tám Không bảo:

- Hai đứa mình ở đại cái nhà này, hằng ngày đi chợ về nấu ăn.

- ... chống Mỹ?

- Tao sẽ tìm cách về thăm gia đình!

- Bây giờ phải lo bồi dưỡng cặp giò trước. Nó khô nước nhòn từ Trường Sơn rồi! Về R đâu có chậm nhót thêm được chút nào. Ở đây là chấp nhận chạy đua với trực thăng, cặp giò yếu yếu là bị nó xốt thôi.

- Mày mới về sao biết rành vậy?

- Qua Mỹ Tho mà không rành à? Ở đó hơn đây cái mục *pháo bầy*. Ngoài ra thứ gì cũng giống.

- Tao bị rồi.

- Ủa, còn Tư Mô đâu?
- Ảnh về bên Bảo thăm nhà.
- Cặp giò ống chắc lúc này làm ống điều tốt hơn hời ở R.

Tôi kể cho ông bạn cố tri nghe về việc tìm tài liệu Đồng Khởi, nhưng y không có vẻ chú ý mà cứ thờ dài.

- Bây giờ tao mới thấy nhớ thằng nhỏ.
- Nhớ thằng nhỏ hay nhớ má nó?

Tám Không làm thỉnh, một chập rồi móc bóp lấy hình vợ con ra:

- Tao phải đem nó về giao cho bà già mới yên tâm.
- Bà già mày ở đâu?
- Ở Sài Gòn.
- Làm sao giao được?

- Thằng Bảy Quế ra vô thành như com bữa. Tao sẽ nhờ nó. Nói chơi vậy thôi chứ làm gì được. Lúc tao về thăm má con nó tản cư trên Bắc Ninh, tao thấy tội nghiệp quá. Xa vợ ít đau khổ hơn xa con. Mày có con rồi mày sẽ biết. Tao nhớ lúc tao bỗng nó lần cuối cùng, tao bảo: *Con hôn ba, rồi ba đi!* Nó hỏi: *Ba đi đâu?* Tao nói: *Ba đi công tác.* Nó hỏi tiếp: *Công tác ở đâu?* Tao bảo: *Xa lắm.* Nó lại hỏi: *Chừng nào ba về?* Vợ tao khóc và quát: *Con đừng hỏi nữa. Để ba đi!* Bây giờ thì biết không có ngày về!

Cái thằng bạn của tôi kể tới đó rồi ngưng. Nó rơm rớm nước mắt:

- Đó những chuyện nhỏ nhặt như vậy thôi mà ă, nhưng nó ràng buộc mình vô kể. Bây giờ tao mới thông cảm với anh Tư Cương (Phó Giám Đốc Đài

Phát Thanh). Hồi 1940 ảnh bị tù về thăm nhà lúc chị Tư sanh con Nina. Ảnh lưu luyến rồi ở nhà luôn không đi hoạt động nữa. Cho nên bây giờ mới ngồi ghế thấp vậy, chớ nếu không thì ít nhất cũng là Bộ Trưởng, ủy Viên Trung ương.

Tôi gạt ngang:

- Thôi mày ơi! Gác vù má thằng Cu lại một bên đi.

Tính chuyện cái bao tử đã.

- Còn mày, về tới nhà rồi, có để ý được mối nào chưa?

Tôi cười há há rồi kể lại “mối tình ngang trái “ và chuyện “*Giang tà cầu hôn*” cho nó nghe. Nó bảo:

- Con di không được thì nhắm con cháu chớ sao bỏ cả hai đi? Như vậy cũng còn khá hơn ông Giáp.

- Rồi kêu bạn học bằng “*nhạc mẫu*” à? Khó coi quá!

- Thì cưới con gái người ta phải kêu người ta bằng má chớ sao. Ông Giáp lấy con gái ông Đặng Thai Mai cũng được chớ đâu có gì khó coi.

- Chèo ách quá mày ơi! Không được đâu. Rồi cả làng tao hay, bạn cũ biết họ cười chết.

Tám Không bảo:

- Để bữa nào êm êm, mày dắt tao coi con bé... é cháu rồi tao liên hệ với chi ủy địa phương đặt vấn đề cho. Gia đình mày có một mình mày, ở đó mà nhớn như ngâm cứu hoài. Con nhỏ *su hào* đi dọc đường với tao nó có tâm sự. Tao thấy không được, nên tao nói quát ra. *Cấy su hào* thì cấy ở ngoài đó chớ về tới xứ rồi ta kiếm dưa hấu mà lấy giống cho rệt nòi, chớ ai lại để lại, phải không nhà *dăng*?

Tôi làm thỉnh. Tám Không quay lại vụ Hoàng Việt:

- Thiệt là đau đớn. Kể từ nay mình hết có nghe anh Bảy Hoàng Cò nói về giao hưởng nữa. Không biết anh có để cục nhân nào lại cho mấy em tóc vàng Bun-ga-ri không?

- Tội nghiệp Lê Tương Phùng và chị Bảy quá trời.

- Mà thấy gương đó thì phải lo vợ con sớm sớm đi.

Hai đứa nhóm bếp nấu nước nấu cơm. Ba cái dụng cụ Trường Sơn mang về tới R đã thấy gãy xương sống, tính quăng phứt cho rảnh nợ, chẳng ngờ lại phải đeo xuống đây. Tôi hỏi.

- Mà qua Đồng Chó Ngáp có suôn không?

- Mà muốn nói là có ăn pháo bầy hoặc thủy phi thoàn không hả?

- Phải. Nhưng mà lợi một lần hay hai?

- Một lần là ói ra gạch cua rồi, còn muốn mấy lần?

- Tao lợi hai lần đó mà ời!

Tám Không cười khè khè như lựu đạn lép *đề-tô*:

- Bị cá nóc à?

- Không! Ngâm dấm suốt đêm nó văng mặt. Há há... Hồng biết của mấy em có hề hấn chi không? Phải sửa lại là *đồng chó chết* mới đúng mà ạ. Tàn nhẫn vô nhân đạo thật. Tội mình thì dù sao cũng là giống mạnh, còn các em là giống yếu, giống đẹp phải ngâm ghêu sò ốc hến cả đêm tội nghiệp quá. Các em lại sợ đĩa chui nữa!

Bỗng nghe một tiếng "*pịch*" sau hè như cái chấm dứt câu chuyện chó ngáp. Cả hai nhảy tung lên rồi nhìn nhau. Pháo lép à? Không phải? Tôi

nhìn ra. Đó chỉ là trái dừa khô rụng sau hè. Tôi lượm đem vào, bảo:

- Đây là dừa Bến Tre không phải dừa Thanh Hóa. Tám Không nhại tiếng Bắc.

- Ở đây *nà* Cái Quao, Thanh Hóa thế quái *lào* được. Mình tha hồ kho khô kho nước ăn chơi nhé anh Cò. Mẹ kiếp bốn kí *nô nạc* đổi một kí *nô thép* *Niên Xô*, còn mấy kí *nô* dừa đổi một kí *nô thép* há chị hìh?

- Nếu bốn kí thì tao ở không đi lượm dừa rụng đổi thép không cần công tác nữa.

Tôi dùng con dao găm *của da không đứt* của hợp tác xã Hàng Bạc mà tôi đeo suốt từ Hà Nội vô tới đây lột trái dừa, đập ra, cạy, xắt miếng bỏ vô gà-mên, tìm muối để kho.

Tám Không lục trong bếp một lúc rồi reo lên:

- Tao lấy bí danh là "*không*" mà lại có. Chủ nhà đi để lại tất cả cho mình. Mà coi đây: nước mắm, nước tương, nước màu, đường, muối, cả chao và mắm nữa. Vậy mình chỉ nấu cơm ra vườn hái rau sống ăn với mắm chun một bữa no kè uống trà rồi lên văng lúc lắc. Còn cái món dừa kho để dành ngày mai.

- Nghe đài BBC và ngủ, tao có *radiô Hitachi* đây.

Đang ăn cơm, bỗng Tám Không nói:

- Để tao gả em gái tao cho mày. Tao quên mất tao có hai ba đứa em gái.

- Ở đâu bây giờ?

- Ở Sài Gòn.

- Tao vừa xem mặt một cô Sài Gòn.

- Rồi sao?

- Có lẽ cổ không chịu tao mà tao cũng không thể... gì được vì cái lập trường của hai bên xa cách...

Tám Không lắc đầu:

- Lập gì! ông già vợ tao cũng ở Sài Gòn, một đại tư sản có nuôi cả ngựa đua. Ông đã để dành cho con trai tao một con ngựa tơ. Chừng nó về nó sẽ cỡi đua.

- Mà *móc* được ông rồi à?

- Lúc về tới R tao cho người đi ngoéo ngay. Ông có vợ lẽ. Má vợ tao không còn ở chung với ông nữa. Ông có hai đứa con gái với bà nhỏ. Mà thấy là chịu liền. Tụi nó đẹp như tiên vậy. Ngoài ra tao còn một lô em gái. Còn cả một bà chị vợ nữa. Mà có thể bắt thăm.

- Gả em vợ chị vợ nghèo ba năm mà không biết à?

Cả hai cùng cười. Tám Không nói tiếp:

- Nếu trót mảy mối đó, tao còn một đám em gái con của cô tao ở Giồng Luông. Tụi mình sẽ mạo hiểm đi xuống đó một chuyến. Trước nhất xuống Minh Đức, rồi từ Minh Đức băng đồng xuống Cái Bần. Rồi từ Cái Bần lội xuống Giồng Luông. Luôn dịp tao thăm mộ ông già tao. Mấy chục năm trời biệt biệt. Con cái gì bất hiếu vậy?

- Còn bà già hiện ở đâu?

- Bà già tao bỏ xứ lên Sài Gòn ở chung với anh Hai tao lâu rồi. Anh là sĩ quan Hải Quân Hoàng Gia Anh trong đại chiến thứ hai, được nước Anh ưu đãi, cho lương hàng tháng sống khỏe lắm.

Tôi bảo:

- Mày lụi hụi rồi bị kết tội mất lập trường giai cấp cho coi.

Tám Không cười dí dỏm:

- Lập trường giai cấp tao cất kỹ lắm. Mất hay còn không ai thấy được, chỉ mình tao biết thôi. Chính cái bản thân tao đã là một sự mất lập trường rồi. Tao là *địa chủ*, mày thừa biết mà. Đi theo Cách Mạng cả nhông gần hai mươi năm chưa chặt được cái đuôi *đ...* *chĩa* hay sao?

Nhà Tám Không giàu lắm. Dân Giồng Luông không có nhà nghèo. Nhà ngói, phong tô nền đúc san sát nối liền nhau như phố chợ. Việt Minh nổi dậy phá sạch. Hai ngôi nhà nguy nga lớn nhất, có thể là toàn tỉnh cũng bị phá tiêu. Đó là nhà của ông Phó Hoài và ông Phủ Kiến. Nhà Tám Không ở gần đấy.

Ở ngoài Bắc vượt về Nam cả ngàn cây số đường rừng mà gần. Bây giờ chỉ còn năm, sáu cây số nữa là về tới nhà mà lại xa. Vì Giồng Luông Thạnh Phú đều có đồn bót. Tám Không nhắc lại với vẻ cương quyết.

- Tao sẽ kiếm vợ cho mày.

Nói cho vui vậy thôi chứ làm sao mà Ngụy và Việt Cộng nhìn mặt nhau được. Cái gì mơ tưởng cũng đẹp, đụng thực tế rồi mới ngã ngựa ra. Tòì và Tám Không chưa biết ở đâu cho vững bụng thì nghe tiếng trực thăng qua đầu. Vườn dừa, bờ mía rậm rì dễ trốn lắm, nhưng cũng vẫn cứ sợ lòi lung.

Hôm sau hai đứa lại dắt nhau ra chợ Cái Quan mua sắm các thứ hàng chiến lược như vải dù để khoác lên người nguy trang, dây dù để giăng võng và

vải ni lông để may võng. Ngoài ra còn những thứ tỉ mỉ khác như kim chỉ, dây quai dép cao su, bút Bic, pin đèn, đường cát... toàn những thứ Mậu Dịch Hà Nội đều không có bán.

Máy đuôi tôm chạy âm ì dợn sóng cả bến chợ. Thấy xuống đậu gần toàn máy đuôi tôm tôi hết hồn. Loại máy này tôi chỉ thấy có một cái ở Miền Bắc của Công Binh Sư Đoàn 330 Đồng Văn Chuột dùng để tập dượt cho công binh vượt sông. Máy của LX giật hoài không chạy, phải kêu chuyên viên ngoài Bộ Tổng vào sửa chữa.

Ở đây đuôi tôm con nít cũng chạy được và không thấy hư bao giờ. Dân dùng nó để chà gạo, chạy lò đường. Nông thôn bom đạn bời bời mà người dân còn văn minh cỡ đó, nói chi thành thị? Quay nhìn lại cái cây chìa vôi và cái xe đạp nước của Miền Bắc mà hồi ôi. Hai mươi năm sau Giải Phóng tới ăn sạch cả lò đường và đuôi tôm, Bắc Việt vô cạp luôn đất. Dân nghèo đi không ngóc đầu lên nổi.

Tôi và Tám Không mua một xâu thịt và lòng định đem về chồi liên hoan tay đôi nhưng chưa kịp trả tiền thì nghe một bàn tay vỗ nhẹ vai. Tôi quay lại, bụng nghĩ chắc ông mãnh Bảy Quế đến gặp tụi tôi để cho vài lời khuyên trong cuộc sống dưới cánh quạt trực thăng chẳng. Nhưng không phải. Một ông lão tóc bạc râu dài, chậm rãi hỏi.

- Tôi nè cậu Hai, cậu còn nhớ tôi không?

Tôi ngạc nhiên hỏi.

- Bác là ai? Cháu chưa từng quen?

- Cậu không nhớ tôi đâu. Tôi nghe cậu về trong này rồi. Hôm rày tôi đi chợ thấy cán bộ qua lại có để ý tìm. Tôi là Sáu Bi nè. Tôi là người ở... Thôi về nhà rồi sẽ nói chuyện.

Thấy tôi cứ đứng ngo ngác, lão tiếp:

- Cậu ở nhà ai hiện giờ.

- Trong cái nhà hoang ở mé vườn kia.

- Không được đâu. Nó chụp chết. Thôi mời hai cậu về nhà.

Nói xong lão móc túi trả tiền rồi xách xâu thịt và lò tay tôi ới xuống bến.

Tôi chưa hiểu ắt giáp gì nhưng vẫn bước theo. Tám Không cũng không phản đối. Đang ở khơi khơi không có gốc rễ gì hết, được nhân dân mời về nhà thì còn gì bằng. Ông già mời tôi xuống đuôi tôm ngồi. Xuống máy chạy khỏe re. Từ ngày lội Trường Sơn tới nay, đây là lần thứ nhất tôi đi mà khỏi dùng cặp chân hay cơ giới hóa cặp chân.

Vừa lái đuôi tôm, ông Sáu kể cho tôi nghe tiểu sử thuở thiếu thời của ông:

- Ông Cả có hai cặp trâu. Cậu đi học bãi trường về lần nào cũng đòi cỡi, nhớ chưa. Tôi không cho vì sợ cậu té, tôi bị rầy, nhớ chưa?

- À, tôi nhớ ra rồi. Bây giờ chú lên ở vùng này à?

- Tôi theo bên vợ về cất nhà ở gần cầu Sập.

- Cầu sập là cầu nào?

- Đúng ra nó là cây cầu đúc lớn ở nửa đường Mỏ Cày - Cầu Mống. Nhưng hồi kháng chiến, dân quân phá sập nên gọi là cầu Sập. Cây cầu đúc lớn gần ngã tư An Bình đường vô nhà ông Chủ Xạ đó.

Tôi mơ màng nhớ lại những chuyện cách đây vài chục năm. Ông Chủ Xạ có hai thằng con trai học chung với tôi ở trường Mỏ Cày. Một thằng đi bộ đội chết ở miền Tây còn một thằng không biết làm gì? Chị nó lấy chồng là ông tổ trưởng chánh trị Trung Đoàn 99 của Đồng Văn Cống người Việt “gốc rau” tên là Hoàng Mai. Ông tổ trưởng này sau khi tơm bà vợ địa chủ thì nhảy rào về thành luôn. Hồi bọn Văn Phòng Trung Đoàn 99 đóng ở nhà ông nội tôi ở Hương Mỹ, Hoàng Mai xem tôi đá cá lia thia, hấn sĩa môi bảo tôi bằng tiếng Pháp: “*Tôi thích Cách Mạng chứ không thích đánh nhau!*” Cách Mạng Tháng Tám không đánh nhau?

Thịt heo mua về hầy dẹp qua một bên. Chú bảo thím bắt gà, bắt vịt làm thịt một lúc hai con. Rượu đế một lít. Chuối, mít trái cây đầy bàn. Ăn uống xong, Tám Không ngủ khò. Coi pháo của quận Mỏ Cày và Cầu Mống như đồ bỏ. Nó bắn thì cứ bắn, ông ngủ cứ ngủ, sợ chi. Pháo bảy Long An còn giết ông không được kia mà.

Chú Sáu dắt tôi ra ngồi ngoài vườn kể chuyện làng tôi cho tôi nghe. Chú nói rất nhỏ, dường như sợ cả cây cối nghe:

- Cô của cậu bị “*mấy ông*” thủ tiêu, ai cũng biết nhưng gia đình ông Ba bà Ba không dám nói. Chẳng có gì cả. Tổ trưởng đảng nó ve cở. Cở chửi nó là thằng chần trâu.

Mà thật thằng tổ trưởng là chần trâu, nhưng không được chần trâu của ông nội tôi. Nó đã từng

qua vườn nhà tôi ăn trộm dưa bị bắt nhiều lần nhưng ông tôi bỏ qua. Bây giờ nó thù. Chú Sáu tiếp:

- Ngoài ra nó giết cổ để lấy cái radiô. Bà Ba buồn và sợ nên bỏ nhà vô chợ ở với cô Chín. Ngôi nhà đó tại nó lấy hết đồ đạc.

- Chú có về dưới đó không?

- Vợ tôi có về nhưng không dám tới nhà ông Ba. Vì đường đi nước bước bây giờ du kích gài lựu đạn tùm lum không biết đâu mà rờ. Nhiều người bị nổ tét ruột cậu oi. Du kích là trời con bây giờ nể.

Tôi nghe chuyện nhà cửa mà rầu lòng, nhưng làm sao bây giờ. Một bên là nhà, một bên là Cách Mạng. Chẳng lẽ binh nhà bỏ Cách Mạng? Cũng không thể binh Cách Mạng bỏ phế nhà cửa. Tôi đành ừ hử cho qua. Cứ coi như chuyện của ai không phải của mình là ổn nhất.

- Ruộng nương thế nào chú Sáu?

- Làm tạm tạm thôi. Bom pháo liên miên không dám đứng thẳng buổi. Khuya thức dậy làm tới tan phèn là về nhà, ló ngó chờ có chụp đảng chui hầm thôi, thành thử ra không có bao nhiêu lúa.

Chú Sáu cho biết thêm:

- Mình ở đây là giữa đường Cầu Mống Mỏ Cày, cách Mỏ Cày sáu cây số, cách Cầu Mống cũng sáu cây số. Lính Mỏ Cày thường bung ra tới cầu Muong Điều còn lính Cầu Mống lên tới đường vô Tân Huê. Mình ở giữa không lo lính nhưng sợ bom, pháo và trực thăng.

Tôi tưởng về trong này ít ra cũng có một vùng

giải phóng “*độc lập muôn năm*” và “*thằng Tây có bố ta xuống đũa ta vượt râu chơi*” như thời kháng chiến, nào ngờ đất giải phóng của ông Thọ teo quá.

Ăn nhậu ở nhà chú Sáu được một tuần lễ thì hai thằng tôi thấy ngựa chân giang hồ, muốn thỏa chí “*tang bồng*” nên xin tù già, vác dao găm và ba-lô ra đi.

Chú Sáu tốt bụng vô cùng, bảo:

- Để tôi chở hai cậu xuống dưới An Định giới thiệu cho hai cậu đứa em tôi. Chúng nó sẽ lo hầm hố cho hai cậu chó lêu bêu không ổn đâu.

Tám Không ái ngại:

- Để tụi tôi liên hệ với xã ấy, chó không dám phiền bà con!

Chú Sáu xua tay:

- Không được đâu cậu Tám.

- Sao vậy?

- Họ lo thân còn không xong, lấy đâu bảo bọc các cậu!

Tôi mới vỡ lẽ ra rằng cán Mùa Thu về quê chẳng được trọng vọng tí nào. Nhất là đám cán bộ tỉnh. Họ ngó chúng tôi bằng nửa con mắt. Chúng sợ cán Mùa Thu về chiếm hết địa vị của chúng. Ngoài ra tụi Mùa Thu về xứ, lắm tên “*cán kiếm liêm chính*” lật ngược nên bị xem thường. Chỉ có cây K54 là có uy tín thôi. Dân coi kỹ, hể dưới vạt áo u u một cục hoặc đi đâu có cận vệ vác AK theo tò tò thì xin com rất dễ dàng, còn ba-lô trơn thì nói gì cũng không ai nghe.

Chú Sáu mua cho chúng tôi hai cái thùng đựng đạn đại liên Mỹ và giải thích:

- Sống ở đây thì phải có cái món này hai cậu ạ. Nếu bị chụp thì giấy tờ, K54 dồn cả vô đây đập nắp lại “*cái cup*” đập lút xuống muong là vững bụng. Giấy tờ không ướt chút nào nhờ cái nắp có miếng “*can*” cao su.

Đã rầu cái ba-lô con cóc đeo chai cả lưng bây giờ lại thêm cái thùng sắt Mỹ nữa, thiệt chán mớ đời. Nhưng nhập gia phải tùy tục, hai đứa tôi đành nhận hai chiếc thùng để làm bạn đường và bảo vật phòng thân.

Chú Sáu chở tôi xuống nhà người em là chú Nhứt cũng có vợ người Cầu Mống bỏ ở đó. Hai đứa tôi kể như an cư lạc nghiệp, bắt đầu lo chuyện sáng tác. Nhưng chưa viết được chữ nào thì lại có chuyện nội bộ xảy ra.

Số là vùng này là đất cấm của tỉnh ủy, tức là không cơ quan nào được léo hánh tới. Nó gồm có hai mảnh chạy cặp theo gân lộ đá cũ đã bị Việt Minh phá từ 1945. Một mảnh gồm vườn rậm và rạch Cái Quan, tỉnh ủy thường về trụ hình ở nhà Hai Sung bí thư xã ủy. Chúng giữ bí mật, nhưng mỗi khi đồng bào thấy con gái của Hai Sung đi lòng mua gà vịt thì biết có chúng về ở nhà đồng chí bí thư. Vùng này thường ăn bom pháo nhưng vườn rậm dễ chui. Rủi bị chụp thì nhảy qua bên kia rạch chạy ra Bình Khánh. Nếu chưa ổn thì vọt lên Phước Hiệp, Định Thủy. Đó là ba xã hợp thành “tam giác sắt” của tỉnh ủy, nơi xuất phát cuộc Đồng Khởi lửa rom thiêu rụi quê hương.

Đối diện với mảnh vườn rậm là những cụm vườn tân lập và những xóm chòi của dân sợ máy bay bỏ nhà ra cát chòi ngoài đồng. Tuy tỉnh ủy không đóng ở mạn vườn thưa này nhưng cũng không cho cơ

quan nào đóng. Thế mà có hai ông Mùa Thu cả gan dám đến ở thì mất mặt bầu của của tỉnh ủy quá đi.

Tên cán bộ nghiên cứu của tỉnh ủy là Mười Nhái, trong kháng chiến chống Pháp cả nhòng chống xâm lăng nhưng cũng bị ông Diệm cho ngồi tù sáu tháng. Đó là thành tích cao nhất của hắn. Nhờ đó hắn cũng được vô tỉnh ủy ngồi một ghế hăn hoi. Nhưng hắn còn một thành tích cao hơn là tặng cho con bé đánh máy của văn phòng tỉnh ủy một trái bầu. Nói nào ngay, trái bầu là kết tinh của cả ban thường vụ tỉnh ủy chớ không phải riêng của “*chú Mười thân mến*” như lời phản tỉnh của cô bé. Nhưng chú Mười đứng ra tự kiểm thảo để rửa mặt mũi cho các đồng chí lớn. Nhờ đó, thay vì bị đẩy xuống huyện, chú chỉ bị tạm thời đưa ra khỏi tỉnh ủy làm nghiên cứu viên để chờ cơ hội nhảy trở vào ngôi ghế cũ. Chú Mười nghe hai tên Mùa Thu đến vùng cấm địa thì nhẩn với bà con lối xóm:

- Đuổi hai thằng đó ra khỏi chỗ này!

Câu nói lọt vô tai Tám Không trước. Tám Không nổi cáu, về thuật lại cho tôi và bảo:

- Tao đã đáp lại thằng Nhái rằng đất Mỏ Cày này là của tao và của tất cả những người đi chiến đấu trước đây chớ không phải của riêng nó. Nếu có qui định của tỉnh ủy thì nó phải tới đây nói chuyện đảng hoàng chớ không được xác láo như vậy.

Tôi vượt giận anh Tám, nhưng chính là đổ dầu vào lửa.

- Một câu nhịn chín câu lành chú nó ơi. Không nên đếm xia tụi cóc nhái mang guốc.

- Nhái cóc sao biết nói giọng đó? Tao lên đạn sẵn. Ra đường hễ nó làm phách, hễ nó chụp súng thì tao bắn trước. Thử coi ai làm gì tao.

Tám Không là dân cựu trào tiểu đoàn 307 đánh nhiều trận từ Khu 8 đến Khu 9 nên có máu lính trong người. Nếu tôi không cản thì Tám Không đã tìm đến gặp xù Nhái rồi.

Tám Không đi đâu cũng la rùm lên:

- Bảo Mười Nhái tới uống trà chơi.

Có lẽ sự nộ khí xung thiên của ông Tám lọt đến tai chú Mười, nên chú Mười xếp ve, và hai thằng cán Mùa Thu tôi cứ ở nhà chú Nhứt tì tì. Do đó đám tình ủy cũng ghét lây chúng tôi. Nhưng trong tình ủy có hai tên vốn là bạn của tôi thời chống Pháp tên là Hai Tranh và Sáu Hứa.

Hai Tranh là Phó Bí Thư sắp lên Bí Thư còn Sáu Hứa là Ủy Viên Thường Vụ kiêm Trưởng Ty Công An, mà tôi đã nhắc tới ở đầu truyện, kẻ đã viết thư xin lỗi tôi. Hai tên này gọi một cận thân sang gặp tụi tôi, chẳng ngờ đó lại là một thằng bạn cũ của tôi từng học lớp huấn luyện Thanh Niên Cứu Quốc tỉnh do ông Mạch Văn Tư phụ trách ở Cồn Chim xã Thạnh Phong năm 1946: Sáu Giàu, chánh văn phòng.

Tám Không bảo hấn ngay:

- Ê thằng đó là thằng nào mà phách lối vậy, Sáu Giàu? Ông về cho nó biết nó có ngon thì qua đây đuổi tôi này chớ đừng có nhả miệng. Bảo nó tụi này kháng chiến từ 1945 nghen. Hồi đó nó còn ở nhà phá làng phá xóm phải không? Lập trường không chắc thằng nào hơn thằng nào nhé!

Sáu Giàu vượt giận Tám Không và luôn dịp mời tội tôi qua “căn cứ” của mấy ông kẹ để chúng tôi sưu tầm tài liệu Đồng Khởi, vì ở trên R đã đánh điện xuống cho tỉnh ủy về sứ mạng của chúng tôi là sáng tác về Đồng Khởi để gởi ra Bắc làm chứng liệu tuyên truyền.

Hai thằng tôi bèn quảy ba lô đi theo Sáu Giàu. Bà con trong xóm hổng biết hai ông nào trẻ trung mà được mấy ông kẹ tỉnh ủy trọng vọng vậy. Từ đó chúng tôi lên chân lên cẳng ít nhiều, nghĩa là nhà trong xóm có giỗ thì mời chú Hai và chú Tám tới nhậu.

Ở căn cứ của tỉnh, chúng tôi được đài đảng theo thượng khách. Tôi lại gặp được ông Mười Rấn là dân tham gia Nam Kỳ Khởi Nghĩa ở Mỹ Tho từng làm chủ tịch quận Mỏ Cày năm 1947. Bây giờ ông đã lên tới Khu ủy. Trước kia ông cũng đã từng cùng bọn Trần Văn Trà ăn dầm nằm dề ở nhà tôi. Ông ta kêu tôi riêng ra ngoài vườn hỏi chuyện về miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Tôi vốn học được nghề nói mếp của báo *Nhân Dân* nên ông hỏi đến đâu tôi nói ron rớt tới đó.

- Bác nghe nói đời sống nhân dân ngoài Bắc phì nhiêu sung túc lắm phải không cháu?

- Dạ, cháu mong giải phóng mau mau để dân miền Nam tiến cho kịp miền Bắc. Dạ, máy cày của Liên Xô chở qua, bỏ ngoài bờ sông Hồng như bộ hung chờ phân phát cho hợp tác xã và các nông trường, nhưng ta chưa có đủ người lái nên còn để đó. Nhiều nông

trường ham hố máy móc lạnh về nhưng chưa có đất nên bỏ ngoài mưa như những “đống máy”.

- Nói vậy ngoài đó sản xuất theo lối tập thể hết rồi hả cháu?

- Dạ hiện giờ ngoài đó có lối chừng vài trăm nông trường. Mỗi nông trường có từ năm ngàn đến một vạn công nhân viên ăn uống, học hành, làm việc đều hoàn toàn theo lối dây chuyền tập thể, kỷ luật giờ giấc rắt rắt. Cháu có vào làm việc ở một nông trường trong tỉnh Nghệ An một năm nên cháu biết rất rõ bác à!

- Nếu vậy thì Miền Bắc đã cơ giới hóa nông thôn theo chương trình kinh tế mới của Lê-nin rồi, trâu bò và nhân công dư thừa để dùng vào chuyện gì?

- Dạ trâu bò thì dùng vào việc vận tải, còn nhân công thì dùng vào việc khuôn vác.

- Ủa, sao lạ vậy. Cày thì cày máy còn trâu bò thì kéo xe nghĩa là sao?

- Dạ vì trước kia Pháp chế tạo quá nhiều xe bò, cày chia vôi và gàu gỗ đập nước.

- Còn người Nam mình tập kết có được bác Hồ thương mến như bác nói hồi còn kháng chiến không?

- Dạ có ạ! Bác Hồ còn thương ác hơn nữa. Mỗi người dân đều được vô dinh Bác ăn cơm với Bác một bữa. Riết rồi Bác mệt quá nên Bác gởi lời thăm hoặc tặng quà chứ không đủ sức khỏe tiếp đón nữa. Riêng thiếu nhi Miền Nam học giỏi thì được bác cho rờ râu.

- Ông Mười Huệ chủ tịch tỉnh mình ra ngoài làm gì?

- Dạ ông Mười được vô Phủ Chủ tịch ăn cơm và ngủ chung với Bác Hồ một nhà, tâm sự mấy đêm liền. Sau đó Bác Hồ phong cho ông Mười chức gì lớn lắm xem xem chức Bộ Trưởng một chút thôi. Nhưng ông Mười già yếu nên không làm nổi, do đó ông chỉ làm thư ký Hội Việt Pháp thôi.

- Ông Mười còn khỏe lắm, đâu có yếu đuối gì!

- Dạ ông Mười gặp cháu hoài. Ông Mười phấn khởi lắm. Ông Mười có xin bác Hồ được một cái quai dép, cắt để dành về tặng bà con Bến Tre mình coi chơi cho biết.

Ông Mười Rần không hỏi nữa. Ông móc thuốc hút và hỏi sang vấn đề khác.

- Cháu ra ngoài lập gia đình chưa?

- Dạ cháu chờ về Nam đó bác!

- Ờ cũng được. Kháng chiến hai mùa mà như cháu là còn trẻ lắm. Để hôm nào bác bảo con Sáu Hòa nó tìm cho một đứa trong đạo “quân đầu tóc” của nó.

Tôi giựt mình, sợ thâm trong bụng nhưng không dám cãi lại. Có tóc còn không ăn thua, bị cắt tóc thì coi ra cái gì? Nhưng được đồng chí Khu ủy Viên chiếu cố là quới lắm rồi. Thành linh ông vô đầu tôi bảo:

- Tía mày chó máy cày Liên Xô đem qua chất đống ở bờ sông Hồng.

- Dạ bác Mười bảo sao ạ?

- Hay lắm. Tội nghiệp ông Mười Huệ. Già rồi ra chi ngoài đó để chịu mưa phùn gió bác?

- Dạ bác nói sao ạ?

- Thôi đi vô nhà tao bảo thằng Muồi Kỳ nó kể chuyện Đồng Khởi cho nghe mà viết sách. Nó sẽ kể theo cái kiểu của mày kể cho tao về máy cày và nông trường vậy.

Tôi đã một lần bị cậu liên lạc ở sông Vàm Cỏ Đông lật tẩy về cái vụ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, và bây giờ một lần nữa. Thiệt ề mặt, nhưng tôi tự nhủ: nếu nói thiệt ra tất cả thì chẳng hóa ra mình là thằng ngu hay sao.

Ông Muồi Rần bảo:

- Có viết thì cũng *trừ hao* kha khá nghe tụi mày.

Kể đó tôi và Tám Không, một nhà văn và một nhà soạn kịch được Muồi Kỳ dắt đến một cái nhà hoang để kể cho nghe chuyện Đồng Khởi.

Chùng non nửa tiếng thì có vẻ cạn nguồn. Tôi và ông bạn soạn giả cứ thỉnh thoảng liếc trộm nhau: như thế này thì chất liệu đâu mà viết?

Quả thật không có gì. Chỉ đủ viết vài bài bút ký lỉnh loảng thì hết. Muồi Kỳ là một anh châu rìa đứng hạng bét trong tỉnh ủy được giao cho phụ trách địch vận. Chính hắn đã cấy ông thầy của tôi là giáo sư Nguyễn Nhơn Nghĩa của trường tư thục Trung Châu ở Bến Tre lên Sài Gòn để địch vận sĩ quan Sài Gòn. Không vận động được ai cả mà chính ông bị giết chết trong lúc đang giữ chức Phó Bí Thư Tỉnh Ủy. Ông là một giáo sư rất giỏi. Đi kháng chiến không biết lại vô đảng hồi nào. Có thể ông làm chủ tịch tỉnh hoặc chủ tịch nước cũng được nhưng địch vận quả là “*trật phé*” của ông. Muồi Kỳ là một thằng con nít biết quái

gì mà lại điều động một ông Phó Bí Thư làm công tác của hần? Vậy mà sau này hần được xách đầu máu vô Trung ương Đảng hai khóa liền (Sáu và Bảy) kiêm luôn cả Chủ Tịch ủy Ban Nhân Dân Tỉnh.

Sau khi từ già ông Mười Rần thì tôi được Sáu Hứa, Thường Vụ Tỉnh ủy, bạn học cũ ở Mỏ Cày rủ đi ta bà thế giới chơi một vòng để nghe y giới thiệu về cuộc Đồng Khởi mà hần ta là một trong những người cầm cán. Quê hần ở Phước Hiệp. Hần là con trai thứ tám trong gia đình một thầy nghề võ tên là ông Bộ Dục. Hồi đi học chung hần có dẫn tôi về nhà ăn dưa hấu và coi cá nước đua ở vàm sông Định Thủy. Nghe đồn rằng ông Bộ Dục là người đã đánh hạ ông Phó Hoài ở Giồng Luông vì ông này ỷ giàu và có quyền lực hay hà hiếp dân nghèo.

Sáu Hứa có tên là Tám Huýt (tiếng Pháp “*huit*” là số tám) em của Sáu Xôi cán bộ Thanh Niên tỉnh thời chín năm, học Trại Huấn Luyện của ông Mạch Văn Tu trước tôi hai khóa. Huýt, Thiện và tôi là ba đứa học giỏi nhất lớp nhì hai năm A của thầy Võ Thành Ký. Trên đường ra Bình Khánh, Hứa luôn luôn giảng giải cho tôi về cuộc Đồng Khởi thần thánh của tỉnh nhà và tỏ lòng hân hoan vì được Trung ương chiếu cố cho một nhà văn gốc tỉnh nhà để nghiên cứu về Đồng Khởi. Sáu Hứa than phiền:

- Trước đây cũng có một nhà văn trung ương về tận đây viết một quyển sách mang về R, không có thông qua tỉnh ủy, rồi đài Giải Phóng lẫn đài Hà Nội phát thanh làm cho chúng tôi nghe mà “*bất*

măn cùng mình”. Sáu Hứa hỏi tôi có biết nhà văn đó không? Tôi biết tổng đi nhưng bảo là không! Do đó Sáu Hứa mới mạnh dạn nói tiếp:

- Công ghe bè bạn, từ ngoài vô đây mà viết một quyển sách đọc nghe không có “ghê” chút nào ráo rạo!

Tôi hỏi.

- Tại sao vậy ông bạn?

- Tại vì y không đi sâu đi sát với quần chúng, cứ nghe khơi khơi rồi viết. Đúng ra thì mất lập trường hoàn toàn vì không có sự lãnh đạo của đảng. Lần này ông phải làm một cái cho cuộc cạnh nghe. Đồng Khởi đầu có tề như trong quyển sách của ông ta!

- Tôi sẽ cố gắng!

Sáu Hứa kể cho tôi nghe chuyện một cán bộ ở huyện Thành Phú: sau khi chấm dứt thời hạn tập kết thì đồng chí ấy ẩn tích không ai biết đồng chí ở đâu. Người trong xóm tường đồng chí ta đã đi tập kết hoặc đã chết. Lúc bấy giờ không ai dám liên lạc với ai. Chẳng ngờ khi Đồng Khởi phát cò thì đồng chí mới ra mặt. Đồng chí cho biết đồng chí xuống rừng Thành Phong. Sau hai năm nghĩa là tới ngày tổng tuyển cử, ngày nào đồng chí cũng lội ra bãi ngóng đợi Trung ương gọi người vào. Tiếc quá, đồng chí mới bị *bù nốc* bắn chết.

Tôi nghe hấp dẫn vô cùng, định sẽ dựng người cán bộ này thành nhân vật tiểu thuyết. Rồi Sáu Hứa kể những chuyện nổi dậy trừ gian diệt tề ở xã, kèm theo những câu bình luận đầy đủ lập trường:

- Cách Mạng nào cũng vậy, khởi đầu không thể

tránh sai lầm. Nhất là ở dưới xã, các chi ủy cứ tự động làm. Trên tỉnh không chỉ đạo kịp. Mà Trung ương cũng đâu có chỉ thị gì cho tỉnh. Tội tôi cứ hành động và tự đặt ra chủ trương. Quận xã cũng vậy, ai muốn làm gì thì làm. Đến chừng biết sai thì đã xong rồi không còn sửa chữa được. Rồi đành nhắm mắt cho qua luôn. Có những sai lầm chi phạm một lần là không làm sao sửa được.

Tôi biết y muốn nói mé mé về việc giết cậu và cô ruột tôi. Tôi nghe lửa giận nổi dậy. Phải, Cách Mạng là một sự thay đổi, không có sự thay đổi nào không gây xáo trộn. Nhưng có Cách Mạng nào dã man như Cách Mạng Tháng Tám không? Cách Mạng Tháng Tám đã làm khắp dân gian sợ hãi khủng khiếp với danh từ “*mò tôm*” bây giờ “*chi ủy, tổ trưởng*” nhân sự khủng khiếp đó lên gấp ngàn, với một danh từ mới: “MÒI”.

Ở Cổ Cò, nơi giáp ranh hai làng Minh Đức (quê ngoại) và Hương Mỹ (quê nội tôi) có tên Nhút Chậm, ngày trước ở mượn cho gia đình ông cụ tôi rồi đến ông tôi. Gần nhà hắn có một nhà giàu tên là Hai Đối. Tôi biết rõ gia đình này là một gia đình làm giàu nhờ cần cù lao động và hà tiện chớ không gian lận của ai, cũng không cho vay lấy lời. Thời Cách Mạng Tháng Tám người chú của ông Hai Đối bị Cách Mạng bắn hụt vì ông ấy là hội tề. Ông phải bỏ làng chạy lên Núi Nứa tu và không thấy trở về nữa. Đến thời Đồng Khởi, Nhút Chậm lại trở tài. Từng là một tên chuyên đi làm mượn bây giờ trở thành qui vương. Để xóa sổ tiền mượn của gia đình ông Hai

Đối (mà hần có họ hàng xa) hần phao cho hai vợ chồng ông là gián điệp. Hần bắt hai ông bà đem đi giữa khuya và giết chết không ai biết bằng cách nào, đập xác ở đâu. Chưa hết. Để nhem luôn việc làm của hần, đêm sau hần đến bắt hai đứa con gái giết luôn.

Sau vụ giết người kinh khủng đó hần trở thành hung thần, không ai dám nói một câu. Không ai dám gặp mặt hần. Còn hần thì lăm lăm lý lý, vợ con hần cũng phải sợ.

Cặp mắt hần đỏ nọc như mắt chó dại, mồm sùi bọt như mồm trâu già. Vẫn chưa hết. Hần định giết cả ông bà tôi là chủ cũ của hần. Hần đem lựu đạn gài trước cửa nhà ông tôi. Ông bà tôi vốn sợ tên đầy tớ cũ, nhất là sau vụ bắt cóc gia đình ông Hai Đối nên không dám ra khỏi nhà. Không rõ ma quỷ xúi giục thế nào mà hần lại dẫm lên trái lựu đạn hần gài bừa trước để giết ông bà tôi. Người trong xóm cho rằng đó là quả báo nhãn tiền.

Những chuyện như thế tôi sưu tầm được khá nhiều, nhưng không biết sẽ dùng vào đâu mà cũng không dám ghi ra giấy, chỉ để bụng. Mặc dầu để bụng nhưng không bao giờ quên.

Nghe Sáu Hứa nói về sự “**xáo trộn**” của Cách Mạng Đồng Khởi, tôi chỉ vuốt đuôi luôn, chớ làm gì hần? Hần hiện là trưởng ban An Ninh tỉnh thì dù tôi là bạn cũ cũng có nghĩa gì. Tôi không muốn hần trình bày thêm “sai lầm” của Cách Mạng nên đánh trống lảng. Hần đưa tôi đến căn cứ của hần vào lúc nửa đêm. Tôi không thể biết chắc đây là đâu chỉ

đoán lơ mơ là xã Bình Khánh hay Phước Hiệp gì đó. Bốn bề là mía và ruộng ngập nước, nếu bị chụp thì chỉ có nước *chui* chó không thể *chạy*.

Người chủ nhà, cốt cán của hủn, đóng đậy, đổ dục đem về một gánh tép. Chúng tôi ăn cơm chiều vào lúc một giờ khuya với tép luộc rau sống. Sau đó hủn bảo tôi lấy giấy ra ghi về Đồng Khởi.

- Mười Hi nói với bạn những chuyện gì? Đầu kể sơ tôi nghe rồi tôi sẽ tiếp cho.

Tôi đáp thật tình:

- Năm ba chuyện vặt. Với những chi tiết như vậy không thể nào viết sách được. Riêng tôi thì sưu tầm không được bao nhiêu trong dân. Có vẻ như không ai muốn kể hết!

Sáu Hứa nói:

- Đồng Khởi tỉnh mình, chủ yếu là Mỏ Cày. Vậy bạn nên đưa Mỏ Cày vô sách. Để diễn tả được trận chiến Mỏ Cày thì coi như đó là Bến Tre. Bạn nên tự hào về đất Mỏ Cày chó!

- Đúng!

Hứa nhắc tôi lần nữa.

- Lấy giấy ghi đi!

- Tôi có tậ không ghi gì hết. Những gì tôi còn nhớ là thì đó là cái hay tôi dùng, cái gì tôi quên thì đó là cái không dùng được.

- Bạn mình còn nhớ Mỏ Cày chó?

- Nhớ hết cả quận và hầu như xã nào tôi cũng có đi tới hoặc sống ở đó.

Rồi tôi kể rành rọt.

- Dưới cùng giáp ranh Thạnh Phú là làng Minh Đức và Hương Mỹ. Kế đó là Tân Huê. Tân Huê không phải là một làng nhưng lại có đình. Nó thuộc về làng Minh Đức. Trên Minh Đức là Cẩm Sơn, Ngải Đăng và Tân Trung. Trên Tân Trung là An Định, An Thới, Thành Thới. Ba xã này giáp ranh nhau. Ba xã Bình Khánh, Phước Hiệp, Định Thủy nằm rìa Cù Lao Minh ở ven sông Hàm Luông, còn Thành Thới và An Thạnh cũng nằm rìa Cù Lao Minh nhưng ở ven sông Cổ Chiên. Xã Đa Phước Hội là nơi có thị trấn Mỏ Cày. Vậy rành chưa?

Hứa khen:

- Ông bạn đi xa lâu quá mà vẫn còn nhớ đủ hết. Nhưng có nhớ thị trấn Mỏ Cày hay không?

- Bạn hỏi chỗ nào tôi nói chỗ nấy cho bạn nghe.

- Thì ông bạn cứ kể đi. Nếu bạn không quên chỗ nào hết thì tôi khỏi vẽ bản đồ.

- Nếu tôi quên thì bạn cứ bổ túc. Vì bạn cũng như tôi, chúng ta đã từng học ba năm ở trường Mỏ Cày. Có cây me nào mà mình không treo đầu!

Sáu Hứa cười:

- Để tôi kiểm tra bộ óc bạn chút nghe. Chợ Mỏ Cày có mấy dãy phố chính. Mỗi dãy có những tiệm nào?

Tôi cũng cười:

- Lấy ví dụ tôi đứng ở trước cửa nhà việc Đa Phước Hội ngó ra đầu nhà lồng chợ nghe! Thì bên phải là dãy phố chính. Bắt đầu là tiệm thuốc Tây của thầy Thọ, ông già thầy Trưởng học chung lớp với tôi. Kế đó là anh em HỒ HỘI thầy có nghề võ có người em sút vành tai trái nên gọi là Sáu Sút. Bà HỒ HỘI gói

nem rất tuyệt. Buổi chiều bà thường ra ngồi trước cửa chặt bì heo, để gói nem. Bà vừa nói chuyện, mắt ngó đầu đầu, tay chặt như máy. Căn kế là của một kỹ sư điện, trước cửa có gắn một tấm bảng đồng mang chữ *Ingénieur électricien*. Kế đó là tiệm thợ bạc Trần Minh Mẫn. Trước đó, tiệm này ở trên đường đến trường học trước cửa có cây trứng cá.

- Ngày nào tôi cũng đi ngang qua đó. Nhưng tiệm vàng này có gì đặc biệt?

- Đặc biệt là cô con gái học chung với tụi mình.

- Tên gì?

- Tên Hai. Kế tiệm vàng Trần Minh Mẫn là tiệm tạp hóa của ông Hương Su Mùi có người con học đến Tú Tài. Bên cạnh là tiệm hủ tiếu của chú Huồn.

- Hủ tiếu chú Huồn có gì đặc biệt?

- Ba lát gan heo, tôm khô và một con tôm chiên để trên mặt.

- Còn gì đặc biệt nữa?

- Chú Huồn có một con trai và một con gái học chung với mình. Tên gì tôi quên rồi. Nhưng con gái rất đẹp và có chồng rất sớm. Kế đó là phòng mạch của *Médecin* Lê Văn Hai. Ông Hai có vợ rất đẹp và rất diện. Hai đứa con trai giống ông ta như đúc. Kế phòng mạch là tiệm tạp hóa Đại Thành rồi đến bến nước chợ. Ghe, đò, đậu chặt nút. Bên bến nước là nhà cá. Trước nhà cá là tiệm tương Minh Thái mình thường mua tương cay tùm trong lá môn đi hái me ăn. Đó là dãy bên tay phải. Bên tay trái có tiệm nước ngó ra bến xe, kế đó là tiệm bán đồ sắt có bảng hiệu

“*Quincaillerie en gros et en détails*” đúng không? (Đúng!) Tiệm này rất lớn, có xe hơi riêng. Ông Bảy Ngàn làm kế toán ở đó. Kế tiệm đồ sắt là tiệm thuốc Bắc. Không nhớ tên gì. Kế tiệm thuốc Bắc là bazar Mỹ Ngọc. Con Rõ học lớp cô giáo Tùng ăn cơm tháng ở đó. Đúng chưa?

- Đúng nhưng còn thiếu! Bảng hiệu Mỹ Ngọc cần bằng kính chói lọi nên ở xa cũng trông thấy. Bà chủ rất đẹp lúc nào cũng mặc áo dài “mốt” như cô giáo.

- Bà ta là con gái Hội Đồng Sĩ ở Minh Đức quê ngoại tôi.

- Phục lẫn ông rồi. Nhưng để tôi sát hạch một điểm nhỏ. Nếu ông nhớ thì mới tài. Ở ngã tư đường lại trường học và đường nhà thương có gì vui đối với tụi mình?

- Từ nhà Cá đi thẳng thì men theo bờ tường tiệm tương Minh Thái. Mút tường là nhà thầy Cường, tức là nhà con Cúc học *Supérieur A* với mình. Em nó là thằng Tín học lớp Ba thầy Để. Cách một cái cổng muơng nước đen ngòm là tiệm chụp hình Lệ Chơn. Rồi đến vườn chuối của thầy Kỳ. Bên kia đường là tiệm Cẩm Đồ. Ở ngã Tư ông nói có phòng mạch của Đốc Tò Trần Văn Huọt. Ông Huọt người to lớn mập mập như Đồng Trác. Ông ta tên Huọt nhưng thợ vẽ lại để là *Huọt*. Cho nên tụi mình ngạo là Đốc To Huọt. Ông không biết tại sao. Cuối cùng không biết ai bảo ổng mới cho bôi dấu “u”. Đúng không?

Sấn trớn tôi nói luôn:

- Đúng trước cửa phòng mạch ông Huọt ngó ra

thì bên kia đường là “*Cantine Scolaire*”. Sau cổng tin là Bến Tàu đi Trà Vinh Bến Tre. Cửa sau nhà trường mở ra ngay bến tàu đó. Bên trong là nhà của hai ông già cu-li trường. Mỗi lần mình đi sớm chui qua rào đều bị ống rượt chạy có cò... Đủ chưa ông bạn?

- Thôi được rồi.

- Bây giờ tôi sát hạch lại ông nhé! Trường Mỏ Cày có mấy lớp? Thầy nào dạy lớp nào? Ông Đốc tên gì, con cái ra sao?

- Trường có hai dãy đều nền đúc lợp ngói rất đẹp. Nhưng dãy A nền cao hơn. Ông Đốc tên là Trần Văn Chỉ. Nhà ông ở đầu dãy A. Ông có đông con không biết mấy người nhưng toàn con gái. Chị lớn nhất tên Quế Hương. Chị kế tên Tâm, hình như học sau mình một lớp. Chị nào cũng đẹp cả. Lớp Nhứt A: thầy Ký, lớp Nhứt B: thầy Ngọc; lớp Nhì hai năm A: thầy Thiện; lớp Nhì hai năm B: thầy Ký; lớp Nhì một năm A: thầy Cang; lớp Nhì một năm B: cô Tùng; lớp Nhì một năm C: thầy Để. Lớp Ba A không nhớ, lớp ba B: thầy Dữ. Lớp Ba C: thầy Viễn; lớp Tư A: thầy Giúp; Lớp Tư B: thầy Báu; lớp Tư B: cô Giúp... Rành chưa?

- Trước thầy Kỳ, ai dạy Supérieur A?

- Thầy Hữu! Ông vừa họp với tỉnh ủy tại tôi.

- Ông tập kết ra Bắc làm Phó Chủ tịch tỉnh Thanh Hóa về hồi nào?

- Cũng mới đây thôi. Các thầy đi kháng chiến chống Pháp gồm có: thầy Ngọc, thầy Viễn, thầy Hữu, thầy Báu, và ông Đốc Thế trường tư thực Duy Minh.

- Kể hoài không hết.

- À quên, cùng học với tụi mình, có thằng sau này trở thành phản động nhất. Ông biết ai không?

- Ai?

- Thằng Trưởng, con thầy Thọ. Nó làm tới Trung Tướng của tụi Sài Gòn. Lơ mơ coi chừng bị nó chụp.

- Chụp tụi mình mạnh nhất là Sư Đoàn 9 của Trần Bá Di.

- Bạn học mình đâu có đứa nào tên Di.

- À quên, Di con thầy Trần Bá Vạn ở trên Mỹ Tho lận không phải người Mỏ Cày.

Lâu ngày gặp lại bạn cũ trên quê nhà và nhắc lại kỷ niệm xưa, tôi hăng hái kể liên miên.

Hai tiếng *Mỏ Cày* có nghĩa là gì? Không có nghĩa gì cả, mà nó cũng không nằm trong tự điển nào. Nhưng nó nằm trọn vẹn trong lòng tôi với nét chữ và với âm thanh bình trác như hai dấu nhạc tuyệt vời.

Chữ *Mỏ Cày* in trên tấm bảng gác ngang hai đầu trụ gạch vữa của nhà trường quận nền đúc, lợp ngói rõ ràng. Nơi đây tôi đã làm đứa học trò hạnh phúc trong một ngàn ngày. Nơi đây tôi biết sự uy nghiêm của trường lớp, sự kính trọng của học trò đối với ông Đốc và thầy giáo cũng như giá trị của những bài học thuở ấu thơ về địa dư, sử ký, luân lý, luận văn, toán pháp...

Những bài sơ đẳng đó khi học thuộc lòng, tôi không hiểu hết, chỉ trả cho thầy để được điểm lớn, nhưng bây giờ nghĩ lại thật thấm thía vô cùng. Đó là văn hóa, đó là nền tảng của trí khôn, khoa học và văn học.

Tôi mang mảnh đất quê hương có tên là Mỏ Cày đi khắp trời tường đã quên mất nó. Nào biết đâu nó vẫn cứ sống trong tôi như một cội cây xanh. Hôm nay ôn lại chuyện xưa tôi nhớ từng nét mặt từng trò chơi những nỗi vui buồn của một đứa học trò trường quận, quần tiểu áo trắng, tóc hót ngắn, sáng ôm cặp đến trường miệng vừa huýt sáo, vừa tập chú chim sất chuyển trên tay. Tôi nhớ tiếng la rầy của thầy vang cả dãy trường. Tôi nhớ thầy Cang cho tôi điểm cao nhất khi tôi trả xuôi rớt bài *Jeanne d'Arc*. Những trái chuối già và củ mì luộc tôi chưa tìm thấy ở đâu ngon bằng ở cổng trường Mỏ Cày do vợ của chú tài xế dinh quận bán.

Tôi nhớ những buổi trưa la cà ở nhà lồng chợ nghe vọng cổ từ những chiếc máy hát *Columbia* có tay quay dây thiếu, hoặc dán mũi vào những tủ kính bên trong bày những quyển sách Hồng của Thế Lữ, Thạch Lam, những tiểu thuyết của Nguyễn Công Hoan, của Tchya, Ngô Tất Tố... Không gì thú vị bằng đứng lại mãi mê xem người họa sĩ vẽ chân dung Napoléon đến lúc nghe trống đổ liên hồi mới ù té chạy rớt tung cả sách vở bút mực.

Thình lình, Hứa hỏi tôi:

- Hồi đó mày có để ý cô nào không?
- Con nít biết gì mà để ý.
- Vậy mà có hai đứa để ý mày. Nhớ lại thử coi!
- À! phải rồi! Chỉ có một chớ đâu hai. Nghĩ cũng lạ. Hồi đó mình mới lên lớp nhứt. Tôi được xếp ngồi ở bàn thứ hai, sau lưng cô nàng. Cô nàng là con gái

thầy Ký nên không sợ ai hết. Cứ quay mặt xuống bàn dưới nói chuyện với mình. Ngoài ra lại còn cho mình xem đáp số những bài toán khó mình phải *ăn bí rợ*. Không hiểu sao mình ghét tất cả các loại toán, nhất là những con số.

- Tôi nhớ bạn tuần nào cũng được thầy đem luận văn ra đọc làm bài mẫu cho cả lớp nghe.

- Tôi có một bí mật mà mãi tới bây giờ tôi mới nói ra và bạn là người thứ nhất được nghe. Số là một hôm thầy cho bài toán ác quá. Tôi cứ ngồi gặm cán bút hoài. Chờ cho cô bạn ném cái "*rê-pông*" cho mình chép. Cô không ném mà lại ngồi lách qua một bên cho mình xem vở. Thay vì cái "*rê-pông*" thì mình lại thấy chữ AMOUR viết rất đậm.

- Thế à? Rồi bạn làm sao?

- Sau đó nàng mới cho cái đáp số.

- Đáp số nào bằng cái chữ kia!

Tôi kể miên man. Tôi như nghe lại mùi tóc gội xà bông thơm mỗi sáng của nàng.

Hứa ngồi một hồi, rồi nằm. Tôi tưởng hấn ngủ nhưng không, hấn vẫn chú ý nghe. Đến đây hấn bật cười, vẻ mặt của tên sát nhân đã biến đi nhường chỗ cho những nét hồn nhiên ngây ngô của thằng bạn cũ.

- Ông giỏi thiệt. Kể tôi nghe mê man và không thiếu chi tiết nào. Lại rất văn hoa. Nếu tôi kể cho ông nghe thì ông ngủ mất tiêu rồi. Nhưng xin bỏ túc vài chỗ. Cái sân tụi mình vẫn thường đá banh thì sau này Tây nó dùng chôn Tây. Vì trong kháng chiến Tây chết nhiều

quá, không có chỗ chôn. Tiệm cầm đồ gần tiệm chụp hình Lệ Chon thì đổi lại làm nhà bưu điện.

- Sao ông biết hết vậy?

- Con trai tôi học trường mình hồi trước mà!

- Thầy Kỳ còn dạy đó không?

- Còn. Vẫn lớp nhất A. Thầy Để đã lên làm ông Đốc và dời nhà xuống sân banh, nơi trường làm lễ kỷ niệm *Jeanne d'Arc*, ở gần *Cantine*. Ông có một chiếc xe hơi. Ông nhớ nhà ông Cả Biên không?

- Có chứ. Nó ở gần tiệm vàng của Hai Thường giữa nhà của ông Hương Su Mùi và ông Đốc Tờ Lương có vợ người Bắc. Ông Cả Biên bị ám sát hồi 1946 chứ gì!

- Thằng Phụng con trai ông học chung với tụi mình và đi tập kết hồi 54.

- Ủa sao kỳ vậy?

Sáu Hứa nhìn tôi hàm ý bảo trường hợp bố tôi và tôi.

- Cây đấng trái ngọt thiếu gì! Thôi, trả bài địa dư và sử ký vậy được rồi, khỏi phải về địa đồ. Bây giờ để tôi kể chuyện Đồng Khởi cho bạn nghe kéo mai tôi bạn rồi trôi mất. Bạn hãy nhắm mắt lại nghe. Tưởng tượng các nẻo đường đổ vô chợ Mỏ Cày y như hồi mình còn đi học.

- Giồng Trên, Giồng Giữa và Ngã Ba Thom.

- Nhưng Ngã Ba Thom chia làm hai nhánh. Một nhánh từ Hương Mỹ, Minh Đức, An Thới, Thành Thới đổ lên và một nhánh từ Ngã Ba Thom đổ ra. Hai nhánh này hợp lại tràn vào chợ, nhưng phải đi ngang qua bót Ba Dụ là bót ngoại vi của Mỏ Cày...

- Rồi làm sao qua?

- Tôi quên nói, đây là một cuộc đấu tranh của “đạo quân đầu tóc” chứ không phải cuộc Đồng Khởi chính thức đâu. Bót đồn đều xếp súng hết. Lính ra trước cửa đứng dòm. Nhiều tên lại hoan hô. Tên xếp bót còn bảo vợ con đi mua nước đá xá xị tiếp tế. Tụi lính này trước đây ác ôn lắm nhưng thấy Cách Mạng đang thắng thế nên muốn cầu an.

- Ước lượng chừng bao nhiêu người?

- Cánh Ngã Ba Thom có đến năm, sáu ngàn người.

- Còn Giồng Giữa?

- Giồng Giữa, Giồng Trên gộp lại chừng ba ngàn. Còn từ trên cầu nhà thương đổ xuống nữa. Đó thuộc quận Cái Môn nhưng thấy Mỏ Cày làm hung đồng bào cũng hưởng ứng ước chừng mười ngàn người. Ối trời! Chật đường chật ngõ. Cờ xí rợp trời.

- Cờ đỏ sao vàng hay cờ mặt trận?

Sáu Hứa khựng lại một chút rồi tiếp:

- Tôi nói lộn. Chỉ là biểu ngữ thôi.

- Biểu ngữ nêu khẩu hiệu gì trên đó?

- Chị em yêu cầu tên quận trưởng không được bắn cà-nông vào làng.

- Rồi sao nữa?

- Để tôi nói về chiến thuật tiến quân của đạo quân đầu tóc nghe. Trên các con đường đi lại trường học xuống thẳng bến tàu, đường nhà thương và các đường phố đều đông nghẹt người, nhưng tất cả đều rất trật tự ngời chờ lệnh chung rồi kéo tới dinh quận đưa yêu sách.

- Có vô tới đó không?

- Có chứ.

- Sao hôm trước chị Sáu Hòa không có nói cho tôi nghe gì hết?

- À ạ chắc chị đi lãnh đạo trên thị xã nên không có mặt trong kỳ đấu tranh đó.

- Rồi sao nữa?

- Độ mười giờ thì dinh quận bị bao vây tứ phía. Lính quận không dám bắn. Tên quận trưởng phải hứa không bắn cà-nông vô làng nữa.

- Hắn ra mặt nói chuyện với bà con à?

- Hắn đầu dám ló ra. Hắn sai lính bắt loa phóng thanh. Nền chị em không chịu về và làm hung hơn nữa, định phá cửa dinh bắt hắn, nhưng ban lãnh đạo không cho, bảo chị em nên bình tĩnh đấu tranh trong hòa bình. Chẳng ngờ chúng nó kêu tiếp viện. Trên tỉnh xuống một đoàn xe nhà binh chở đầy ác ôn. Chúng vừa đến là ào ào tấn công. Nhưng chị em ta không nao núng, cứ hô khẩu hiệu đả đảo. Chúng bèn đem kéo rồi mỗi đứa cầm một cây kéo cắt tóc chị em. Chị em chống trả kịch liệt. Có nhiều người vùng chạy khỏi, nhiều người bị chúng xôn trụi lủi.

- Rồi sao?

- Cuối cùng chúng phải hứa là không bắn cà-nông vô làng nữa.

- Chỉ hứa thôi à?

- Thì bước đầu mà nó hứa cũng đã là thắng lợi rồi.

- Còn mấy trận chị em bị hòng cà-nông xảy ra ở đâu?

- Cũng ở đây. Tại quận Mỏ Cày. Nhưng bữa nay khuya quá, ngủ lấy sức để mai nó chụp mình nhảy mới nổi.

Tôi đoán là Sáu Hứa đã dùng phương pháp sáng tạo như tôi đã dùng đối với ông Mười Rần. Tuy vậy tôi cũng có những nét cụ thể để bịa tạc. Nếu không có ý thì tôi không biết căn cứ vào đâu mà *phóng đại tô màu*. Trong lãnh vực sáng tác, đâu có ai đòi hỏi nhà văn phải viết sự thực. Báo *Nhân Dân* và Đài Phát Thanh có nói sự thực bao giờ. Trung Ương có nói sự thực bao giờ. Bởi thế cho nên khi còn ở ngoài Bắc thì ai cũng phấn khởi, tưởng như Cách Mạng sắp “*bung mâm cỗ*” tới nơi rồi. Khi về quê thì thấy rằng đảng giỏi... bịp thật.

Sáng hôm sau, Sáu Hứa tiếp tục câu chuyện. Tôi hỏi về chị Ba Định. Hứa nói:

- Không có chị Ba thì không có Đồng Khởi.

- Đồng Khởi ở khắp Miền Nam chứ riêng gì ở Bến Tre sao?

- Nhưng nếu không có Bến Tre thì không có Đồng Khởi Miền Nam. Do đó Trung Ương mới tặng danh hiệu *Bến Tre lá cờ đầu của Miền Nam*.

- Đạo quân đầu tóc là sáng kiến của ai vậy bạn? Có phải của chị Ba không?

- Không biết của ai nhưng theo tôi thì chị Ba là một cán bộ rất xuất sắc.

- Cố nhiên rồi. Tôi biết chị Ba hồi kháng chiến. Chỉ là Đoàn Trưởng Phụ Nữ Cứu Quốc đâu có gì xuất sắc.

- Thời thế tạo anh hùng mà bạn. Ai có nghĩ rằng mình phải đánh Mỹ dữ dằn như vậy đâu nhưng chùng đánh thì cứ đánh.

Sáu Hứa trở lại vụ “*chị em bịt họng cà-nông*”, nhưng tôi sực nhớ vụ nữ anh hùng Tạ Thị Kiều lấy ba cái lô-cốt bằng *chiến thuật khí*, nên tôi chặn ngang.

- Tỉnh mình đã tạo nên một Tạ Thị Kiều vừa thông minh vừa anh dũng.

- Tạ Thị Kiều nào?

- Ủa, người của tỉnh mình mà bạn không biết thật sao?

- Tôi có biết Kiều nào đâu?

- Kiều ở An Thạnh lấy lô-cốt bằng sáng kiến dùng một con khí. Ở ngoài Hà Nội hoan hô dữ lắm. Tôi có gặp và phỏng vấn nữa.

Sáu Hứa tỏ vẻ ngo ngác cực độ. Tôi biết y bịa mọi chuyện khá sinh động. Thảo nào nhà văn trung ương bị y chê là viết khơi khơi, nên tôi không dồn y vào vấn đề khi lấy bớt nữa. Quả lão thiên lão địa, lão Bà Rịa lão vô, lão Long Hồ lão xuống. Lão gặp lão!

Tám Không bảo:

- Tao phải đổi tên.

- Sao vậy?

- Tên “*Không*” đi khai thác tài liệu cũng như không.

- Vậy đổi lại là gì?

- Tám Hữu. “*Hữu*” là có! Từ rày mày gọi tao là “*Tám Hữu*” nghe!

- Mày nhớ mấy cái kịch ôn binh của thằng Nguyễn Vũ và kịch “*Giáo Sư Hoàng*” của Bửu Tiến diễn ở nhà hát lớn Hà Nội không? Tụi nó chỉ bịa chớ có đéo gì. Ở ngoài đó còn bịa được hướng gì mình đã vô tới đây. Úm ba la, ba ta cùng bịa!

Sau đó chúng tôi gặp thêm vài nhân vật có hụ họ Đồng Khởi trong đó Ba Đào tỉnh đội trưởng có chân trong tỉnh ủy trước kia là cán bộ thông tin quận Thanh Phú dưới quyền của Ba Thơ. Ba Đào và Hai

Trung, sau này học hạc tranh giành ghế bí thư tỉnh ủy, “*Chị Ba Đ*” thay mặt giải quyết không ổn nên đưa Mười Kỷ vô Trung Ương, làm cả hai ngóng mỏ.

Ở văn phòng tỉnh đội của Ba Đào tôi gặp Bùi Thanh Khiết gốc thầy giáo xóm, đã từng sang Liên Xô học chính trị xã hội học cùng với Rúm Bảo Việt học đạo đức học.

Khiết có vợ có con nhưng không mang vợ con đi tập kết. Ra Bắc lén phéng với vợ người ta nên bị kỷ luật tống về Nam cho làm Huấn Học trong Bộ Chỉ Huy Giải Phóng của Trần Độ. Khiết có tài mọp và bộ, ngoài ra không có gì khác. Khi hắn làm Trưởng Phòng Chính Trị miền Tây thì tôi và Sơn Nam Phạm Anh Tài ở dưới quyền của hắn. Mỗi khi hắn đi lãnh chỉ thị lệnh về, hắn đọc nguyên không dám nói ngoài lề một tiếng.

Ở R với cấp bậc Trung Tá, y sợ đám tướng đầu bò Miền Bắc như sợ cọp. Bây giờ bị tống xuống đây nghe nói lãnh được chức Phó Chánh ủy Quân Khu 8 cũ do Lê Quốc Sản làm Tư Lệnh. Đến lúc Sản bị trục thăng bắn chết ở Đồng Tháp Mười, Khiết sợ quá chạy tọt xuống Bến Tre núp bóng dừa xanh để sống sót. Lúc đó, như tôi kể ở trên kia, Mỹ Tho không còn đất sống cho Quân Giải Phóng.

Ba Đào chỉ cho tôi được có một chi tiết: Hồi 1960 anh ta và chị Ba Định bị đuổi chạy không có nhà ở phải ra tận rừng Bến Giồng Cui thuộc xã Tân Trung bên mé sông Cái Hàm Luông ẩn trốn. Đêm ngủ “bên nhau”, gối đầu lên trái dừa chuột khoét trong đó có

con rít. Nó kẹp chị Ba sung lổ tai. Chỉ có thế. Hấn bảo tôi đi gặp bà Định để hỏi thêm. Hấn đãi tôi một bữa cơm. Bùi Thanh Khiết nói chuyện qua loa rồi tôi rút lui.

Vài hôm sau tôi gặp chị Sáu Nết, cũng là tỉnh ủy viên, phụ trách Hội Phụ Nữ Giải Phóng Tỉnh. Tôi tưởng sẽ được nhiều tài liệu về “*đội quân đầu tóc*” của chị, nhưng rốt cuộc chị lại đổ cho người khác “*biết vụ đó nhiều hơn tôi*”. Thấy đổ bóng, bóng lại đổ thầy.

Tôi phải lội lên An Thành một xã gần sát thị trấn Mồ Cày. Cơ quan của Phụ Nữ Giải Phóng đóng trong nhà một ông Nông Dân. Các xã vùng quanh đều nghe tiếng ông Nông Dân này. Vì nhà ông ai muốn tới thì tới, muốn đi thì đi ra vào không cần cho chủ nhà biết. Ông phục vụ Cách Mạng hết mình. Có đứa con gái cung không cho đi cán bộ, cứ giữ riết ở nhà vì sợ cô bé mang cái “*bị*” về. Sợ vậy nhưng cũng không khỏi. Ở nhà mà vẫn mang “*bị*” như thường. Đứa nhỏ đẹp lắm nhưng ông Nông Dân không biết cha nó là ai. Các bà Giải Phóng có vẻ lơ là không muốn nhắc chuyện “*đấu tranh chánh trị*” nhất là chuyện mấy bà bị lính cắt tóc (?). Mãi tôi mới tìm được một nhân chứng. Bà này bảo là sự thực thì không có ai bị cắt tóc vì không có cuộc “*đấu tranh chánh trị*” nào hết. Tôi mới vỡ lẽ ra. Cũng như bao nhiêu chuyện khác, đều do đài Hà Nội la ồm ồm mà ra cả. Nào chuyện Hội Văn Nghệ Giải Phóng họp đại hội văn nghệ toàn miền phát phần thưởng Cửu Long, nào chuyện ba

phần tư, bốn phần năm đất đai và dân số giải phóng. Bây giờ tới chuyện súng *Ngựa Trời* và đạo *Quân Đầu Tóc*! Đài Hà Nội tài thật.

Tôi bèn nhờ liên lạc dắt tôi đến nhà Nữ Anh Hùng Tạ Thị Kiều, để tìm hiểu chiến thuật cướp hai, ba cái lô cốt chỉ bằng một con khỉ. Tôi đã gặp vị nữ anh hùng này ở Hà Nội và đã viết truyện *Lửa Quê Hương*. Nay về tận gốc thì chắc sưu tầm tài liệu càng phong phú lắm nên tôi đến tận nhà của cô. Gặp ông già bệnh tê liệt nằm giữa chòi. Vài bác nông dân trong xóm thấy người lạ đến thì xúm tới. Nhón díp tôi hỏi thăm về việc “*dùng khi lấy bót của cô Kiều*”. Bà con đều ngơ ngác không hiểu đó là chuyện gì. Nhưng tôi hiểu ngay đó là chuyện gì. Nên không hỏi nữa. Vì tôi biết rằng tất cả mọi anh hùng quân đội đều xuất thân từ một lò : *Phòng Thi Đua Tổng Cục Chính Trị Bộ Tổng Tư Lệnh Hà Nội*. Cái phòng này chuyên môn “*bồi*” công cho các anh hùng theo phương pháp rất duy vật là “*ít xít ra nhiều*”, biến “*không thành có*”. Nữ anh hùng Tạ Thị Kiều được một Thiếu Tá tên Hòa gốc Nam Kỳ “*bồi*” ngày đêm trước khi cô nàng ra mắt Bác. Bác Hồ lại “*bồi*” tiếp cho vài nhát nữa, cho nên cô trở thành anh hùng của Đồng Khởi Bến Tre, ngọn cờ đầu của Miền Nam! Một “*nữ anh hùng*” có lẽ chỉ thua hai Bà Trưng tí tẹo.

Một nét duy nhất tôi tìm được nơi quê hương của người “*nữ anh hùng*” này là con khỉ già ngồi chong ngóc bên góc hè, không ai ngó ngang tới. Tội nghiệp con vật không biết mình bị cưỡng bức đi vào lịch sử

Đồng Khởi cùng với nữ chủ nhân hồi nào. Còn bót đồn? Vùng này từ xưa tới nay lính Sài gòn coi như là đất chó ăn đá gà ăn muối và không quan trọng về mặt quân sự nên không hề phí công phí sức cho một sự canh giữ nào.

Sau một vòng đi tìm “*tài liệu*”, tôi quay về gặp Tám Hữu (tức Tám Không vừa cải tên). Hữu cũng đi tìm. Hai đứa bổ sung cho nhau rồi mạnh ai nấy “*sáng tác*”.

Tám Hữu ghét tên *cá rô cây* Nguyễn Vũ lắm. Hắn viết ngôn ngữ Nam Kỳ pha chề: Tổ Hữu nào biết đây là đâu, nhưng vợ nào hắn rặn ra cũng được diễn ở nhà hát lớn Hà Nội. Phen này Tám Hữu quyết vượt qua Nguyễn Vũ. Tám Hữu làm luôn một loạt kịch ngắn diễn liên tục cả đêm, “*để trả thù*”. Từ trong Nam gọi ra Hà Nội các vở sẽ được Hội Văn Học Nghệ Thuật của lão Đặng đón chào nhiệt liệt coi như công lao của đảng lãnh đạo. Kế đó là tên Bảo Định Giang chộp lấy “*nâng niu*” cho đánh máy, rồi len vô ngõ sau đem trình cho Tổ Hữu. Nhất định Tổ Hữu sẽ khen nức nở và cho diễn ở nhà hát nhón. Hoài vọng của Tám Hữu rất to, nhưng đụng tình trạng khan tài liệu, hai đứa bàn với nhau là sẽ bịa trăm phần trăm.

Tôi sẽ sáng chế một loạt truyện ngắn, bút ký và một truyện dài về Đồng Khởi, còn soạn giả Tám Hữu thì dựng một vở kịch năm màn tên là *Quê Hương Vùng Lên*. Tám Hữu tìm một cái nhà ở gần chú Nhút để khi cần thì đến tôi hoặc để tôi đến hắn bàn bạc “*úm ba la hai ta cùng phịa*”. Truyện đầu tiên của tôi là *Vũ Khí Mới*.

Trong đó tôi mô tả *con ngựa trời* khắc ra lửa, giặc Mỹ chạy bò càn đũa đập *chông ba lá*, đũa lọt hãm chông. Một tên Mỹ được chở về nhà thương, đang nằm trên giường bỗng nhiên hần kêu rú lên rồi chết. Tại sao? Vì nhiễm độc chông ba lá có tẩm thuốc chế bằng cứt heo, nước đái trâu và cả chục thứ đồ ô uế khác Tôi đưa cho Ban Tuyên Huấn đánh máy cẩn thận, bỏ một bốn vô thùng đại liên coi như chiến công thứ nhất của nhà văn xứ Đồng Khởi.

Sau đó, nhà văn bèn thừa thắng xông lên, phía luôn một “*truyện vừa*” lấy tên là *Tóc*. Đại khái là một cuộc đấu tranh chánh trị có tổ chức lãnh đạo rất chặt chẽ. Những cốt cán nào sẽ ra đương đầu với lính, đội nào sẽ bao vây xe tăng, đội nào xung phong, đội nào tiếp ứng. Bộ chỉ huy đặt ở đâu. Nếu tình thế thuận lợi thì sẽ đưa yêu sách gì, còn gặp bất trắc sẽ rút lui cách nào, v.v...

Đạo quân kéo vào dinh quận, tôi mô tả y chang dinh quận Mỏ Cày là nơi rất quen thuộc thuở tôi còn là học trò. Tôi “*cho*” lính ra ngăn cản. Đạo quân hiên ngang tiến vào. Dinh quận phải đóng cửa, đạo quân đầu tóc làm hung, xe tăng trên tỉnh tiếp viện. Lính bắt loa kêu gọi. Chị em ta không nghe cú ào ào xung phong. Lính bắt một số chị em cắt hết tóc rồi thả ra. Các chị em ta không chịu thua. Lính làm tới xúc chị em bỏ lên xe cây chạy chục cây số tổng xuống cho chị em “*tập thể dục*” cặp giò cho biết mặt. Số chị em khác thì đưa ngực ra bịt họng ca-nông v.v... Cuối cùng lính thua phải nhận yêu sách: “*Không được bắn*

cà-nông vào làng nữa.” Cuộc đấu tranh hoàn toàn thắng lợi. Chị em ra về phấn khởi một trăm phần trăm và họp bàn tổ chức cuộc đấu tranh sắp tới. Đó là tóm tắt truyện “*Tóc*” của Xuân Vũ năm 1965 (?).

Ở ngoài Bắc có ông nghị sĩ Quốc Hội tỉnh Tân An là Huỳnh Văn Gấm. Ông ta là họa sĩ, nhân nghe Tổ Hữu báo cáo về tình hình đấu tranh chính trị (ba mũi giáp công gồm có mũi chánh trị) thì ông họa sĩ kiêm nghị sĩ hoặc nghị sĩ kiêm họa sĩ cũng thế, bèn sáng tác một bức tranh sơn dầu “*Trái Tim Và Lòng Súng*” vẽ một người phụ nữ đứng giăng tay ra trước họng cà-nông. Lúc tôi xem bức tranh này trưng bày ở Phố Tràng Tiền Hà Nội, tôi cũng khoái quá chừng. Tôi khâm phục phụ nữ miền Nam anh dũng lẫn tài năng của họa sĩ.

Nhưng bây giờ về trong Nam, tận gốc của cái làng anh dũng kia thì tôi mắc cỡ quá chừng. Ba cái vụ đó chỉ có trên đài Hà Nội và trên môi của thi sĩ họ Tố thôi. Mặc dù mắc cỡ, tôi vẫn cố sáng tác một cái tiểu thuyết lấy tên Đồng Khởi gồm ba mươi chương. Tôi vơ vét vốn liếng từ thời kháng Pháp và tài liệu của báo *Nhân Dân* nhồi lại với những gì tôi thu lượm được trong cuộc săn lùng tài liệu vừa qua. Đồng thời với quyển tiểu thuyết, tôi viết những bút ký hoặc truyện ngắn gởi cấp tốc ra Bắc. Tôi còn nhớ một cái truyện ngắn được ngoài đó khen dữ, sau này khi về R tôi được một cậu ở Viện Văn Học, cho biết như trên. Truyện đó có tên là “*Chú Cua Đồng, Chị ốc Bưu và Cô Địa Mên*”. Mô tả một anh lính Mỹ sa lầy ở miền Nam

bị cua kẹp, đĩa đeo và ốc bám chân. Anh ta loay hoay bắt, gỡ, né tránh, cuối cùng bị du kích “bùm”.

Cái thùng đạn đại liên của tôi đầy dần, rồi đầy áp khi tôi trao cho Ban Công Tác Thành của Trần Bạch Đằng đem về R. Nếu in ra thì gồm có ba, bốn chục truyện ngắn, ba truyện vừa, một tiểu thuyết, một tập thơ song thất lục bát và bút ký rời, có thể lên tới hai ngàn trang. Vậy mà tôi quyết định vứt bỏ và về Sài Gòn, viết lại trang sách đầu tiên của một đời cầm bút: **Đường Đi Không Đến**.

Nhà chú Nhứt là nơi tôi đóng đô lâu nhất. Tôi cứ thả đi tìm tài liệu vùng quanh rồi về ngôi ở đó viết. Tên Nhái bèn không dám “đuổi” hai ông “Rờ” nữa mà thụt luôn vì lời hăm của Tám Không.

Lúc ở Hà Nội tôi được đọc bản thảo thơ và truyện của Anh Đức, Trần Hiếu Minh, Nguyễn Thi, Giang Nam, Thanh Hải, Bằng Tâm, Thủy Thủ, Lý Văn Sâm, Trang Thế Hy... Sự thực về kỹ thuật tôi chỉ thấy thích truyện “*Thơm Râu Rong*” của Trang Thế Hy thôi còn mấy anh chàng khác thì viết xối còn về kỹ thuật thì không mấy cao tay.

Cái *Hòn Đất* của Anh Đức cũng như cái *Đất Nước Đứng Lên* của Nguyên Ngọc trước kia được coi như hai tác phẩm hàng đầu của văn học xã hội chủ nghĩa. Công bình mà nói thì tác giả rất giỏi ở cái lập trường. *Hòn Đất* rất phiến diện, còn *Đất Nước Đứng Lên* thì như một thằng ngố biết đi biết nói. Cả hai đều không có sức hấp dẫn vì không có nghệ thuật. Đến nay đâu có ai nhắc tới, tác phẩm lẫn tác giả, kể cả Tố Hữu.

Nhưng thôi, đó là chuyện của xã hội chủ nghĩa không phải của tôi. Xin cho qua. Ở đây lâu lâu bị chụp dù một phát. Lần đầu tiên tôi thật khiếp đảm. Khi còn ở trên lưng Trường Sơn tôi đã từng nghe cán bộ người Nam trên đường ra Bắc thăm Bác kể sơ sơ về các chiến thuật trục thẳng vận mà ròn óc rùng mình, nào “*Phượng Hoàng vô mối*”, nào “*Bùa lười phóng lao*”, v.v... Bây giờ tôi mới thấy thực tế..

Một lần, sau khi chạy lấy thân về, ngồi ở bờ ruộng nghỉ xả hơi, nhìn ra ngã tư Cái Quao tôi thiệt hoảng kinh hồn vía. Mỹ chụp luôn cả ban đêm. Từ Mỏ Cày ca-nông bắn nát vùng đất này chừng hai mươi phút rồi Dakota bay quanh thả pháo sáng, in như ban ngày. Kế đó là trục thẳng đổ quân trong lúc ca-nông vẫn tiếp tục làm một vòng vây lửa chung quanh vùng đất hành quân.

Trong vòng nửa tiếng đồng hồ chúng rút gọn. Trong thời gian chúng lục soát mọi người không thể thoát ngoại trừ có hầm bí mật, nhưng không ai dám làm hầm bí mật ở vùng ngã tư Cái Quao. Chúng đã tóm được một ông bự. Tỉnh Ủy và địa phương ém nhem nên không ai biết rõ ông bự đó là ai nhưng trong hàng cán bộ thì xạm xịt với nhau, còn dân chúng thì đồn rằng một bầy đại tá trung tá ở ngoài Bắc đi tàu ngầm vào cập bãi Cồn Chim ở Thạnh Phú lợi bộ về R. Vừa tới đây thì bị chụp. Tin này có lý, vì tại Hà Nội coi Bến Tre là bến đổ vũ khí và nhân sự. Chúng cứ đi liệu, còn sống sót được bao nhiêu quý bao nhiêu, mất bao nhiêu trời kệ. Dòng họ gì mà xót thương.

Sáng hôm sau dân chúng tản ra thành hết. Nhiều người ở lại lượm được vô số dù pháo sáng đem bán cho cán bộ may mắn. Dù pháo sáng chỉ toàn màu trắng chó không rằn ri như dù của quân nhảy dù. Tôi cũng tìm mua được một chiếc sau này về R trước khi ra Sài Gòn mới bỏ. Cán bộ nhìn thấy bãi chiến mà kinh tâm tán đờm. Chẳng may mà lọt vào “*màn lưới*” thì bị “*phượng hoàng vô*” chó không phương gì thoát...

Đám tướng Hà Nội, sau trận Ấp Bắc tướng là quân Mỹ dễ xoi như quân Pháp. Me xừ Giáp có thể ngồi trong hầm với cố vấn Trần Canh vừa nhăm xà vừa bàn mưu tấn công Điện Biên Phủ nên cứ nhắm mắt xúi quân giải phóng và dân chúng miền Nam thừa thắng xông lên đánh cho Mỹ cút đánh cho Ngụy nhào. Đám tập kết cũng hồ hởi hăm hở háng hái về giải phóng miền Nam. Ba tu lệnh Khu 7, Khu 8 và Khu 9 về tới nơi chưa đấm đá gì được thì đã “*rửa chân leo lên bàn thờ*”. Đó là Nguyễn Văn Bảo (anh ruột Nguyễn Hộ), Lê Quốc Sản, Nguyễn Hoài Pho. Cả đám thay tên đổi họ mặc đồ bà ba đen, lưng giắt K54, nhưng cũng không khỏi bị Phượng Hoàng vô.

Vùng tôi đang “*bám trụ*” là giữa quận Mỏ Cày và là cái rốn của đám đầu tỉnh. Trong thời kháng chiến đây cũng là trung tâm văn hóa của tỉnh. Nếu so sánh hai vùng giải phóng thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ thì chống Mỹ là một mảnh da lừa đang teo sấp sửa biến mất. Các cơ quan của tỉnh thời trước to lớn và phong phú gấp một ngàn lần bây giờ. Cơ quan di

chuyển lớp đi bộ lớp đi ghe như một gánh hát cải lương. Ông “kép già” Mười Huệ chủ tịch tỉnh, râu bạc đội nón mây của người Tiểu làm rầy, tay chống gậy đi đầu. Sau lưng ông nào là Đoàn Trưởng Thanh Niên, Nông Dân, Phụ Nữ, Thiếu Nhi Cứu Quốc, Văn Phòng, Giao Liên, Tuyên Truyền, nhà báo (hồi đó tỉnh có riêng tờ báo lấy tên là *Hi Sinh* do ông Hồ Văn Thoại làm chủ nhiệm).

Nam thanh nữ tú áo hồng áo tía kéo nhau đi thành đoàn. Vừa đi vừa hò hét, ai thấy cũng muốn đi theo. Nhưng vấn đề tôi quan trọng nhất là TRÍ THỨC. Hồi thời đó rất đông trí thức tham gia cách mạng. Ông Đốc Thịnh, ông Đốc Huệ, ông Đốc Thế, thầy Ngọc, thầy Hữu, thầy Chín, thầy Viễn, thầy Báu. Rất đông cán bộ có bằng cấp Tú Tài, Thành Chung. Phật Giáo, Công Giáo, Cao Đài (không có Hòa Hảo) đều có mặt. Cỡ lóc nhóc như tôi thì ời thôi thiếu chi... Nên nhớ rằng hồi đó đảng còn núp ló sau lưng các đoàn thể, chưa dám lòi mặt.

Còn bây giờ? Tỉnh ủy độc tài một mình một chợ cho nên không có ai theo. Đặc biệt không có trí thức và tôn giáo. Tỉnh ủy toàn là một đám bản cổ hủ. Chúng chia nhau “*lãnh đạo*” các đoàn thể. Nhưng đoàn thể thì chỉ có cái đầu còn mình thì không. Cả bọn trốn chui trốn nhủi. Đi tới đâu dân chúng chạy tránh như sợ bệnh dịch. Ngày trước cơ quan bộ đội đi đâu được dân chúng chào đón, nhường cho đóng trong nhà, gà vịt heo bò đãi đằng nồng nhiệt. Bây giờ cơ quan ở nhà hoang, bộ đội lủi ngoài rừng.

Tôi nhập gia thì phải tùy tục. Ăn ở phải giống y như địa phương. Sáng sớm thức dậy nấu cơm ăn bỏ bụng, ba lô, thùng sắt sẵn sàng gọn ghẽ. Hễ nghe có dấu hiệu “*chup*” thì đem cái thùng tác phẩm đập lút xuống nương và mang ba-lô tẩu như phi. Về sau thấy chiếc ba lô nặng quá, chạy đua với trục thẳng không xuể, nên tôi nhờ mua thùng sắt đạn 37 ly, to gấp đôi thùng đạn đại liên. Tôi dồn radio, quần áo vòng ni-lông vô đó luôn. Trước khi đông, đem đập xuống bùn để nhẹ mình.

Một buổi sáng, tôi vừa thức dậy đã nghe tiếng con *đầm già mang guốc* từ Mỏ Cày rè rè bay xuống. Chú Nhút nói:

- Nó “*cầm đèn*” soi thì nguy rồi cậu.

Con đầm già mang guốc mà lại *cầm đèn*. Tức là trời chưa sáng hẳn. Máy bay do thám L19 còn chớp đèn đỏ.

Nhanh như chớp, chú Nhút nhảy xuống xuống kêu:

- Cậu Hai, cậu Tám, đi!

- Đi đâu?

Chú Nhút trở *con đầm già*. Nó vừa đến Tân Trung, tức là giáp ranh Hương Mỹ thì quay lại. Chú nói:

- Nó chụp vùng này.

- Sao chú biết?

- Mau lên!

Hai đứa tuột xuống xuống. Chú bơi một hơi ra Giồng Vồ, kéo xuống đứt vô bụi vừa xong thì nghe tiếng máy bành bạch trên trời. Chú bảo:

- Tụi nó sắp đổ dù.

Trước mặt tôi lớp đàn lớp cán bộ đua nhau chạy bằng đồng về phía Tân Trung. Chú Nhứt bảo:

- Vòng hẹp của nó là An Định, An Thới, vòng rộng có thể mở tới Tân Trung. Mình phải chạy qua phía Ngải Đăng thì mới ra ngoài vòng được.

Chạy được một lúc, chú dừng lại bảo:

- Hai cậu nhắm hướng đó mà đồng nghe. Tụi trở về.

- Tại sao vậy chú?

- Tôi trở về coi chừng nhà.

- Nhà gì mà coi chừng. Bộ chú bỏ nhà đi lính đốt hả?

Chú Nhứt khoác tay:

- Không! Tụi lính người mình không có như Tây hồi trước. Tây chuyên môn đốt nhà nhưng bây giờ lính không chơi cái kiểu đó. Tôi nói là sợ mấy “thằng ông nội” kia.

- Mấy thằng ông nội nào?

- Tôi nói vậy cậu không hiểu sao? Tụi nó không chạy, lẫn lút ở lại. Nhà ai đi vắng, tụi nó vô quơ vài món tỉnh bơ. Kỳ rồi nó làm của tôi hết vài thùng đường mía cán rồi, không phải đường thốt nốt, chưa kịp bán, nó cất dùm. Tôi về thay áo trắng rồi chun vô hầm. Lính có tới tôi bò ra. Tụi nó đâu có làm gì. Chi sợ ba cái trục thẳng thôi. Rủi mình bị lạc đạn nó chớ về thành, dứt vô nhà thương.

Tôi hơi lấy làm lạ. Ở ngoài Bắc muốn vô nhà thương của đảng phải trình lý lịch chớ đâu dễ vậy. Tôi hỏi:

- Có thiệt sao chú?

- Có chớ sao không có. Nó không có bắn dân. Chỉ chơi mấy ông mãnh thôi.

Một bảy trực thăng tới vùng ngã tư Cái Quan. Chúng đánh một vòng rồi hạ cánh từ từ, xuống thấp khỏi ngọn cây. Đây là lần đầu tiên tôi thấy nhiều máy bay như vậy. Máy bay dội bom, máy bay đâm gĩa và trực thăng cùng một lúc trên trời đen như kiến cỏ.

Chú Nhứt bảo:

- Nhà tôi nằm ngoài vòng. Để tôi về nghe!

Nói xong chú khoác áo trắng vào và tự nhiên đi trên đường. Khi chú Nhứt về thì hai thằng tôi thấy bơ vơ. Rủi dù chụp tới đây thì biết đường đâu mà chạy. Thời may tôi nhớ ra. Đây là Cẩm Sơn, mà bà ngoại tôi cử tên ông ngoại tôi nên gọi là Tú San, và Ngải Đăng là vùng bà con bên bà ngoại tôi. Cô ruột tôi cũng có chồng về đây. Hai mươi năm trước, mỗi lần bãi trường, cậu Tám tôi thường dắt tôi từ Minh Đức lên đây thăm bà cụ ngoại tức mẹ ruột của bà ngoại tôi.

Vùng Cẩm Sơn đất cát pha, uống nước giếng chớ không có sông chảy qua, nhưng cây cối vẫn xanh tươi lạ lùng. Nó trở thành một miền thân yêu của tuổi thơ tôi. Ở đây tôi rất được dòng họ cung chiều và thương mến. Mỗi lần đến, ai cũng cho tiền và quà bánh trái cây mang không hết. Ít nhất tôi cũng được trên một đồng bạc gồm xu năm bạc các bỏ đầy túi. Bạn đi thì ngoại tôi cho một cặp đi xe ngựa từ ngã ba Tân Trung đến tận nhà bà cụ. Bạn về thì phải cuốc

bộ ra ngã tư Tân Trung mới có xe. Chỉ tốn một cắc là về đến cầu Vĩ cách chợ Tân Hương nửa cây số. Có tiền trong túi, hai cậu cháu ghé lại tiệm Thầy Thợ mua kẹo da trâu, dây nhợ, giấy bạch vẽ làm diều, đạn bắn cu li, dây thun làm giàn thun bắn chim. Cứ mỗi lần đi Tú San về là có lắm trò chơi. Bây giờ trở lại đây, không biết đường đi và cũng không còn ai để xin tiền. Tất cả đều biến dạng, biến mất. Kể cả những cây dầu con ráy, cây sao cổ thụ cũng không còn. Thì làm sao tìm lại được dấu xe ngựa thời thơ ấu. Chúng tôi phải lội trong cỏ hoang vạch đường mà đi. Lại còn một nỗi sợ lựu đạn gài của du kích. Dân và cán bộ bị thương vì lựu đạn gài rất nhiều.

Nhưng cuối cùng rồi tôi cũng tìm ra một người bà con một cách bất ngờ. Bất ngờ là vì tôi đi tìm một người lại gặp người khác. Cuộc đời của tôi, luôn luôn có những bất ngờ. Người xa bảy, tám năm gặp lại và người xa hai mươi năm cũng gặp lại. Người xa ba mươi, bốn mươi năm cũng vẫn gặp lại như thường. Vì tình thương, tình yêu, tình người.

Người tôi gặp lại hôm nay là cậu Ba Khiêm con của bà Bảy, em ruột của bà ngoại tôi. Tôi và Tám Không vào một cái chòi xơ xác xin nước. Chủ nhà thấy hai ông cán mang “colt” thì có vẻ lơ là. Uống nước xong - nước giếng hình như cũng không còn mùi vị ngọt của thời xưa - quay ra đi một đoid thì có người chạy theo gọi, tôi đứng lại. Một ông già chừng năm mươi ngoài râu dài tóc bạc hỏi:

- Chú cho tôi hỏi chút. Xin lỗi... chú người ở đâu tới?

- Dạ, tôi ở trên An Định chạy chụp dù xuống đây.

- Tôi muốn hỏi gốc gác chú kia!

- Dạ tôi người Cầu Mống.

- Xin lỗi, chú là con cháu của ai?

- Dạ... cháu ông Cả Tụy, con của...

Tôi chưa kịp dứt tiếng, ông đã ôm chầm lấy tôi:

- Mày là thằng Triết, kêu Bảy Hung, Tám Hà bằng cậu phải không?

- Dạ phải.

Ông già lôi tay tôi.

- Vô nhà, con! Hồi này tao ngờ ngợ. Mợ Ba mày nói đúng là mày, nhưng tao không tin. Khi mày vừa đi mợ Ba mày mới bảo tao chạy theo. Tao là cậu của mày. Con bà Bảy, kêu bà ngoại mày bằng dì ruột. Trời đất ơi! Tao nghe nói mày đi xuống miền Tây hồi năm 50 mà sao bây giờ lại lọt về đây?

- Dạ cháu đi xuống đó rồi tập kết luôn.

Tôi và Tám Không vô chòi. Cái cửa chòi, muốn khỏi đụng đầu, phải khom lưng.

Một cái hầm choáng gần hết lòng chòi. Nó như cái mả chôn người sống vĩ đại. Trên nóc hầm là mấy cái lư hương loe hoe ba cọng chân nhang. Liểng sơn mài lót dưới đất, ghế trường kỷ ba chân, ghế đai sắt tay. Một cảnh làm nát lòng. Kháng chiến đã làm cho đất nước tang thương, nhưng không bằng một phần mười giải phóng. Cậu Ba bảo:

- Bữa nay nó chụp miệt trên, dưới này êm. Có thể pháo Cầu Mống bắn chơi vài phát chớ không có gì nữa đâu. Ở đây ăn cơm. Cha chả. Mày “đi” lâu dữ ha!

Tôi ngồi ngó ngáo không biết cậu Ba là ai nữa. Hồi trước có gặp cậu chẳng thì cũng chỉ vài lần, tôi không thể nào nhớ được. Thấy vẻ mặt của tôi, cậu biết tôi không nhận ra cậu, nên cậu nhắc:

- Tao là con bà Bảy. Mày là cháu ngoại của bà Sáu. Nhớ chưa?

- Dạ cháu nhớ ra rồi. Ngoại cháu thứ Sáu. Bà Bảy với ngoại cháu giống y nhau. Hồi nhỏ cháu lắm.

- Mợ Ba lớn mày chết lâu rồi. Đây là mợ Ba nhỏ.

- Mợ biết cháu là vì hồi kháng chiến cháu có đóng cơ quan ở ngoài nhà bà Bảy. Hồi đó cháu cũng lớn rồi.

Tôi lơ mơ nhớ lại những chuyện xa vời, nếu không được cậu nhắc lại chắc quên luôn.

Chiều bữa đó tôi được ăn thịt vịt và uống rượu với cậu Ba. Tôi bàng hoàng hết cả người mỗi lần nhớ lại cảnh thổ ngày xưa. Cậu Ba đâu có cuộc sống xơ xác như vậy. Cậu có vẻ buồn rầu và cam chịu.

Cậu không để cho tôi có thì giờ hỏi về việc nhà của cậu. Cậu bảo:

- Mày và chú kia cứ ở đây chơi vài ngày. Nếu tụi nó chụp tới đây, tao có hang cá trê chứa được hai người. Nếu không chịu xuống “hang trâm” thì tao biểu trẻ nhỏ dắt cho chạy. Hai đứa bây có giỏi giò không?

- Dạ cũng tạm được.

- Về đây có chạy đua với trực thăng lần nào chưa?

- Dạ mới sơ sơ cú này. Nhưng cháu đông sớm lọt ngoài vòng nên cũng khỏe.

Quả thật trời còn giúp vận. Cuộc chụp dù ở An

Định chấm dứt ngay chiều hôm đó. Đến tối tôi mới yên tâm. Cậu Ba dắt tôi sang mấy cái chòi bên cạnh để “*giới thiệu*” thằng cháu với bà con. Đúng ra cậu không hành diện vì có thằng cháu “*vô dân Tây đi tập kết*” mới về mà là dắt cháu cho đi gặp lại dòng họ thất tán rã tan trong chiến tranh.

Đây là cậu Nhì con ông Năm bà Năm, cậu Chín con ông Ba bà Ba, cậu Năm con ông Hai bà Hai đều là cháu gọi ngoại tôi bằng cô ruột. Sau cùng là ông Nhứt. Bà Nhứt là em ruột của ngoại tôi. Bà Nhứt đã mất, ông Nhứt già yếu sống giữa chòi với đàn cháu nội. Đó là lũ con của cậu Trăn. Cậu Trăn cỡ tuổi với tôi và cùng học một lớp với tôi ở trường quận Mỏ Cày. Cậu ăn com quán ở một nhà ngay đầu cầu chợ quận.

Mỗi buổi chiều thứ bảy khi tôi ngồi xe hơi về Cầu Mống thì dọc đường, lối Cầu Đúc lớn hoặc Cầu Ông Ngò, cũng còn gọi là Cầu Giồng Vỡ, cũng gặp ông già chở xe đạp một đứa nhỏ về hướng Tú San. Rồi sáng thứ hai khi tôi trở lên trường thì cũng lại bắt gặp ông. Đó là ông Nhứt chở cậu Trăn. Ba năm liền như vậy, đến khi tôi lên Bến Tre mới hết gặp cậu Trăn và ông nữa, cho tới bây giờ.

Khi nhìn lại ông Nhứt thì tôi mới biết bao nhiêu năm tháng đã qua trong đời tôi. Ông đã quá già. Cậu Trăn thì đang làm thầy giáo nơi cái trường trước kia cậu từng đi học và có một bảy con. Còn tôi thì lêu bêu với chức cán bộ Mùa Thu chẳng giúp ích gì cho cha mẹ cả.

Ông Nhứt tôi giữ tôi và Tám Không ở lại chòi

rộng rãi và hăm chắc chắn. Ông bảo cháu nội đi lên vườn đốn dừa nạo đem về cho tôi uống. Ông nói:

- Cậu Trần mày trước kia thỉnh thoảng còn về thăm tao. Từ Đồng Khởi tới bây giờ nó không dám về nữa. Mợ mày phải ở luôn trên quận. Mấy đứa nhỏ này về chơi rồi cũng trở lên.

- Ông Nhứt ở nhà có một mình?

- Chung quanh đây toàn bà con, lo gì! Lên trên đó ở chung với con cháu thì vui rồi, nhưng mỗ mả, bàn thờ ông bà bỏ lại đây ai nhang khói!

Tôi giật mình vì câu nói hồn nhiên, chân tình, nhưng lại có vẻ cảnh tỉnh thằng cháu hai mươi năm gia cư bất biết đi làm cách mạng cho ai nhờ? Hai mươi năm nay, tôi toàn ăn giỗ chực, ngủ nhà khính chó đầu cổ cúng quải ông bà, đâu có sẵn sóc cửa nhà. Bây giờ về đây thấy cỏ cây mà ngậm ngùi tắc dạ.

Lúc mặt trời sắp lặn thì có một cậu thanh niên tới. Ông Nhứt tôi nói ngay:

- Đó là thằng Dụng, rể của cậu Ba mày.

Dụng chào tôi rồi nói:

- Em nghe nói anh về! Em công tác thông tin ấp nhưng bữa nay chắc em giao lại cho xã. - Dụng gio cái loa thiếc tang thương lên. - Vì đồng bào không còn nghe em loa nữa. Họ chỉ nghe đài Hà Nội, đài BBC thôi anh à. Anh có cách nào giúp em không?

Tôi cười:

- Anh không rành công tác thông tin em ạ.

Hai anh em nói chuyện một lát rồi tôi bảo Dụng dắt tôi đi thăm nhà ông Cụ bà Cụ ngoại của tôi cũng là của Dụng.

Dụng lắc đầu:

- Còn cái gì đâu mà thăm anh!

- Sao vậy em?

- Làm sao tìm ra cái nhà?
- Bộ nhà ăn bom à?
- Phá hoại hồi 1946 anh không nhớ à? Hồi đó em chưa làm cháu rể của cụ.

- Anh nhớ cái nhà hồi đó còn đứng mà.

- Đúng nhưng bốn vách trống lủng hết rồi. Ông Chín dùng vách lá ở đỡ. Nhưng sau Đồng Khởi thì máy bay bắn dữ lắm. Đi qua nó rĩa một loạt. Đi lại nó làm vài loạt. Cột kèo bị thương bấy hết. Nếu nó nhỏ cỡ nhà nội em thì còn hạ xuống, cột kèo đem ngâm xuống ruộng được nhưng nó lớn quá. Cột bằng cột đình, kèo chạm, lại lợp ngói âm dương trét xi măng cứng ngắt. Thời buổi này làm sao tìm ra người mà hạ nó xuống? Hễ hạ xuống thì hư nát hơn phân nửa, thì hạ làm chi!

Tuy nói vậy nhưng Dụng vẫn dắt tôi đi thăm. Trong tâm trí tôi có sẵn ngôi nhà, nền cao ngang ngực, nóc xám rêu phong lỗ chỗ dấu đạn, nhưng khi Dụng bảo:

- Đó chỗ cụm cây rậm đó!

Tôi mất vía, la hoảng:

- Hà?

- Cái nền nhà ở chỗ đó. Nhưng nay cũng không còn cục đá nào. Anh đứng đây nhìn một chút đi rồi về. Chớ anh lợi vô đó thì cũng vậy thôi.

Tùng ở ga-ra ngoài Bắc, ở lều ni-lông trong rừng Cao Mên, bây giờ đứng trước một ngôi nhà đồ sộ của ông bà đã biến đi, tôi mới thấm hết nỗi đau đớn khi con người mất nhà. Và hiểu câu nói: Sống cái nhà, thác

cái mồ! Cho đến bây giờ, khi ngồi viết những dòng này tâm trí tôi vẫn còn in trong trí hình ảnh ngôi nhà ông Cụ ngoại tôi. Một ngôi nhà mà ông Cụ tôi làm lụng vất vả trong vài chục năm mới có đủ tiền để cất. Thọ thầy và người nhà chung sức làm trong ba năm mới xong.

- Ông Chín bán nó có 700 ngàn rồi đi lên Bến Tre ở đậu anh ạ. (Chừng 70 đô la).

Tôi chỉ còn biết kêu trời.

- Trời ơi!

Mỗi lần bãi trường các cậu con ông Chín tôi về nhà phải lau chùi bằng một cách đặc biệt. Bắc thang leo lên tận đầu cột quán giẻ quanh thân cột rồi ôm cột tuột xuống. Mỗi cây cột phải tuột cả chục lần. Dòng họ nội ngoại của tôi ủng hộ cách mạng, con cháu đi theo cách mạng, hi sinh cho cách mạng để mất trên hai chục ngôi nhà lớn.

Đó là chưa tính những ngôi nhà nho nhỏ cỡ nhà của bố tôi. So với những đại điền chủ thì sự “cống hiến” của dòng họ tôi cho “cách mạng” không nhiều lắm, nhưng cũng không phải là nhỏ. Dụng bảo tôi:

- Thôi đi về anh. Buổi chiều pháo hay bắn bậy lắm.

- Còn nhà ông Hai, ông Ba, ông Năm thế nào?

Dụng cười:

- Anh muốn thăm thì em dẫn anh đi thăm luôn để không có dịp.

Rồi Dụng đưa tôi đi. Thuở tôi còn bé, mỗi lần tôi lên đây tôi đi trên một con đường nhỏ từ ngoài đường làng rẽ vào bên phải là nhà ông cụ tôi, bên

trái là nhà ông Hai tôi tức con cả ông Cụ. Tôi sợ ông Hai đến nỗi không dám ngo sang tay trái. Nếu bất ngờ mà nghe tiếng lạc ngựa sau hàng tre vì ông cỡi ngựa đi Nhà Việc, thì tôi và cậu tôi lẫn trốn trong bụi, chờ ngựa chạy qua rồi mới dám ra đi tiếp. Ông khó tính đến nỗi con cháu trong nhà cũng phải sợ. Nhất là sau khi ông tranh chức Cai Tổng bị thất bại thì tôi càng không dám ngo sang nhà ông nữa. Bà Hai tôi bảo cháu đem tiền cho tôi bên nhà ông Cụ.

Bây giờ tôi hết sợ ông, tôi dám ngo nhà ông vì cả ông lẫn cái nhà không còn nữa. Tôi hầu như không nhớ mặt ông, vì tôi chỉ thấy ông vài ba lần ở từ xa. Dụng bảo tôi:

- Anh còn nhớ cái bờ mẩu ngày trước không?

- Nhớ chứ. Ven bờ có một hàng me. Mùa me chín gió khua nghe lộp bộp rất vui tai, anh lượm ăn me rụng đã đời! Về nhà uống nước mua rồi tha hồ “chạy”.

Dụng dừng lại bảo:

- Nhà ông Năm ở đây. Cậu Nhì con ông Năm ở ngoài chòi gần ngoài Ba Phó.

- Còn Di Út đâu?

- Di Út là vợ Cai Tổng Minh Đạt bị xử bắn cả hai vợ chồng hồi xưa hồi xưa kia mà anh quên rồi sao?

Tôi tưởng mọi việc cứ như hồi xưa. Di út rất đẹp, đánh tứ sắc. Hồi tôi học trên quận, có lần dì đi xe ngựa lên nhà trọ cho tôi tiền. Như vậy cách mạng đã “trả công” cho tôi bằng cách giết một người dì, một người cậu và một người cô còn ai nữa thì tôi chưa có dịp tính sổ. Dụng bảo:

- Láng te hết vậy đó. Ba cái nhà ngói lớn một dãy không còn một cục gạch! Có gì mà thăm. Anh có lên Sài Gòn thì thăm cậu Tám.

- Cậu Tám nào?

- Cậu Tám Trỗi con của ông Ba đang làm cảnh sát trưởng trên đó.

- Vậy à? Anh nhớ ra rồi. Cậu Tám giỏi nghề võ hồi xưa, anh biết. Cậu có xuống nhà ngoại anh. Lần đó cậu có đi một đường roi và một đường quyền cho cả nhà coi.

Dụng dắt tôi đến nhà lớn của cậu Ba ở trong vườn. Tôi cũng từng đến ngôi nhà này trước kia. Tôi lại không thấy gì hơn một cái nền nhà và một đồng ngói vụn.

Nhưng sau khi đã chứng kiến một lúc bốn ngôi nhà biến mất chỉ còn nền tro tro, có cái không còn cả nền, thì lần này tôi không còn xúc động mạnh nữa. Sự đổ nát trở thành bình thường đối với quân giải phóng. Dụng không nói gì, dắt tôi ngay đến mé mương đầy cỏ rác rong rêu, rỉ tai tôi:

- *Hầm cá trê* của em ở đây.

- Vậy à?

Dụng lôi tay tôi đi loanh quanh và giải thích:

- Nếu có động tịnh gì thì em *lông rông* xuống mương chui vô hang rồi trồi lên cái đồng ngói kia.

- Ngồi trong đó à?

- Dạ, không. Em có trở lỗ hơi. Em ngửa mũi em lên đó mà thở. Cái đồng ngói kia chỉ là vật nghi trang thôi.

- Rủi nó đóng quân trong vườn rồi em làm sao?

- Em cũng không biết nữa. Em chưa bao giờ chui. Cục chẳng đã, nếu không còn đường chạy thì mới chui thôi. Chớ chui như vậy năm ăn năm thua lắm anh ạ. Có người chui rồi chết ngộp dưới đó. Lính rút thì đã chết từ lâu, không chữa kịp. Ba em bảo nếu có chuyện gì thì em dắt anh chạy ra ngọn Tầm Bức gần ngoài mé sông cái Cổ Chiên (tức là một trong các ngành sông Cửu Long). Từ đó mình có thể chạy xuống Ba Phó, tạt vô Tân Huê về Minh Đức hoặc ngược lại trở lên An Thới ra rạch Bào Hang qua Cái Chát Lớn, Cái Chát Nhỏ.

- Chạy đâu mà chạy dữ vậy?

- Phải chuẩn bị cặp giò anh ạ. Nó chụp bắt mạng lắm. Mình không đoán nổi. Gần đây nó lại hay nhảy cóc chớ không có chụp từng vùng kế cận nhau đâu. Có thể bữa nay nó chụp An Định, mai nó phóng qua bên Bảo, mốt nó lại chụp Tân Trung, bữa kia nó bủa lưới An Thới anh ạ. Còn cái mừng nó thanh đồng kích tây nữa. Hoặc đang chụp chỗ này, nó lại chụp luôn chỗ kia cùng một lúc. Cho nên ở nhà vợ em cứ thủ sẵn cho em một bộ đồ trắng và một gói lương khô. Có khi bị rượt chạy ba bốn ngày liền không về nhà được thì dùng lương khô. Còn đồ trắng thì cũng như mình đầu hàng. Lính thấy đồ trắng thì không bắn.

Dụng tiếp:

- Anh ở chỗ nào thì phải có hầm hố ở đó. Mà phải tự đào lấy không nhờ mấy ông du kích lếu láo. Ngoài ra phải có căn cứ phụ, tức là ngoài An Định ra anh

phải nhắm trước một vài nơi khác. Nếu nó chụp An Định thì anh chạy vô An Thới, xuống đây, hoặc ra Bình Khánh. Em nghe phong thanh nói tụi nó sắp lấy Cầu Mống làm tỉnh lỵ mới.

- Tỉnh nào?

- Dạ nó chia tỉnh Bến Tre mình ra làm hai tỉnh. Kiến Hòa và Kiến Tân. Kiến Tân sẽ đặt tỉnh lỵ ở Cầu Mống vì ở đó có cả đường bộ lẫn đường thủy ăn thông lên Sài Gòn và Trà Vinh.

Tôi gượng gạo bảo:

- Nó tác động tinh thần đồng bào chớ làm gì nổi! Mình đâu có để cho nó tung hoành.

- Anh ơi! Tụi lính ruộng không có nguy hiểm bằng quân Bình Định. Tụi này đi đâu cũng ca hát, phát thuốc, phát vải, phát gạo. Mặt Trận bảo em loa giải thích cho đồng bào đó là âm mưu của giặc nhưng đồng bào đâu có nghe. Âm mưu gì không thấy chớ gạo, vải, thuốc toàn thứ tốt. Có nhiều gia đình bỏ ra thành luôn, mình kèm lại không được.

Dụng ngưng một chút rồi tiếp:

- Nghe anh tới em mừng lắm. Em muốn anh giúp em kinh nghiệm để tuyên truyền chặn đứng mấy vụ đó lại. Thí dụ như em sẽ tập hợp đồng bào lại rồi anh đứng ra nói chuyện về nhân dân miền Bắc sung sướng, làm ăn phát đạt như thế nào, được Đảng và Bác cho học hành, mỗi người dân xã hội chủ nghĩa phải có trình độ trung học bắt buộc (?) v.v. cho đồng bào mình không còn hướng về thành nữa. Được không anh?’

- Ồ... ồ... được chó! Sáng kiến của em hay lắm!

Tôi hứa sẽ nói chuyện về Bác Hồ, về đời sống dân Miền Bắc hai ba đêm liền cho bà con nghe. Dụng mừng như bắt được vàng.

Tối lại Dụng lại mời tôi và Tám Không qua chơi của nó. Hai ông cán Mùa Thu lại được ăn gà xé phay, uống la-de Sài Gòn. Ông Nhút và cậu Ba tôi được Dụng thông báo cũng có ý đến nghe. Riêng ông Nhút cho tôi năm trăm đồng, có thể mua được hai chục lít gạo. Thời buổi này mà ông cho tôi số tiền đó là lớn lắm.

Thừa lúc Dụng chạy đi quán mua trà và bánh ngọt, tôi mới thuật lại việc Dụng yêu cầu nói chuyện với đồng bào cho Tám Không nghe. Tám Không cười:

- Nói vòng che thôi, đừng nói cái “*trung tim*” cũng như Chế Lan Viên và Xuân Diệu làm tình vậy. Yêu trên báo thì rất dữ dội còn thực tế thì vậy đó.

- Ông ráng diễn thuyết dùm một buổi được không?

- Ủy chu chưa! Anh cò mày “*nằm*” đi, chúng tôi không quen ạ!

- “*Nằm*” thì “*nằm*” mấy buổi cũng được, nhưng kẹt đề tài lắm, ông “*kịch xĩ*” ơi!

- Bộ ông “*dăng xĩ*” sợ mắc ghen hả?

- Chớ còn gì nữa.

- Vậy thì đánh bài “*chuồn*”. Bảo tình ủy có hẹn gặp để nói về Đồng Khởi. Xin đình lại, kỳ sau mình sẽ tới.

Dụng chắc ba bó một gạ nên vác loa đi quanh các xóm chòi thông báo ngay.

- Allô! Allô! Xin mời đồng bào đúng bảy giờ tối đến nhà ông X... để nghe cấp trên phổ biến công tác quan trọng. Không nên vắng mặt.

Tôi nói nhỏ với Tám Không:

- Rêr quá cha nội oi!

Tám Không bảo:

- Mày cứ nói về “*cây vú sữa miền Nam trên đất Bắc*” hoặc về “*nữ anh hùng Tạ Thị Kiều*” Đừng nói gì tới phiếu phiếu, mậu dịch “*bán hàng mẫu*” và các thứ hợp tác xã ăn uống, hợp tác xã sản xuất thì đâu có bị mắc ghen.

- Vậy ông nói đi.

- Được rồi, để đó tao làm một “*ván*” cho mày coi.

Tám Không có khiếu đóng kịch từ thuở thiếu nhi. Hắn “*cuơng*” rất tài. Một mình đóng luôn bốn vai trong tuồng *Sơn Tinh Thủy Tinh*, buổi lửa trại nào cũng có mặt hắn. Vai nghiêm cũng đóng, vai hề cũng làm luôn. Vậy kỳ này hắn sẽ diễn cái hoạt cảnh “*cây vú sữa*” thì chắc đồng bào thích lắm. Tôi dặn thêm:

- Đừng cho đồng bào biết là cây vú sữa không có trái nghe tía nó!

- Tao cho cây vú sữa có trái luôn bốn mùa mày coi. Vẫn ngọt như thường.

May quá, chúng tôi không phải diễn thuyết vì ngay sau đó chúng tôi lại được đàn bà đi chợ cho hay ngày mai sẽ có chụp vùng này nhưng không biết chính xác xã nào nên Dụng cho đình cuộc diễn thuyết.

Sáng sớm, vợ Dụng, dọn cơm cho chúng tôi ăn bỏ bụng để sửa soạn chạy ra ngọn rạch Tám Bức cho

bảo đảm. Vừa lội được một quãng thì đụng đầu một đoàn người lội thoi lếch thếch do một cán bộ dẫn đầu. Tôi kêu lên:

- Má! Má đi đâu đây?

Má tôi khựng lại một hồi rồi vội về suy nghĩ chớp nhoáng, bà trả lời một cách ngập ngừng:

- Ờ, ờ... má đi thăm bà con!

Anh cán bộ thấy hai “*ông thần*” mang *colt*, lại có một ông kêu bà già bằng má thì rất đổi ngạc nhiên, bèn hỏi tôi:

- Đồng chí là con của bác Hai?

- Dạ, tôi đây.

Má tôi không nói gì. Một người đàn bà trong đoàn, tôi không biết là ai, buột miệng nói:

- Bà già của chú Triết. Chú ở ngoài Bắc mới về.

- Ủa vậy hả.

Anh cán bộ liền nói với má tôi:

- Vậy bác khỏi phải đi. Từ rày bác không phải đi nữa.

Má tôi cảm ơn anh ta rồi theo tôi. Thấy má tôi lo lắng tôi bèn kiếm chuyện nói cho vui. Tôi giới thiệu Tám Không với má tôi:

- Bạn con quê ở Giồng Luông, cũng đi tập kết với con.

- Cháu là con của ai?

- Dạ cháu con của bà Năm Khánh nhà ở gần Thầy Cai Tôn (là suôi gia với ông Nội tôi).

- Tôi có nghe nói nhưng không quen. Chú về tới đây mà có gặp cha mẹ chưa?

- Dạ, chưa. Cháu định rủ thằng Vũ đi về thăm Giồng Luông một chuyến mà chưa đi được.

Đi một quãng xa, Tám Không bèn hỏi má tôi:

- Họ bắt bác đi đâu mà càn rừng càn rú vậy bác?

Má tôi nói nhỏ:

- Mấy ông bắt bác đi học tập chánh sách.

- Trời đất, từ dưới Cầu Mống bác lội lên tới đây à?

- Mưa gió nắng nồm cũng phải đi, không đi đâu có được chú em. Lúc này tôi không muốn đi theo con tôi vì sợ nay mai nửa đêm nửa hôm mấy ông lại tới đập cửa mời đi. Tôi ở nhà có một mình. Thỉnh thoảng mới có mấy đứa cháu kêu bằng bác tới chơi.

Tám Không phát câu:

- Mấy thằng ở xã làm bậy là do mấy thằng tỉnh và quận. Chắc tụi nó cũng mời bà già cháu như vậy chứ không khỏi đâu.

Tôi hỏi má tôi:

- Ông cán bộ này con coi mặt quen quen. Má biết là ai không má?

Má tôi lắc đầu:

- Thôi hỏi làm chi con!

Sau này tôi gặp lại em Dựng, Dựng mới cho tôi biết là tên Trâu tên Bò gì đó cốt ở đợ cho ông Hai tôi, chuyên môn cắt cỏ cho ngựa ăn. Một bữa nó dắt ngựa đi quân chân, nó mê chơi bỏ ngựa vô chùa thọc mỏ vô uống khạp nước của Sư Cụ. Nước giếng của chùa quý lắm. Cái giếng sâu thấy cục đá rơi hồi lâu mới nghe cái bồm. Miệng giếng này do ông Cụ tôi cúng tiền để xây nên. Cả một vùng đều đến lấy nước

ở đây. Có người mách cho ông Hai tôi về vụ ngựa vô khuôn viên chùa. Ông Hai tôi cho hấn một trận đòn nên thân. Do đó hấn thù cả dòng họ ngoại tôi.

Chúng tôi phải tất tả trở về An Định là nơi vừa bị chụp xong. Ít khi chúng chụp một vùng hai ngày liền, nên trở lại đó là có thể yên ổn tám chục phần trăm.

Tôi về đến nhà thì nghe căn cứ của tỉnh ủy bị chụp. Không có người dân nào bị bắt, bị thương nhưng tất cả hầm hố và tài liệu của văn phòng, một hầm súng bị khai. Chỉ trong vòng ba tiếng đồng hồ cuộc “*bủa lướt phóng lao*” kết thúc. Chú Nhút mặt mũi xanh lét, nói nhỏ với tôi:

- Không biết mấy ông bị bắt?

- Không chạy à?

- Chạy nhưng không kịp!

- Hồi *đắm già xách đuốc* xuống thì còn đủ thì giờ.

- Nó bao vòng rộng cậu ạ. Thành ra mấy ông bỏ hang định vọt nhưng không kịp. Chỉ hai tiếng đồng hồ sau *đắm già* lại trở lại. Nó loa rùm trời và rải truyền đơn.

- Loa cái gì? Truyền đơn cái gì?

Chú Nhút không nói mà ra bờ rút trong bụi chuối một tấm giấy đem vô đưa cho tôi. Tôi đọc qua rồi đưa cho Tám Không. Hấn xem xong, cười:

- Đem vô bếp đốt gỏi về Ngọc Hoàng đi.

Tôi hỏi chú Nhút.

- Tụi nó chơi cái mừng trên Trường Sơn! Nghe giọng loa có quen không chú?

- Tôi không rõ. Vì tôi đâu có quen mấy ông đâu mà biết giọng.

Đêm nằm nghe như có gai dưới lưng. Cái thể của Giải Phóng là cái thể của anh chàng trong Mảnh Da Lừa của Balzac. Cái miếng da teo lại dần cũng như khu giải phóng càng ngày càng hẹp dưới cánh trực thăng. Việt Cộng có tài bịt tai bịt miệng con người. Nhưng rốt cuộc rồi ai cũng hay cái căn cứ tình ủy bị đánh phá và một số bị bắt. Khi ở Trường Sơn tôi chỉ nghe những vụ hành quân chớp nhoáng của trực thăng, nay mới thấy trước mắt.

Tám Không bỗng đưa cái “Đài” cho tôi, bảo:

- Nghe này. Đã có tin. BBC đấy!

- Tin gì?

Tôi chỉ nghe được có khúc đuôi nhưng cũng biết là tin gì rồi.

- Tụi mình chắc cũng phải đông, hơi ỏ rồi, nằm lại đây sẽ vô lưới. Thành Bảy Quế nói rất đúng. Nó *thả chà* nuôi cá cho mập rồi xức!

- Mày định đi đâu?

- Xứ của mày mà mày lại hỏi tao!

- Xuống Cẩm Sơn Ngải Đăng được không?

- Ở đó gần Cầu Mống lắm. Có bốn cây số thôi! Biệt kích bây giờ là bố của tụi *Commando* hồi trước. Mày nhớ trên Trường Sơn thành trung đoàn phó bị *biệt kích Kangaroo* bắt êm ru không?

- Về về Minh Đức.

- Ở đó chỉ cách đồn Giồng Luông có cánh đồng Cái Bần, càng ớn.

- Đúng là *tính tới tính lui thân cá chấu. Lo quanh lo quần phận chim lông*. Bất cứ ở chỗ nào cũng không khỏi trực thăng và pháo.

Hai đứa nằm kiểm điểm lại diện tích giải phóng của tỉnh gồm có mấy xã sau đây. Bên Cù Lao Minh có Minh Đức, Tân Trung, Cẩm Sơn, Ngãi Đăng, An Định, An Thới, Định Thủy, Phước Hiệp. Bên Cù Lao Bảo có các xã Tân Hào, Thạnh Phú Đông, Phước Long, diện tích hẹp hơn bên Cù Lao Minh, trong lúc toàn tỉnh có hơn một trăm hai chục xã.

Tuy vậy Bến Tre là tỉnh có vùng giải phóng rộng hơn các tỉnh Mỹ Tho và Long An. Thế nhưng đài Giải Phóng la quang quác là Mặt Trận Giải Phóng kiểm soát ba phần tư dân chúng và bốn phần năm đất đai. Tội nghiệp cả Miền Bắc dân đói, cả thế giới ngáy thơ và bọn trí ngu Thấy Gòn mù quáng, chống khu tin bằng thật và đua nhau ủng hộ Mặt Trận. Nguyễn Văn Vịnh là Thứ Trưởng Bộ Quốc Phòng, Chủ Nhiệm Ủy Ban Thống Nhất, có hai vợ, cho chúng tôi biết cái phân số bịp kể trên. Chưa về được quê hương thì nôn nao thao thức, nhưng khi về đến thì bức bối vô cùng. Cảm thấy dân Nam Kỳ bị xỏ mũi, bị tế thần với những danh hiệu mỹ miều nhất: *Thành Đồng Tổ Quốc, Đi Trước Về Sau, Lá Cờ Đầu Đồng Khởi, v. v...*

Một buổi sáng thức dậy bỗng nghe chú Nhút nói:

- Có hai, ba ông cán bộ R ở nhà bà Má Bảy.

Tôi và Tám Không lập tức chạy ra, thì đúng thật. Đó là tổ quay phim của Xưởng Phim Giải Phóng, trưởng tổ là Hai Nghi đã từng du học bên Đức về. Hắn được giao trách nhiệm giàn dựng câu chuyện *Bình Biển Bình Dương* (!). Sau một lúc hỏi han nhau, tôi và Tám Không ra về. Tám Không rỉ tai tôi:

- Mà biết thằng Nghi xuống đây làm gì không?

- Thì xây dựng bộ phim “*Bình Biển*” chứ làm gì nữa.

Tám Không cười:

- Màng ngây thơ bỏ bố đi!

- Sao?

- Nó xuống theo dõi màng đó.

- Theo dõi tao?

- Chớ còn gì nữa. Màng còn cái án trên “*Lên Ủy Ban*

Quốc Tế xin về Nam” hồi năm 56, nhớ không? Mà quên chớ Ban Tổ Chức Trung Ương không có quên cho mà. Nó ghi trong lý lịch mà, cạo rửa không sạch đâu!

Tôi rùng mình khi nghe Tám Không nhắc lại vụ lên Ủy Ban Quốc Tế xin về Nam của tôi. Lúc đó tôi làm biên tập viên Phòng Văn Học Đài Phát Thanh. Ngay thơ nên cứ tưởng cái Ủy Ban ôn dịch này thi hành Hiệp Định Genève, và Hà Nội cũng sẽ theo đúng những điều khoản đã ký kết. Chỉ vài tháng sống ở Hà Nội tôi đã không chịu nổi, nên lên đó xin trở về Nam. Chẳng ngờ tên bộ đội gác cổng là công an. Hắn hỏi tôi muốn gặp Gia Nã Đại, Ấn Độ, hay Ba Lan? Tôi nói ai cũng được. Hắn hỏi để làm gì? Tôi nói thật. Hắn bảo bữa nay không có ông nào ở nhà hết, mai đồng chí trở lại gặp. Tôi tin bằng thật, có nghĩa là chúng nói láo như nhà xuất bản Sự Thật (*Pravda*) vậy. Nào ngờ về tới cơ quan thì Ban Giám Đốc Đài, Trần Lâm, Huỳnh Văn Tiểng và Nguyễn Kim Cương, cho mời lên liền.

Rồi kiểm thảo. Rồi lên đài đọc bản tuyên bố “*Xuân Vũ không có về Nam!*” Chỉ vài ngày sau báo Sài Gòn đã đăng tin “*Xuân Vũ lên Ủy Hội Quốc Tế xin về Nam bị Hà Nội bắt, đày đi nông trường*” cho nên việc nhỏ trở thành quan trọng. Tôi bị “ghim” rất nặng. Tôi mới biết Ủy Ban Quốc Tế chỉ là một lũ ăn hại, nên bên ngoài tôi tích cực công tác “*để chuộc tội*” nhưng ngầm ngầm tôi bí mật tìm cách chui rùng về Nam. Có cả ý định nhảy tàu ngoại quốc ở Cảng Hải

Phòng. Mười năm trời, một mặt viết văn viết báo nhưng một mặt tìm đường chui. Có cả một lần chui đến tận sông Bến Hải nhưng không dám bơi qua.

Họ chưa quên cái vụ mất lập trường trên của tôi thật. Bằng chứng là trước khi vô lò quay Trường Sơn, tôi được tên tổ chức của Lê Đức Thọ, người Khu Nam, kêu lên cảnh cáo:

- Anh nên nhớ cái sai lầm đó! Về Nam phải tích cực công tác và giữ vững lập trường!

Tôi vàng dạ ngoan ngoãn như con mèo con. Ngoài ra tôi còn tặng hấn ta bộ đồ com-lê độc nhất và đôi giày da cũng độc nhất của tôi. Thấy chưa đủ để hấn “quên”, tôi còn bảo hấn lấy xe của Ban Thống Nhất đưa tôi về nhà. Tôi trở tay:

- Đồng chí muốn lấy món nào lấy.

Quả thật hấn chỉ lấy được vài món vặt, vì trước đó tôi đã cho thiên hạ hết rồi.

Ấn tích còn rành rành đó, tuy đã cũ, nhưng nhắc lại thì y như mới. Câu nói của Tám Không chưa chắc đã đúng nhưng làm tôi rùng mình. Lúc nào tôi cũng bị mặt thám theo dõi mà không biết. Mãi về sau khi tôi đã về Sài Gòn và đang làm Phó Giám Đốc Trung Tâm Chiêu Hồi Trung Ương, lúc bấy giờ tôi có được một đứa con trai, một buổi sáng chủ nhật, tôi bỗng thằng con sang Sở Thú coi cá vàng. Thằng bé ba tuổi không thích cạp gấu mà lại thích coi cá vàng. Đang chỉ trò cá cho con coi bỗng tôi ngược lên như có ai mách. Tôi bắt gặp Hai Nghi. Hấn cũng trông thấy tôi. Tôi chưa định phản ứng như thế nào thì hấn cun cút lùi đi, rồi lẩn vào đám đông.

Thì ra câu nói của Tám Không hồi mấy năm trước rất đúng. Hai Nghi sang bên Đức ngoài việc học nghề quay phim còn học ngón do thám. Khổ thay nó lại là thằng bạn thân của tôi trong kháng chiến chống Pháp.

Thực tình, tôi không có ý định kêu cảnh sát. Chứ nếu tôi kêu thì cảnh sát bao vây Sở Thú có thể tóm được nó. Đến bây giờ tôi vẫn không chắc rằng Hai Nghi được cử xuống Bến Tre để theo dõi tôi.

Trở lại câu chuyện với Tám Không. Tám Không bảo:

- Gia đình mày có hai phe. Một phe là mày. Một phe là gia đình mày. Hai phe đối nghịch nhau về lập trường. Tụi nó không có tin mày đâu. Vì thế đến bây giờ mày mới về Nam được.

Hai phe: đúng vậy! Tía tôi không thích Tây mà cũng không ưa Việt Minh. Tôi không hiểu tại sao vì lúc kháng chiến bắt đầu tôi còn là thiếu nhi, nhưng tôi có những bằng chứng. Cống, Trà và những tên khu tỉnh đều đến ở nhà tôi và được tía tôi tiếp đãi rất trọng hậu, nhưng khi mời ông đi công tác thì ông từ chối với một lý do rất tức cười "*Tôi không ngủ nhà ai được ngoài nhà tôi thì làm sao tôi xa nhà...*"

Tây đến đóng đồn Cầu Mống. Tên xếp đồn bắn tiếng mời tía tôi ra làm việc. Ông trốn biệt trong lúc nhiều vị ra mặt hợp tác. Tên xếp đem lính tới nhà vây bắt nhưng ông không có ở trong nhà. Chúng bắt má tôi. Tôi phải "thế mạng". Tên đội bảo:

- Nếu ông ấy không ra, tao bắn mày bỏ.

Vào đồn chỉ một đêm, sáng hôm sau tôi trốn thoát. Rồi cuộc kháng chiến tràn lan. Lính của Một On lấn chiếm. Nhiều gia đình tản cư xuống khu 9. Nhưng gia đình tôi thì không. Ông không cho tôi đi kháng chiến nhưng tôi trốn theo cậu tôi.

Sau Hiệp Định Giơ Neo, ông biểu má tôi vô khu 9 tìm bắt tôi về cưới vợ, không cho đi tập kết. Tôi năn nỉ má tôi cho tôi đi “*hai năm*” rồi về. Má tôi biết không cho tôi cũng trốn đi vì tôi đã làm kháng chiến rồi.

Câu nói của Tám Không chọc trúng ngay tim tôi. Có lẽ chi ủy xã Hương Mỹ được chỉ thị ở trên theo dõi tôi kéo tôi vù ra bót Cầu Mống, mà tôi không biết.

Hai Nghi xuống đây theo dõi tôi để báo cáo về R? Điều đó cũng có lý lắm nhưng tôi không chắc! Còn chuyện quay phim “*Bình Biển*” thì như sau:

Ở ngay bên cạnh nhà Bà Bảy, chúng gọi là Má Bảy nhưng thực ra bà không vô Hội Mẹ, là nhà của Trung Sĩ Bùi, một người lính VNCH mà ở trên nhận định là “*một thành viên của cuộc Bình Biển Bình Dương*”. Tôi không để ý đến công việc của tổ quay phim này, nhưng tôi khuyên họ nên mua thùng đạn đại liên để bỏ máy vô để phòng có chụp chạy mang không nổi thì đập xuống sinh. Tuy mới chạy có một cuộc chụp dù nhưng đối với đám này thì tôi là bạc tiền bối. Tha hồ mà cố vấn về việc chạy, việc giấu đồ, việc quan sát con đầm già cầm đèn buổi sáng, việc đào hầm cá trê, v.v...

Tụi nó phục tôi và Tám Không bằng sư phụ. Chúng tôi bắt đầu hợp tác xã để liên hoan “*mừng chiến thắng đồng chí ngập và thoát một trận chụp dũ*”. Chợ An Định, cũng có tên là Chợ Cái Quan, sau cuộc chụp chúng tôi hợp lại như thường, chẳng khác một hòn đất ném xuống ao bèo, tan rồi lại hợp ngay. Cùng thịt heo, cá, tôm, dầu nước xanh, dầu Nhị Thiên Đường, đuôi tôm, máy may... bày ra bán như một thiên đàng mặt đất. Nghĩ mà thương cho các chợ ngoài miền Bắc xơ xác, nghèo nàn vô cùng.

Tôi và Tám Không lại gặp Bảy Quế. Vẫn với bộ râu cá chốt và cái mũ phớt rất thành thị trên đầu. Hấn hất hàm.

- Kỳ rồi chạy đâu?
- Cẩm Sơn, Ngải Đăng, còn mày?
- Xuống hang trăm.
- Dóc hoài, mày chạy ra Ngã Ba Ông Quân¹ núp ở đó!

Bảy Quế nháy mắt. Ý bảo đừng làm lộ bí mật công tác quân báo của hắn. Hắn dắt tôi vô tiệm cô xắm lai mua sắm. Rồi bảo:

- Tụi mày có muốn đọc sách báo tụi Sài Gòn không?
- Ở đâu có mà đọc?
- Nhờ cô em này mua dùm cho, bây giờ coi đỡ vài tờ!

Bảy Quế bảo cô xắm lấy đưa cho tôi vài tập san và báo hằng ngày. Giở vài tờ là thấy bài của Vũ Hạnh. Cái bài tôi đã từng đọc trên R trong chổng báo mục bỏ dưới hăm của tiểu ban Văn Nghệ. Quái nhỉ! Tôi

lại ngạc nhiên về cái tài lòn tròn của bọn văn sĩ theo đóm ăn tàn. Tụi này luôn qua ống cống nào mà ra Hà Nội nghe lóm Tổng Bí Thư Trường Chinh nhanh vậy? Lão này nói chuyện ở Cầu Lạc Bộ Quân Nhân ở đường Cột Cờ. Mãi về sau tôi mới biết tên Vũ Hạnh bị son đầu đỏ bởi bàn tay sáu ngón của Trần Bạch Đằng với sự hứa hẹn ngầm:

- Cách Mạng thành công cho ngồi ghế cao đội mào rộng!

Chẳng ngờ xôi bỏng hồng không như bọn Lữ Phương, Thanh Nghị. Chúng coi bọn này như núi lau chân. Tôi nghi cô xẩm này là cơ sở quân báo của Bảy Quế, một cơ sở đặt ở đây thì thế nào cũng có một cơ sở ở đầu cầu trong thành, không biết Bến Tre Mỹ Tho hay chỗ nào khác?

Bọn này thường là đòn xóc hai đầu. Nó vừa đưa tin cho Bảy Quế vừa đưa tin cho gián điệp thành, mình mó vào đấy có ngày chết không kịp ngáp. Do đó tôi chạy luôn, không mượn sách báo cũng không mua đồ ở tiệm này nữa.

Vụ chụp căn cứ tỉnh ủy vừa qua làm cho tôi cảnh giác tối đa. Một lần em gái tôi lặn lội tới thăm, tiếp tế tiền bạc, thức ăn, quần áo, giấy bút cho tôi. Lựa cơ hội, cô em bảo:

- Về phúc cho rồi anh ạ! Đi gì hai mươi năm rồi không tới đâu hết. Tía má già rồi!

Tôi làm thinh. Lòng xúc động cực độ. Nhưng tôi vẫn cố kềm mình ở lại. Chờ một thời gian nữa. Cô em nói tiếp:

- Ở nhà má đã tìm cho anh mấy chỗ rồi. Người ta chờ anh không được lần lượt đi lấy chồng hết. Mấy chị đó không làm dâu được nhà mình, họ tiếc lắm. Anh đi như vậy ở nhà “*mấy ông*” áp cù làm khó dễ má hoài. Mấy ông xin gì má cũng cho, vậy mà cũng không nhon tay chút nào. Vừa rồi họ bắt má đi học. Bộ họ không biết anh tập kết về sao?

Tôi thật tình không dám nói ý định trốn Cộng Sản của tôi. Càng không lộ cho ai biết những “thành tích” ở miền Bắc của tôi. Tôi không nói gì hết.

Mặc dầu vậy tôi vẫn tâm ngấm tìm đường trốn. Phải trốn cho được. Nếu đổ bể thì hại cả dòng họ bên ngoại lẫn bên nội chứ không phải chuyện nhỏ đâu.

Gia đình tôi ít người. Cha mẹ chỉ có hai đứa con, một trai một gái. Em gái tôi có nhiều nơi xin cưới, nhưng nó đều từ chối, ở vậy nuôi cha mẹ. Tôi về đây là phải kê vai vào cái gánh nặng gia đình mà nó đảm trách mấy chục năm nay. Tôi không còn suy nghĩ cân nhắc gì nữa. Đã từng lợi tới vĩ tuyến 17 để phóng qua bờ Nam. Bây giờ đã về Nam. Còn gì cản trở tôi được nữa? Vấn đề là thời gian và cơ hội. Tuy không tin rằng Hai Nghi theo dõi tôi, nhưng tôi vẫn gồm gồm, cảnh giác. Một bữa Hai Nghi hỏi tôi:

- Việc vợ con tính sao thì tính đi chớ. Su hào không cấy, nay ao nhà cũng chẻ nữa sao?

- Tính gì được mà tính? Mày thấy đó, trong khu mình đâu có con gái?

Hai Nghi cũng như Tám Không, không úp mở:

- Để tao gả em gái tao cho!

Nói xong Hai Nghi móc bóp lấy hình.

- Đây coi đi. Chịu tao gả liền.

Tám Không lên tiếng:

- Tao hứa gả em gái tao cho nó rồi nghe mậy!

- Thì hể nó chịu đứa nào nó cưới đứa nấy.

Tôi tưởng hai thằng bạn nói chơi nhưng cả hai đều làm thiệt. Hai Nghi nhờ bà vợ của ông Xã ủy đi lên Châu Đốc móc dùm gia đình. Nghi đã móc gia đình từ trên R ngay sau khi lợi Trường Sơn về tới. Bây giờ nó chỉ đường cho bà Xã ủy rành rọt từng bến xe, con lộ và lối vào nhà. Bà Xã ủy rất tích cực. Được phân công xách gói đi liền.

Tám Không cười ngất:

- Rủi hai đứa chịu cả rồi làm sao?

Hai Nghi cũng cười:

- Cho hai cô nương đấu *boa nha*, bắn tên hoặc lợi đua, chạy bộ thi nhau. Cô nào thắng thì được.

Trong khi chờ đợi tin hồng, Hai Nghi kể cho nghe về nàng và thân thế gia đình. Hai Nghi là con cả trong nhà. Cô em thứ Năm và tên Năm. Cha làm giáo học đã qua đời. Có nhiều nơi gấm ghé nhưng Năm không ưng nơi nào. Vì lấy chồng thì phải là người quốc gia, như vậy là "*chỏi*" với anh Hai, làm sao ngồi ăn cơm chung được? Riêng bà già thì rất thương thằng con trai. Bà nguyện rằng chừng nào Hai Nghi về nhà được ngồi ăn cơm với ông già thì bà xuống tóc đi tu. Như vậy là hòa hợp với nhau rồi. Về sắc diện, Năm trên trung bình, nếu không nói là đẹp. Con gái thành dầu hèn cũng thế. So với gái

Hà Nội thời xã nghĩa thì... Hà Nội ôi, đau thương
điều tàn.

Cô Năm mặc áo dài trắng đứng bên bụi mai trước
nhà. Bông mai nở vàng tươi càng làm cho cô giáo
duyên dáng. Ông cán Mùa Thu thấy chịu quá trời.
Hai Nghi phụ nhĩ:

- Con nhỏ rất khó tính nghe mậy. Ngoài ra nó đòi
hỏi chồng nó phải có tài. Nó không chịu hạng thanh
niên hoặc những giáo viên ngang hàng với nó.

Tôi cười:

- Vậy thì kể như tao không dự nổi rồi.

- Sao?

- Tao có tài gì đâu ngoài cái tài trèo núi và sốt rét?

Tám Không chen vô:

- Giỡn hoài mậy. Mà còn tài nhịn đói nữa chứ.
Nếu lấy nhau mà nhà thiếu gạo nấu thì mà nhịn cho
nó ăn.

Hai Nghi hỏi Tám Không.

- Còn em gái mà thì sao?

- Hể bên trai đồng ý thì bên gái gật liền.

- Nó có giống mà không?

- Không! Nó không giống tao chút nào!

- Sao vậy?

- Giống tao thì ể làm sao? Đây coi hình nó nè. Đâu
có xấu gì cho lắm.

Suốt ngày ba đứa mắc vòng dùm đầu nhau nói
chuyện trên trời dưới đất. Hai thằng đều xưng anh
và gọi tôi bằng “*duyệt*”. Nhờ vậy mà cuộc sống cũng
đỡ nhàm. Đâu có để tài gì để sáng tác. Cải cách ruộng

đất theo đảng nhận định là cuộc cách mạng nông thôn long trời lở đất, nhưng đâu có tác phẩm văn học nào coi cho được. Kể cả ông văn sĩ thượng thặng Tô Hoài cũng còn không viết được truyện nào nữa là ai! Rồi bây giờ đến cách mạng Giải Phóng Miền Nam, có tác phẩm nào thể hiện được nó không? Dăm bài thơ cóc gặm, và quyển truyện tấp nham, sau này tôi có đọc thấy mắc cỡ, toàn chuyện láo. Do đó mà tôi vút cả thùng đại liên đựng tác phẩm của tôi viết về Đồng Khởi mà về Sài Gòn, không tiếc rẻ.

Tám Không chưa dựng được vở kịch nào. Còn tôi ráng phịa một số chuyện. Không biết bộ phim “*Bình Biển*” của Hai Nghi sẽ thực hiện ra sao? Đây xin nói luôn để sau khỏi mất công. Sau một năm đóng đô ở nhà Má Bảy và điều tra từ trung sĩ Út Bùi đến ông già bà già của trung sĩ, rồi nghiên cứu luôn cả vợ con của anh ta, Hai Nghi vác máy không về R với cái kịch bản còn nằm trong bụng.

Hai hôm sau bà Xã Ủy đi về mang theo vô số đồ ăn và quà cáp. Nhìn đó thì biết sự sung túc của Miền Nam và nền văn hóa của nó, cái nền văn hóa mà Hà Nội luôn luôn chửi rủa là “*cao bồi, lai căng, phi dân tộc phản khoa học v.v...*”

Tôi nhìn những gói mít me, mít ổi, mít bí, bánh tét, bánh gai, bánh bông lan của gia đình Hai Nghi gói cho thì tôi biết được nền văn hóa Miền Nam không cần phải đọc sách. Rồi những cái túi ni-lông đựng hàng, những chiếc áo thun, áo sơ mi, những cây bút bi, những bánh xà bông thơm, những túyp

kem đánh răng, những thùng xà bông bột giặt đồ, tất cả đều mang nhãn hiệu Việt Nam. Ngoài ra tôi còn để ý đến cả cách gói, cách đựng. Những chiếc túi ni-lông có quai xách cần thận.

Khi ở Hà Nội, tôi có tiếp xúc với nhà bác học Lương Định Của, người Sóc Trăng đã từng du học Nhật. Đỗ bằng tiến sĩ nông học xong về Sài Gòn làm Bộ Trưởng Canh Nông (?) thì êm đời rồi. Không biết nghe lời ai lại dắt bà vợ Nhật nhảy ra Hà Nội. Tưởng thiên đường ai dè rơi xuống địa ngục. Bất mãn đây mình nhưng đã muộn. Sau 1975, đi tàu bay về Sài Gòn. Vỡ mộng cày cấy đồng ruộng quê nhà. (Tôi sẽ viết rõ ràng hơn vụ này trong truyện “*Mười Năm Mùa Phùn Gió Bắc*” đang soạn). Chính ông Của nói về cái “*văn hóa gói đồ*” của tư bản cho tôi nghe. Gói đồ cũng là văn hóa ư? Mà thật đó là văn hóa.

Văn hóa gói đồ của Hà Nội thì sao? Bạn vô Mậu dịch *Đại Bách Hóa Tổng Hợp* ở phố Tràng Tiền, sau khi xếp hàng mỗi rưng giò mới mua được món hàng, nếu may mắn không bị cảnh “*hết hàng*”. Thí dụ mua cục xà bông. Cô mậu dịch viên lấy cục xà bông nguyên xi được cắt tay góc cạnh méo mó ném cái “*cộp*” trên mặt quày, rồi lạng lẽ vừa tiền. Ai mua được món hàng đều cũng cảm thấy mất nửa kí lô thịt trong người, hoặc vừa đầu thai kiếp khác.

Đó là văn hóa mua đồ và gói đồ của Miền Bắc xã nghĩa mà tôi phải nhớ lại khi nhìn thấy những gói đồ của tụi tư bản đế quốc Sài Gòn. Thế nhưng nhờ đài Phát Thanh Hà Nội và báo *Nhân Dân* mà dân Miền Bắc

và thế giới đều “hiểu” rằng dân Miền Nam đang bị Mỹ Ngụy bóc lột tận xương tủy và.. đói.

(Chuyện lòng thông nói hoài không hết, quờ đâu đụng đó độc giả ơi. Tôi sống ở Miền Bắc có mười năm mà nói cả đời không hết.)

Xin trở lại việc móc gia đình của ông bạn tôi.

Bà Xã Ủy tự coi như mình đã lập được một chiến công. Bà mở các món ăn: nem, giò, thịt quay, bánh hỏi, bánh bò, cả keo tương ớt và tỏi hành ngâm dấm, nói chung là một bữa tiệc đã nấu sẵn. Chỉ cần dọn ra... ván.

Cả bọn cán Mùa Thu chúng tôi được ăn ngon, ăn nhiều, ăn đã đời. Nhưng chưa hết. Bà Xã Ủy còn để lại một phần dành cho ngày mai. Ăn xong chúng tôi được hủ hóa bằng nhiều thứ bánh kẹo. Vì gấp rút gia đình thằng bạn không làm kịp. Đây chỉ là bánh bà mua ở bến Bắc Vàm Cống. Các thứ này ở toàn Miền Bắc chỉ có một hiệu bán thôi. Đó là hiệu bánh *Bodega* ở Trảng Tiền, khu phố văn minh nhất Hà Nội. Nhưng vẫn xếp hàng rã giò mới mua được... cái bánh kem! Còn đây là các thứ bánh mà bà Xã Ủy mua ở bến Bắc trong lúc gấp rút lên xe xuống xe chó không phải ở thủ đô Sài Gòn. Mà *la-sét* bánh xong đến lớp cà phê, thuốc lá *Cotab*, *Ruby Queen*, *Nestcafé*, v.v...

Ăn uống no nê, chúng tôi lên vòng lắc lư tìm hứng với khói thuốc thơm nghe đài BBC hoặc “*vọng cổ của ủy mị của Sài Gòn phản động*”. Bà Xã Ủy mới tới tí té với tôi:

- Nhà không giàu lắm, nhưng thiệt sang. Đồ đạc bóng lộn. Mấy chục năm nay mình toàn ở chòi nên tưởng ai cũng ở chòi như mình. Cô giáo ngộ như Tiên Nga. Tui thấy tôi còn muốn nữa là cậu. Tui tới một lát thì cổ đi dạy đạp xe đạp về. Người ta mặc áo dài trắng, guốc cao gót, gò má thoa son chói không phải còi cọc như con gái vùng mình. Ở đây cậu có đốt một chục cây đuốc lá dừa cũng không tìm ra một người như thế.

Cùng với tấm ảnh của Hai Nghi đưa cho tôi xem, những lời mô tả của bà Xã Ủy làm tôi nôn lăm. Già khú rồi ở đó mà trông núi này núi nọ. Em út tôi đều trách tôi như thế. Tôi có trông núi nào đâu, nhưng phải có một sự tương đồng và giao cảm. Có những người con gái vừa gặp nhau là yêu nhau liền, có những người sống chung cả đời cũng vẫn như hai thanh sắt đường rầy xe lửa, chạy song song mà chẳng bao giờ gặp nhau. Phải không cô? Lần này chắc là may mắn. Bà Xã ủy nói liên miên rồi bảo:

- Cậu thiệt khôn!

- Sao vậy chị?

- Cậu biểu tôi lên tới nhà thì xin phép bác gái đốt một cây nhang trên bàn thờ bác trai. Tôi làm y như lời cậu. Bà già ngạc nhiên hết sức. Tôi thưa thiệt rằng đó là do cậu dặn, chứ không phải tôi tự động. Bà già chịu lắm, khen cậu biết lễ nghĩa, đi xa nhà mấy chục năm mà vẫn còn giữ được phong tục của ông bà. Bác nói hể anh nó chịu thì bác chịu. Vậy thì chắc được rồi chứ gì.

Tuy bà mẹ nói vậy mà Hai Nghi vẫn nhờ bà Xã Ủy đi rước mẹ xuống để coi tôi rồi sau đó mới cho phép Hai Nghi rước em gái xuống. Thì đã biết ở miền Nam khác miền Bắc xã hội chủ nghĩa như thế nào. Không phải một tô nước vối là nên vợ nên chồng. Cuối cùng cô giáo Năm được bà Xã Ủy rước xuống. Lúc này tình hình còn yên ổn, nghĩa là độ một tháng mới có chụp lớn một lần. Nhờ vậy mà chúng tôi có thì giờ nói chuyện với nhau. Ban ngày vợ chồng ông Xã Ủy đi làm ruộng. Tám Không đi “*tìm đề tài*”. Hai Nghi đi nghiên cứu vụ “*Bình Biển*”, chỉ còn tôi và cô giáo ở nhà ông Xã Ủy.

Năm nói chuyện rất có duyên. Nàng nói liên miên. Tôi cũng vậy. Đường như tương tri với nhau từ kiếp trước bây giờ mới gặp nhau. Năm thích làm thơ và biết làm thơ nữa. Đêm cuối cùng chúng tôi thức gần tới sáng, đêm ngắn tình dài. Chúng tôi làm chung những bài thơ, vẽ chung những tấm bản đồ... Nghe tiếng đồ mở máy, tôi xốn xang trong lòng. Đây là giờ biệt ly.

Tôi và Hai Nghi đưa nàng ra bến. Hai Nghi nhường cho chúng tôi đi trước. Chúng tôi đi song song trên những bờ ranh ướt sương, lòng se lại trước phút chia tay.

- Em có lạnh không?

- Không? Cảm ơn anh.

Khi ra đến đường lớn chúng tôi dừng lại dưới một tàng cây cháy trụi. Tôi ngồi xuống với cớ sửa quai dép cho nàng để sờ bàn chân của nàng. Đôi bàn chân nhỏ xíu, gót hồng như một cánh sen. Tôi khề bảo.

- Chân em lạnh đây nè!

Nàng vuốt tóc tôi. Tôi bỗng cúi xuống hôn bàn chân lạnh ngắt của nàng. Chúng tôi đứng lại rất lâu. Đò máy đã rúc còi lần thứ ba. Không còn thì giờ nữa. Bỗng nhiên Hai Nghi quay lại bất ngờ bảo:

- Bữa nay khách đông quá, trở lại. Mai mốt sẽ đi.

Chúng tôi ngoan ngoãn nghe theo, quay lại chòi. Bà Xã Ủy nói oang oang:

- Tui có ý kiến như vậy. Cậu Nghi có nghe thì nghe, không nghe thì thôi đừng rầy tội nghiệp ghen.

- Chị nói đi.

- Tôi thấy hai bên xứng đào xứng kếp quá *chời* rồi. Một bên là cô giáo một bên là nhà báo. Thời buổi chiến tranh này, có nhiều ông Mùa Thu về tới nơi bà già cưới vợ dất xuống cho chớ không có coi tới coi lui gì hết. Vậy mà cũng vui vẻ chớ có sao đâu. Cậu Vũ và cô Năm đã tìm hiểu mấy ngày rồi. Bên cô Năm thì có anh trưởng nam gia đình, còn bên cậu Vũ thì có ông nhà tôi đại diện đảng chủ hôn. Lấy chòi tôi làm địa điểm đám cưới. Vợ chồng tôi sẵn sàng tản cư cho vợ chồng mới muốn ở mấy ngày thì ở.

Hai Nghi nói:

- Tụi tôi thì dễ rồi, nhưng phải có ba má đòi bên cho phép.

- Nếu vậy thì tôi lên Châu Đốc rước bà già cậu xuống, xuống Cầu Mống rước bà già cậu Vũ lên, khó gì!

- Vùng tôi ở khó đi lắm chị ơi!

- Tại sao?

- Má tôi ở ngoài vườn, chị đi vương lựu đạn gài của mấy ông mãnh chết!

- Cậu sợ chó tôi thì lên trời tôi cũng không ngăn. Hai cậu có ý kiến gì nữa không? Hay là tôi dắt cô Năm xuống Cầu Mống rồi mời bà già vô. Hai cậu muốn cách nào tôi phục vụ cách đó. Tôi không đòi ăn đầu heo đầu mà sợ, chỉ xin uống một hớp rượu đám cưới thôi.

Hai Nghi nói:

- Để tôi tính. Chị làm nôn quá tôi rối trí!

Đêm đó tôi và Hai Nghi bí mật bàn với nhau. Cuối cùng hai đứa thống nhất ý kiến: ngày mai dắt cô giáo về quê ngoại tôi ở Cẩm Sơn trình diện.

Sáng sớm thức dậy ăn bánh dừa uống trà rồi sửa soạn khởi hành. Cô giáo phải bỏ lột thành thị khoác áo giải phóng. Áo bà ba đen, quần đen, nón lá mà Năm đã chuẩn bị từ nhà để ra khu thăm anh, vai mang ba lô, làm cán bộ.

Bà Xã Ủy ngấm nghĩa rồi cười:

- Coi xứng quá trời. Vợ chồng cán bộ đi công tác.

Thế là cuộc hành quân bắt đầu. Ở trước chòi, cái bờ ranh có một khúc đứt. Tòì lội qua trước rồi quay lại đưa tay kéo nàng. Bỗng bà Xã Ủy la lên:

- Khoan đã! Cái bắp chuối cô Năm trắng quá, không được! Phải lấy bùn bôi vô.

Cô giáo giật mình buông hai ống quần xuống và đứng ngo ngác không biết làm gì. Tòì trông thấy đôi chân người đẹp quả là “ngọc túc”. Nếu không có ai ở đây tòì sẽ hôn mỗi chân một cái rất say đắm. Tòì có tánh nhát gái mà lại!

Hai Nghi thấy em ngượng ngùng bèn bảo:

- Em đừng xấn quần lên nữa. Cứ để tự nhiên như thế.

Chúng tôi đi một mạch xuống tới Cẩm Sơn. Tòe đất thẳng đến nhà cậu Ba rồi nhà ông Nhứt tôi. Ông Nhứt lần cậu mợ tôi đều bảo:

- Con nhỏ coi được lắm!

Ông Nhứt còn hứa:

- Nếu má cháu không lên được, ông đại diện đàn ông trai cho! Hoặc ông sẽ lên Châu Đốc nói chuyện với đàn ông gái!

Cán bộ Mùa Thu cưới vợ còn khó hơn Lưu Bị sang Giang Đông làm rể! Trên đường về nàng cứ hỏi tôi:

- Khu giải phóng như vậy sao anh?

- Nghĩa là sao?

- Em đâu có thấy cái nhà nào. Toàn chòi là chòi.

- Trước cách mạng, vùng này cũng như những nơi khác nhà ngói nền đúc rất đông, nhưng từ khi cách mạng nổi lên, nhà ngói bay hết ngói, còn nhà nền đúc sụp luôn.

Hai Nghi tưởng tôi nói hớ, bèn bẻ lái:

- Đó là do bom đạn Pháp và Mỹ phá hoại đó chứ.

Tôi cứ nói rần tới.

- Nếu nhà em mà ở vùng giải phóng thì cũng vậy thôi! Cách mạng tiêu thổ kháng chiến tới hai lần. Lần trước còn sót cái nền nhà. Lần này cả nóc lẫn nền đều bay hết.

Hai Nghi biết không thể sửa mũi mấn tôi được bèn lảng sang chuyện khác. Về tới chòi bà Xã Ủy thì

trời chiều. Ông Xã Ủy vừa giò chà bắt được một mớ tôm. Ông bảo vợ làm món tôm nhúng dấm cuốn bánh tráng. Tôi ngồi bên cạnh nàng. Chúng tôi hãy còn giữ thế với nhau. Nhưng bà Xã Ủy thì cứ bỏ bỏ cái miệng:

- Cuối hỏi nhau rồi, ông nhà tôi sẽ phụ giúp cất cho cái chòi. Rồi nuôi vịt nuôi gà. Có chụp dù thì chạy. Ồi, ở đây chụp dù như cơm bữa. Có chết chóc gì đâu.

Khuya hôm đó tôi lại đưa nàng ra đò. Tôi nắm tay đưa nàng lên tấm ván dài rung rung bắc từ bờ lên mũi đò. Nàng dừng lại. Tôi đưa tay nàng lên môi hôn rồi- hôn lên má nàng. Tôi muốn hôn môi nàng nhưng nàng ngăn lại, thắm thì:

- Để dành anh ạ!

Đò đã đông nghẹt, nhưng khách còn ào ạt xuống. Dân giải phóng toàn đi chợ tỉnh thành. Tôi và Năm vẫn đứng ở mũi đò, tay trong tay không muốn rời. Không biết phải nói những gì với nhau trong phút chia tay. Tôi chỉ bảo nàng

- Em về nhà kính lời anh thăm bác và đốt dùm anh cây nhang trên bàn thờ bác trai.

Nàng nói với một giọt lệ trong khóe mắt.

- Kính lời thăm *má* và đốt nhang trên bàn thờ *ba* chứ không phải đốt *dùm* và *bác trai*!

Người tài công đến mở dây dòi sửa soạn cho đò rời bến. Tôi đành bước lui để anh ta rút tấm đòn dài, chiếc cầu Ô Thước của Ngưu Lang Chức Nữ thời đại trực thăng vịn. Tôi bước nhanh xuống và quay lại

nhìn mũi đò quay ra, vẫy tay. Tay nàng như cành hoa huệ trắng xa dần rồi lẫn vào đám đông. Tôi thầm tiếc đã hôn nàng quá ít. Một tiếng thăm thì bèn tai tôi.

- Hè sau nó sẽ xuống!

Tôi nhận ra Hai Nghi. Hai Nghi lôi tay tôi. Chiếc đò đã ra giữa sông. Chân vịt quay tung nước trắng xóa sau lái, nát lòng kẻ đứng trên bờ lẫn người đi. Năm sau, nghe chùng lâu quá và có gặp nhau nữa chẳng?

Ôi cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy? Câu văn đơn sơ nhưng thấm thía vô cùng của lớp Đồng Ấu bỗng bùng dậy trong lòng tôi. Và một bài hát xưa lại trở về tâm trí như có ai khẽ hát bên tai tôi:

*Theo gió thuyền xuôi, sóng đưa bè trôi
Tiếng đàn trầm trầm, man mác lòng tôi
Nhìn con thuyền xa bến, lòng tôi càng lưu luyến
Hát khúc chia ly cho trái tim nào nùng đôi chút
Cho tiếng tơ thêm càng reo rắc
Tiếng đàn trầm trầm, man mác lòng ai
Non nước trời mây cách xa từ đây
Ta khóc biệt ly, khóc cho người đi
Không còn ngày về chia mối tình si.*

Đây là bài hát *Thuyền Xa Bến* của Dzoãn Mẫn mà thời kháng chiến chống Pháp tôi đã thuộc lòng và cũng là bài ruột của tôi. Thời đó nào biết yêu nào biết chia ly nhưng cũng thấy nó hay thì bây giờ càng thấy hình như tác giả sáng tác bài này cho tôi. Thiệt là nào nùng.

Hai Nghi cứ nhắc lại câu như điệp khúc của bài hát:

- Năm sau, mùa nghỉ hè là sẽ gặp nhau rồi tính.

Với sự hậu thuẫn của Hai Nghi, cuộc hôn nhân được mọi sự thuận lợi. Không có một trở lực nào nữa, ngoại trừ tình hình giặc giã. Nhờ cơ sở quân báo của Bảy Quế mà tôi nhận được thư của Năm luôn. Trạm giao liên là quán cô xẩm lai ở chợ. Quả thật tôi đoán không sai. Bảy Quế đã móc với hai Tịnh, trưởng quân báo tỉnh và là người Cầu Mống bạn học cũ thời đồng ấu của tôi. Do đó cứ một tuần hoặc mười ngày tôi đến trạm cô xẩm nhận thư hoặc gửi thư. Tin nhận đi về không dứt. Nàng làm thơ, ký tên tắt là B, gửi cho tôi.. Tôi cũng làm thơ đáp lại, ký tắt là K, gửi cho nàng.

Thời kỳ này tôi tạm gác những dự định về tiểu thuyết Đồng Khởi vì bận làm thơ. Tình hình quá căng thẳng, cứ sáng thức dậy là ngồi *ngóng* con *đầm già*. Nếu nó *xách đuốc* đi soi vùng khác thì mới yên tâm ngày đó mình còn sống. Có khi suốt buổi sáng êm ả, nhưng chiều lại bị chụp. Có khi chạy liên hoàn hai ba ngày không về được nhà. Do đó tôi phải chuyển qua làm thơ. Khi nào yên ổn thì lẩm nhẩm trong bụng rồi tối về mới ghi ra. Tôi đã làm xong một tập thơ tên là “*Bến Tre Xanh Mãi Bóng Dừa*” gồm cả ngàn câu song thất lục bát. Tôi đem cho tỉnh ủy để họ điện về R, để chứng minh rằng ông có hoạt động chứ không phải nằm ỳ, ngâm cứu dưới hầm cá trê như bọn tỉnh ủy.

Tập thơ này về tới khu II tức chiến khu VIII của

Trần Văn Trà hồi kháng chiến. Nơi đây một thằng bạn nổi khố của tôi, thi sĩ Lê Nguyên túc Lê Xí, tiếp nhận một cách nồng nhiệt. Hắn cho đánh máy ra thành nhiều bản để phổ biến vì nhà in của Khu bị lính Sài Gòn “*muợn tạm*” vô thời hạn rồi. Chuyển bằng đồng chó ngáp năm trước của tôi bị ngưng và tôi phải lợi hai lần cánh đồng ấy chính là vì cuộc chụp dù bóc đi cái nhà in này. Vài bài thơ xương họa của hai đứa tôi còn nhớ, tạm ghi ra như sau:

HOA ĐÚNG MỘT MÌNH

*Một đóa hồng tươi đứng giữa vườn
Động giữa lòng hoa một hạt sương
Bỗng trận Mưa Xuân đâu chợt đổ
Hoa nghiêng cánh hứng giọt sầu vương
Rồi con bướm nhỏ từ xa tới
Làm hoa thêm sắc đậm thêm hương
Từ đó hoa không cô độc nữa
Trong lòng nghe dậy nhạc yêu đương.*

B.

Bài thơ được ướp nước hoa. Một sợi tóc bao quanh bài thơ với dòng chữ: *Tặng anh “sợi tóc người xa”*, đó chỉ là nét vẽ của nàng, còn sợi tóc thật thì không bao giờ tới.

TÓC EM

*Tóc em một ngọn cỏ thơm
Giữa lòng ai mọc chập chờn hương say
Tóc em một đóa vân bay
Cho anh buộc cuống tim này vào em
Tóc em một chuỗi hạt huyền*

Cho anh buộc bến, buộc thuyền vào nhau
Tóc em một sợi tơ đào
Bao nhiêu sóng gió cuốn trào hôn ai
Sắc màu nhạt, tóc không phai
Anh đem nối lại cho dài anh ta.
K.

KHÔNG ĐỂ

Trong lòng dường có bụi gai
Nghiêng qua gai sẽ móc trái tim
Trong tim dường có mũi kim
Trở mình kim chích nằm yên được nào
Trong lòng như có lưỡi dao
Mỗi lần tim bóp nghe đau vô ngần
Trong tim dường có chuông ngân
Như ru ba tiếng (...?) như gần như xa
Gọi tên ai ấy tên ta
Giữa hai lần đập, chính ta gọi chàng
Tiếng tim trần trở mơ màng
Canh chầy thao thức chắc chàng gọi ta...
B.

CÁI HÔN

Cho anh hôn gót chân ai còn dính đất quê hương
Cho anh hôn tóc ai mùi xoài cam ổi chín còn vương
Cho anh hôn đôi má ai rằm nắng miền quê ngoại
Cho anh hôn đôi môi ai còn ngọt ngậm chanh đường
Cho anh hôn mũi đồ in dấu chân em đắm nước
Cho anh hôn bờ ranh đứt, cỏ uớt mù sương.

K.

Trong một lá thư tôi có viết cho nàng: “*Khi em trở lại quê anh, em hãy gói đem xuống cho anh một hòn đất quê mình em nhé!*” Nàng viết thư hỏi tôi:

Quê em mệnh mông, có kinh Vĩnh Tế

Có núi Thất Sơn, có đền Bà Chúa

Có trái bần khô khi bạc đầu¹

Có lăng của Thoại Ngọc Hầu

Em biết hòn đất nơi đâu mà tìm?

B.

Tôi đáp:

Nơi nào em đứng,

Thì nơi đó là quê hương yêu dấu của anh.

Ít lâu sau, tôi nhận được một gói nhỏ và một phong thư trong đó có câu thơ:

“Gởi anh hương vị quê hương

Kết tinh của cả tình thương nồng nàn.”

B.

Tôi mở ra vài lần giấy bọc, tưởng là hòn đất Quê Hương yêu dấu, nhưng không phải. Đó là tảng đường Thốt Nốt, mà nàng bảo là Thốt Lốt. Tảng đường nhỏ nhắn màu nâu như đất, nặng như tim, trong chiến dịch Long Châu Hà năm 1951 mà giờ đây tôi mới được nếm vị ngọt Quê Hương.

Kèm theo thư và thơ còn có những tấm hình màu: Đền Thờ Bà Chúa Xứ Châu Đốc, cảnh sông

nước miền Tây, và chiếc lồng chim với chú chim lạ.

Nàng chú thích rất rõ từng tấm một: Ngôi đền ở chân núi Sam thờ Bà Chúa Xứ rất linh thiêng hằng năm dân chúng khắp nơi đến cầu nguyện và xin ơn của Bà. Để khi có dịp, em sẽ dẫn anh đến viếng đền.

Cảnh sông nước miền Tây - Đây là sông Cái Cối Bến Tre. Em nhờ người bạn mua dùm để em tặng nhìn cho đỡ nhớ nhà.

Còn ảnh chiếc lồng chim: đây là con Yểng rất khôn, biết nói. Em cất nó trong nhà để nó chỉ nghe tiếng người và quên tiếng chim. Em đã dạy nó nói được hai tiếng “Chào anh!” Em sẽ tập nó nói “Chào anh yêu mến”.

Tôi đưa cho Hai Nghi xem. Hai Nghi lấy làm thích thú.

Hắn nói:

- Cô giáo mà có lai thi sĩ!

Tôi bèn viết ngay bốn câu thơ:

Ước gì anh được làm chim

Sống trong lồng sắt trái tim một “Bà”

Tôi đưa cho Hai Nghi đọc. Đọc xong, hắn bảo.

- Bài thơ này hay nhất là chữ Bà.

- Tại sao?

- Mà viết ra mà còn hỏi. Bà nào?

- Bà Chúa...! Mà cũng có Bà. Tao cũng có một Bà. Mỗi thằng đều có lỗ trên đầu để cắm nhang thờ Bà, hà hà ...

Tình hình càng lúc càng căng thêm. Các đại đơn vị

Sư Đoàn 7 và Sư Đoàn 9 Bộ Binh Sài Gòn phóng những mũi lao ác liệt vào vùng giải phóng. Sau khi càn, các đội Bình Định tới chiêu an dân chúng rồi địa phương quân đóng đồn. Trước tình hình bi đát này, tổ tam tam chúng tôi tan rã. Mỗi đứa đi một nơi. Hai Nghi vác máy về R bỏ lại cái bộ phim *Bình Biển*.

Tôi và Tám Không cũng chia tay nhau. Tám Không hết hạn thăm nhà một năm rưỡi nên phải quay ba lô đi miền Tây nhập đoàn với văn công của ông Ba Nha. Tám Không phịa sáu cái tựa kịch là *Trăng Giải Phóng*, *Nước Giải Phóng*, *Mặt Trời Lên ở Hướng Này...* nhưng chỉ là những cái tên, còn màn lớp thì chưa... dựng. Ai diễn mà dựng?

Tôi còn ở lại nhà chú Nhứt một mình, buồn vô hạn. Nhưng buồn không bằng sợ. Sợ bị chụp dù không có bạn để chạy chung, rủi bị thương không ai biết sẽ chết dọc đường. Thời may có anh Tư Mô người hùng của R đến.

Tư Mô là người Bến Tre, thi sĩ kiêm văn sĩ, kháng chiến từ 45. Năm 1954, khi Một On Le Roy chiếm đóng toàn tỉnh Bến Tre thì anh dắt vợ công con chạy vô miền Tây. Vợ làm kẹo dừa bán cho anh đi bỏ mối các quán lấy tiền sống đắp đổi ba, bốn năm liền. Sau 54 anh về thành viết văn rất nổi tiếng. Không biết tại sao đang ở Sài Gòn mà lại ra khu làm công tác tuyên huấn cho Trần Bạch Đằng. Khi tôi về tiểu ban Văn Nghệ thì hai anh em xin đi công tác Bến Tre để sưu tầm tài liệu Đồng Khởi. Về đến tỉnh nhà anh vọt qua Cù Lao Bảo thăm nhà, nhưng quê nhà bị lính đóng

đồn. Anh bèn trở qua Cù Lao Minh gặp tôi. Đúng là kẻ thất ruột thương người ruột thắt, mắt châu rơi khóc mắt rơi châu.

Anh bảo tình hình bên Cù Lao Bảo cũng không yên ổn. Hai đứa bèn chung tay với nhau đào một cái hầm cá trê ở gần bờ rạch Cái Chát Nhỏ thuộc xã An Thái. Nhưng xui quá, đào gần nửa đêm uống hết ba bình tích trà đậm nhãn hiệu *Con Khi Hộc Máu* thì đụng nhằm một tấm ván. Hai đứa hè hụi với nhau cả buổi mới lôi được tấm ván lên. Rơi đèn pin xem mới hay đó là tấm ván hòm. Hai anh em sợ quá bèn bỏ luôn.

Từ đó hai anh em sát cánh với nhau như hình với bóng trong lúc ngủ nghỉ, chạy ruộng, hoặc hàn huyền chuyện cũ. Anh luôn luôn giục tôi cưới vợ. Nhưng có ai ở đây mà cưới. Anh bảo là khi nghe tôi sắp về tới, anh có ý cặp đôi tôi với một đứa cháu bà con của anh đang làm cán bộ của tỉnh ủy. Nhưng khi về đến nơi thì anh mới té ngựa ra. Con nhỏ có bầu, phá thai rồi lại có bầu lần nữa. Khi anh về nhà thì cô nàng lại đang phá thai.

- Mặt mũi nó tôi không còn nhận ra nữa chú ơi!... Bây giờ chuyện đã như vậy, tôi cũng không muốn cho chú biết làm gì. Cái bụng của tôi đối với chú là như vậy đó.

Tôi bèn kể chuyện cô Năm cho anh nghe. Nghe xong anh bảo:

- Thời này không mơ mộng được đâu chú! Cái gì cũng phải thực tế. Cưới rồi ở đâu, ăn gì để sống, tiền

đâu xài, khi ốm đau, vợ đẻ ở nhà thương nào, con nuôi cách nào, bom bỏ cả nông thụt có hầm trốn không? Hồi ở khu 9 chú thấy vợ con tôi khổ sở vậy đó. Nên rút kinh nghiệm đi chú.

Một hôm hai anh em ghé nhà ông Xã Ủy. Bà Xã Ủy cũng bô bô cái miệng.

- Tôi còn giữ một mớ đồ của cậu Nghi, không biết cầu ở đâu mà giao lại.

- Bộ chị đi lên nhà nó nữa hả?

- Bà già dặn tôi đầu tháng trở lên để bà gọi cho cầu và cậu. Tôi trở lên đem về cả đồng đây, sợ bị chụp không biết giấu ở đâu. Trời ơi trời, cậu Vũ mà vô đó thì kể như chuột sa hũ nếp. Coi tình hình êm êm thì cưới cho rồi. Về đây ông nhà tôi cấp đất cho làm.

Nói xong bà lấy đưa cho tôi một gói nhỏ. Tôi khai ra.

Đó là một cánh hoa hồng ép, một sợi tóc dán trên trang giấy hồng và một bài thơ. Nhiều chữ bị nhòe, nhưng vẫn còn đọc được.

Trời ơi? *Lửa Lòng* tôi mong thời gian và sự xa cách sẽ dập tắt đi, nhưng không, ngọn lửa lại bùng cháy mãnh liệt hơn. Nhưng làm sao? Cách nhau chừng 150 cây số, mà không phương gì biết tin nhau được. Tôi lăm lăm mấy câu thơ định gửi nàng, nhưng rồi không gửi được. Tôi bỏ trong ba-lô bữa sau bị chụp đem nhận xuống nương.

Vừa chạy đua với trực thăng vừa làm thơ tình, đọc giả có ổn không? Bản tình ca bắt đầu là nhịp đi hùng tráng: *Tempo di Marcta*, đoạn cuối thì *Rumba TTKH*.

Đó là công thức muôn thuở của mọi khúc tình ca:
*Nếu biết rằng tôi đã “lấy” chồng
Trời ơi người ấy có buồn không?*

Năm 1968 sau khi tôi trở về Sài Gòn, tôi được mời đi nói chuyện ở rất nhiều nơi, trước nhiều đối tượng, dân sự, quân đội, trong đó có thể kể ra như sau: toàn thể sĩ quan của Sư Đoàn 25 Bộ Binh, Sư Đoàn Công Binh, các tỉnh Đà Nẵng, Mỹ Tho, Bến Tre, Gò Công v.v... Một bữa sau khi chấm dứt cuộc nói chuyện ở Gò Công, tôi vừa bước xuống khán đài thì một sĩ quan đến vỗ vai tôi, hỏi:

- Triết phải không? Tôi là Ngôn học Trung Châu nè.
- Tôi ngẫm nghĩ một lúc mới nhớ ra.
- Mời anh về nhà chơi.

Rồi nắm tay tôi lôi đi tới một chiếc xe jeep đậu gần đó. Tôi liền thấy quân hàm của Ngôn là thiếu tá. Chiếc xe do một thiếu úy lái chạy đến một biệt thự. Viên thiếu úy bước xuống mở cửa xe. Thiếu Tá Ngôn mời tôi xuống. Qua cách xưng hô của các vệ sĩ, tôi biết được Ngôn là quận trưởng.

Ngôn vui vẻ:

- Mời anh ở lại dùng cơm chiều với vợ chồng tôi.

Chúng tôi ngồi ở phòng khách. Ngôn nhắc lại những kỷ niệm thời trung học.

- Cháu vào mời cô ra có khách đặc biệt!

Ngôn bảo cô gái giúp việc vừa đem mâm trà ra. Ngôn vừa rót mời và khen câu chuyện của tôi trình bày rất hấp dẫn: không có vẻ gì chính trị cả mà lại

rất chính trị. Chắc nhiều người phải sáng mắt ra. Tôi vẫn mang cái mặc cảm của một kẻ lầm đường nên ngồi nghe hơn là nói. Còn Ngôn thì cứ nói thao thao và giục tôi uống trà hai ba lần. Tấm cửa buồng bằng trúc bỗng rung động, rồi một người đàn bà vén màn bước ra. Tôi suýt kêu lên.

Bà ta cúi đầu chào rồi ngược lên nhìn tôi. Bà sừng sốt. Ngôn bảo.

- Em ngồi đây! rồi mình hỏi chuyện anh Hai.

- Em... em... vô xem sắp nhỏ nấu nướng.

Người đàn bà nói xong quay vào ngay. Tấm màn trúc rung động và khua như một điệu nhạc lạ lùng vang động cả tâm can tôi. Ngôn nói:

- Chúng mình xa nhau trên hai mươi năm. Gặp nhau thật bất ngờ. Nhân dịp này tôi muốn hỏi anh là nhà văn chắc có quen nhiều văn nghệ sĩ trong khu R.

- Dạ tôi cũng biết nhiều nhiều.

- Vợ tôi có người anh ruột đi tập kết. Nghe bà nhạc tôi nói anh đó về trong này rồi. Bà nhạc và vợ tôi có vào trong khu thăm vài lần vào năm 1963, 64 chi đó. Rồi bật tin luôn vài năm nay. Không biết ảnh hiện nay đi đâu mà không thấy cho người về.

- Anh ấy làm gì trong khu ạ?

- Ảnh soạn kịch hay đạo diễn gì tôi không rõ.

Ngôn đứng dậy bước vào trong một chốc rồi quay ra, bảo.

- Vợ tôi nói là ảnh quay phim.

- Quay phim thì đông lắm, không biết anh nhà là cán bộ được đào tạo trong này hay từ Bắc về.

Tôi quên Ngôn vừa nói là người anh đi tập kết. Ngôn lại vào rồi trở ra.

- Ảnh từ Bắc về. Tên là Hai Nghi. Nhà tôi thứ Năm, ảnh thứ Hai.

- Hai Nghi?

Ngôn hỏi to vọng vào trong:

- Anh Hai tên là Hai Nghi phải không em?

Tiếng nói từ trong vọng ra.

- Dạ. Hai Nghi. Ảnh có sang bên Đức.

- Có, tôi biết Hai Nghi từ trong kháng chiến và trước khi vào Nam gặp nhau ở trường đi B cùng lợi Trường Sơn. Khi xuống Bến Tre thì chúng tôi lại gặp nhau vài lần...

- Ảnh còn khỏe không ạ?

- Dạ trước khi tôi về Sài Gòn vài năm tôi không nghe tin tức về anh ấy nữa.

Bữa cơm hôm đó thật thịnh soạn. Ngôn rót rượu mời, chúc mừng tôi, và tỏ ý tiếc rằng phu nhân không ra dùng bữa với khách.

- Đáng lẽ hôm nay vợ chồng tôi cùng dùng cơm với anh trong dịp vui gặp bạn cũ này, nhưng có lẽ nghe nhắc tới người anh trai nên vợ tôi buồn. Cô đang khóc và xin phép vắng mặt.

Tôi ngồi lặng thinh cố kèm đôi đĩa cho khỏi run và giữ vẻ mặt bình thường. Ăn xong, tôi lấy có có việc với đoàn thuyết trình nên nhờ Ngôn đưa về khách sạn. Bỗng thấy tấm hình ông già trên bàn thờ, tôi nhận ra nét quen quen bèn hỏi Ngôn:

- Xin lỗi, bác mất đã được bao lâu rồi anh?

- Dạ, đây là nhạc phụ của tôi, còn thân phụ tôi hãy còn tại đường.

- Xin phép anh cho tôi đốt cây nhang trên bàn thờ bác.

Tôi nhớ Hai Nghi hao hao giống nên mới hỏi anh.

- Cảm ơn anh. Anh cứ tự nhiên.

Ngôn nói và lấy hộp diêm đưa cho tôi. Tôi đốt nhang cắm vào lư hương và cúi đầu. Ngôn nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên:

- Anh đi xa nhà lâu quá mà vẫn còn nhớ lễ nghi phong tục ông bà! Thật là đáng quý.

Ngôn đưa tôi ra xe. Viên thiếu úy đã mở máy. Tôi bắt tay Ngôn, lưu luyến. Sắp bước lên xe thì thấy một người đàn bà ẵm một đứa bé đi ra. Ngôn vẫy tay:

- Hoài Xuân? Con ra ba bảo.

Người đàn bà đi nửa đường rồi dừng lại thả con xuống chứ không đi tới nữa. Thằng bé lóc thốc chạy một mình.

Ngôn bế con lên.

- Con bắt tay từ già bác đi con.

Thằng bé đưa tay ra. Tôi nắm lấy và hôn lên má nó.

- Cháu ngoan quá. Lâu lâu cháu nhớ đốt dùm bác một cây nhang trên bàn thờ ông ngoại nghe.

- Dạ.

Tôi biết câu nói đó đối với nó là vô lý. Nhưng tôi đâu nói với nó. Tôi buông tay thằng bé, bước lên xe, trái tim dường có chuông ngân.

Xe vọt tới, xốc lên mấy cái quanh sang bên phải.

Tôi không quay nhìn lại mà vẫn thấy người đàn bà, thấy lại nàng như đứng ở mũi đò năm nào, bàn tay giơ lên vẫy trắng như hoa huệ.

Hoài Xuân! ôi tình yêu! Đau Khổ và Hạnh Phúc. On trên đã dành cho tôi cái ngõ cụt nào? Không biết. Nhưng chắc chắn cuộc hôn nhân bất thành là điều may mắn cho nàng vậy.

Tư Mô có bệnh mất ngủ. Mỗi đêm anh phải uống vài viên Tranquinol mới chợp mắt được. Nhiều đêm tôi đánh một giấc thẳng thét, thức dậy nghe anh vẫn còn thao thức. Vào lúc nửa đêm mồng hai Tết Mậu Thân, bỗng anh đập tôi dậy:

- Chú Hai ơi! Mình làm ăn to rồi, dậy nghe đài BBC.

- BBC gì phát vào nửa đêm?

- Bản tin đặc biệt!

Nói xong anh vịn đài to lên.

“Quân Việt Cộng đồng loạt tấn công mười lăm đô thị Việt Nam Cộng Hòa, trong đó có thủ đô Sài Gòn, cố đô Huế, Đà Nẵng. Ở đồng bằng sông Cửu Long các thành phố lớn cũng bị tấn công. Đó là từ thị xã Mỹ Tho, Cần Thơ, Long An...”

Cả nhà ông Xã Ủy thức dậy. Mọi người bàn tán xôn xao tỏ vẻ phấn khởi. Chỉ có bà ngồi im. Rồi mặc cho tiếng nói từ đài vang ra ồm ồm, bà nguyết ngang:

- Tui hổng có tin cái đài mắc dịch này đâu.

Từ Mô hỏi.

- Sao vậy chị?

- Nó nói “*xĩa*” không hề.

- Nó nói theo phe mình đó chị à!

- Tui đi thành mấy chuyến rồi, tui thấy Quốc Gia mạnh lắm, mình lấy gì mà tấn công nổi mấy chục thành phố?

Ông luôn luôn là “*tiểu đội phó*” của bà nhưng lần này thấy bà vợ mất lập trường quá lắm, ông không dám “*chỉnh nhẹ bà tiểu đội trưởng*” chỉ nói bọc xuôi nhè nhẹ rồi gợi ý:

- Bà nấu cháo trắng ăn với muối quệt để anh em tụi tui bắt tin nghe chơi.

Từ chiếc đài giọng nói lại oang oang:

Bản tin đặc biệt: Quân Bắc Việt đã vô tới cửa ngõ Sài Gòn. Tân Sơn Nhứt bị tấn công. Quân Việt Nam Cộng Hòa bỏ trại đi ăn Tết bị tấn công bất ngờ nên lúng túng chống trả. Tin vừa nhận được cho biết thị xã thứ 26 của Việt Nam Cộng Hòa đã bị tấn công. Đại Sứ Mỹ đã điện về Hoa Thịnh Đốn nhưng chưa có chỉ thị của Tổng Thống Nixon.

Tin mới nhất cho biết thị xã Bến Tre mà Việt Cộng gọi là quê hương Đồng Khởi cũng bị tấn công. Quân ông Thọ đơn độc chiến đấu, không có quân Bắc Việt giúp đỡ nên chỉ đánh vòng rìa thị xã không vào được bên trong.

Thị xã Châu Đốc, thị xã thứ 27 cũng bị tấn công nhưng rất yếu ớt. Châu Đốc là một trong vài tỉnh

có dân số Hòa Hảo đông đảo nhất. Họ vốn căm thù Cộng sản nên Cộng sản không gây được cơ sở, ngược lại còn tự động chống Cộng. Do đó cuộc tấn công đã bị dập tắt ngay trong vài tiếng đồng hồ. Hiện quân VNCH đang phản công ở thị xã này. Rất đông lính Cộng sản bị bắt sống ở gần Đền Bà Chúa cách thị xã 5 cây số về phía Bắc.

Thị xã Long An là thị xã thứ 28 bị tấn công. Quân ông Thọ ở đây khá mạnh nhưng cũng chưa làm nên cơm cháo gì. Long An được Hà Nội xếp hạng nhì sau xứ Đồng Khởi Bến Tre quê của bà Phó Tư Lệnh Nguyễn Thị Bình.

Trở lại thị xã Bến Tre. Quân Cộng sản đã cho một vài toán vượt qua sông Cái Cối hay Cái Cỏi gì đó nhưng không có phương tiện nên phải giạt xuống ghe của dân bơi qua, bị Nhân Dân Tự Vệ bên thị xã bắn chìm chừng mười chiếc ghe. Trong khi đó, cách 15 km về phía Bắc, ở Mỹ Tho quân ông Thọ với lực lượng hùng hậu của Quân Khu II đã vô được tới Cầu Quay và bến Tầm Ngựa. Mặt khác, phía chùa Vĩnh Tràng cũng có một mũi tấn công.

Bổn đại đặc phái viên đang ở thị xã lớn nhất đồng bằng Cửu Long này vừa điện về cho biết quân ông Thọ đã vô được trung tâm thị xã với chiến thuật “A thần phủ” gì đó, có nghĩa là vô được rồi thì không biết làm gì cả và bị quân địa phương - có thể là Sư Đoàn 7 đang đóng quân ở đây - chặn bít các ngõ ra.

Xin thỉnh giả đừng tắt máy. Chúng tôi sẽ tiếp tục loan tin không ngưng.

Bà Xã Ủy vừa nấu cháo vừa nói:

- Mấy thằng cha đó ở đâu bên Tây, làm sao biết được chuyện bên mình. *Cái Cối* của người ta lại nói là *Cái Cối*. Chuyện nhỏ còn nói trật, chuyện lớn làm sao nói trúng? Để sáng mai tui lên thị xã coi thử.

Chúng tôi ăn cháo trắng với muối quệt rồi lên võng nằm nghe tiếp. Cứ mỗi năm phút lại có tin bổ túc thêm một vài thị xã thị trấn hoặc căn cứ quân sự bị tấn công.

Sáng ra, tôi mở đài Hà Nội, bản tin sáng, bản tin vào Nam. Tin vọt ra ào ào không ngớt. Tất cả các thị xã đều bị tấn công. Và qua cái khí thế “*ngàn năm một thuở*” bọn tôi tưởng đã chiếm được toàn Miền Nam và Hồ Chủ Tịch sắp bay vô Nam rồi.

Chẳng ngờ chỉ tới chiều thì đài BBC trong bản tin 6 giờ 30 nói ngược lại hầu hết các bản tin đêm qua.

“*Quân Bắc Việt và quân ông Thọ đã bị chặn đứng ở cửa ngõ Sài Gòn. Đắc công Bắc Việt đã bị tiêu hao nặng hoặc đánh bật ra khỏi Tân Sơn Nhứt. Chỉ có vài cánh tiến vô được trung tâm Sài Gòn nhưng có vẻ như đám quân ô hợp này không có đường hướng gì ngoài sự đốt phá vô văn khi vô được tới đây. Họ không biết đường đi do đó cứ đâm đầu vào trận địa của Sài Gòn.*”

Trong khi đó ở Mỹ Tho, lực lượng của họ đã vô trung tâm thành phố và bị tiêu diệt gần hết. Còn lại bao nhiêu thì bị tàn mác, lạc lối và không có chỉ huy, không biết cả đường rút lui. Riêng ở Cần Thơ tình trạng của quân Bắc Việt càng thảm hại hơn. Họ tấn công sân bay Trà Nóc nhưng không đạt được kết quả nào. Ở Bến Tre quân

ông Thọ đang dùng chiến thuật hỏa thiêu các khu nhà ổ chuột để gây rối loạn hồng tìu tối thoát. Có tin viên tiểu đoàn trưởng chủ lực của tỉnh này đã tử thương hoặc bị bắt sống. Cuộc tấn công ở tỉnh này chỉ còn lẻ tẻ và tuyệt vọng, nhưng hình như Cộng quân muốn kéo dài mỏng Ba Tết.”

Trên trời không có chiếc máy bay nào. Trục thăng, đầm già, phản lực đều vắng bóng. Chúng tôi tổ chức ăn Tết tiếp. Vừa ăn vừa nghe tin từ tất cả các đài BBC, VOA, Giải Phóng, Hà Nội. Tất cả *radio Sony, Hitachi*, của các cán gáo đều mở thường trực với tiếng loa lớn nhất. Đài Hà Nội phát những buổi đặc biệt, hết buổi này sang buổi khác. Tin tức, rồi bình luận rồi ca nhạc *Lên Đường* rồi ngâm thơ những bài thơ “*từ miền Nam gọi ra*” mà chúng tôi biết xuất xứ là Ủy Ban Thống Nhất ở Chợ Giấm của Nguyễn Văn Vịnh, rồi đọc thơ Tố Hữu “*Phút thiêng liêng anh gọi Bác ba lần*”, v.v... Chúng tôi không ngồi yên được, nhưng không biết phải làm cái gì để hướng ứng “*chiến dịch vĩ đại*” này.

Một tháng trước, tỉnh ủy họp bàn kế hoạch. Bộ đội được lệnh chuẩn bị. Tôi biết tiểu đoàn của Chín Chu chỉ được non hai đại đội. Vũ khí thì râu ông này cậm cậm bà kia. Đánh với vũ khí hiện đại của Mỹ mà tội nghiệp thay, giải phóng quân cầm súng CKC bắn từng phát, chỉ khá hơn ba con ngựa trời một tí tẹo. Còn súng tốt phần lớn là súng mua lậu của Sài Gòn và lượm ở mặt trận. Tỉnh cất giữ rất kỹ để “*cơ hội ngàn năm có một*” này đem ra dùng.

Hại thay, Sài Gòn chơi đều. Chúng bán súng mới toanh nhưng kim hỏa ngắn không thụt đụng hột nổ. Chúng rút súng cũng mới toanh nhưng bắn vài phát rồi giật *cu lách* không ra. Giải phóng quân ta được võ trang bằng hai loại súng cuộc cạnh này nên chỉ trong đợt tấn công đầu đã phải tiêu hết gần một đại đội. Tiểu đoàn chỉ có hai đại đội. Ngoài ra toàn là du kích bị bắt ép đi ra trận trộn vào tiểu đoàn. Đám này vừa nghe nổ súng đã rút súng xung phong ngược ra phía sau và chuồn về nhà luôn.

Qua ngày mồng bốn Tết đài BBC chỉ loan tin bi quan. Ở khắp các tỉnh đều đánh trả kịch.hết. Ra cái vụ ngàn năm có một này hồng ắn rồi.

Đúng sáng mồng bốn tôi ra đường thì gặp chú Nhứt đi “*dân công*” trở về, quần áo rách tả tơi mặt mày hốt hải. Chú chạy nhào tới ôm tôi khóc hu hu.

- Cậu Hai ơi! Tôi tưởng hết thấy mặt vợ con rồi chớ!

- Sao vậy chú Nhứt?

- Thì vậy đó chớ sao!

- Nghe đài BBC nói là quân mình đã vô thị xã. Bộ hồng có sao chú!

- Có chớ sao hồng có!

Hai chú cháu đứng ngoài đường nói oang oang coi ông Thọ không ra cái dèm nào hết. Chú Nhứt tiếp:

- Tiểu đoàn của Chín Chu có qua sông được mà!

- Đúng! Tôi có nghe đài BBC nói.

- Nhưng chỉ qua được vài toán thôi!

- Sao chú biết?

- Thì tội tôi đi giết ghe giết xuống của dân cho mấy ông nội bơi qua chớ ai?

- Sao lại giết?

- Người ta không cho mượn chớ sao. Chỉ giết được có mấy chiếc. Còn mấy chủ khác thì họ bơi đi hết, mình phải xách súng tới dọa tử hình họ mới cho. Cả tiểu đoàn mà có mấy chiếc xuống bể. Nhưng chỉ qua tới nửa sông thì bị bắn.

- Ai bắn?

- Ở bên thị xã bắn qua. Cuối cùng chỉ lên bờ được vài toán. Còn bao nhiêu chìm hết.

Ông Xã ủy ở trong nhà chạy ra nói ngay:

- Tấn công thị xã có nhiều mặt, không phải chỉ có Cái Cối đầu. Còn mặt Phú Khuong và mặt Cầu Nhà Thương nữa! Nếu mũi Cái Cối có tà chút đình thì còn hai mũi kia. Tôi nghe đài BBC nói rõ mà.

Tôi nháy chú Nhứt. Chú Nhứt im. Tôi bảo:

- Bây giờ có lẽ quân mình đã chiếm được tòa Tỉnh Trưởng rồi. Đồng bào đang mít tinh mừng chiến thắng đấy chú!

Tư Mô ở trong nhà ngoắc lia:

- Vô nghe tin đặc biệt các cha!

Ông Xã Ủy quay vô. Chú Nhứt lắc đầu:

- Các cha mình xoi không thấu đầu cậu Hai. Quân ít quá lênh láng như canh khoai từ. Một củ khoai mà nấu cả trà nước.

Chú lòi tôi lại gốc me rỉ tai:

- Tội Sài Gòn chơi ác quá. Nó chỉ cho nhân dân tự vệ chặn bộ đội mà mình còn vô cũng không nổi.

Còn tụi dữ dằn của nó đầu thềm nổ súng. Chúng đổ dù sau lưng chặn đường rút lui của mình. Chúng nó nhảy tuốt đằng xa đánh thốc sau hậu tuyến của mình mới độc chứ. Cái lưng lạnh ngắt làm sao xung phong?... Hôm rày cậu có gặp vợ con tôi không?

- Thím dắt thằng nhỏ đi về Cầu Mống rồi!

- Nhà cửa trống hoang du kích lấy đồ hết!

- Bình định đóng đồn ở chợ Cái Quan rồi. Chú phải băng đường vườn về nhà mới được.

- Ồ! Để tôi đi riết về coi! Hỏi bắt dân công thì Hai Sung hứa là chỉ đi vài ngày thôi. Bây giờ đã cả tháng rồi.

Bỗng nhiên chú vọt miệng rên ri:

Tin mừng thắng trận nở như hoa

Thắng lợi tin vui khắp nước nhà

Nhà mình không ở ở nhà người ta

- Chú nói gì kỳ vậy chú Nhứt!

- Vậy không phải sao cậu? Toàn ở nhà người ta mà nhà hoang hoặc ở ngoài vườn. Đói thấy mẹ. Tụi Trâu Diên đánh ác thiệt cậu. Tụi nó nhảy chặn từ đằng xa. Dân công khiêng thương binh hoảng hồn bỏ chạy ráo trôi.

- Rồi làm sao chú?

- Làm sao ai biết làm sao? Nó bắn rát quá cậu ơi. Bộ đội mình xung phong ba đợt để mở đường máu mà không rút được. Mình bỏ tại cầu Biện Nhị mười lăm xác.

Tôi nhảy dựng lên rồi chạy vào nhà gọi Tư Mô, bảo:

- Cầu Biện Nhị phải ngay nhà anh không?

- Nếu quận Châu Thành thì đúng rồi!

Tư Mô tắt tả chạy theo tôi.

- Tụi nó phản kích vòng rộng thì ở quận Châu Thành chờ quận nào nữa.

Chú Nhứt thấy Tư Mô, hỏi ngay:

- Hôm trước tôi nghe chú nói nhà chú ở quận Châu Thành hả chú Tư?

- Ờ chú (em) đi trên thị xã về hả chú?

- Bò không thôi chờ có đi đường hoàng đâu chú Tư. Tôi có đóng trong cái nhà ngói ở đầu cầu ba ngày, trước khi vô thị xã.

- Ở dưới này đi lên thì cái nhà bên này đầu cầu là nhà chú tôi, còn cái nhà bên kia đầu cầu là nhà của tôi.

Chú Nhứt múa tay:

- Nhà nào tôi cũng ở vài ngày hết. Bộ đội ở để chuẩn bị luồn vào thị xã mà! Đó là tôi nói trước khi nổ súng. Còn sau khi nổ súng, tôi trở về thì không còn cái nào hết.

- Tại sao vậy?

- Máy bay bỏ bom.

Tư Mô kêu trời rồi đứng ngây ra một lúc:

- Chú thấy có ai làm sao không?

- Bận về chạy như gió bão, tôi chỉ ngó ngang chờ không ghé vào.

- Còn lúc mới tới, chú có thấy ai trong nhà không?

- Ngày trước thấy đủ cả nhà. Ngày sau không còn ai.

Tôi và Tư Mô trở vào nhà. Đài BBC vẫn loan tin

liên tiếp nhưng không có gì vui. Tất cả các cuộc tấn công ở các tỉnh đều bị đánh bật ra ngoài. Không có thị xã nào quân ta làm chủ. Ngoại trừ Huế thì đã vào được trung tâm. Hai bên đang xáp lá cà ở Thành Nội và thôn Vỹ Dạ nhưng Cộng quân không có tiếp viện nên núng thế. Bổng Đài nói:

Tướng Giáp có lẽ dự định vào nằm ở giới tuyến, nếu thị xã Quảng Từ bị Cộng quân tràn ngập thì sẽ ra lệnh tấn công luôn các đồn giới tuyến rồi vọt qua bờ Nam. Nhưng Sài Gòn vẫn còn đứng vững và dần dần các thị xã đẩy lui Cộng quân nên Tướng Giáp đã im lặng rút lui trở về Hà Nội để đổ tội cho Giải Phóng Quân Miền Nam nhưng ai cũng biết Giải Phóng Quân Miền Nam gồm ba phần tư lính Bắc Việt. Các trung đoàn thiện chiến của Sư Đoàn 325, 308 lưng lẩy ở Điện Biên nay không làm nên trò trống gì trong chiến dịch có cái tên rất kêu là Chiến Dịch Hồ Chí Minh này!

Dân không ăn cái Tết được vì phải chuẩn bị đánh đấm, đóng góp gạo lúa heo gà... nhất là dân công. Chồng con người ta, chúng tôi ghi tên hốt hết từ mười sáu tới năm mươi lăm không mạng nào được vắng mặt trong “*cơ hội ngàn năm có một*” này. Nhiều dân công một ra đi là không trở về chết gục ở đâu thì cũng không ai biết.

Nhiều tên lớ ngớ không biết đường nhờ nhân dân giúp đỡ. Nhân dân chơi ác lại dắt lũ cháu bác vô ngay ổ cho địa phương quân khìa nhanh chóng. Tôi nằm ở nhà nghe dân công chạy về mà biết rõ chiến trận đã diễn biến như thế nào và kết thúc ra sao. Việt

Cộng chỉ có ba ngõ vào. Một là từ bên này sông Cái Cối cảm tử bơi xuống qua thị xã. Ngõ thứ hai là từ Phú Khương đánh vào sân vận động tỉnh. Nhưng ngõ này thì khó lọt vì không thể nào luồn quân ém quân trong các xã Phú Khương Hữu Định đông đặc dân chúng mà toàn thể đều là dân của cụ Ngô. Ngõ thứ ba là từ Cầu Nhà Thương đánh ra. Ngõ này càng khó lọt vì có cái Thánh Thất Cao Đài của cụ Nguyễn Ngọc Tương thuộc mười hai phái hiệp nhưt.

Tôi biết rành Bến Tre vì ngày xưa đi học, chỗ nào mà tôi không lội tới. Tôi còn biết rành hơn cả Chín Chu tiểu đoàn trưởng và Ba Đào tổng chỉ huy chiến trận này nữa. Hai tên này khôn lắm, cả hai đều đặt chỉ huy sở ở bên ngoài thị xã bờ sông Cái Cối để chuồn nhanh.

Quả thật sau ba ngày Tổng Tấn Công, tôi gặp *bộ Sậu* hốc hác trở về cùng với đám tùy tùng. Còn tên Bùi Thanh Khiết Phó Chánh Ủy Quân Khu 2 tôi gặp hôm trước không biết thăng thiên lúc nào. Thấy tôi, Ba Đào né ngang, có lẽ anh ta sợ tôi xin đề tài, tôi còn lạ gì cái tâm lý của kẻ bại trận, nên để cả bọn đi qua, làm như không thấy.

Cuộc tổng tấn công thị xã Bến Tre thế là kết thúc vào ngày mồng bảy năm Mậu Thân một cách anh dũng.

Thay vì cái rốn An Định đóng giữa Mồ Cày và Cầu Mống thì bây giờ đất lại thênh thang như hồi tôi mới về, tức là An Định, Bình Khánh, Phước Hiệp, Ngải Đăng, Cẩm Sơn, Minh Đức, Tân Trung. Tôi mới nảy ra ý định đi tìm những người kháng chiến cũ. May quá tôi nhớ ra anh Cao Thái Tôn, ở ngay chợ An Định.

Cao Thái là một dòng họ lớn trong quận Mồ Cày. Có một nhân vật, hình như là Cao Thái Tốt, làm tới đại diện Chánh Phủ ở Nam Phần thời Quốc Trưởng Bảo Đại. Cao Thái Sáo học chung với tôi ở trường Mồ Cày. Không biết bây giờ đi đâu, chắc chắn là không theo kháng chiến. May cho nó. Nếu không thì cũng như tôi.

Cao Thái Tôn làm tỉnh đoàn trưởng Thanh Niên Cứu Quốc tỉnh sau ông Mạch Văn Tư. Lúc đó phong trào Thanh Niên xẹp lấm. Trần Bạch Đằng ngồi trên cú tổng chỉ thị xuống ào ào chớ đâu có biết ở tỉnh không còn như xưa thời ông Mạch Văn Tư nữa. Một số lớn cán bộ có trình độ văn hóa, có khả năng đều lên *khu* hoặc *xứ*. Tỉnh mất đi trí thức.

Chỉ còn một mình, anh không quây nổi. Cơ quan nghèo xơ xác. Phải về đóng ở An Định để nhờ vào tài sản của anh. Thoái trào bắt đầu từ đó và sụp hẳn.

Khi Hòa Bình lập lại anh bị tù năm năm. Có lẽ vì anh là đảng viên và là cán bộ cao cấp. Khi tôi gặp anh thì anh buồn lắm. Tội Xã Ủy chặn bỏ không hiểu công lao của anh. Chúng kiểm thảo tới kiểm thảo lui nên anh nổi quạu xé lý lịch đảng vứt trước mặt chúng nó rồi ở nhà luôn.

Bí Thư Tỉnh ủy hiện giờ là cán bộ của anh thời kháng chiến. Thế nhưng hẳn cũng làm lơ. Vì nếu anh Tôn còn là đảng viên thì hẳn làm sao là Bí Thư Tỉnh Ủy?

Tôi gặp lại anh, anh mừng lắm. Nhưng không nhắc chuyện kháng chiến nữa. Anh làm nghề thầy thuốc để nuôi gia đình. Nền nhà của anh trơn trượt, cột kèo xếp lại chỉ còn một mái lá sơ sài. Anh bảo con gái mua hai con vịt một lúc, nấu cháo đãi tôi. Tôi biết nói gì bây giờ? Chỉ ngậm ngùi cho những người đi tiên phong lớp trước. Người kháng chiến bị tù, rồi được tự do cũng không còn muốn nhìn mặt nhau, ngay cả những “*đồng chí*” trước kia.

Hai Nghi về R. còn Tám Không đi xuống Miền Tây bị nghẽn đường nên trở lại. Lần này hẳn ở nhà khác. Còn tôi thì ra nhà Má Bảy gần bên nhà ông *Bình Biển Bình Dương*.

Má Bảy không có vô hội gì hết nhưng bà có đứa con trai độc nhất tên Rô cỡ 23 tuổi, có vợ, một con trai. Hồi Đồng Khởi, Rô hăng hái xung phong lên khu và được bổ sung vào Tiểu Đoàn Khu mới thành lập. Rô có mặt trong trận Ấp Bắc và sau đó lên tiểu đội trưởng của Tiểu Đoàn Ấp Bắc. Má Bảy không lấy đó làm hãnh diện mà lại lo sợ ngày đêm. Khi tôi đến ở nhà má Bảy thì má rất mừng, nói:

- Thằng Vũ mày ở đây tụi du kích nó không dám tới bẻ xoài hái ổi. Thằng Nghi đi rồi tụi nó làm lộng, tao đâu có la được. Du kích, bí thư, cũng là con cháu của má chớ phải ai đâu lạ, nhưng họ thấy má ở một mình thì ăn hiếp.

Chiến tranh do bọn Bắc Kỳ gây ra thiệt là tàn nhẫn. Chúng nó an hưởng thái bình mà nung lửa vào Miền Nam gây ra tang tóc đau thương. Đất đai tan tành không xiết kể. Có thể nói không một gốc cây nào còn nguyên, không một gia đình nào đủ. Ngày nào cũng nghe có người bị thương, chết hoặc một tai họa gì đó. Không ngày nào yên ổn.

Một bà già cô đơn sống trong một cái chòi, một miếng hầm. Nếu có chuyện gì thì ai cứu cấp? Cái hầm trước đây do Hai Nghi đắp nên. Tôi về bồi thêm một lớp nữa. Đó là để phòng miếng cà-nông “xẹt” thoi chớ nó rớt ngay thì trời cứu. Má Bảy còn khỏe mạnh nhưng rất chậm chạp.

Cà-nông Cầu Mống bắn lên hoặc Mò Cày rớt xuống đều tới đây cả. Ở Miền Nam bất kỳ chỗ nào cà-nông cũng đều bắn tới. Có khi nghe tiếng đề-pa, tôi kêu má mới thức dậy. Ra tới hầm thì đã nổ bốn, năm trái rồi. Như vậy thì cái hầm đối với má không có tác dụng gì hết. Nhưng khổ nỗi má lại không chịu ngủ trong hầm.

Nhiều đêm má không ngủ được, hai mẹ con tâm sự với nhau. Tôi nói về hoàn cảnh “cây một trái” (trai) như gia đình má, thì má thúc giục:

- Sao mày không kiếm vợ đi?

Rồi má thở dài. Má nói về thằng Rô của má. Nguyên văn như sau, tới bây giờ tôi hãy còn chưa quên. Và không làm sao quên được nỗi đau khổ của má nói về Rô:

- Tao hổng hiểu súng ống mà nó ham cái nổi gì? Nó ham bộ đội còn hơn ham vợ con nó. Nó về nhà dọn cơm nó cũng không ăn. Nó nói về ăn với tập thể. Thằng Vũ mày nghĩ coi! Bắn người ta thì người ta bắn lại chớ phải người ta không có tay hay sao? Hụt phát này thì còn phát khác. Như hốt đất mà vẩy vô bụi tre làm sao hụt hoài?

Ý má nói là ra trận không sớm thì muộn cũng chết nhưng má ngại gở mồm gở miệng cho con trai. Nhưng rồi không khỏi. Một hôm tôi đi tìm tài liệu về thì má òa lên khóc.

- Thằng Rô chết rồi!

Tôi cũng chết nửa thân người.

- Ai nói vậy má?

- Đâu ngoài xã họ cho tin.

- Không chắc đâu. Để con ra hỏi lại, má đừng buồn.

Nói vậy rồi tôi quày quả ra tìm ông Xã Ủy. Quả tình có giấy báo tử. Nhanh hơn lính ở Trường Sơn. Vốn quen lâu ngày, tôi bảo:

- Cha nội nhem dùm lâu lâu hãy xì ra.

- Khổ nỗi là tôi nhờ người nhắn rồi?

- Để tôi tìm cách ém.

- Cách gì? ông làm sao được thì làm. Chớ giấy tờ có đây rồi.

- Sao mới tổng tấn công mà giấy về mau vậy?

- Nó hy sinh trước Tết lâu rồi!

Tôi đứng ngẫm nghĩ một hồi thì nảy ra kế. Tôi bảo ông Xã Ủy:

- Bây giờ thế này nghe! Tôi về tôi nói với má là công văn đánh máy trật dấu. Không phải Rô mà là Rờ, không phải xã An Định mà là xã An Bình. (Quả thật có làng An Bình giáp ranh với An Định). Vậy được không?

- Hay lắm. Nhưng sao ông có ý kiến hay vậy?

- Hồi kháng chiến ở làng tôi có một vụ động trời. Công văn đánh máy không có dấu. Vì trên quận muốn những cuộc bắt bớ xảy ra ban ngày để dân chúng khỏi sợ sệt nên dặn kỹ là có bắt ai thì chỉ *bắt ban ngày* nhưng vì máy không có dấu nên thành ra *bat ban ngay*. Rồi ở dưới xã đọc là *bắt bắn ngay*. Cho nên công an cứ bắt lòi ra khỏi cửa là bùm liền. Có đến cả chục vụ như vậy ở trên quận mới hay. Thì đã muộn rồi. Do đó tôi mới nảy ra vụ Rô và Rờ, *An Định* và *An Bình* này.

Ông Xã Ủy gật đầu khen nhưng còn ngoéo lại:

- Nhưng cuối cùng rồi cũng lòi ra, bả chửi cho tấ bếp.

- Thì ông cứ đưa ông Phó Bí Thu là cháu ruột của bả ra đỡ đòn.

Trên đường trở về, tôi sửa soạn miệng mồm để nói cho tự nhiên. Hễ má hỏi gì thì trả lời làm sao. Má vận cách nào thì tránh né cách nào cho xuôi chèo mát mái.

Nhưng vừa về tới cửa là bị má phủ đầu ngay:

- Mà ra ngoài đó bàn toán nhem tin chó gì!

- Dạ đâu có má.

- Thôi đi, tao biết mà!

Tôi thấy ngượng, đi nói dối với một bà cụ đáng tuổi mẹ mình. Nhưng nếu không tìm cách xoa dịu vết tử thương thì bà có thể điên mất.

Tôi bèn lấy lại tinh thần và nói:

- Con ra tận xã, coi công văn tận mắt má à!

- Tao không biết công gì hết. Con tao chết rồi. Tao nằm chiêm bao thấy nó mình mẩy máu dầm dề cả thàng nay rồi. Tao không dám nói ra.

- Hồng có đầu má à. Tên trùng tên. Anh chiến sĩ hi sinh là Nguyễn Văn Rờ ở bên An Bình. Chớ không phải chú Rô.

- Bên An Bình không có ai tên Rờ hết!

- Có má à!

- Rờ con ai?

- Dạ con quên hỏi. Tờ báo tử không có ghi tên cha mẹ.

- Sao không có. mấy lần xã làm truy điệu đều có đọc tên cha mẹ của liệt sĩ. Mà nói bộ tao không biết sao. Lễ xong rồi phát bằng gia đình về vang mà.

Quả tình tôi quên chi tiết quan trọng đó nên ú ó một lúc mới nói được.

- Ông Xã Ủy nói là ông quên coi nên thơ ký nói sai. Bữa nay ông mới coi kỹ lại.

Tôi còn đang cố đem hết lý lẽ của sự bỏ sai dấu tên tử sĩ thì bà Tám đến. Bà Tám chuyên môn đi móc gia đình cho cán bộ hoặc đi thăm con cái cho các gia đình như gia đình má Bảy. Bà rất sốt sắng. Đưa tiền xe, tiền ăn là bà đi ngay.

- Hôm trước, chị muốn tôi đi thăm thằng Rô hả?

- Còn đánh gì mà thăm!

- Sao vậy?

- Chết rồi. Nó theo mấy ông nội nó nên chết rồi! - Má giận dữ rồi gục vào góc cột khóc thảm thiết. - Nó bỏ vợ bỏ con nó.

Tôi nháy bà Tám và nói.

- Không có đâu bác. Ở ngoài xã coi lắm dấu chử.

Má đi vô mừng lục lợi một hồi rồi đi ra đưa tiền cho bà Tám:

- Chị làm ơn đi dùm tôi.

- Tôi biết bộ đội của nó ở đâu mà tìm?

- Nó ở trên Mỹ Tho. Chị lên đó mà tìm. Chớ nó đâu có cho tôi biết nó ở đâu.

Tôi hỏi:

- Chú có gởi thơ về thăm má không?

- Nó có gởi cho vợ nó. Vợ nó đem vô đọc cho tao nghe.

- Để mai tôi ra ngoài. Nhà thím ở Giồng Vồ phải không má? Tôi biểu thím đưa thơ rồi tôi coi cái địa chỉ ngoài phong bì cho bà đi tìm. Chớ lên Mỹ Tho mệnh mông trời đất biết bộ đội ở đâu.

Phen này thì hết mong gì bịa chuyện “trật dấu” nữa. Bà già thực tế vô cùng. Bà không tin xã ủy xã quéo gì hết.

Ba hôm sau, bà Tám đi về kể rành rọt. Bà đi vô tận Cái Bè gặp tiểu đoàn của Rô. Rô bị bom chết. Nếu bà chỉ nói vậy thôi thì má Bảy không uất ức. Đằng này bà lại kể rất tỉ mỉ:

- Đầm già tới bắn điểm. Anh em người ta chui xuống hầm bí hết rồi. Còn có một cái chừa cho nó. Nó chờ cho hai người chui trước, nó chui sau cùng, hầm chật, ngồi ở miệng hầm nửa trong nửa ngoài nên bị một miếng to bằng bàn tay phang vô hông chết liền.

Má Bảy khóc thét lên và vật vã, dậm chân, dậm ngực:

- Mày gan gì gan ác hơn vậy Rô ơi. Phải mày chui vô trước thì mày đâu có chết. Mày ra trận mày cũng xung phong đi trước. Vì liều mạng nên bây giờ mẹ mày, con mày, vợ mày mới khổ.

Bà Tám sợ bị giận lây nên bỏ về liền. Người khổ không ít là tôi. Khổ cho tôi vì tôi cũng là con một. Khổ cho má là mẹ không gặp mặt con trước phút con lâm chung và cũng không biết mồ mả ở đâu mà thăm viếng.

Khổ tâm thật. Bữa nào dọn cơm ra má cũng chống

tay ngồi sụt sùi tức tưởi một hồi mới cầm đũa. Nước mắt nhều vô chén cơm từng giọt một. Tôi chẳng làm sao cầm được nước mắt của chính tôi. Nhiều lúc cả hai mẹ con đều không ăn cơm. Cái chén cơm trên mâm dành cho đứa con trai xấu số cũng bỏ luôn lạnh tanh lạnh ngắt. Khổ hơn nữa là cái ngày cúng tuần ba tháng cho Rô. Thím Rô ẵm thằng con trai mới biết đi lẫm đẫm vào làm giỗ cho chồng. Tay xách con vịt, tay ẵm thằng bé lội ngang xẻo nước cạn. Con vịt kêu nghe mới thảm não làm sao. Má Bảy kêu thằng bé bằng Cá Rô. Rô Cha, Rô Con, cho nên tôi không biết nó tên gì. Thằng nhỏ giống cha như đúc.

Vợ Rô mắt đỏ hoe, đứng bên bàn thờ khóc nhưng không van vái rồi quay lại bế thằng Rô Con lên. Thằng bé nào biết gì. Đó là tấm hình của ba nó chụp hồi còn ở nhà. Ba nó vừa cưới má nó xong. Hai người đứng bên nhau trước bụi chuối bên hè. Vì không có hình riêng nên phải để nguyên tấm hình như vậy mà đặt trên bàn thờ. Má Bảy không đốt đèn. Tiệm quán không có nhang trong vùng giải phóng. Má vô nằm trong mùng khóc thút thít. Bà ẵm thằng Rô Con mà nước mắt như mưa. Vợ Rô ở chơi tới chiều rồi ẵm con về.

Lúc này quân Sài Gòn chụp luôn, tôi chạy chân không bèn đất. Cái thùng sắt tác phẩm chôn luôn không có moi lên nữa. Cũng không còn nghĩ tới việc viết hoặc tìm đề tài. Tẩu vi tiên. Cứ hể sáng thì tôi đến nhà Tư Mô, Tám Không uống trà nói dóc chờ chạy chung. Nếu êm thì nhà ai nấy về cơm nước.

Nhưng sau đó hầu như ngày nào cũng chạy, không hơi đâu mà đi gặp nhau. Mạnh thắng nào nấy chạy. Có lần tôi đi cách Tư Mô có năm mươi thước mà Tư Mô chạy tới còn tôi phải sút lùi. Vì trực thăng đổ ngay trước mặt tôi. Chiều tối tôi mới về nhà. Tưởng Tư Mô bị xúc. Tư Mô thì lại tưởng tôi bị xúc. Hai đứa lại nghe đài BBC và tiếp tục bình luận về chiến dịch Mậu Thân.

Đó là khoảng vào tháng giêng năm 1968. Còn được cái rún chợ An Định nên tụi tôi vẫn ngộ ngầy được. Nhờ nó mà “tiếp tế” từ hũ chao đến lon gạo. Quốc Gia đánh Cộng Sản quyết liệt lắm, nhưng cũng rất tài tử. Ở chỗ là lính đánh mà thương buôn nuôi. Nếu không có đồ máy ra vào thì làm sao Việt Cộng có muối ăn, đừng nói chi *pê-ni-ci-lin* để trị thương. Chẳng khác nào một tay đánh một tay xoa.

Tôi nói ra việc này chắc có lẽ làm phiền lòng một số người nhưng đó là sự thực. Thử xét ba lô của Việt Cộng lúc bấy giờ xem: quần áo, võng, dây dù, thuốc hút, aspirine, xà bông thơm, bút bic, dầu gió, ngoài ra còn gạo, thùng dầu ăn của dân Mỹ tặng cho nhân dân Việt Nam, thịt hộp các loại, đồng hồ, bút máy Parker, mực Parker, lưỡi cạo râu, v.v... toàn là sản phẩm của thành thị.

Đó là chưa nói thẻ bọc nhựa, giấy chứng nhận, giấy đi đường gì gì... Việt Cộng đều “xin” của các ngài chức việc được cả. Trần Bạch Đằng đã chẳng khoe rằng hần có đến năm, sáu thẻ bọc nhựa là gì. Ở gần cuối quyển này tôi sẽ nói về vụ thẻ bọc nhựa của các ông lớn Sài Gòn làm “*dùm*” cho Việt Cộng.

Một buổi sáng tôi nghe tiếng đấm già xuống miệt Minh Đức. Bụng hơi nghi nên tôi ra ngồi ở mé vườn ngó về phía ấy. Con đấm già bắn điểm rồi Thân Sấm tới bỏ bom. Đó là bài bản cổ điển của một trận bom. Nhưng hôm nay tôi hồi hộp lạ thường. Vào nhà nằm không yên, ra chợ đón người ở miệt Minh Đức lên để hỏi thăm.

Người ta đồn lính Cầu Mống sắp ra đóng đồn ở Cổ Cò tức là gần chặng giữa nhà tôi và nhà ngoại tôi, nên tôi càng sợ không dám đi.

Quả thật hai hôm sau thằng Đức, con Dì Năm tôi, đang công tác ở Văn Công tỉnh đến cho tôi hay tin sét đánh ngang tai. Ngoại tôi và thằng rể dì Năm tôi bị bom chết ngay trong vườn nhà. Trời ơi! Tôi còn về làm gì nữa. Gia đình nhà cửa, dòng họ đã tan đến mức đó rồi lại còn nát ra thêm.

Tôi về đến nơi thì ngoại tôi đã nằm dưới mộ. Cậu Bảy tôi ở Sài Gòn Về. Hai cậu cháu gặp nhau, nhìn nhau. Một bữa cơm cúng ngoại tôi. Một nén nhang. Rồi đường ai nấy đi, bỏ lại sau lưng đứa em gái bạn dì hai mươi hai tuổi góa chồng một nách hai con nhỏ và đứa nhỏ trong bụng. Chồng nó xuống hầm hơi chậm nên bị miếng bom phang ngang xương sống đứt làm đôi, còn ngoại tôi bị một miếng nhỏ xiu trúng ngay tim.

Lần cuối cùng khi tôi đi, tôi có dặn ngoại đừng có lên vườn mà bom pháo nổ không về kịp. Bữa đó ngoại tôi bung một thúng tro lên đổ gốc mận cho kiến hôi không tới đuổi kiến vàng đi.

Tôi theo cách mạng để nhìn thấy những cảnh nát đất, nát nhà và nát cả tim. Cách mạng dần dần đối với tôi trở thành vô nghĩa và thù hận.

Một buổi sáng tôi thức dậy như thường lệ. Tôi ra bờ ruộng ngồi nặn kem Hynos sữa soạn khoác nước súc miệng thì có một bóng hồng lướt qua. Quái nhỉ. Ở đây sao còn sót một nàng tiên như thế này. Chẳng lẽ tôi quá mạnh. Tôi đánh răng xong vào, hỏi má Bảy:

- Ai vậy má?

Má vọt miệng nói ngay:

- Cháu tao chó ai.

- Ủa, sao lâu nay con không thấy.

- Nó học trên tỉnh chó ở nhà đâu mà mày thấy được? Ở trên lộn xộn quá, nên tía má nó không cho trở lên nữa.

- Qua chiến dịch rồi đâu có gì lộn xộn nữa má.

- Ai chắc được. Thời này ở đâu cũng không yên. Ở thành thì mấy ông bộ đội đánh vô, còn ở ruộng thì lính đánh ra. Dân ở giữa chạy đàng nào cũng không khỏi.

Thấy má Bảy hơi ngời buồn về cái chết của thằng Rô, nên tôi bắt chuyện:

- Ít lâu đây rồi yên hết má à. Cỗ thằng Rô Con lớn lên sẽ được đi học.

- Thôi đi mày ơi! Người ta hứa một trăm lần rồi. Không có lần nào đúng hết. Bây giờ tao nghe ai hứa tao để ngoài tai.

Hai mẹ con đang trao đổi ý kiến về cách mạng

thì một ông cán bộ bước vào. Đó là ông Trần Thành, phó bí thư xã Ủy, cháu kêu má bằng cô. Còn ông Xã Ủy, kẻ hội ý cùng tôi “*vụ trật dẫu*” thì lặn luôn không dám tới.

Thấy Trần Thành bước vô, má bỏ vào buồng. Trần Thành nói chuyện với tôi một chập rồi cất tiếng:

- Cô Bảy! Bữa nay ngoài xã làm lễ truy điệu, cháu thay mặt Xã Ủy tới mời cô ra dự.

Má làm thính. Trần Thành tiếp:

- Bữa nay làm long trọng chớ không phải đơn sơ như mấy lần trước. Có tỉnh xuống dự. Sau đó có văn công biểu diễn.

Má vẫn không trả lời. Trần Thành bèn tỏ sự quan tâm của cách mạng đối với gia đình tử sĩ, tiếp:

- Vợ con của thằng Rô được Mặt Trận lo. Con nó sau này sẽ đi học Liên Xô Trung Quốc. Cha hy sinh con hưởng. Cô đừng buồn. Chiến dịch đánh vô thị xã vừa rồi bộ đội hy sinh đông lắm. Cả bốn năm chục chớ phải mình thằng Rô đâu. Gia đình anh Sáu có đến ba đứa hy sinh. Thiệt là oanh liệt. Tổ Quốc ghi công, còn Mặt Trận sẽ phát bằng “*gia đình vẻ vang*” cho cô tại buổi lễ.

Má bước ra xỉ mặt Trần Thành:

- Nó chết cũng tại mày.

- Nó yêu nước thì nó đi tòi đâu có xúi biểu gì.

- Ngày nào mày cũng tỉ tê cho nên nó mới bỏ vợ con nó đi. Bây giờ đó, mày làm mày nuôi vợ con nó.

- Tôi hứa với cô, cô ra dự lễ là cô phấn khởi liền.

- Mày làm sao thằng Rô sống dậy thì tao đi. Tụi

bây khôn lắm. Con cái của bây bây giấu trong bụng còn con cái người ta thì bây xúi đi cho chết. Mày với thằng bí thư bí thiếc gì đó đều học một sách. Dân công cũng không, bộ đội cũng không. Ai chết chó con cái bây đâu có chết mà bây lo. Còn thằng nhỏ mới biết đi đó, xúi nó đi bộ đội luôn cho mát bụng bây. Tao đã nói với bây gây lười. Là tao có một đứa con trai, để nó ở nhà làm lụng nuôi tao, để con nối dòng cho dưỡng mày, mày nhất định đẩy cho nó vô bộ đội. Vinh quang lắm. Bây giờ mày ăn cho hết cái vinh quang đó đi. Tao không có đi dự lễ truy điệu truy điếu gì hết, đừng có mời mất công.

Trần Thành đành tiu nghỉu ra về.

Đường mới ai ơi đời mới

Tuổi thanh niên như nàng xuân đang reo cười

Nghe nhựa sống dâng trào

Đời mới ai ơi lòng ta sục sôi với tuổi hai mươi

Yêu mến vàng ý Bác Hồ

Vượt qua bao gian khổ.

Tội Lưu Hữu Phước lớn lắm vì những bài hát loại xúi giục này. Thanh niên chết ngập Trường Sơn vì bài hát này. Trần Thành về rồi má nói với tôi:

- Tụi này gian lận dữ lắm. Nó nắm chỉ thị nên khi nào sắp bắt dân công hoặc kêu thanh niên tòng quân thì chúng nó cho con cái giả đau hoặc đi “*thăm ngoại thăm nội*” đến hết đợt bắt mới về. Gia đình tụi nó có sút mẻ chút nào đâu!

Rồi má quay lại chuyện nàng tiên lúc nãy:

- Con nhỏ coi được đến. Dòng họ của ông Bái Khải. Tao có bà con với bà nội nhỏ sắp này nên tụi nó cũng kêu tao bằng bà. Dòng họ này cũng đi hàng hai, một cánh ở Sài Gòn, có đứa làm tới bác sĩ, có đứa dạy học hoặc làm *phạm-nhe* (lâu lắm tôi mới nghe tiếng phạm-nhe (y tá) - Tây gọi là infirmier). Còn một cánh theo giải phóng mạnh lắm. Thằng thứ sáu có tới ba đứa con đi bộ đội. Kỳ trước truy điệu một lượt hai thằng. Vợ nó ngắt xiu, nhưng không tồn cho hai thằng đi tiếp. Nó choàng vải dù mang ba lô đi qua đi lại đường này hoài. Còn một thằng thứ hai cũng có con đi làm gì trên tỉnh lớn lắm!

Tôi chưa kịp nói gì thì má tiếp:

- Mấy bữa mày viết rồi *đắm già* tới mày bỏ quên giấy trên bàn, con nhỏ tới nó lên đọc. Hai ba lần như vậy, lần vừa rồi nó ra đây, nó không thấy mày, nó mới hỏi tao vậy chớ mày làm gì? Tao bảo nó là cán bộ giải phóng chớ còn làm gì nữa mà hỏi. Nó hỏi giải phóng mà ngành nào? Tao nói tao thấy nó viết viết tới ngày và có cả thùng giấy, chớ tao không biết nó làm gì. Trước đây có một thằng ở đầu trên R xuống định "*quây phinh*" thằng Út Bùi bên cạnh. Hai đứa nó bàn việc làm *phinh* với nhau.

- Rồi cổ nói sao, má?

- Nó nói mày làm thơ phú gì đó phải không? Tao hỏi sao nó biết? Nó nói nó có đọc tờ giấy trên bàn. Mày viết Bến Tre gì đó.

- Dạ "*Bến Tre xanh mãi bóng dừa*".

- Ừa, hồng chừng đó đa! Mà thôi nói gần nói xa

hồng qua nói thật. Mà chịu con nhỏ không? Hễ chịu thì tao mần mai cho. Mà ở đây lâu nay trong vùng ai cũng biết, không có mang tiếng mang tằm gì.

Tôi không thấy mặt mũi cô nàng nhưng đoán chắc cô cũng khá gái. Dù gì người ta cũng là học sinh thành phố chó đâu có lộn bần đang nắng dầm mưa như mình. Nhưng còn dè dặt

- Ở thành khó lắm má ơi!

- Khó cái gì mà khó! Má hỏi thiệt con, con ra ngoài Bắc, con không có vợ có con gì hết phải không?

- Dạ không.

- Có dính với cô nào không?

- Dạ cũng không.

- Chắc phải không?

- Dạ con đâu có dám nói dối với má!

- Mà là con nhà tử tế. Thấy cách ăn nói đi đứng của mày tao biết mày là đứa đàng hoàng. Có mấy thằng về đây đòi hỏi mẹ cưới vợ. Cưới xong thì lòi cái mặt lười gặt ra.

- Bộ bà lớn ở ngoài đó đi tàu lặn vô được sao má?

- Không phải bà lớn bà nhỏ nào vô đây, mà tụi bạn của thằng đó bắt nhờ nói lộ ra.

- Cái tuồng đó ở ngoài Bắc kia mới có nhiều má ạ. Chớ trong này dù có cũng chỉ lai rai thôi.

- Ở Bắc sao có nhiều vậy?

- Dạ mấy bà phụ nữ trong mình hay gác máy bay. Thấy mấy cán ngoài Bắc vô trong này được bọn cùng phe cấp cho ghe bốn chèo, có *xây lỗ cổ* theo hầu hạ, thì mê, không điều tra kỹ lưỡng, a thần phù nhào vô

hốt đại. Trời bắt dung gian đảng về ngoài đó đựng bà già trâu! Thôi bỏ đi má ơi, nhắc tới mấy chuyện đó nhức đầu dùm chị em ta lắm.

- Ủ vậy mày đã biết phải quấy, thì tao tin, tao làm mai cho.

- Cha mẹ con ở ngay dưới Cầu Mống kia mà, lo gì má! Con gạt ai chớ chẳng lẽ con dám gạt cả má và cha mẹ của con.

Má Bảy hỏi gặng:

- Mà mày chịu con nhỏ thiệt không?

- Dạ... phần con thì xong rồi. Chỉ sợ người ta không ưng con thôi!

- Thời buổi chiến tranh chết chóc này, con gái lớn lên là cha mẹ mong gặp mối gả liền, chẳng có ai muốn giữ trong nhà làm gì. May mà con nhỏ chạy về được chớ nếu kẹt ở trên thì đạn lạc tên bay không biết đâu mà tránh. Bởi vậy ba má nó không có cho trở lên học nữa.

- Dạ nếu cô ta đòi đi thì làm sao?

- Ông già nó nghiêm lắm, nói không là không. Mày muốn coi mặt nó cho rõ không?

- Dạ... nhưng mà làm sao, má?

- Mày biết con chị nó ở ngoài chợ không? Con nhỏ có tiệm vải ngoài chợ sát vách tiệm con xẩm lai đó.

- Ủa, chị của cô ta?

- Đó là chị Hai, nó thứ Ba. Chị nó sao thì nó như vậy. Hai đứa đứa nào cũng ngộ hết. Để bữa nào nó đi đánh lá mía, tao kêu qua đây cho mày nói chuyện.

Nó ở thành, dạn dĩ chó không có nhát như con gái vườn đầu.

Tôi có thấy chị Hai của nàng bán vải ngoài chợ.
Tôi hỏi:

- Học sinh thành mà cũng chịu làm vườn nữa sao má?

- Học thì ở trường về nhà phải làm công việc giúp cha mẹ chứ!

Một bữa thấy cô nàng thấp thoáng bên bờ chuối, má gọi:

- Cháu ơi! Cháu qua đây bà mượn làm dùm chuyện này chút!

Tôi đang viết, quay lại thấy má nháy nháy và trở tay ý bảo vô buồng trốn. Tôi làm y theo lời. Chập sau nàng vào nhà. Má hỏi:

- Cháu có đủ người đánh lá mía không?

Nàng đứng ở góc ván trả lời chó không ngời.

- Dạ biết bao nhiêu mà đủ bà Bảy. Cháu làm được tới đâu hay tới đó.

- Để bà kiểm dùm cho một công, cháu chịu không?

- Ở đây đâu còn người mà bà kiểm. Người ta bị bắt dân công chưa có về.

- Cháu không sợ họ bắt à?

- Họ chê cháu ở thành không xài đâu!

Hai bà cháu nói chuyện bằng một tờ giấy trên bàn bị gió thổi bay xuống đất. Tờ giấy cũng khôn thật, nó đáp xuống nằm trên bàn chân nàng. Nàng nhặt lên rồi vừa đi vừa xem. Đến mép bàn nàng dừng lại và

mãi mê đọc không trả tờ giấy lại chỗ cũ. Đọc hết tờ này, nàng định lấy tờ kia, nhưng giật mình quay lại:

- Ai viết vậy bà Bảy?

- Thằng cán bộ ở trong nhà tao chó ai.

- Ủa, giải phóng mà cũng biết làm thơ nữa sao?

- Ai biết đâu. Tao chỉ thấy nó ngồi nó viết tối ngày. Hễ có chụp thì nó xếp lại. Chạy trở về thì viết tiếp. Cháu đọc cái gì trong đó?

- Dạ đây là bài thơ “*Bến Tre xanh mãi bóng dừa*”. Đoạn đầu đầu mất, chỉ có đoạn này thôi. Hay lắm bà ơi. Bà muốn nghe không, cháu đọc cho bà nghe.

- Nhưng chắc cháu đọc nghe hay không bằng nó đâu!

- Nó nào bà?

- Thì thằng đó chó nó nào. Để chút nữa nó đi quán về, bà biểu nó đọc cho cháu nghe. Nó còn đây thùng đạn lặn chó không phải có mấy tờ đó đâu. Ở đây chờ một chút.

Nàng ngẫm nghĩ một hồi, để tờ giấy xuống mặt bàn rồi nói:

- Thôi thôi bà Bảy ơi! để cháu đi đánh lá mía.

- Ừ đi thì đi, rồi mai qua đây tao nhờ làm công chuyện. Nãy giờ tao quên mất.

Nàng chạy vụt qua bờ mía. Tội bước ra. Má hỏi:

- Đó mày coi rõ con nhỏ chưa?

- Dạ rõ rồi, má!

- Được không?

- Dạ con thì được rồi, không biết người ta có được không?

- Thông thả rồi tao tìm cách tao nói. Con người ta con gái, mình phải khéo. Mà mày nói phải chắc nghe!

- Chắc gì má?

- Chắc là mày chưa có vợ. Đừng có báo hại tao làm mai mắc họa đó.

- Dạ, con gốc gác ở đây, cha mẹ còn đủ. Cô con có chồng ở Ngãi Đăng. Họ ngoại con ở Cẩm Sơn, giáp ranh với xã này mà má. Con đâu có làm xấu dòng họ con được.

- Mày nói thì tao tin, nhưng phải cho chắc.

Hôm sau, cô học sinh ra đánh lá mía. Má gọi. Nàng lại sang và tôi lánh mặt trong buồng, nàng lại đọc thơ Bến Tre xanh thắm.

Lúc đó tôi không còn tâm trí nào dành cho Đồng Khởi nữa. Tôi cứ làm thơ. Tôi chen thơ tình vào trong đó. Tôi đưa bóng dáng nàng học sinh vào thơ. Rồi tôi tâm sự luôn với nàng.

Con chim bay khắp trời xanh

Hôm nay trở lại cội cành vườn xưa

Cô đơn tiếng hát trong mơ

Có ai đáp lại thành thơ với mình?

Ai quen sống chốn thị thành

Về quê có gặp bạn tình hay chẳng?

Mẹ già quơ củi sau vườn

Hoa cau rụng trắng bờ nương nước đầy

Sớm trông chiều ngóng chân mây

Con đi biệt từ ngày chiến chinh.

Trong một thời gian dài nàng hầu như có thói

quen sang nhà má Bảy để “*may rui*” không thấy tôi ở nhà, gặp thơ xanh thăm bóng dừa mà đọc. Bàn tay đạo diễn của má rất khéo léo. Một hôm nàng đang đọc thì tôi bất ngờ “*về tới*”.

Má Bảy nói ngay:

- Cháu tao nó mới tới đó. Nó thấy giấy rớt dưới đất nên nó lượm lên dùm.

- Cảm ơn cô. Tôi đi lại quán mua trà quên giắt nên gió bay.

Nàng lụng khụng một chút rồi nói lí nhí trong miệng:

- Con đi à... bà Bảy!

- Ô, đi rồi mai mốt qua bà nhờ chuyện này.

Nhờ hoài nhưng không biết là chuyện gì. Còn tôi thì cứ làm thơ dừa xanh cả ngàn câu chớ không phải ít. Nói về giải phóng bao nhiêu thì mô tả nàng học sinh bấy nhiêu. Lần đó tôi viết hẳn một đoạn, bày tỏ ý muốn lập gia đình với nàng. Nàng vẫn sang và đọc như mọi lần.

Nhưng bỗng nàng không sang nữa. Nàng có đi đánh lá mía nhưng má gọi thì nàng lẩn tránh. Tôi hồn vía lên mây, lại... mùa rồi. Tôi không giấu được nỗi buồn từ khi vắng bóng hồng. Má Bảy an ủi tôi:

- Con gái mới lớn lên, nó hay mắc cỡ, hoặc ba má nó rầy rà, nên nó không sang nữa. Hai lẽ đó không biết lẽ nào. Để tao dò ý tứ nó xem sao.

Tình hình sau Mậu Thân càng căng tới. Không có ngày nào vùng này yên ổn. Cứ vài hôm lại chụp một phát. Lại còn thêm tiết mục mới là trực thăng soi. Ban đêm nó đang bay trên đầu, mình đi dưới đất hoặc bơi xuống, chạy đuôi tôm trên sông, yên chí lớn là nó không thấy mình, nhưng bất thành linh nó bật đèn lên sáng choang, con kiến bò cũng rõ. Nếu có bụi rậm thì lủi vào. Nhưng đi giữa đồng trống thì lòi lung. Nó xả súng bắn, hoặc tảo bạo hơn, nó đáp xuống chia súng bắt.

Ngoài ra lại còn có tin đồn quân Bình Định trở lại. Ruột rối như tơ vò. Một buổi chiều êm ả duy nhất từ mấy tháng nay, tôi đi tho thẩn trên bờ ruộng sau nhà má, mắt ngó về phía vườn chuối xanh trong đó ẩn nấp một mái lá. Dưới mái lá đó là bóng hồng thân thuộc lâu nay.

Tôi lẩm nhẩm bài *Lỡ Chuyển Đò* của Anh Việt.

Anh Việt là bạn của hai ông bạn nhạc sĩ của tôi thời kháng chiến: Thanh Cao và Thanh Sử. Hai bạn này thường nhắc đến Anh Việt (không đi kháng chiến). Đặc biệt hai bản nhạc bất hủ của Anh Việt được Thanh Cao và Thanh Sử chơi Hạ Uy cầm và *violon* còn tôi thì *solo* luôn. Hai bài đó được cán bộ kháng chiến rất mê. Đến nỗi trong tập nhạc cá nhân của thằng nào cũng có, cơ quan phải cấm nhưng càng cấm cán bộ càng hát lên dữ dội. Tôi chỉ còn nhớ được vài câu:

*Chiều vàng lại đem mong nhớ tiếc thương bóng con
đò xưa*

Và chiều chiều thôn nữ vấn vương...

Tôi bỗng bật cười khi hát, mình là khách lỡ chuyến đò vừa là nghệ sĩ. Nghệ sĩ lỡ chuyến đò. Chuyến này không phải là thứ nhất. Cả chục chuyến rồi. Chuyến nào cũng sắp sang nhưng rồi không sang được. Vì hoàn cảnh éo le. Nếu tình thế bình thường thì cha mẹ tôi đã có cháu lớn rồi. Khi tía tôi bằng tuổi tôi bây giờ thì tôi đã học trung học.

Chiều buồn mênh mông. Nhớ nhà, nhớ những kỷ niệm Hà Nội. Nhớ người đàn bà đã có chồng mà muốn ly dị chồng để yêu tôi. Chỉ cần thêm một bước nữa là thành. “*Em yêu anh như yêu mối tình đầu*” Ácxinha nhân vật của Cholókhov trong *Sông Đông Êm Dềm* có mối tình bốc lửa với một anh chàng đã có vợ là Gorigôri làm anh chàng này không dứt ra được. Đàn bà khi đã yêu thì tình yêu vô cùng quyết liệt. Chỉ đàn bà mới biết yêu và phục vụ tình yêu.

Tôi ngồi giữa đồng, không muốn vào nhà nữa, nhưng sức nhớ chiến thuật soi cá của trực thăng nên vội vã men về vườn. Vào nhà thấy má vừa đốt đèn, mặt má tươi rói:

- Mày đi đâu này giờ tao kiếm không được.
- Dạ con ở ngoài ruộng.
- Mai mày chuẩn bị đi nghe!
- Dạ chuẩn bị gì vậy má?
- Tìm người đi về móc gia đình.
- Chung quanh Cầu Mống bây giờ lính bủa vây đâu có ai đi lọt, má!
- Vậy thì làm sao?
- Có việc gì quan trọng vậy má?
- Chuyện của mày chớ còn chuyện gì nữa!

Tôi ngớ ra, má nói tiếp:

- Người ta chịu gả rồi, nhưng người ta đòi phải có người của gia đình mày đến.

Tôi ngẫm nghĩ một hồi rồi hỏi:

- Nhưng ai vậy má?
- Thì còn ai nữa? Thằng bác ruột nó biết bên gia đình mày. Tao nói hết gốc gác của mày thì bác nó bảo là tưởng ai chớ ông già mày là bạn đá gà của nó hồi trước. Nó còn xúi ông già con nhỏ: *“Tưởng ai thì còn điều tra chỗ chỗ đó thì nên gả!”*

Nghe má nói tôi tưởng chừng một cú sét đánh bên tai mà cái búa Thiên Lôi làm bằng một đóa hoa hồng. Nhưng gia đình đồng ý còn đối tượng thì sao?

Ít lâu nay tôi không còn trông thấy nàng thấp thoáng trong mấy bờ mía nữa. Tôi phải tìm cách gặp

nàng để xem tình ý. Nàng không sang nhà má Bảy, thì tôi phải đến nhà nàng, nhưng với lý do gì? Không có lý do gì cả.

Ngày ngày tôi cứ ngẩn ngơ. Vẫn ngồi ở bàn làm như sáng tác, nhưng sự thực thì chỉ “sáng tác” thư tình và thơ tình. Có khi cả chục trang viết xong mà không biết làm sao đưa. Nàng có mấy đứa em trai ra vào ngôi nhà lớn của nàng ngang nhà má Bảy. Ngôi nhà nay đã dỡ đi cột kèo xếp lại chỗ về Mồ Cày để gởi bà con giữ giùm. Trong nền nhà đó, ban đêm tôi lén đào chôn chiếc thùng tiểu thuyết của tôi. Trong vườn chuối của gia đình nàng, tôi cũng đã đào một cái hầm bí mật. Mấy đứa em nàng đi bắn chim, hái ổi tình cờ lại tìm thấy cái nắp. Chúng bèn kêu nàng ra xem. Tôi thấy thế bèn chạy sang. Biết là hầm mình bị lộ nhưng lại có dịp gặp nàng. Thấy tôi đến mấy đứa bé nhìn tôi bằng cặp mắt dò xét rồi lần lượt chúng lảng tránh. Tôi tưởng nàng cũng đi theo đám em, chẳng ngờ nàng đứng lại. Đây là cơ hội ngàn năm có một. Tôi hỏi:

- Sao lâu nay không thấy em ra đánh lá mía nữa?

Nàng nghiêm nghị đáp:

- Phải chờ một tháng mới có lá khô.

- Lâu quá vậy?

- Phải chờ, nếu sốt ruột thì lá non không đánh được.

- Bờ nào cũng vậy sao?

- Em đánh qua lượt hết rồi.

Tôi đã thủ sẵn một xấp cả chục lá thư nhưng

không dám đưa. Sợ người ta không nhận. May sao nàng lại hỏi:

- Anh có làm tiếp bài “*Bến Tre xanh thăm bóng dừa*” không?

- Có, đây nè, em có muốn đọc tiếp không?

Tôi vừa hỏi vừa đưa ra. Nàng hơi lưỡng lự rồi nhận xấp giấy từ tay tôi.

- Sao lâu nay em không sang nhà bà Bảy chơi nữa?

Nàng ngập ngừng một chút rồi nói:

- Em qua, bà nói chuyện gì kỳ quá hà!

- Chuyện gì mà kỳ?

Nàng đỏ ửng mặt, tay bút mấy chiếc lá ổi non vò nát mà không nói gì. Tôi hỏi:

- Chuyện gì, đâu em kể lại cho anh nghe với, được không?

- Bà hỏi em có chịu đi chợ Cầu Mống không?

- Chợ Cầu Mống thì cũng như chợ Cái Quao, chợ Mỏ Cây vậy chứ có gì mà kỳ.

Nàng dậm chân nhè nhẹ:

- Không phải... ải. Bà có ý khác.

- Ý khác là ý gì?

- Mà thôi bỏ qua đi. Em nhờ anh giúp chuyện này một chút.

- Chuyện gì nói đi!

Tôi mừng rơn trong bụng. Chuyện lên trời xuống biển gì mà không nhận? Nàng nói:

- Ở xã muốn em dạy học. Em biết gì mà dạy. Nhưng ba em đã nhận lời rồi.

Tôi bảo:

- Em dạy được mà. Trẻ con ở thôn quê ít học lắm.
- Em dạy gì nổi ba lớp một lúc. Em đâu có từng làm cô giáo.

- Em dư sức dạy mà. Em cứ bắt đầu, rồi anh giúp cho.

- Bộ trước đây anh có dạy học sao mà giúp?

- Không. Nhưng dạy con nít khó gì.

Nàng giờ xấp giấy ra liếc qua và nói:

- Thơ gì mà nhiều dữ vậy?

- Thơ của anh làm.

- Giải Phóng mà cũng biết làm thơ sao?

- Biết chứ.

- Vậy em nghe báo thành nói Giải Phóng rừng rú, dã man, ốm yếu ba người đeo một tàu đu đủ không rụng.

Nàng che miệng quay ngang. Tôi bật cười to lên rồi hỏi:

- Như anh vậy, em coi có dã man không?

Nàng cười và lắc đầu. Thỉnh thoảng nàng đi đâu về, ghé nhà má nói chuyện với tôi. Má thấy chúng tôi xưng hô “*anh, em*” với nhau ngọt ngào, bèn bảo cô nàng:

- Hôm rày tao thềm bánh mà không biết bánh gì, sẵn có cháu đây làm một món!

Nàng lắc đầu:

- Cháu không biết làm bánh gì hết.

- Ồ phải, con gái ở chợ, muốn ăn bánh thì đi mua.

Vậy thôi làm *keo bẹ chuối* ăn uống trà đồ đồ.

- Cháu cũng không biết nữa.

- Bà chỉ cho làm!

Rồi không đợi cô bé đồng ý, má lấy dao nạy đường mía trong hũ ra để trong soong chụm lửa và dặn:

- Cháu ngồi coi chừng để bà đi cắt ít cái bẹ chuối.

Thấy tôi đứng xớ rớ bên cạnh, má lại trách:

- Con trai không biết làm gì hết, nữa có vợ, vợ nó bảo nấu cơm kho cá không biết làm nó đánh đòn.

Tôi cười:

- Con nấu cơm giữa trời mưa còn chín đó má ạ!

- Vậy thì ở đó phụ với người ta nấu nước đường, đừng để cho khét.

Nàng cúi nhìn lửa, đôi má đỏ rần. Tôi rón rén ngồi xuống cách nàng xa xa. Thình thoảng lại rút một thanh bã mía khô đưa cho nàng. Nàng đưa tay lấy mà không quay mặt lại nhìn tôi. Thấy nàng nhận sự ngồi gần của tôi, tôi bèn nhích tới chút, rồi lấy chiếc muổng đưa cho nàng, bảo:

- Em khuấy lên cho đều kéo khét.

Nàng cũng làm theo tôi bảo nhưng vẫn không nhìn tôi. Tình yêu có mắt sau lưng. Tôi thấy trán nàng rướm rướm mồ hôi bèn đi lấy chiếc khăn của tôi đưa cho nàng:

- Em lau mồ hôi đi!

Nàng đưa tay quệt ngang trán chớ không nhận khăn. Tôi hơi bối rối trước sự từ chối nho nhỏ đó, định bụng tìm kế khác nhưng má đi vào, tay cầm một mớ bẹ chuối. Má bảo cô nàng:

- Để đó bà coi chừng, cháu đi ra cái tủ ngoài vườn lựa lấy vài cái dĩa đem vô đây đồ kẹo.

Nàng vừa đi thì má lại bảo tôi.

- Con ra phụ với nó. Chén đĩa để lộn xộn lắm. Không dám để trong nhà vì sợ cháy nhà tiêu hết. Mau lên, con trai gì không sáng trí.

Tôi hiểu ý má bèn nhanh nhẩu đi theo nàng. Chiếc tủ đứng giữa những bụi chuối. Nàng sợ rắn không dám chen vào. Tôi xưng phong thay cho nàng. Tôi lấy chén đĩa đưa ra nàng cầm lấy xếp dưới đất. Đến vài lần nàng vừa đưa tay ra để nhận thì tôi cầm chặt lấy rồi bắt thần tôi hôn. Rồi hôn luôn trên má nàng. Mặt nàng đỏ rần. Nàng lí nhí trong miệng:

- Bà Bảy thấy mét ba.

- Không thấy đâu.

- Bà ra kia kia.

- Bà không rầy đâu!

Tôi lại hôn lên má nàng những cái hôn thật dài. Chúng tôi không nói gì với nhau. Chúng tôi hôn nhau. Hôn chính là lời nói, lời thơ. Thơ nào, lời nào nồng nàn bằng những cái hôn mở ngõ một cuộc tình.

Chúng tôi đi vào. Má bảo nàng để ngừa những bẹ chuối trên ván lấy dầu dừa thoa lên và bảo tôi lấy muống múc nước đường đổ từ từ lên những bẹ chuối, với sự điều khiển của má, nàng cầm đũa khuấy cho đường kẹo lại. Má bảo:

- Kẹo tốt lắm. Vậy là thành rồi.

Rồi má xách cái soong ra ao cạo rửa. Tôi bắt ngay nên tìm cách hôn nàng. Tôi nhìn những vệt trắng trên tay nàng và hỏi:

- Tay em sao vậy.

- Lá mía cắt.

Tôi bất thần cầm lấy rồi hôn luôn. Rồi đưa lên miệng mút những ngón tay dính đường. Nàng đẩy nhẹ tôi ra:

- Bà Bảy vô kia!

Má nhắc lại lần nữa.

- Kẹo dẻo chó không loăng. Vậy là thành rồi!

Dám cưới của tôi thật gian nan. Quân Bình Định đã đóng lại chợ An Định làm rối loạn sinh hoạt khu giải phóng. Đường đi nước bước thay đổi hoàn toàn. Cơ quan đua nhau lùi. Những ông cán thận trọng biết hầm hố vùng này không còn tác dụng nữa, nên cạy nắp hầm gói vô ni-lông quảy sau lưng đi tìm địa điểm mới kiến trúc cái khác.

Nhà nhạc phụ tôi ở cách chợ chừng non hai cây số. Lúc bấy giờ tôi đang ở bên An Thới gần văn phòng Tỉnh Ủy và Phụ Nữ tỉnh. Tôi không thể rước gia đình ở Cầu Mống lên được vì ở dưới đó quân Bình Định cũng đã lấn chiếm, ngoại khó nhập mà nội thì khó xuất. Gần ngày đám cưới mà tiền không có để mua nữ trang cho cô dâu. Đã đành là dân giải phóng nghèo kiệt nhưng cũng phải giữ lễ. Tôi bèn mạo hiểm băng đồng về Tân Trung rồi len lỏi trong vườn về Minh Đức đến nhà ngoại tôi, cầu cứu với di

Năm tôi. Dì bảo em tôi lấy nữ trang cưới của nó đưa cả cho tôi và cho tôi một số tiền mua sắm thêm “*để bên đằng gái chê dòng họ mình*”. Tôi gọi đó đi Bến Tre mua thêm vài ba món cho đủ bộ.

Chị Sáu Hòa đoàn trưởng Phụ Nữ Giải Phóng Tỉnh đã từng mai mối cho tôi nhiều cô trong số cán bộ của chị, nhưng tôi không ưng cô nào. Do thế ngày nay nghe tôi cưới vợ là nữ sinh thành thì có ý không vui. Chị bảo:

- Nên coi lại thành phần.

Tôi trả lời nhỏ nhẹ:

- Bác vợ tôi có hai người con trai hy sinh. Cô của vợ tôi có con đi cán bộ tỉnh.

- Còn một cánh ở Sài Gòn thì sao?

- Gia đình vợ tôi ở trong vùng giải phóng không có liên lạc với “*họ*”.

- Để tôi xin ý kiến Tỉnh Ủy đã. Vì hiện giờ Tỉnh thay mặt cho R giải quyết việc hôn nhân cho cậu.

Tôi hơi nực nhưng cố nén lòng và lễ phép tối đa. Chị Sáu là Tỉnh Ủy Viên. Tôi quen hồi thời kháng chiến.

- Dạ thưa chị Sáu, mọi việc đã do hai bên gia đình chúng tôi xếp đặt cả rồi. Chỉ còn mời đại diện Tỉnh Ủy đến chứng kiến. Cá nhân tôi đề nghị chị thay mặt Tỉnh Ủy đến công nhận cuộc hôn nhân là đủ.

- Ngày nào thì em tiến hành?

- Dạ hai bữa nữa.

- Chờ đúng ngày sinh nhật Bác cử hành luôn cho đầy đủ ý nghĩa cậu à.

- Dạ tôi sợ tình hình không ổn. Nên ngày nào không có chụp dù thì ngày đó có ý nghĩa. Nếu đình hoãn sợ đám gái bắt bẻ.

Chị biết không có cách gì ngăn cản hoặc đình hoãn lễ thành hôn của tôi nên đành phải nhận lời đại diện Tỉnh Ủy đến làm chủ hôn đám trai.

Buổi lễ cử hành trong căn chòi tum hùm ở sau vườn nhà nhạc phụ tôi. Chủ tọa vừa tuyên bố lý do xong, cô dâu chú rể sắp ra tuồng thì trục thẳng tới. Từ xa đã thấy đèn rơi, chụp xuống đất dọc theo gân lộ đá tinh bị phá hoại từ 45 còn sót lại. Cả đám tiệc tắt đèn ngồi êm rơ, chờ cho trục thẳng biến mất mới thắp đèn lại, tiếp tục. Mặt người nào người nấy cắt không được hột máu. Cũng may, ngoài trục thẳng không có màn gì khác. Nếu cà-nông thụt thì không có đủ hầm để chun.

Đại diện Tỉnh Ủy đứng lên lặt bập vài ba câu vừa công nhận cuộc hôn nhân vừa chúc mừng đôi tân hôn. Rồi chàng rể trao tặng cô dâu một bó hoa do bà đạo diễn của đoàn văn công tỉnh sáng tác. Thế là kết thúc. Mỗi đại diện cơ quan đến dự được ông nhạc tôi tặng một cục thịt heo rồi mạnh ai nấy hối hả ra về.

Thế là tôi đã có vợ. Một biến chuyển lịch sử trong đời cách mạng châu rìa của tôi. Qua một sớm hơn một chiều tôi đã là chồng của một người con gái.

Khuya hôm đó đôi tân hôn phải dặt nhau bằng đồng qua An Thái hây còn chưa bị quân Bình Định thăm viếng. Ông nhạc tôi bảo vợ chồng tôi đến nhà ông Ba Còn là người quen để ở đậu. Ông Ba Còn tuổi

chỉ bằng ông nhạc tôi nhưng ông để râu dài như cụ Hồ. Nghe vợ chồng tôi đến, ông sốt sắng kêu các con trai khiêng bàn ghế, giường ngủ đến ngôi nhà trong vườn của ông cho vợ chồng tôi ở.

Ngôi nhà ba căn đầy đủ tiện nghi, nhưng theo thời trang bây giờ thì không dùng được. Vì nó ở trong vườn, mà vườn là mục tiêu của bom pháo. Cho nên gia đình ông cất chòi ngoài ruộng để ở tạm. Của đáng tội chòi cách nhà chừng trăm thước. Tuy vậy, ông yên tâm là khỏi bị trực thăng và đâm gia để ý.

Gia tài của cặp vợ chồng mới gồm có cái ba lô bao tử trâu của chồng, và cái xách tay bằng ni lông trong đó đựng vài bộ bà ba và một ít đồ tế nhuyễn của vợ. Thế là hết. Nếu muốn kể thêm thì còn vài món khác như đôi dép bắt heo và cây K54.

Vừa đặt ba lô xuống là tôi đi rào sau vườn để nghiên cứu những tử điểm và sinh lộ. Sau nhà là Rạch Cái Chát không rộng lắm, nhưng nếu ai không biết bơi thì nhảy xuống đó sẽ bị bà thủy mời dễ dàng. Hai bên bờ rạch là lá dừa nước um tùm. Nếu trực thăng nhảy giò ở trước ruộng thì tôi có thể vọt qua rạch dòng một hơi đến “*vuong quốc Thành Thới*” một vùng tiếp giáp với bờ sông Cổ Chiên và bên kia sông là tỉnh Trà Vinh: Thành Thới có rất nhiều vùng đất hoang rậm rì, có thể làm nơi cho tôi dung thân vạn đại.

Nhìn qua địa thế hiểm trở, tôi lấy làm an tâm xây tổ uyên ương trong ngôi nhà bỏ hoang này. Đoán chắc tình hình thay đổi làm cho vợ tôi suy nghĩ bâng

quor và buồn bực, tôi bèn lấy hết lập trường cách mạng ra để công tác chính trị cô nàng. Nhưng vợ tôi cười vui vẻ:

- Em đâu có sợ lính quốc gia mà anh lo dữ vậy! Em gặp họ hoà. Họ có gì đáng sợ đâu.

Tôi mừng rỡ, nói tiếp:

- Dần dần rồi em sẽ quen với đời sống lưu động của anh.

- Anh không phải ngại gì cả. Anh đi đâu em đi đó. Em biết trước cuộc sống của anh rất cực khổ nhọc nhằn nhưng em vẫn yêu anh. Em chấp nhận cuộc sống của anh và coi đó là cuộc sống của em.

Được lời như mở tắc lòng, tôi hôn nàng say đắm. Ở đây chúng tôi sống tiếp tuần trăng mật, hầu như quên lãng cả thế giới bên ngoài.

Không ngày nào dài bằng ngày chúng tôi

Không đêm nào ngắn bằng đêm chúng tôi

Không ngày nào ngắn bằng ngày chúng tôi

Không đêm nào dài bằng đêm chúng tôi.

Bây giờ tôi không sáng tác Đồng Khởi mà cũng không làm thơ *Bóng dừa xanh thắm* nữa. Không bóng nào xanh thắm bằng mắt, tóc của nàng.

Anh yêu em tuyết phủ

Anh yêu em sông dài

Anh yêu em núi một

Anh yêu em đôi hai.

Bài thơ dài vô tận còn nằm trong lòng tôi chưa

viết lên trang giấy. Một hôm trong lúc yêu nhau tôi nói với nàng:

- Hai mươi năm sau con đầu lòng chúng mình sẽ đỗ tú tài.

Chúng tôi đã thực hành được lời hứa này. Lúc nào yêu nàng tôi cũng nghĩ đến đứa con mà chúng tôi sẽ có. Để cha mẹ tôi ẵm bồng nâng niu. Đó cũng là cách tránh khỏi cái tội bất hiếu của tôi.

Bỗng một hôm Tư Mô đến thăm tổ uyên ương của chúng tôi. Vợ tôi nấu đãi anh một tô mì gói. Loại mì này chúng tôi dự trữ hằng khối trong nhà để phòng khi ứng dụng, nhất là khi có chụp thì nàng nhét hai ba gói vào trong chiếc túi con cho tôi đắp đầu gối để chạy cho khỏe. Tư Mô húp xong tô mì rồi chậm rãi móc trong túi ra nào là tiêu tôi hành ớt tương chao nghệ ngải bày đầy một bàn, tỏ vẻ tìm kiếm.

- Anh tìm cái gì vậy?

- Công điện ở trên Tiểu Ban R.

- Nói cái gì?

- À, đây rồi. Hồi này tôi dùng gói bột ngọt... Ở trên bảo mình về gấp.

Tôi ngăn người ra hỏi lâu mới đọc:

"Tiểu Ban Văn Nghệ R gọi Tỉnh Ủy Bến Tre, Tư Mô và Hai Bui về gấp. Tư Siêng."

Tôi đưa cái công điện lại cho Tư Mô. Anh bảo:

- Chú tính thế nào?

- Về gì được mà về!

- Quân áo Đen đóng lan ra tới Ngã Tư Giồng Vồ rồi.

- Anh đi ngã nào tới đây?

- Chẳng biết ngã nào mà nói, cứ nhắm hướng càn đại tới!

- Sao anh biết vợ chồng tôi ở đây.

Tư Mô cười:

- Bây giờ có vợ rồi ăn nói mạnh miệng ha! Tôi có đến nhà ông nhạc chú. Ủa thím Hai đâu rồi? Ông nhạc chú gọi cho chú thím vài thùng đường mía.

Tôi kêu lên:

- Làm sao anh vác nổi. Mỗi thùng 50 kí lô lận mà!

- Đường đã đổi ra tiền nên nó nhẹ hoe thôi, chú nó!

- Ba má tôi mạnh hả anh Tư?

- Mạnh hết. Nghe gia đình sắp dời lên Mồ Cày ít lâu lính đóng đồn xong sẽ về. Bây giờ lúc tranh tối tranh sáng, bom đạn mệt lắm.

Vợ tôi vốn quen tánh anh Tư, hễ ngồi lại là hút thuốc uống trà, nên đã nấu nước sôi. Anh Tư lấy trà ra bỏ vô bình:

- Ở trên R uống trà con khi học máu, xuống đây cũng gặp nó, cho nên chúng mình lúc nào cũng chạy học máu mồm...

Vừa uống trà chúng tôi bàn thêm về bức công điện. Anh Tư nói nhỏ với tôi:

- Có lẽ Tỉnh Ủy báo cáo lên trên.

- Báo cáo gì anh?

- Vụ vợ con của chú sao đó, biết đâu!

Tôi phát cáu nhưng anh nháy tôi bảo giữ lại kẻo cô nàng nghe. Tôi nói to:

- Đường dây chắc chắn là đứt hết. Bây giờ giao liên chạy tán loạn, dễ gì mà tìm được trạm.

- Đó không thành vấn đề.

Anh lại móc đưa một tờ giấy khác, bảo:

- Chú đọc đi!

Thì ra cái “*thông báo*” của văn phòng Tỉnh Ủy cho hay sẽ cắt sinh hoạt phí của chúng tôi. Thật ra số tiền đó không đủ mua dấm nấu một nồi canh chua. Lâu nay về đồng bằng tôi sống nhờ sự tiếp tế của gia đình nhiều hơn. Nhưng sự cắt sinh hoạt phí này có tính chất đe dọa bắt buộc chúng tôi phải cuốn gói, chết sống bằng Đồng Chó Ngáp về R.

Anh Tư vừa nhấp trà vừa bình luận:

- Đi thì không thể, ở không xong.

- Mình cứ coi như không có cái công điện này.

- Giỡn hoài chú nó!

- Theo anh thì phải quyết định như thế nào?

Tư Mô ngồi làm thinh. Anh đã trải qua quá nhiều éo le trong cuộc đời đi theo cách mạng của anh nên gặp chuyện gì dù phật ý đến đâu anh cũng phản ứng rất nhẹ nhàng, khác hẳn với tôi. Có lẽ Tỉnh Ủy đã báo cáo vụ tôi cưới vợ chẳng? Tôi vụt nhớ chuyện bác Ba Lắm Bình Xuyên. Ba Lắm là một trong những ông tướng chỉ huy đánh trận Cầu Mống ở làng tôi. Khi ra Bắc, tôi nghe bác bỏ phục viên với chức “*đại đội phó*”. Suốt chín năm không được đề bạt một cấp nào. Tôi gặp bác tại nhà bác gái ở gần Cầu Long Biên. Tôi nhắc chuyện xưa. Bác lắc đầu:

- Thôi cháu ơi! Dân Nam Bộ mình bị hố rồi, nhớ chuyện xưa chỉ thêm đau lòng!

Lúc đó bác đã ngoài năm mươi mới cưới vợ. Bác

gái là một bà tu sản có phước cho mướn, có con phục vụ chế độ: một là bác sĩ, một là diễn viên kịch nói. Thế nhưng bác bị ban tổ chức trung ương qui cho cái tội “mất lập trường”.

Bác nói với tôi:

- Chúng nó bỏ vợ lớn lấy con địa chủ thì cho là khuyết điểm sinh hoạt, còn mình lấy một bà góa bị tước đoạt hết tài sản thì bị qui là mất lập trường.

- Trường hợp của tôi thì sao? Sao thì sao. Mặc! Tôi không sợ gì nữa. Muốn kỷ luật gì thì kỷ.

Tư Mô rĩ tai tôi:

- Hai Tranh phó bí thư Tỉnh Ủy vừa bị bắn chết ở Đồng Chó Ngáp!

- Tin ở đâu vậy?

- Tin hành lang.

- Thằng chả đi đâu lên đó?

- Đi lên R để nhận chỉ thị cho tình thế mới gì đó!

Anh Tư nói vậy thì có nghĩa là không thể về, không nên về, đừng về.

- Tụi nó sẽ đóng bít hết Cù Lao Minh. Không biết rồi mình chạy đi đâu.

- Bộ đội không “gõ” được cái đồn nào hay sao?

- Chú không biết là trong Tết bộ đội mình bị thiệt hại bọn à?

- Nó sẽ bỏ vôi vò tới chợ An Thới. Mình lại phải đi khỏi chỗ này.

- Qua Thành Thới trú tạm ít lâu vậy. Ở đó có hai ấp An Trạch Đông và An Trạch Tây còn độc lập.

Sau đó anh tìm nhà một nông dân ở đậu, nhà ông

Năm Triều, ngày ngày bắt nhái, làm mỗi câu cua sinh sống, chớ không ở với chúng tôi. Anh không muốn quấy rầy cặp vợ chồng mới. Ngày nào tôi cũng thấy hàng đàn dân chúng cán bộ đi qua đi lại trước cửa nhà tôi, như kiến động ổ. Quả thật không bao lâu, quân Bình Định bỏ vôi vò An Thới. Tình thế bi đát vô cùng. Tôi định đưa vợ tôi về với gia đình ông nhạc để nàng lên Mồ Cày ở tạm. Như vậy thì càng mất lập trường. Nhưng vợ tôi không chịu đi.

- Anh đâu em đó!

Thế là vợ chồng tôi đành phải bỏ cái tổ êm ấm này chạy qua Thành Thới. Chỉ hôm sau là quân Bình Định chiếm luôn An Thới không có một phát súng phản ứng.

Tưởng rằng tìm được nơi hẻo lánh mà ẩn thân chẳng ngờ qua đó lại đụng đầu cán bộ lụp cụp. Càng rủi hơn lại chạm trán tên Nhái bén. Hắn có vẻ không bằng lòng nhưng chẳng dám nói gì. Vì đất này đâu phải của riêng ai.

Thấy tay chân mặt mũi vợ tôi không hợp với sinh hoạt nông dân, tôi phải tìm quần áo phèn cho nàng mặc. Ngoài ra tôi còn dặn:

- Nếu có gặp lính chụp thì em cứ nói em là cháu của Tổng Cường, dưỡng rể ở quận Hương Mỹ.

Nàng cười:

- Anh sợ lính chớ em không sợ đâu. Hồi trước em gặp họ hoài mà.

Chúng tôi may mắn gặp một anh bạn do Tư Mô giới thiệu. Đó là Ba Sơn, người ở thị xã Bến Tre. Ba

Son làm việc trong ban Điện Đài của Tỉnh Ủy. Ở cơ quan này còn có anh Hồng là con của cô vợ tôi. Anh Hồng có đến hỏi thăm chúng tôi qua loa rồi biến mất. Chúng tôi không nhờ cậy gì được. Một hôm Ba Son bảo tôi:

- Anh chị phải đi qua bên Cù Lao Bảo mới yên. Tỉnh ủy sắp *"lui ghe"* rồi.

Nghe câu nói đó tôi mọc ốc đầy mình. Cuối vợ xong, chưa gặp lại gia đình, cũng không cho vợ về thăm. Vợ tôi làm sao vượt sông Hàm Luông nổi? Cô nàng có chịu bỏ xứ mà đi lưu linh như tôi không? Qua đó tứ cố vô thân, lấy đâu làm nguồn tiếp tế?

Nhưng may quá, nàng vẫn cương quyết *"anh đâu em đó"*. Thế là cuộc trường chinh bắt đầu. Ba Son cũng có một cái *"rò-mọc"* đeo sau lưng như tôi mà lại đang trọng tải *"một trái bầu"* khá to. Đường đi thuộc lòng do Ba Son hướng dẫn trên con đường *"Ba bước lội"* (nói nhại tên xã Đa Phước Hội) không có khúc nào khô ráo được vài thước, toàn bùn sinh và cầu kỳ quá gồ. Nhưng vợ tôi cũng cố mím môi mím lợi mà lội với tình cảm *"Chàng đi theo nước, thiếp theo chàng!"*

Riêng tôi đã phải vượt sông Cửu Long năm bảy lần rồi, bây giờ thêm một lần nữa cũng chẳng sao. Trước khi bốn ông bà xuống chiếc ghe tang thương, anh giao liên khai thông tư tưởng bằng một giọng lạnh như tiền:

- Bến này đã bể. Đắm già vừa phóng pháo hôm qua. Chúng tôi đi chuyến này là chuyến chót. Đuôi

tôm chạy không bảo đảm. Nếu ra giữa sông mà chết máy thì yêu cầu các đồng chí bơi tiếp. Nếu đắm già hoặc trục thăng tới thì các đồng chí tự lo liệu lấy...

Chúng tôi đành cắn răng nhắm mắt mà bước xuống ghe. *Hành thuyền kỳ mã tam phân mạng*. Đó là thuyền bình thường, còn đây là thuyền giao liên thì thập tử nhất sinh.

Cũng may chuyển đi trót lọt. Lên bờ mạnh ai nấy vọt. Vợ chồng tôi đi theo vợ chồng Ba Sơn. Bà bầu đi lệt bệt. Vợ tôi thông cảm nữ giới với nhau nên đi kèm. Đây là đất Thạnh Phú Đông - Tân Hào quê hương của lực lượng võ trang tinh thời đầu kháng chiến chống Pháp do các vị tiền bối Hai Phải, Ba Kích, Năm Hà, Bảy Cống nhen nhóm và phát triển thành bộ đội lớn sau này thành trung đoàn 99.

Về đến nhà ông nhạc của Ba Sơn thì trời tối. Ông già làm gà đãi con gái, con rể trở về nhà và vợ chồng tôi. Sáng hôm sau Ba Sơn lên giồng tìm cho vợ chồng tôi một cái nhà bỏ hoang cách đó chừng hơn một cây số. Như vậy cũng ấm cúng. Có chạy thì chạy chung không đến đổi cô đơn.

Đây là nhà của anh Ba Dành. Cũng như ông Ba Còn bên An Thới, anh Dành bỏ nhà lớn ra ngoài đồng ở chòi. Anh có ba đứa con nhỏ, chị lại có bầu.

Xóm ấp không có trường trại gì hết nên anh gợi ý cho vợ tôi mở dạy học.

Một sáng kiến vĩ đại. Anh đứng ra sửa soạn lại ngôi nhà lớn cho vợ chồng tôi ở, phần còn lại thì dùng làm trường học. Thiệt là đơn sơ đến mức tối đa. Phòng của vợ chồng tôi dùng bằng vài tấm lá xé trống hốc không có cửa buồng. Bên trong chỉ có một bộ vật tre, dây mây bện đầu đứt hết. Tôi phải sửa chữa lấy, nhưng cũng may, bốn chân còn rất chắc. Đó là điều căn bản. Ngoài ra tôi đi tìm miếng ván làm cái kệ, ban đêm đốt đèn để lên đó cho bớt hoang vắng.

Nhà còn một cái cùi chén và cái bếp có chân cao khá tốt. Vậy là đủ. Cần gì hơn? Chiếu? Anh Ba cho một chiếc cũ. Gạo? Mỗi đứa học trò đóng một lít mỗi tháng. Có hơn ba chục em trai lẫn gái. Phân chia làm ba, bốn lớp. Đứa nào biết tới đâu dạy tới đó. Tôi hết sức lấy làm lạ, vợ tôi không tỏ vẻ phiền hà buồn bực chút nào. Nàng nấu cơm, xách nước, dạy học như công việc đã quen từ lâu.

Bà con lối xóm thấy cô giáo siêng năng, dễ thương thì cho dưa khô, mắm, rau ăn thêm. Tôi ít khi giúp vợ tôi phóng bài cho các em. Tôi chuyên trách một công việc khác vĩ đại hơn nhiều. Đi *chop cá tép* để ăn hằng ngày.

Dễ lắm. Tôi đi tìm một miếng lưới rách, chặt bốn cành tre sông và một khúc tầm vông. Lúc còn nhỏ ở nhà tôi vẫn thường đi *chop tép* ở các ao muơng. Bây giờ tái hành nghề chẳng khó khăn gì. Gần nhà anh

Dành có rất nhiều ao. Tối tối, tôi đi giăng lưới bèn, sáng dậy sớm đi gỡ cá rô đem về cho vợ làm rồi vác *chop* đi công tác. Gặp đàn bà đi chợ về, tôi xin vài nắm cám. Tôi vò vào đất sét quăng xuống ao. Một chốc gió *chop* lên, tép nhảy tung bùng coi mê mắt.

Ăn không hết đem phơi khô đập lấy ruột bỏ vô keo lâu lâu rử cán bộ địa phương tới rai rai lấy cảm tình. Xã Tân Hào đặc biệt có một ông phó bí thư không đi được mà chỉ lết tục gọi là Muời Lết. Chính Muời Lết cho phép tôi đóng đô ở đây và cũng tới lui giúp đỡ tôi việc này việc khác.

Anh kể rằng thuở bé anh cũng khỏe mạnh như trẻ con khác nhưng y tá của bộ đội Bảy Cống tiêm thuốc ở mông anh nè trứng *nerf sciatique* nên anh bị xụi luôn chó không phải bẩm sinh. Tuy kém “*cái bẻ chân đúng*” nhưng lại rất đất mèo. Một cô y tá và một cô con gái bà má Hai đeo y và có lúc ghen tương suýt choảng nhau. Người ta đồn rằng y có bùa hoặc ngón nghề gì đặc biệt, không rõ.

Nhờ gạo của học trò và cá tép trời cho mà vợ chồng tôi sống cũng qua ngày đoạn tháng. Một hôm vợ tôi nhớ nhà đòi về bên An Định. Hai đứa bàn rằng lính đóng đồn ở dọc lộ đá mình về sẽ lên vùng An Huy đồng rộng mênh mông tá túc ở nhà cô Hai của vợ tôi sống cũng được. Lính không bao giờ đi tới đó.

Hành lý đã gói ghém xong, vợ tôi chờ tôi đi móc với đường dây là lên đường hồi hương. Sự thực tôi không muốn đi vì liên lạc chỉ đưa mình đi tỉnh đi R chó không dắt tới các xã. Hơn nữa đồn bót mới

không biết lối nào mà tránh. Ngoài ra còn biệt kích ngẫu nhiên trấu. Cũng may hôm ấy trời mưa. Cô giao liên Tỉnh Ủy ghé nhà tôi đút mưa một cách bất ngờ.

Tôi đi tìm trạm giao liên không kết quả nên trở về nhà. Gặp cô ta, tôi hỏi thăm tình hình bên Cù Lao Minh. Cô cho biết quân Bình Định đã chốt Cầu Sập, Cầu Ông Ngò, Ngã Tư Giồng Võ, chợ An Thới, sắp sửa bỏ vùi xuống Tân Trung, Giồng Cui, Tân Huê. Như vậy là Mỏ Cà và Hương Mỹ được nối liền nhau bằng một hệ thống đồn bót đóng dọc trục lộ giao thông chính của anh. Vợ tôi nghe vậy bảo:

- An Huy chưa bị đóng thì không sao!

Cô liên lạc bên cho biết:

- Kỳ này nó chơi ác, đóng luôn An Huy, tại nhà bà Hai Sâm.

Vợ tôi giật mình lặng thinh hồi lâu. Tôi biết đó là nhà cô Hai, ngôi nhà lớn nhất vùng, có lần nhạc phụ tôi chở tôi lên đó ăn giỗ. Cô giao liên còn quơ tay:

- Tụi Bình Định ác thiệt. Nó đã làm xong con lộ từ An Thới lên Thành Thới nối liền Thom. Con lộ này được đắp cùng một lúc với ông Diệm xây ấp Chiến Lược. Mình phá ấp Chiến Lược xong phá luôn lộ. Bây giờ đã sửa lại xe máy dầu chạy rầm rầm. Nó vừa tổ chức chạy đua cả mấy trăm chiếc từ Mỏ Cà xuống Ngã Tư Cái Quao, vô An Thới lên Thành Thới lên Thom rồi trở về Mỏ Cà.

Tôi nghĩ bụng vậy là nó chiếm trọn Mỏ Cà rồi! Nhưng không dám nói ra.

Cuộc hồi hương đành hủy bỏ. Nếu lon ton về,

dám bị biệt kích bắn chết. Trước đó có một cán bộ của tỉnh đội tên là Phan Thảo vì hiềm khích nội bộ nên bị cơ quan cho nghỉ việc. Phan Thảo bèn về quê vợ ở An Thái. Về chưa tới nhà đã bị bắn chết.

Tình hình càng ngày càng bi đát. Một bầu không khí xám xịt bao trùm lên thôn xóm. Ai nấy đều tìm đường ra thành hoặc vùng Quốc Gia mới kiểm soát. Tôi cũng nghĩ tới việc đưa vợ về quê, không phải quê An Định mà là chợ Mồ Cày. Ở đó vợ tôi có rất đông bà con bên ngoại.

Một bữa, Tư Mô lại ghé nhà tôi. Tôi hỏi chận đầu ngay:

- Lại công điện R nữa hả bác nó?

Tư Mô giới thiệu một người tóc tai chân mày bạc phều:

- Đây là anh Hai Liêm trưởng ban Giáo Dục tỉnh.

Hai Liêm có vẻ hóm hỉnh. Anh nhìn quanh rồi nói:

- Ở đây nó thường đổ quân bốn chỗ. Giồng Đồng, Bào Sen, Giồng Chùa và Thạnh Phú Đông, chú em phải định trước con đường thoát. Đừng đợi nước tới tròn mới nhảy.

- Dạ tôi có nghiên cứu rồi anh Hai.

- Nghiên cứu cách nào?

- Dạ sáng sớm tôi ăn cơm xong thì lên quán bà Mười “*đóng quân*” lóng ngóng chờ chụp đăng chạy.

Thấy vợ tôi không có ở nhà, Tư Mô hỏi:

- Ủa, thím Hai đâu? Bộ chú gọi về nhà rồi hả?

- Cỗ tanh cơm tanh cá nằm trong bụng!

Tư Mô cười:

- Chú giỏi lắm! Ông già bà già chú có tương lai rồi. Chú muốn trai hay gái?

- Trai gái gì cũng được miễn tía má tôi có cháu bông thì thôi.

- Tôi cả thầy năm đứa. Mậu Thân vừa rồi mất một thằng đực, mà chết cháy thế mới đau!

Ba ông táo ngồi uống trà nói toàn chuyện trốn, chạy, lủi, chém về... Tư Mô nói:

- Lúc trước ở Thành Thới, tụi tôi bị một trái rốc kết cá lẹp phóng sém miệng hầm.

Hai Liêm xua tay:

- Cá lẹp bắn dai như trâu đá, còn phóng rốc kết thì một phát bốn trái. Vô phước kẻ nào bị nó phóng thì không còn miếng xương. Ở An Thới, anh út chủ quán gần chợ bị chụp bốn quả. Thấy ón quá trời.

Nhìn quanh nhà, chiếc võng lát rách nát mắc ở gần cửa sau, anh đi tới lấy chân đá đá và cười nhếch mép:

- Đây là cái võng *Mậu Thân*. Hi hi... vì nó chỉ còn có hai cái đầu, còn mình thì nát hết.

Bỗng nghe đầm già “*khảy đờn cò*” trên trời. Hai Liêm lại pha trò:

- Buổi trưa mà hòa nhạc kiểu đó chắc không ổn đó hai chú ơi!

Trông ra cửa nhìn lên trời và nói:

- Nó không liếc phía nào mà chỉ bay thẳng xuống Sơn Đốc.

- Nó quay lên rồi “*cáo... ùng*” mấy hồi.

Bỗng nghe oang oang từ trên trời vọng xuống:

Nghe đây! Hồ Chí Minh Đã Chết!

Nghe đây! Hồ Chí Minh Đã Chết!

Ba người dòm nhau, không hiểu, không tin ở lỗ tai mình.

Hồ Chí Minh Đã Chết!

Tiếng loa giữa không trung làm rồn tóc gáy. Hai Liêm sùng sốt:

- Chuyện gì vậy kia?

Tư Mô báo.

- Để nghe vài ba lần nữa coi!

Tôi lắc đầu:

- Rõ rồi, còn gì nữa?

Ba người ngồi êm rơ, dân tai nghe. Vẫn một giọng đó. Vẫn những tiếng đó vang vang cả bầu trời. Bỗng vài tờ giấy trắng lác lư loạng choạng rơi xuống trước sân. Tư Mô hỏi.

- Giấy gì vậy?

Tôi chạy vụt ra lượm rồi đưa lên mắt đọc. Cũng những chữ đó. Nhưng bây giờ không chỉ nghe mà đọc cụ thể hơn: "*Hồ Chí Minh Đã Chết!*" Bên cạnh những chữ đó còn có tấm hình lão già bị cái gạt treo lấp cả mặt. Và những dòng chữ li ti. Tôi vào nhà đưa cho Tư Mô. Hai Liêm vừa xem vừa lắc đầu:

- Có lý nào?

- Để chiều nay nghe BBC thì biết.

Tôi không nói gì, lấy đài ra mở liền. Tiếng nói quen thuộc vang ra từ đài Hà Nội, giọng buồn rầu kể lể:

- Đây là bản tin liên tục phát thanh từ Đài Tiếng Nói

Việt Nam! Hồ Chủ Tịch bị cảm nặng từ lâu, Trung ương Đảng đã hết lòng chạy chữa. Các lương y Trung Quốc, Liên Xô và các nước anh em cũng được mời sang để chẩn mạch cho thuốc cho người nhưng vì tuổi già sức yếu cùng với những năm tù đầy bôn ba liên tục, nên người đã từ trần hồi... giờ... phút ngày 3 tháng 9 năm 1969.

Một ủy Ban Tang Lễ đã được thành lập do đồng chí Lê Duẩn Tổng Bí Thư Đảng làm trưởng ban, gồm có các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp,... làm ủy viên. Linh cữu của Chủ Tịch Hồ Chí Minh sẽ quàn tại Phủ Chủ Tịch để các đoàn thể nhân dân và đại biểu các Đảng CS anh em trên thế giới tới phúng điếu...

Tôi vận nhỏ lại và nhìn Hai Liêm. Hai Liêm nói:

- Nhu vậy là có thiệt rồi hai chú.

Thấy tôi và Tư Mô không phản ứng gì hết, anh tiếp:

- Mình bị một cái *Mậu Thân* vừa rồi, bây giờ bị cú này nữa, thiệt là *mậu hẩu*.

Tôi nói:

- Kẹt cái là ổng “đi” gần trùng ngày Quốc Khánh.

- May mà ổng còn chịu nổi một ngày nên rơi vào ngày 3 tháng 9, nếu “đi” vào ngày 1 hoặc ngày 2 thì càng *mậu hẩu* nữa.

Tư Mô hờ hững:

- Trước sau gì cũng vậy thôi!

Hôm đó trở đi, ngày nào đầm già cũng ở trên mây loa xuống, “*Hồ Chí Minh đã chết*”. Lâu lâu lại đổi đĩa kêu gọi “*Anh em cán binh VC hãy quay về với chánh*

nghĩa Quốc Gia” kết thúc lời kêu gọi là cái điệp khúc “Chiêu Hồi hoặc là tử thần!”

Nghe mà run từng miếng thịt chớ không phải chơi!

Tư Mô và Hai Liêm ở lại tổng hành chòi của tôi chơi hai ba ngày luôn tiện cùng nghe đài Hà Nội và BBC về cái chết của ông HỒ. Trước khi từ giả chúng tôi, Tư Mô cho tôi một tin giật gân. Tư Mô hỏi tôi:

- Chú có người cậu nào làm ở Ban Tài Chánh Tỉnh không?

- Tôi chỉ có một người cậu đi kháng chiến với anh đó thôi!

- Ấy tôi gặp ổng, ổng bảo ổng là cậu của chú. Quê ổng ở Cẩm Sơn.

Tôi lẩm nhẩm một lát rồi gật:

- Nếu vậy ông là... con của mấy ông bà bên họ ngoại tôi nhưng các cậu đồng lứa tôi không biết là ai.

Tư Mô rí tai tôi rồi cười vang:

- Nếu vậy thì có lý lắm. Hiện giờ mình đang cạn “nguồn sống”. Trên R chơi vậy là hết đường tương chao!

- Chó chơi! Tôi ở luôn dưới này coi lão Tư Siêng làm gì?

Tôi vào buồng nói gạt vợ tôi là Tỉnh Ủy gọi đến có chuyện gấp. Vợ tôi vốn không muốn cho tôi đi đâu. Chỉ trừ buổi sáng đi lên giường nằm khểnh trong quán bà Mười chờ chụp thì nhảy. Ngoài ra tôi cũng không muốn bỏ vợ ở nhà một mình, rủi có chuyện gì biết nhờ ai?

Tôi xách chiếc túi con, giắt súng trong lưng rồi đi với hai ông già.

Hai Liêm rất rành đường đi nước bước nên dắt tôi và Tư Mô một buổi thì tới bờ sông Long Mỹ. Cây cầu sắt bị đánh gãy gục xuống sông, mấy cái trụ đứng chôn chân giữa sông ngóng cổ kêu trời không thấu. Hai bờ sông đầy những lá dừa nước như rừng. Hai Liêm trở qua bên kia sông bảo:

- Mấy giả đóng bên đó. Đi vòng thì xa lắm. Nhưng nếu bơi qua sông thì đặng ngay. Các chú muốn hành thuyền hay kỵ mã?

Tư Mô ngó tôi. Tôi hiểu ý, nói ngay:

- Nếu mấy ông đóng bên kia sông thì để một mình tôi “hành thuyền” cũng được.

Tư Mô móc trong túi ra con dao sáu lưỡi rất bén luôn luôn bắt ly thân cắt một cái bập lá ném cho tôi.

- Thuyền nè!

Tôi tự hào một cách cảm tử:

- Không cần!

Nói xong tôi giao đồ tế nhuyễn cho anh, cởi trần bận quần tiểu tay cầm quần áo rồi phóng xuống sông bơi như đua... kiểu sải, kiểu chó và kiểu trẻ con đập tằm vũng trong ruộng. Lâu quá không có dịp trở tài rái cá, nay mới gặp sông. Tư Mô thấy tôi bơi khá nhưng sợ tôi bị “vọt bể” nên ném cái bập lá chặn đầu.

Quả thật, anh hiểu sức khỏe của tôi đã bị Trường Sơn róc gần hết rồi. Đồng Chó Ngáp cạp cũng bộn bâng, về đồng bằng chạy đua mấy chục trận với

trực thăng, nay gặp con sông Lưu Sa Hà này sợ e khó vượt.

Tôi chỉ cảm thấy điều đó khi ra đến giữa sông, nước chảy mạnh. Nếu không có cái bập lá chắc phải vất vả và có thể bị tấp vào chân cầu. Nhưng cuối cùng nhà thể thao vẫn tới mé bờ. Tôi quay lại vẫy tay rồi buơn lên bãi lá lội lên bờ đi theo sự chỉ vẽ của Hai Liêm.

Quả thật tôi tìm được ông cậu tôi. Nhờ xưng tên tuổi mà hai cậu cháu nhận ra nhau chớ không ai biết mặt ai cả. Cậu hỏi tôi có về thăm quê cụ ngoại không? Tôi mô tả sự hoang tàn của các ngôi nhà ở Cẩm Sơn. Cậu nói:

- Tao biết lâu rồi. Nhưng làm gì được! Cách mạng là như thế cháu ơi!

Tôi hiểu sở dĩ người ta cho cậu giữ tiền của tỉnh là vì cậu thuộc thành phần phi vô sản. Không phải người ta sẽ lấy đất đai nhà cửa của cậu, vì còn đâu mà lấy, nếu cậu thắt kết, nhưng đây là vấn đề tâm lý. Các ngài địa chủ đã quen giữ tiền bạc nên khi ôm một bao đầy ắp không bị lóa mắt, còn các ông bần cố thì khó chưa từng thấy của, gặp bao bạc là ôm nhảy ra thành liên. Kinh nghiệm phổ biến cho thấy là thành phần bần cố tham ô bạc mạng cô hồn vượt các thành phần khác gấp năm lần.

Cậu hỏi tôi:

- Màý cần bao nhiêu?

- Biết bao nhiêu mà nói, cậu?

- Màý có biết là ở R ra lệnh cắt sinh hoạt phí của màý không?

- Dạ biết, đó là chuyện lâu rồi.

- Mới đây nữa ở trên vừa tổng thêm một cái công điện gặt gạo hơn.

- Nói gì trong đó cậu?

- Trên đó bảo Tỉnh Ủy không cho mày ở trong tỉnh nữa.

Tôi cười phì. Cậu hỏi:

- Mày mới cưới vợ mà có được tiếp tế của gia đình không?

- Cháu có gọi người về nhưng lính bao vây ngặt quá nên không ai đi tới nhà cháu cả...

Cậu nói:

- Tình hình này ôm tiền nhiều không có lợi, nên Tỉnh ủy bảo phân tán. Do đó tao nghĩ tới mày. Mày cầm bấy nhiêu đây về chia cho mấy ông bạn mày với. Nên đi hai người. Có bề gì giúp nhau, mày đi một mình nguy hiểm.

Cậu đưa cho tôi một gói bạc và hỏi:

- Vợ con mày bỏ ở đâu?

- Cháu dắt theo chó An Định bị đóng bót rồi. Ông nhấc cháu cũng chạy, cháu đâu có gọi vợ cháu được.

- Bây giờ nó ở đâu?

- Dạ ở bên Tân Hào.

- Tân Hào mà ở ấp nào?

- Dạ không biết ấp nào mà ở gần Giồng Đồng.

- Sao lựa chỗ nó hay chụp mà ở vậy cháu?

- Đâu có chỗ nào khác nữa cậu! Ở đây đâu có bà con dòng họ gì mà trú ngụ.

- Mày tới đây bằng cách nào?

- Dạ bơi qua sông.

- Trời đất! Rủi chết hụt làm sao? Để tao biểu tụi nó lấy xuồng đưa cho về.

Tôi đứng dậy tự hào lần nữa:

- Dạ cháu dư sức bơi qua cậu à.

Tôi trở về bờ bên kia và được hai lão tướng đón tiếp như một anh hùng thắng trận.

Hai Liêm cười móm mém:

- Mẹ kiếp ngồi buồn lại gặp chiếu manh!

Chúng tôi biểu ông bạn già một ít như một cách trả ơn chỉ đường, còn bao nhiêu chia đôi. Mỗi đứa được 16 ngàn trong khi gạo 30 đồng một lít. Trên đường trở lại nhà, tôi ghé quán ở Ngã Ba Giồng Chùa mua đủ thứ vừa thức ăn, thức nhắm xà, thức uống trà, thức phì phà và dầu Nhị Thiên Đường, cù là, kí-nin...

Từ Mô không quên mua một chục ống Tranquinol để hằng đêm xoa dịu thần kinh. Còn anh Hai Liêm thì mua một chục rê thuốc giống rọc cọng để thủ sẵn trong ba lô.

Về tới nhà thì thấy đèn đuốc đỏ rực, người ta lao xao. Hai Liêm hỏi tôi:

- Bộ ông bà nông dân lấy nhà chú làm điểm họp hành sao vậy?

Tôi pha trò.

- Đó là trường tiểu học hỗn hợp đó anh Hai. Anh có huấn thị gì không?

- Tiểu học gì? Sao tôi chưa hay? Huấn thị cái con khỉ già.

- Nó không nằm trong hệ thống Giáo Dục của anh nên anh không biết chó gì.

Khi vào nhà anh mới vỡ lẽ ra đó là lớp học của vợ tôi. Ba chục trẻ con chó ít ỏi gì! Nhưng để bảo đảm sinh mạng học trò lẫn cô giáo, lớp học phải tiến hành ban đêm. Không có bàn ghế, không có bảng đen, không có phấn. Mỗi đứa phải mang dầu đèn và một tấm ván nhỏ để kê trên bắp vế làm bàn. Tôi lấy

một tấm cửa ván dựng lên và vợ tôi có sáng kiến lấy than trong bếp thay cho phẩn.

- Rủi trục thăng soi, pháo bắn rồi làm sao?

- Thì cú nằm xuống, tắt đèn, sống chết phó cho trời.

Hai Liêm lắc đầu:

- Cái Ban Giáo Dục của tôi đến giải tán mất. Sự thực hiện giờ Ban Giáo Dục chỉ còn trên danh nghĩa. Toàn tỉnh đâu còn cái trường nào. Giáo viên thì đi bồi mía, gặt cấy mướn hoặc làm việc khác để kiếm sống, còn học trò thì cha mẹ bắt ở nhà hết ráo!

Ngày vui ngắn chẳng đầy gang. Vừa được tiền chiều nay thì sáng mai bị chụp to. Sư Đoàn 9 hành quân trên Cao Mên đuổi Việt Cộng hơi mệt nên tìm nơi dưỡng quân. Tôi nghiệp, xã Tân Hào được chọn làm nơi nghỉ xả hơi của họ.

Tôi đành phải chạy theo Hai Liêm và Tư Mô, bỏ nhà bỏ vợ mất ba ngày. Ba Dành là người tốt bụng nên thấy tôi vắng nhà thì đem vợ tôi về cải trang thành cô thôn nữ lọ lem ở chung trong gia đình. Một đơn vị của Sư Đoàn 9 đóng ngay trong vườn chuối của Ba Dành.

Khi họ rút đi, tôi mới trở về, bụng phập phồng lo sợ, không biết chuyện gì đã xảy ra ở nhà. Chẳng ngờ vợ tôi vui vẻ và tỉnh bơ kể chuyện lại với tôi:

- Lính Sài Gòn tinh mắt thiệt anh ạ!

- Tại sao?

- Họ hỏi em sao mặt mày sáng sủa vậy mà không ra thành ỏ? Em nói loanh quanh một hồi, một người

trong đám họ bảo: cô này là dân thành chó đầu phải dân nông thôn. Họ thấy con anh Dành nhăm mắt, họ cho pommade xúc.

Nàng kể tiếp:

- Họ bắt được ông Muồi Đồn ở Văn Công tỉnh với cây đòn kìm. Ông định leo lên ngọn dừa mà trực thăng bắn rất không leo kịp.

- Rồi làm sao?

- Khi biết được ông là Văn Công thì họ bảo ông đồn cho họ nghe rồi họ thả¹.

- Trời đất, thiệt à?

Chị Ba Dành thêm vô:

- Thiệt mà chú Hai. Cái ông đồn kìm đầu bạc trắng. Ông ngồi trên cối giã gạo ông đồn lẫn tẩn con nít bu lại như coi văn công. Ông đồn một hồi rồi ông chỉ huy cho gói thuốc biểu về nhà làm ăn đừng theo Việt Cộng nữa, kỳ sau bắt được không tha. Việt Cộng là ai vậy chú Hai?

Chị hỏi tôi. Tôi cười:

- Việt Cộng là ông Ba Dành hội viên nông hội đó!

Tôi dắt vợ tôi về nhà và móc trong túi ra cả nạm me chín lẫn me dốt. Lâu nay cô nàng thèm chua nên mỗi lần chạy, bận về, gặp me, khế, ổi, tôi đều xin đem về thưởng cho nàng. Cây me già ở Ngã Ba Giồng Chùa đã ban cho chúng tôi nhiều ân huệ nhất. Vợ Ba Sơn cũng đang mang bầu, nên thỉnh thoảng tôi lại nghe tiếng gọi từ ngoài đường vọng vô:

- Anh Hai ơi! Đi Giồng Chùa không?

Thì tôi biết đó là công tác trò me của hai thằng

đàn ông sắp được làm bố. Ba Son là người tốt bụng vô cùng. Lúc nào chạy chụp mà có y thì tôi khỏi lo đói. Vì vùng này toàn là bà con bên vợ y. Có nhiều bữa gặp đám giỗ, tha hồ bồi dưỡng cặp giò.

Thấy tình hình quá căng thẳng, tôi và Ba Son tìm chỗ đào hầm bí mật. Chúng tôi làm được một cái. Đất giồng, toàn cát, dễ đào, lại không ngập nước. Chúng tôi chỉ dùng có một lần. Đó là lần duy nhất trong đời tôi sống dưới hầm bí mật trong ba tiếng đồng hồ. Cũng may, lính chỉ đi qua. Nếu chúng đóng quân thì không biết cách nào chui lên. Nhớ tụi thằng Lê Anh Xuân và thằng Hồng Đức chết ngộp dưới hầm ở Long An mà ớn quá. Ba Son biết tôi có cây “cun” trong túi xách con nên dặn:

- Hễ bị moi thì mình bò lên chớ anh đừng bắn nghe anh Hai. Để mình sống mà nuôi vợ nuôi con!

Tôi bảo thăm: chú mày đừng lo tôi bắn. Nó vừa đến là tôi chui lên liền, không đợi mồi. Tôi mà bị bắt như Mười Đòn thì được tha tôi không về!

Tôi luôn luôn bàn với Ba Son nay mai lấy nhà bảo sanh ở đâu cho vợ đẻ? Ba Son cho biết y sẽ gọi vợ về gia đình ở thị xã Bến Tre. Y hỏi.

- Còn anh?

- Chắc cũng phải vậy thôi. Nhưng tôi gọi về Mõ Cày.

- Phải tính sớm đi anh ạ. Tôi coi bộ tình hình căng đến nơi rồi.

- Nó xoi tái xong Cù Lao Minh thì nó sẽ sang xào dòn Cù Lao Bảo chớ chạy sao khỏi.

- Bên này khu giải phóng hẹp hơn bên Minh nhiều.

Muốn có vợ thì đã có vợ. Muốn có con thì sắp có con. Còn muốn gì nữa. Còn nhiều chứ! Muốn cho vợ con an toàn, no ấm, muốn cho gia đình sống chung được một mái nhà không chồng Bắc vợ Nam. Làng tôi giờ đây nát như tương. Việc nhà việc nước không xong việc nào.

Số là tôi có hai thằng em, thằng Tâm con cậu Bảy, thằng Đức con dì Năm. Hai đứa thi rớt Tú Tài sợ ở lại Sài Gòn bị bắt đi quân dịch nên cậu và dì tôi giữ chúng ở lại nhà ngoại tôi, nhưng ở lại nhà thì lại bị Giải Phóng bắt dân công chiến trường nên một lần, hồi ngoại tôi còn tại đường, tôi về thăm nhà thì dì và cậu tôi gọi hai em đi theo. Không gì thì cũng nổi được chí của cha mẹ ngoài ra còn tránh được cái vụ quân dịch. Dân Miền Nam thời đó khổ thay. Sống giữa lưới đạn bom. Không biết phải tránh né bên nào. Theo Việt cộng thì ăn đạn Quốc Gia. Theo Quốc Gia thì xoi mã tấu Cộng Sản.

Cậu Bảy tôi đã từng tham gia kháng chiến chống Pháp, còn dưỡng Năm tôi là chiến sĩ cách mạng từng bị tù Côn Đảo. Nay hai em tôi đi theo giải phóng thì cũng xuôi chèo lái, hơn nữa dưới sự “*dưu dắt*” (!) của tôi thì vui biết chừng nào. Tôi đem gọi thằng Tâm cho chị Sáu Hòa Phụ Nữ Giải Phóng Tỉnh còn thằng Đức được Văn Công nhận vào đoàn. Vào đây Đức phải lòng một cô nữ diễn viên múa. Đức muốn tôi nói dùm một tiếng. Nhưng tôi biết những cô nhảy cóc nhảy nhái này. Trong khu có câu: “*Má văn công, mông hộ lý (hay y tá)*” nên gạt ngang. Nó cũng

biết nghe lời nên quác ra. Về sau khi đoàn chạy thực mạng qua Tân Hào thì cậu em lại để ý một cô con nhà dân giả ở gần mé sông Cái Hàm Luông. Tuy cách sông như vậy, nhưng Tân Hương Tân Hào đường chim bay thì chỉ chừng ba, bốn cây số. Ngày trước bộ đội anh Hai Phải từ Vàm Cái Mít băng qua Vàm Tân Hương bằng xuồng bơi trong vòng một tiếng đồng hồ.

Đức bèn nhờ người về Tân Hương rước dì Năm tôi sang cưới vợ cho nó. Dì Năm tôi lên bến Tre và đi đò máy xuống.

Do đó tôi mới có dịp gặp dì Năm tôi. Và cơ hội *“ngàn năm có một”*: tôi gọi vợ tôi về nhà. Bấy giờ cái bụng của vợ tôi đã lớn. Đêm nào tôi cũng để tay lên bụng vợ tôi để nghe đứa con máy, có khi máy mạnh, có khi máy nhẹ, nhưng tôi đều nghe cả đất trời rung rinh theo *“cái máy”* của con tôi. Có niềm vui nào hơn niềm vui của thằng con trai sắp được làm cha. Chạy chụp về tới cửa, câu đầu tiên của tôi là: *“Ở nhà con có máy không em?”* Vợ tôi đáp: *“Có! Con máy hai ba lần!”* Tôi cụ thể hơn: *“Máy cái mạnh, máy cái nhẹ?”* Đêm nằm, tôi luôn luôn thủ sẵn chiếc đèn pin trên tay, hễ vợ tôi kêu: *“Con máy mạnh đau quá!”* thì tôi bật đèn lên để nhìn con tôi máy trong bụng vợ. Thật là huyền diệu, mầu nhiệm thay đấng Hoá Công đã tạo nên con người.

Vợ tôi phải bỏ dạy một đêm để chia tay với đám học trò. Cô giáo vườn và đám học sinh ngây ngô nhếch nhác quỵn luyến nhau vô cùng. Chúng khóc

mùi mẫn. Con của anh Ba Dành, thằng Bút, thằng Tải, thằng Luận, con Nâu, con Yến... là những người bạn tí hon của chúng tôi trong những ngày tá túc ở đây. Chính chúng là niềm vui của vợ chồng tôi. Thằng Tải giỏi ngoéo cua biển. Mỗi lần bắt được một con, nó đem lại cho, chúng tôi trả tiền, nó không lấy. Nhà thằng Định có nhiều dừa khô, thỉnh thoảng nó xách đến cho chúng tôi một cặp. Đêm nào cũng vui như đêm nào nhờ có tiếng học ê a của chúng. Bây giờ bỗng đứt ngang tình cảm. Tôi bảo tôi sẽ dạy tiếp theo cô giáo, nhưng sau đó tôi buồn quá lơ đãn, rồi nghỉ hẳn.

Tôi gói ghém mọi món đồ tế nhuyễn của vợ tôi dồn vào cái xách tay bằng ni-lông, gia tài chỉ có thế, rồi đưa vợ ra Thạnh Phú Đông, gần bến đò máy đi Bến Tre. Vợ chồng tôi ở tạm trong nhà bà suôi sau này của dì Năm tôi.

Dì Năm ôm vợ tôi khóc ròng. Đêm đó tôi không ngủ được vì xa vợ xa con.

Đêm chia ly, tôi nằm bên vợ tôi, tay để trên bụng vợ chờ nghe con cựa mình để cảm thấy giờ phút làm cha gần hơn, để được sờ đứa con rõ hơn qua làn da bụng của vợ.

Mới đám cưới đây mà đã có con. Lạy Trời, lạy Phật. Tôi xin đội ơn Người đã mang đến cho tôi và dòng họ tôi một niềm vui vĩ đại mà suốt hai mươi năm theo đảng tôi đã bị chúng cướp mất.

Tôi dặn vợ tôi đủ thứ chuyện như một bà già xưa. Nào đừng có làm công việc nặng, đừng có bước lên

bước xuống thêm cao, dùng xem đánh lộn, dùng ăn món gì và nên ăn món gì.

- Anh muốn em về đâu? Về má trên An Định hay má dưới Hương Mỹ?

- Má nào cũng được, miễn về nhà mình thì thôi.

Tiếng còi điện của đồ máy vắng vắng đưa từ phía Sơn Đốc. Người đi thị xã Bến Tre lục tục kéo ra bến. Họ từ trong vườn men theo một bờ ranh lớn, gành, xách rau cải bầu bí gà vịt, khiêng cả heo đem lên thành bán. Tiếng người trò chuyện, tiếng gà vịt heo cúi hòa lẫn nhau cùng với những ngọn đuốc chấp chới trong buổi hừng đông, làm thành một nét sinh hoạt đặc biệt của khu giải phóng. Dì Năm tôi bảo:

- Dì đưa vợ cháu về nhà ngoại ở Tân Hương trước, dì sẽ nghe ngóng tình hình trong Hương Mỹ rồi nếu êm ái dì sẽ đưa nó về nhà cháu ở với má cháu. Nếu tình hình còn lộn xộn thì dì để nó ở với dì một thời gian rồi sẽ tính sau. Chừng nào nó sanh xong, cứng cáp dì sẽ đem mẹ con nó qua thăm cháu. Ờ, chắc chừng đó sẽ tới đám cưới thằng Đức. Mọi việc đã xong, chờ ngày cưới.

Đèn pha sáng rực của chiếc đồ máy xuyên thủng màn sương lù lù tới. Khách khá đông nhưng không ai chen lấn vì nếu hụt chuyến này còn chuyến khác ngay sau đó. Vợ tôi gục đầu vào vai tôi, nức nở, không ra lời.

- Anh ở lại cho cẩn thận, ít bữa em qua!

Tôi không nói gì hết. Đã nói cả ngàn chuyện đêm qua rồi. Tôi rọi đèn pin lên chiếc đòn dài và dắt nằng

bước lên đò. Mọi cuộc biệt ly đều giống nhau: nước mắt và hứa hẹn tái ngộ. Dì Năm tôi bảo:

- Lên tới Bến Tre đi sẽ ghé nhà mợ Tám và nhắn tin cho cháu.

Nhà mợ Tám tôi bị cháy rụi trong Mậu Thân nay mới dựng lại bằng tôn gỗ của Ty Xã Hội cấp. Sau này, khi hồi chánh, tôi đi thẳng một mạch từ Châu Đốc xuống đây và bảo thằng em con mợ lên báo tin cho Bộ Chiêu Hồi.

Đò lui. Tôi nghe như chết nửa thân người. Từ trước tôi chỉ chia tay với người yêu. Lần này chia tay vợ và con. Đau khổ gấp trăm lần. Sông Hàm Luông, một trong những ngành lớn của Cửu Long Giang, tôi đã vượt qua cả chục lần từ 1945 tới nay, bây giờ tới vợ con tôi, con sông máu và nước mắt. Tuy từ đây lên thị xã đò chỉ chạy ba tiếng đồng hồ, nhưng tôi vẫn lo sợ.

Tôi trở lại nhà nhạc mẫu em Đức, chờ tin từ Bến Tre. Chiều hôm đó, đò về tới. Chủ đò cho tôi biết rằng vợ tôi đã tới Bến Tre.

Tôi càng nung nấu ý chí về thành. Một ngàn cái cách mạng, một trăm cái giải phóng này tôi cũng bỏ. Mười năm ở Hà Nội tôi trốn không thoát. Ba năm ở Miền Nam việc bỏ CS chỉ là một bước, nhưng gia đình tôi còn ở ngoài khu giải phóng. Tôi đi là bọn du kích mừng lắm vì chúng sẽ có cơ bắt má tôi và cướp của cải tôi. Tôi nằm ở đây ẩn nhẫn chờ quân Bình Định hoàn thành việc chiếm đóng Cù Lao Minh là xin chào. Không luyến tiếc chút gì.

Nói thì dễ, nhưng trên thực địa thì không. Đã lỡ tay trót đã nhúng chàm rồi, khó rửa sạch, cũng như theo Cộng Sản không dễ gì rút ra. Cộng Sản không rộng lượng như người Quốc Gia. Chúng là loại người đê tiện nhất thế gian. Chúng có thể làm bất cứ việc gì để trả thù.

Tôi trở lại nhà anh Ba Dành với một tâm sự náo nức chán chê tê tái. Giá tôi vút ba lô súng ngắn nhảy xuống đò đi luôn với vợ tôi thì giờ này tôi đã ở nhà mẹ Tám tôi, rồi ra chợ uống nước đá, hoặc dạo chơi ở bờ Hồ giếng nước cũ Bến Tre rồi.

Về sau, các vị trong Ban Chỉ Huy đoàn Văn Công Tỉnh đã chuẩn về thị xã bằng những chuyến đò máy này. Một tay là trưởng đoàn, nhạc sĩ đờn kìm đã từng vô địa Pathé, một tay là bí thư chi bộ đoàn. Cả hai đã ngụy trang thành những ông già rồi râu bành tồ luôn. Nhiều em về nhà trong vùng Quốc Gia vừa chiếm lại, lấy chồng, nhiều em vọt thẳng lên Sài Gòn. Sau này có vài em gặp tôi. Số còn lại bị hốt ở Thạnh Phong, sẽ kể tới.

Về đến nhà gặp chị Ba Dành và mấy đứa con đang quét dọn sân trước. Chị Ba hỏi.

- Chú đưa thím ra đò rồi hả?

Đám con chị cũng hỏi làm cho tôi suýt bật khóc.

- Thím Hai chừng nào trở lại, chú Hai?

Tôi vò đầu chúng, an ủi:

- Ít bữa thím qua.

Tôi vào nhà, vô buồn. Hoang vắng kinh hoàng. Tôi ra sau múc nước rửa mặt. Thấy như vợ tôi còn

đó, đứng xách nước đổ vô lu và lóng phèn để xài hằng ngày. Một lần tôi chạy chộp về, thấy vợ tôi ngồi nôn ọe bên chiếc lu. Cả tôi lẫn nàng đều không biết đó là hiện tượng gì. Mãi sau vợ Ba Sơn mới cho biết và Ba Sơn rủ tôi đi hái me ở Giồng Chùa. Gội me, trái bưởi tôi đem về kỳ rồi, nàng còn bỏ lại đó càng gọi thêm buồn. Tôi ra sân nói mấy lời cảm ơn chị Ba trước khi dời địa điểm. Chị la lên.

- Chú đi đâu? Thím đi về thì chú ở đây với vợ chồng tôi chứ? Tội nhỏ mền chú thím lắm.

- Tôi cũng ở gần đây thôi chị Ba à! Thành thạo tôi đến thăm anh chị và các cháu.

Tội nghiệp con nít xóm này mới học được nhắp nhem, bây giờ không có cô giáo. Tôi phải gặt nước mát lạng lẽ ra đi. Trong đám dân địa phương chạy chộp dù tôi có quen với Sáu Tiến. Tiến là chi ủy viên xã, có đi học lớp đào tạo cán bộ gì đó trên R, có nghe Trần Bạch Đằng diễn thuyết. Tôi tìm tới y chớ không nhờ Mười Lết nữa, để nhờ giúp cho tôi một chỗ ở. Sáu Tiến dẫn tôi đến nhà Năm Tích là anh ruột của y và gọi tôi ở đó “*cho có bạn*” chạy với nhau. Năm Tích chỉ có một đứa con gái chừng mười tuổi. Vậy là chuyện ăn ở rất gọn.

Tôi cố gầy dựng lại lớp học của vợ tôi để có gạo ăn, ba chục lít một tháng là một nguồn lợi rất lớn, và giữ quan hệ với bà con trong xóm, để có việc gì thì được sự giúp đỡ, như đau ốm, nhất là bị thương tìm được cái gọi là “*y xá*” trong khu giải phóng cũng không dễ hơn ở Trường Sơn. Người ta giữ bí mật triệt để, đến

nỗi thương binh tìm không ra phải khiêng trở về và đành chịu chết.

Đó là trường hợp của em Hồng, một thanh niên ở xóm. Nhà Hồng khá giả có ruộng và nhiều địa ao, nơi tôi thường chọn tép đã kể trên kia. Một hôm Hồng khoe với tôi sẽ tát cái ao trước cửa nhà và mời tôi đến ăn tôm nướng. Tôi cũng đến hụ họ để chốc nữa ăn cho mạnh miệng.

Nước giụt xuống quá nửa ao. Bùn đất bị khuấy lên. Tôm càng xanh bị xốn mắt nổi lên quơ râu đỏ cả mặt nước. Hồng kêu cô em gái cắt rau sống và đi mua bánh tráng ở lò gần đó. Tất cả hứa hẹn một bữa tôm nướng đã đời. Nước còn chừng một gang thì lộ đáy ao, Hồng lội xuống quơ bắt những chú tôm càng xanh đang hết nước sống. Khi ra tới giữa ao Hồng càng quơ mạnh. Tôm đầy một giỏ đĩa.

Bỗng “*up*” một tiếng. Bùn chung quanh Hồng bắn lên. Một người trên bờ reo lên:

- Cha chả, cá trê trắng to lắm.

Hồng nhăn mặt và biến sắc. Một ông già bảo:

- Bộ bị cá trê chém rồi hả?! Không sao, tôi có bùa. Ngắt cái đuôi nó dán vào vết thương và miệng nói “*không nhúc, không nhúc*”, chừng một hồi thì khỏi.

Nhưng Hồng khuyu xuống và gục mặt trong bùn. Không ai rõ chuyện gì lạ vậy. Mấy người đứng gần đó nhảy xuống lôi Hồng lên. Chân phải của Hồng máu me dầm dề. Không phải cá trê trắng mà là lựu đạn. Trời ơi! Ác thế! Cô em gái Hồng chạy đi báo tin. Ông già của Hồng đang làm ngoài đồng nghe vậy chạy bỏ

cần. Bò lộ không đi, ông lúi dưới muong, vừa lội vừa la như điên.

Vết thương Hồng đã được băng bằng cả chiếc mùng cũ xé ra. Nhưng máu không ngưng chảy. Bị thương ở giữa đất sinh, vết thương làm độc. Hồng bất tỉnh ngay sau đó. Hồng được chở đi tìm bệnh xá, quân y xá, đủ thứ xá, bất cứ chỗ nào để được một tí thuốc đỏ bôi vào và một bàn tay cứu thương mót tới, nhưng chèo đi ba đồng bảy đổi suốt nửa ngày và một đêm. Đến chỗ này, người ta bảo ở chỗ kia, đến chỗ kia lại được biết y xá mới vừa dòi. Rốt cuộc, cậu thanh niên 18 tuổi chết vì phong đòn gánh.

Người nhà cậu chùi rửa mấy ông nội du kích lúc trời mưa ghé lại rửa chân đã làm rớt lựu đạn dưới ao rồi không dám mò, bỏ luôn. Nhưng mấy ông nội thì đổ thừa đó là đạn M79 của Thủy Quân Lục Chiến mới vừa cần.

Thiên hạ hoang mang không ai dám chịu cha ăn cướp. Lúc cởi băng ra lau vết thương để tẩy liễm cho thẳng nhỏ thì thấy một miếng lựu đạn trong quần cậu ta.

Chuyện du kích gài lựu đạn chết dân là sự thường. Không ai bắt đền bồi hoặc kiểm thảo gì cả. Vì *“đó là họ chống cần, giặc rút họ quên không gỡ, dân có lỗi đập chết thì thôi.”*

Gài lựu đạn thời kỳ chống Mỹ không có vui vẻ dễ ăn và dễ trở thành anh hùng như trước. Thời Pháp, lính ruồng đi bộ, du kích có thể biết trước đường đi của chúng cả giờ đồng hồ. Du kích tha hồ gài và nguy

trang rồi lui vào bụi lùm xa xa ngồi chờ kết quả. Còn bây giờ lính chụp dù không đi đường lộ, mà nhảy cóc hoặc có trục thăng vừa bắn vừa dẫn đường. Cho nên mấy ông nội, cú phóng chừng mà gài cho thật nhanh rồi phóng. Có khi ông nội gài, ông ngoại đập. Có khi gài rồi không nhớ chỗ, vì lúc gài bị trục thăng bắn rất nên không làm dấu kịp, lúc rút, trở ra tìm không thấy loay hoay một chập lại dẫm lên lựu đạn của chính mình. Hoặc có nhiều ông nội làm biếng, gài không nổ rồi bỏ luôn, kẻ nào đập ráng chịu. Ai mà truy cho ra tác giả. Hoặc tệ hơn nữa, các ông vô tình gài trên đường thoát thân của dân cán.

Thằng Hồng chết vì mảnh lựu đạn cũ lại quét đầy bùn non sinh thối, cũng chưa bi thảm bằng cái chết của ông Năm Hữu, Khu ủy Viên khu 8. Ông là thầy giáo dạy trường Mỏ Cày. Khi kháng chiến bùng nổ, ông bỏ trường đi theo tiếng gọi non sông làm trưởng ban tuyên truyền tỉnh, sau thầy Ngọc, trong ủy Ban Kháng Chiến Hành Chánh tỉnh của ông Mười Huệ.

Ra Bắc ông được cho làm phó một thời gian rồi gọi về Nam. Đạo đức của ông cao lắm nên ông được mệnh danh là Cụ Hồ Con. Ông dư sức vào Khu Ủy nhưng tụi đàn em trong này giành hết ghế, ông không có chỗ. Trung ương phải điện vào chỉ định ông làm Phó Bí Thư Khu Ủy thì đàn em mới chịu nhín cái rìa ghế cho Cụ Hồ Con ngồi tạm.

Ông là trí thức nên muốn đi đường thành đến các tỉnh ông phải phơi nắng cho tiếp với nước da lãnh đạo của bản cổ hỉ để không bị nghi ngờ. Ông về Bến

Tre gặp tôi hai ba lần. Vì không có quan hệ cũ cũng không có quan hệ trong công tác hiện tại, chỉ dính tí bà con nên gặp nhau chỉ chào hỏi rồi mạnh ai nấy lui. Kỳ đó ở Tân Hào, ông gặp tôi, bảo:

- Cháu cẩn thận, tụi du kích ở đây gài lựu đạn ẩu lắm!

Chẳng ngờ vài hôm sau ông lại chết vì một trái lựu đạn gài. Không phải của du kích mà chính của tên cận vệ ông. Nghe pháo nổ dọn bãi ở Bào Sen, anh chàng cận vệ vác lựu đạn gài chặn đường vào căn cứ mà không cho ông biết. Ông ra ngoài chỗ trống ngược nhìn con đằm già bắn điểm. Ông né qua né lại thế nào mà lại giẫm trên quả lựu đạn... Cái chết của ông Cụ Hồ Con làm rung động cả một vùng. Tỉnh Ủy đã giấu nhẹm tin này. Tội nghiệp thay vợ con ở trong thị xã mà không cho hay. Cứ mỗi lần ra thăm, họ được đám Tỉnh Ủy cho biết ông về khu hoặc lên R hội nghị, nào ngờ ông đi công tác vô thời hạn ở âm ty.

Ở Củ Chi năm 1967, chẳng khác Nam Bộ kháng chiến 1946: cưa tay chân thương binh bằng cưa thợ mộc không có tê, mê. Đó là bác sĩ Tám Lê, anh hùng quân đội Việt Cộng.

Ở Bến Tre bác sĩ mổ chiến thương trên xuồng, nước lớn lắc lư và bác sĩ đứng dưới nước ngấp đến ngực. Đó là bác sĩ Bích. Trên đầu thì đằm già quần tìm điểm. Tôi trông thấy tận mắt. Ai có thể bịa ra nổi những chuyện như vậy?

Tư Mô cứ than vắn thở dài với tôi:

- Nếu bắt tôi phải chết, cho tôi xin cái chết bình thường, đừng quá bi thảm.

Bình thường sao được? Cuộc sống này đã là một sự mọi rợ rồi. Lúc này quân Bình Định đã ổn định hoàn toàn Cù Lao Minh. Đi tới đâu như chẻ tre tới đó. Dân cán chính cấp tỉnh chạy thoát thân qua bên Cù Lao Bảo, chỉ còn đám huyện xã ở lại mặc tình chui hang.

Rồi cuối cùng Cù Lao Bảo cũng không yên. Những cuộc chụp liên tiếp của Sư Đoàn 7, Sư Đoàn 9, Thủy Quân Lục Chiến có phủ hiệu con ó đậu trên trái đất, Biệt Động Quân, Trâu Diên sau Tết Mậu Thân đều thừa thắng xông lên. Không ngày nào là tôi và Tư Mô không chạy. Chạy ngày không giờ, tuần không thứ, ban ngày không đủ tranh thủ ban đêm. Còn nói gì đến việc sáng tác. Tư Mô cười buồn:

- Mình càng chạy xa chiến thắng càng gần!

Một hôm nằm ở quán Bà Mười, vắn dài Sài Gòn nghe tin lén, bỗng Tư Mô la lên:

- Thằng Dương Văn Đức *ca-ma-lô* của tôi!

- Sao?

- Nó làm tới Trung Tướng.

- Anh quen nó hồi nào? - Nó học *Le Myre de Vilers* với tôi. Mà bây giờ nó vậy, mình vậy. Chú coi đó.

- Thì tại nó đi bên kia mình đi bên này, nên nó vậy mình vậy, còn than nói gì bác nó! Ai biểu già rồi còn ham vui chi mà bây giờ than thở!

Từ đó tôi và Tư Mô dính với nhau sinh tử bất ly, khi thì ở Thạnh Phú Đông, lúc lên Phước Long, lúc lại sụt về Tân Hào, tùy tình hình, nhưng nói chung không ngày nào nghỉ chân trên con đường chạy đua

với trực thăng, lủi trốn chẳng khác gì hồi bác bí mật đi tìm hình của nước.

Đoán chừng vợ sắp sanh, hằng ngày tôi từ Tân Hào lội ra Thanh Phú Đông để đón đò máy hỏi tin tức. Tôi đã dặn các em con cậu Tám tôi ở Bến Tre, hễ vợ tôi sanh thì đến đò máy Sơn Đốc nhắn cho tôi hay liền.

Một bữa tôi vào một ngôi nhà thật tồi tàn, gặp một bà già hom hem. Trong lúc ngồi đợi đò, qua câu chuyện xã giao, tôi được biết đó là bà vợ của một anh hùng trong thời kỳ chống Pháp: anh Phan Văn Kích, tự Ba Kích, Chi Huy Phó, sau lên Chi Huy Trường bộ đội Đoàn Trần Nghiệp, gốc là bộ đội của Hai Phải.

Nguyên hồi đó ở bên Cù Lao Bảo có hai nhóm tự động vũ trang, một là nhóm của anh Phan Văn Phải tự Hai Phải do anh và hai người em ruột của anh là Ba Kích và Năm Hà gây dựng. Nhóm thứ hai là nhóm của Đồng Văn Cống, tức Bảy Cống.

Anh Hai Phải đã anh dũng hi sinh trong trận hạ đồn Cầu Mống tại làng tôi. Sau đó anh Ba Kích và anh Ba Lắm lên chỉ huy thay cho anh Hai Phải. Anh Kích hi sinh trong một trận đánh đồn ở Trà Vinh. Năm Hà tiếp tục chỉ huy thay hai anh.

Đó là những người hùng yêu nước tuyệt vời, không đảng phái không cờ đỏ Mác Lê gì cả. Thế nên khi Năm Hà tập kết ra Bắc thì bị coi như một con người tầm thường, công lao bị phủ sạch. Thói thường Cộng Sản là như thế. Khi còn lao đao lặn lội trốn chui trốn nhủi trong chuồng heo thì khác. Nhưng khi đớp được mỗi ngon thì bọn đầu sỏ quên

hắn nhờ ai chúng được lên ngôi. Một vạn trường hợp như thế đã xảy ra cho cán bộ Nam Kỳ. Ba anh em Hai Phải là một trường hợp. Một lần tôi đi từ Hà Nội xuống Hải Phòng, tìm đến thăm chú Năm Hà thì thấy chú đang ở một cái chòi gần Cầu Rào. Chú đi săn vịt trời bán lấy tiền sinh nhai. Bây giờ về Nam tôi gặp bà góa phụ Phan Văn Kích, nghèo nàn và cô độc sống trong một ngôi chòi tranh. Bà có một cô con gái tên là Huấn Ngọc đang làm biên đạo trong đoàn Văn Công Giải Phóng Tỉnh đang rã rã đi cuốc đất trồng rau ở Tân Hào. Sau này tôi và Tư Mô có dịp chạy chung với đoàn này xuống Thanh Phong.

Việc gặp bà Phan Văn Kích làm tôi nhớ lại nhiều vị công thần Nam Bộ bị bạc đãi, hắt hủi một cách lạ lùng mà tôi đã kể ra không biết bao nhiêu lần, bất cứ ở đâu để cảnh tỉnh những ông bà nhắm mắt đốt nhang thờ Bác Đảng suốt gần nửa thế kỷ nay. Viết đến đây tôi nhớ thêm một trường hợp khác : *Khu Phó Nguyễn Hùng Phước*. Thời kỳ đầu kháng chiến, ở Miền Tây Nam Bộ giặc Pháp khiếp đảm những cuộc đột nhập hạ đồn xuất quỷ nhập thần của nhóm xung kích cảm tử Nguyễn Hùng Phước, mà người dân Miền Tây tặng cho danh hiệu Con Hùm Xám Miền Tây. Em ruột của Nguyễn Hùng Phước là Nguyễn Hùng Minh là một thợ máy từng làm giám đốc một công binh xưởng đã đem mẹ già 70 tuổi ra Bắc những mong nhìn dung nhan bác Hồ. Nguyễn Hùng Minh không có nhà ở phải đem mẹ ẩn náu dưới gầm cầu Long Biên trong một túp lều làm bằng *cọc-tông*.

Một buổi chiều như những buổi chiều, tôi ra bến đò để đón tin vui. Thì tin vui đến thật. Một người đã đưa tôi một lá thư của em gái tôi.

Anh Hai,

Chị Hai đã sanh con gái. Mẹ tròn con vuông. Má đặt tên cho cháu là Mỹ Hạnh. Chờ chị Hai cứng cáp em sẽ đưa chị và cháu sang thăm anh.

Em.

Tôi nghe như cả đất trời quay vun vút, tôi không đứng vững. Tôi đã có con. Tôi đã làm cha! Dòng họ tôi được nối tiếp. Tía má tôi có cháu. Tôi phải tìm ngay một người để chia sẻ niềm vui. Người đó không ai khác hơn là Tư Mô.

Chiều hôm đó Tư Mô câu được nhiều cá. Chúng tôi về nhà Ba Dành nơi tôi đã ở để làm tiệc. Nhà cửa từ ngày vợ chồng tôi ra đi đã trở thành hoang tàn. Chị Ba chứa củi, nuôi gà và giã gạo xay lúa trong đó.

Chúng tôi tìm vỏ dừa đốt than nướng cá. Đám con Ba Dành, học trò cũ của vợ tôi mừng ríu rít, tưởng thím Hai trở lại dạy học.

Ba Dành bắt con gà giò và sai con đi mua rượu để mừng chú Hai có con. Đêm đó tôi và Tư Mô tâm sự rất dài về gia đình. Chính tôi định đặt tên con tôi là *Dung* và tôi nhờ anh viết chữ nho để gởi về cho em gái tôi thêu trên áo con. Nhưng má tôi đã đặt cho nó là *Hạnh*. (Năm 1992 Mỹ Hạnh đã đỗ Cử Nhân Khoa Học - BS). Nếu tôi không cương quyết đá Bác Đảng thì tôi vẫn phải ở rừng để chiều chiều coi khi cái là những mỹ nhân. Tư Mô nói với tôi một câu để đời:

- Từ nay viết truyện chú sẽ mô tả vấn đề vợ con chính xác và sâu sắc hơn.

Từ đó tôi không ngớt nghĩ cách bỏ Đảng Bác mà đi, miễn sao gia đình tôi toàn vẹn. Mười cái Đảng và chục “thằng Bác” tôi cũng bỏ.

Bình Định xong Cù Lao Minh, quân Sài Gòn phóng mũi lao sang Cù Lao Bảo. Bên này đất hẹp người đông vì cán bộ dồn cục tới đây tìm sinh lộ. Tỉnh Ủy biến mất cùng với các cháu gái đánh máy và giao liên. Xã Phước Long có một khu rừng lá rộng lớn mà chúng tôi đặt tên là “*Đám Lá Tối Mò*”. Trước đây bị đuổi ở Tân Hào thì chúng tôi chạy dồn lên đây. Nhưng bây giờ nó không còn là nơi an toàn nữa. B52 đã thả bom bốn lần.

Tôi và Tư Mô cũng phải tính kế thoát thân. Toàn khu Giải Phóng của tỉnh Bến Tre bây giờ chỉ còn lại một lóm đất trống ở xã Thành Phong. Đó là phần đất

cuối cùng của Cù Lao Minh giáp với biển Đông. Nơi đây được Hà Nội dùng làm bãi đổ vũ khí của quân Bắc Việt.

Chúng tôi tự động đi tìm trạm giao liên. Mỗi chuyến xuống đuôi tôm chờ được từ tám đến mười người, nhưng phải có giấy giới thiệu của Tỉnh Ủy, bởi vì Thanh Phong đã trở thành “thánh địa” của Tỉnh Ủy. Không phải ai muốn đến cũng được. Nhưng giao liên đi một ngày nghỉ hai ba ngày và còn tùy thuộc tình hình. Vì vậy nên cán bộ ứ động nằm lênh khênh trong vườn ổi dọc bờ sông Hàm Luông chờ chuyển, chờ chụp, chờ chết.

Chúng tôi đành năn nỉ. Tuy là công tác dưới quyền Tỉnh Ủy nhưng đất nước này là xứ sở chúng tôi, chỗ nào mà chúng tôi không từng đi qua hồi chín năm? Cho nên chúng tôi đi không cần phải có liên lạc. Chỉ cần chiếc xuồng con là chúng tôi đi Thanh Phú được thôi. Chỉ sợ ba cái *hồ-bo* trên sông Hàm Luông. Chúng chạy như bay trên mặt nước. Khi chúng thấy thì không lùi kịp. Chỉ bị bắt thôi.

Chúng tôi đã xuống nước tận cùng nhưng liên lạc nhất định giữ vững nguyên tắc. Thời may có Trưởng Ty Công An là bạn học trường quận cũ với tôi ở đầu lon ton đi tới. Nó đang làm thường vụ Tỉnh Ủy nữa, không biết sao nó chưa vô Trung ương mà Mười Kỳ - Nguyễn Xuân Kỳ- lại được vào, nó nói với giao liên:

- Hai ông này là người của R. Cho ổng xuống căn cứ đi! Tôi chịu trách nhiệm.

Thế là hai ông cán R được hân hạnh xuống xuống

xuôi Thanh Phú. Cùng đi với tôi có bà cô họ của tôi làm Chi Ủy ở Minh Đức. Bà đi tập huấn dưới tỉnh. Tuy là cô nhưng bà chỉ bằng tuổi tôi. Hồi 45 cách mạng đứng lên, bà cũng chỉ huy thiếu nhi như tôi thôi. Bây giờ bà vô Tỉnh Ủy nhưng bà không dám ra lệnh như thằng Trưởng Ty Công An.

Xuống xuống chạy đuôi tôm trên sông cái mệnh mông, anh Tư Mô rí tai tôi, anh nói tiếng Pháp vì sợ họ biết.

- *Non acte de violence* nghe chú Hai!

Ý của anh là nếu bị hô-bo đuổi kịp bắt sống thì riu riu nghe theo chứ không có chống cự. Anh đã dặn tôi từ trên bờ nhưng xuống ghe còn dặn lại cho chắc.

Hai anh em đã từng đi trên R về tới đây, qua sông Cửu Long mấy lượt qua lộ Đông Dương mấy lần sanh tử có nhau. Tưởng về tới xứ là khỏe, ai dè lại vượt Cửu Long lần nữa. Mà lần này đi “đò dọc” nghĩa là đi trên sông một khoảng dài chừng mười cây số chứ không phải chỉ băng vọt qua là xong đâu. Cái đoạn đường thủy mười cây số này có nhiều “yếu tố”, đựng hô-bo hơn những khúc trên miệt Mỹ Tho.

Tôi cũng run gân lăm nhưng làm bộ tỉnh táo lấy mấy trái ổi ra nhai nhóp nhép. Anh Tư khêu khêu tôi bảo cỡi cây K54 ra đút dưới sạp xuống. Tôi chỉ cỡi ra rồi ngồi lên thôi vì cái xuống bể, nước vô óc ách, đút xuống đó ướt hết. Thực ra tôi không nghĩ là tôi dám bắn trả một phát nào trước họng súng lính Mỹ trên hô-bo. Ngồi lên súng là một cử chỉ sẵn sàng gơ tay hoặc nhảy xuống sông lặn thôi. Từ 1948-49 gì đó, tôi

đã làm phóng viên chiến trường nhưng cũng chưa bắn phát nào.

May mắn thay con đường đi “xuống căn cứ địa” hoàn toàn mỹ mãn. Lên đến trạm an toàn, hai anh em mừng hóm, tưởng như tới Tây Phương. Vừa bước chân lên bãi đất cát êm ái thì đụng đầu một thằng mang K54 đòi xét giấy. Tư Mô né ngang. Còn tôi trò tới, hỏi ngược lại hắn ta:

- Đồng chí là ai? Tôi phải coi giấy đồng chí trước rồi tôi mới đưa giấy của tôi cho đồng chí coi!

Bỗng hắn ta kêu lên:

- Màỵ là thằng...

Tôi cũng nói lại:

- Màỵ là thằng... à...

Thì ra hắn ta là thằng “Tòng địa” bí thư Huyện Ủy Thanh Phú kiêm Tỉnh Ủy Viên, bạn học cùng Trại Thanh Niên Cứu Quốc tỉnh hồi trước. Nó coi anh Tư Mô như đàn anh nên khỏi giới thiệu. Xa nhau trên hai mươi năm mà vẫn còn nhận ra nhau. Gặp thằng thổ địa này thì đỡ nấu cơm và không phải lo hầm trốn nữa. Cứ nắm đầu nó thôi.

Nó lấy đuôi tôm chỏ tôi và Tư Mô vô căn cứ của nó, chớ không phải của Huyện Ủy. Vì mỗi thằng ở một hang, không ở chung, sợ bị chết chùm, tốt trong một xóm lá rậm ri. Ăn nhậu xong, nó mới nói về tình hình.

- Các cha xuống đây là cái rọ. Cuộc sống chỉ tính từng ngày.

Tư Mô bảo.

- Được ngày nào hay ngày nấy!

- Tụi nó sắp lấy Hương Mỹ làm tỉnh lỵ cho một tỉnh mới là *Kiến Tân*.

Tôi cười ha hả :

- Rồi mình ở đâu?

Tư Mô mĩa mai :

- Ra biển.

- Hồi đó tới giờ mày có lái đầu xe lửa nữa không?

- Xe lửa gì? Chạy sút trúng non trúng già đây, xe đầu mà chạy?

Tôi nhắc lại chuyện xưa, lúc khóa học “*Chiến Thắng*” của Thanh Niên Cứu Quốc Tỉnh bề mạc, đốt lửa trại liên hoan thì hấn, do cái thân mập lù, được cất giữ vai lái xe lửa, tức là làm bộ chạy xình xích bằng miệng trong lúc chúng tôi đồng thanh “*hợp xướng*” ba tên trùm Phát Xít là *Ribbentrop* (khi xe vừa khởi đầu), *Von Papen* (khi xe chạy nhanh), *Hess* (khi xe dừng lại).

Bây giờ hấn cũng còn mập như xưa, chỉ già đi thôi. Hấn đổi tên là Ba Thor. Hấn cũng không hỏi chúng tôi tới đây làm gì. Vì hấn thừa biết lúc này quân Bình Định đang rải đều ở An Định Thành Thới để chiếm đất và chiêu an bà con. Tư Mô buột miệng hỏi Ba Thor:

- Tết nhất rồi, tính sao chú Ba?

Hấn nói:

- Ông bà chạy mất hết có ở nhà đâu mà ăn Tết?

Một lúc sau, Tư Mô mới nói cho biết tôi là dân Mùa Thu. Hấn không tỏ vẻ mừng rỡ gì hết ráo. Mùa Thu hay mùa Đông gì cũng chạy vắt giò lên cổ thôi.

Ba Thơ bảo:

- Sáng mai nếu tình hình êm tôi sẽ dắt các cha đi ăn Tết chục.

- Sao lại không? Nhưng tội nghiệp ông bà mình. Con cháu không có ở nhà để cúng kiến. Tôi tính đến năm nay là hai mươi năm tôi không có quét mộ ông bà và không gặp mặt tía má tôi. Tôi cũng buồn nào lòng nhưng làm bộ:

- Thôi bỏ qua mấy chuyện đó đi anh Tư. Ở Sài Gòn ăn nhậu đã đời lại còn mò ra rừng mần chi.

- Hồng biết sao hồi đó tôi lại nhẹ dạ vậy, thằng bạn quèo cái là đi liễn, lại còn giấu vợ con!

Sáng hôm sau, chúng tôi ăn cơm sớm. Đó là thói quen của dân cán xú Đồng Khởi, vì nếu quân Sài Gòn tấn công thì hùng đông đã có pháo dọn bãi. Nếu không bỏ bụng ba hột thì làm sao chạy đua nổi với trực thăng? Lại nghe tin là Sư Đoàn 9 đang nghỉ quân ở Kiến Hòa, Tư Lệnh của Sư Đoàn này là Tướng Trần Bá Di con của ông Trần Bá Vạn là thầy của tôi ở *Collège Le Myre de Vilers* ở Mỹ Tho, thì nó xuống đây không quá hai mươi phút.

Tôi hỏi Ba Thơ:

- Tết, không lẽ nó không “tha Tào” một phen?

- Có lệnh ngưng chiến 24 tiếng mà không bảo đảm ăn Tết một ngày sao ông Bí?

- Lệnh thì lệnh nhưng ba thằng du kích bắn bậy ai mà la cho nổi. Hồi năm ngoái năm kia gì đó, cũng chiều 30 Tết, tụi Sài Gòn đang chụp ở đây, sửa soạn rút về để cho mình ăn Tết. Rút gần hết, một thằng

du kích bắn vết đuôi. Nó bèn quay lại cả bầy nó trả hỏa cho một giờ. Xong nhảy xuống đóng luôn không rút nữa. Bà con năm đó đâu có ăn Tết ăn nhút gì. Tao vái trời năm nay không có thằng nào khùng như vậy nữa.

- Nó có đóng ở đâu đây à?

- Nó đóng trụ trên An Nhơn kia cà cha! Tao đang nhang đèn vái nó rút đi cho sớm sớm để mình còn ăn Tết.

May quá, không có việc gì xảy ra. Ba Thor dắt chúng tôi đi đến nhà một cốt cán, tên là Tư Cua. Anh chị Tư Cua sở dĩ mang tên này vì anh chị buôn cua biển với tư cách gần như đại lý cho cả vùng này vì những người khác hoặc làm cán bộ hoặc có dính líu với Việt Cộng nên không dám thò mặt ra chợ quốc gia. Ngoài ra anh chị lại có cái tiệm bán tạp hóa. Anh Tư Cua là cán bộ của Ba Thor. Anh chị vui vẻ nấu cơm mời khách. Chỉ đơn sơ rau mắm và khô cá thu. Đây là vùng biển nên thức ăn như thế này chỉ gọi là đạm bạc. Sự thực ở trên rừng đây là một bữa cỗ.

Chúng tôi chén xong thì nằm chổng cẳng tán gẫu, mặc dù tình hình không ổn. Nếu cái chốt An Nhơn đánh tóa xuống đây, trong vài phút thì tới. Chúng tôi chỉ đủ thời giờ để chạy tụt vô rừng ở ngay sau hè. Ở đây rừng khắp nơi nên “*địa thế chạy trốn*” rất thuận lợi, chưa ở đâu hơn ở đây. Chỉ có một điều bất lợi là không có hầm. Rừng được ngập nước không đắp hầm được. Nếu có trực thăng bắn thì vui lòng né tránh (!) may nhờ rủi chịu. Bạn cũng nên nhớ

cho rằng trong một phút cà nông 20 ly trực thăng phóng xuống mặt đất tới sáu ngàn viên đạn và mỗi viên cách nhau chừng vài phân, nghĩa là không đủ kê hờ cho một thân người. Liệu mà né cách nào thì né!

Nhưng cũng may sao du kích không chọc bậy nên cái chốt kia nằm im. Ba Thơ dặn Tư Cua lo lắng cho hai đứa tôi rồi quay ba lô đi công tác. Đến chiều Ba Thơ trở lại bảo:

- Tết này chắc êm. Các cha ở đây ăn Tết với tụi tôi!

Rồi dắt tôi và Tư Mô đi dạo cảnh. Nếu tôi không lầm thì toàn tỉnh Bến Tre quê hương Đồng Khởi lúc bấy giờ chỉ còn có xã Thạnh Phong là giải phóng nhưng đang chuẩn bị "*ruốc bọn nguy về Bình Định*" bởi vì chẳng còn nơi nào để quân Bình Định làm việc nữa cả. Đàn bà đi chợ về cũng xàm xịt với nhau rằng ở trên Kiến Hòa lính sẵn sàng hành quân, dây chì gai và trụ cọc, bao xi măng đã chất đồng ở bến tàu để đưa xuống đây xây đồn bót. Cho nên buổi dạo cảnh của chúng tôi cũng có nghĩa là mắt ráo dác, chân bỏ vó hùm sẵn sàng phóng vô rừng.

Tư Mô đã từng than với tôi khi vừa đặt chân xuống vùng biển này một câu bất hủ:

- Ước gì mình có được một mảnh đất không có chụp dù để *đi bộ* và để nghỉ ngơi! Tôi không đòi gì hơn. Đây là mảnh đất lý tưởng nhất nhưng nó có giới hạn, một bên là sông Cổ Chiên một bên là sông Hàm Luông dày đặc những hô-bo, trên đầu thì điều ó, còn chúng tôi là gà con. Nhưng đi thì đi, dạo qua cảnh cũ cho đỡ buồn. Thoạt tiên Ba Thơ đưa ra bãi biển và trở cái xác tàu tô hô nằm giữa cát lấp đến nửa thân.

- Tàu gì vậy?

Tôi nhìn Ba Thơ như hỏi. Ba Thơ nháy tôi. Tôi thấu cáy:

- Tàu chở đạn ngoài Bắc vô chở gì! Mày tưởng tao điên à?

Ba Thơ cười trừ:

- Biết rồi thì thôi. Đại khái là vậy đó, còn hỏi làm gì?

- Nghĩa là sao? Tôi không hiểu gì hết!

Tư Mô làm bộ ngây thơ.

- Tàu chưa cập bến thì trực thăng tới bắn tanh bành rồi phóng lửa xuống đốt tàu luôn. Ở trên bảo tụi tao phải thủ tiêu cái xác tàu để chạy án, nhưng tụi tao đã đánh mấy trái mìn mà nó còn ỳ như thế đó. Thôi đừng có hỏi nữa.

Ba Thơ dắt tụi tôi đi trên con đường cát dưới những ngọn đồi. Miếng cà nông của hạm đội Bảy bắn lên nằm lẫn trong gốc cây, bên vệ đường. Có cái giống như vỏ chuối già. Ba Thơ bảo:

t- Rồi mình làm sao?

- Hầm sẵn kia. Chui chớ còn sao nữa! Nếu trái đầu nổ mà mình còn sống thì có hầm chui. Hầm ở khắp nơi mà. Cứ vài trăm thước có cái hầm to, vài chục thước có hố cá nhân. Nhà cũng là hầm. Nửa nhà nửa hầm hoặc cả nhà là một cái hầm, gọi là nhà hầm.

- Rồi làm sao mần ăn?

- Ra ruộng dưa cũng “*vác hầm theo*” chớ sao hà hà... Các cha có “*vác*” nổi không, tôi cho mỗi cha một cái?

Ba Thơ dắt tôi và Tư Mô đi một chập thì dừng lại bảo:

- *Đây là trại huấn luyện tao với mày học cách đây hai mươi năm.* “Khóa 3: Chiến Thắng”!

Câu nói làm tôi giật mình. Tôi nghe như có một sợi thần kinh nào cháy lên trong đầu. Đây là trại huấn luyện Thanh Niên Cứu Quốc tỉnh sao? Thời gian quả là bàn tay tàn phá vĩ đại. Tự nhiên nước mắt tôi tuôn trào.

“Cảnh đây người đây lương đoạn trường”.

Tôi ra đi “*theo cái cuộc cách mạng*” từ đây, thuở còn thiếu nhi. Rồi rời tỉnh, lên Tháp Mười xuống Miền Tây, lên Miền Đông, ra Bắc, lội Trường Sơn rồi trở về đây. Hai mươi năm như một cái nháy mắt không khác một giấc mơ. Thằng bé ngày xưa bây giờ đã đến tuổi sồn sồn, trên đầu đã có dăm ba sợi bạc. Tôi phóng mắt nhìn quanh không thấy gì ngoài những đụn cát vàng và ven rừng nâu, những vệt mây và một mảnh Thái Bình Dương man mác.

- Mày có gặp mấy thằng cũ ở đây không?

- Thằng nào?

Tôi kể lại tất cả những tên đồng khóa

- Thằng Thự, thằng Phong, thằng Lực và ông Huệ huấn luyện viên môn Địa Dư chuyên môn vẽ bản đồ trên bãi cát bằng vỏ ốc, để dạy.

Ba Thơ ngẩn ngơ một giây rồi lắc:

- Tao không có gặp thằng nào cả. Ra trường rồi đi luôn tới bây giờ.

- Mày có gặp lại anh Tư, anh Hậu không? Anh Thông nữa?

Ba Thơ ngo ngác như thằng ngố. Có lẽ hẳn không ngờ tôi đã đào đến tận đáy óc hẳn một cách bất ngờ. Hồi lâu mới đáp:

- Anh Mạch Văn Tư nghe nói sau khi bế trại được rút về làm ủy viên thường vụ, kiêm Trưởng Ban Huấn Luyện trên Thanh Niên Cứu Quốc Nam Bộ mà.

- Rồi sao nữa?

- Mà ở trên tỉnh mà không rõ, tao ở dưới huyện biết gì?

- Còn anh Hậu, anh Cầu, anh Tôn, anh Hưng... tao cũng không bao giờ gặp lại. Anh Cầu có lúc muốn làm rể ông Hoàng Như Nam. Bà Đào rất đẹp, biết không?

- Sao mày quên các ảnh mà nhớ anh Hoàn Cầu?

- Là vì nhà chị Đào ở gần nhà tao.

Tôi ngó quanh rồi hỏi:

- Nền trại ở chỗ nào?

- Đâu vùng này nhưng không chắc là chỗ nào. Có lẽ là chỗ cụm lau đó.

Tôi nhìn khóm lau vàng ngoách gập gờ trong nắng nhạt.

Chung quanh chỉ vài mái lá núp mình trong đụn cát và vài ba con chim rừng sập sần bay.

- Nhà ông Chín Bản ở đâu?

- Chín Bản nào?

- Một nhà giàu đã hảo tâm giúp vật liệu và bàn ghế cho trại. Ngôi nhà ở phía sau trại, sát ven rừng! Nằm ở nhà ngủ của tụi mình vạch vạch nhìn thấy cái tủ kiếng trong nhà ổng lấp lánh.

- Tao quên rồi.

- Ông có người con gái tên là chị Bê là người con gái duy nhất mặc áo bà ba trắng trong vùng trại mình. Còn ngoài ra ai cũng mặc áo nâu hoặc áo đen.

- Tao không còn nhớ ai.

- Chị Vần, bà Tư nấu cơm cho trại mày cũng quên nữa sao?

- Hai người đó thì tao còn nhớ vì tao có tật xin cơm cháy ăn hằng ngày. Chị Vần thiệt đẹp, vẻ đẹp khỏe mạnh, có cái đầu tóc rất to, còn bà Tư thì gầy gò, có thằng cháu nội cũng đến phụ nấu cơm.

Bỗng nhiên Ba Thơ vỗ về la lên:

- Chết cha rồi!

Tôi giật mình hỏi.

- Gì vậy?

- Bà Tư Cua!

- Bà Tư Cua làm sao?

- Hồng chừng bà Tư Cua đó! Hồi đó tao không có quen ông Chín Bản cũng không biết chị Bê. Từ khi tao về công tác ở huyện này, tao chỉ gọi bà ta là bà Tư Cua. Mày không nhận ra chỉ sao?

- Tao hơi ngờ ngợ nên không dám hỏi. Hồi đó chỉ mới chừng mười tám bây giờ gần bốn mươi.

- Người ta sắp làm suôi rồi đó. Mày với anh Tư ở đây lâu lâu sẽ được ăn đám cưới.

Thời gian! Đó là điều ghê gớm. Trước mắt tôi cả một khu trại lá hiện ra. Vô cùng đơn sơ nhưng thật vĩ đại. Không có gì đáng giá cả, nhưng tuổi trẻ yêu nước của tỉnh nhà thời 45-46 đã được đào tạo nơi đây.

Một trại lá dài thấp lè tè được ngăn đôi. Văn phòng của Ban Chỉ Huy trại chỉ chiếm một phần năm. Phần còn lại dành cho giảng đường. Không có cửa đóng then cài. Vách lá dùng cao tới ngực. Người đi ngoài đường nhìn vào có thể đếm tất cả trại sinh. Bàn ghế làm toàn bằng cây tràm cây đước đốn ngoài rừng róc sơ và bện cặp vào nhau, ngồi lên còn đau đít. Chỉ có chiếc bàn đặt trên bục giảng viên là sản phẩm của thợ mộc mà thôi. Chiếc bàn đó được mượn từ nhà ông Chín Bản. Trước trại là một vuông sân, cát ngập tới mắt cá. Giữa sân lêu nghêu cây cột cò. Chân cột được tô điểm một vòng tròn xây bằng vỏ sò, ốc, điệp mà mỗi buổi sáng trại sinh, sau khi tắm biển phơi nắng đều có ý thức nhặt năm bảy chiếc để góp phần vào đó.

Mỗi buổi sáng hai khóa gần chừng sáu mươi, bảy mươi trại sinh, một nửa là cán bộ thiếu nhi, một nửa là cán bộ thanh niên, sau khi tắm nước ngọt xong đến đây xếp hàng ngắn để chào cò và nhận lời giáo huấn của ban chỉ huy trại.

Bên trái là Nhà Ngủ của trại sinh. Ngủ bằng nóp trên hai dây sạp dài ọp ẹp, chiếc này úp sát chiếc kia, như những cái mả đất. Trên vách có treo hai khẩu hiệu: *“Quân sự hóa thanh niên, du kích hóa đồ đạc”*. Trong giờ ngủ có thể có còi kèng báo động, trại sinh phải cuộn nóp vác lên vai ra tập hợp trong vòng năm phút. Hình như có súng gỗ nữa thì phải. Còn bình thường thì nghe kèng thức, trại sinh vừa tung nóp vừa hô *“Xung phong, xung phong”* tay cuộn nóp

miệng hát: “*Anh nghe chẳng cung kèn rạng đông, đang uy linh lừng vang trên không*” (*Cung Kèn Rạng Đông* của Hùng Lâm). Dứt hồi kèn là phải ra biển để được huấn luyện viên dắt chạy vài vòng trước khi tập thể dục lần võ thuật.

Đó là giảng đường và trại ngủ. Còn văn phòng thì gồm có bốn chiếc giường bên bằng tràm con, một cái bàn dài cũng bằng tràm. Áo quần sách vở của ban chỉ huy rất đơn sơ không cần có tủ. Gió lật sách, gió thổi sáo và tràm được gảy đàn. Nhà bếp là một cái chòi gồm có một chiếc lò, nấu cơm bằng chảo đựng, thức ăn suốt tháng chỉ một món kho. Rau sam trại sinh tự túc lấy để ăn. Thịnh thoảng mới có được bữa canh dưa hường nêm mắm ruốc. Đặc biệt dù kho hay canh, dưới đáy tô vẫn đọng một lớp cát. Khi nhai trong mồm, nghe rào rào. Đứng mà ăn chớ không có ghế ngồi. Ban chỉ huy cũng như trại sinh. Thế nhưng tâm hồn cao cả vô biên!

Linh hồn của ban chỉ huy trại là anh Mạch Văn Tư tức thi sĩ Tâm Điền. Đêm nào cũng vậy, sau khi dạy chúng tôi một bài chính trị, tình hình thế giới, thi sĩ cũng đọc thơ kháng chiến như *Ngọn Quốc Kỳ* của *Xuân Diệu* hoặc những bài thơ của chính anh viết trong lúc làm trại trưởng.

Gió reo, gió reo, gió Việt Nam reo

Mây bay, mây bay, mây hồng tươi sáng

Gió ca trên non, gió ngợi trên đèo

Gió bay đi mà nhạc cũng bay theo.

Xuân Diệu

*Đây biển rộng, đây rừng sâu
 Đây mệnh mỏng cao cả,
 Đây thiên nhiên hòa hợp với lòng người
 Đây muôn lòng xinh đẹp giữa hồng tươi.*

Tâm Điền

Anh là thần tượng của tuổi trẻ chúng tôi. Những thanh niên đầu óc mới tinh nhu trang giấy trắng, những học sinh vừa bỏ trường lòng còn rộn tiếng trống Chi Lăng, tiếng sóng Bạch Đằng nhưng chưa biết đi đâu, những thiếu nhi ham hát “*Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đảng*” nhưng chưa biết đảng nào để đi, tất cả đều đến đây để nhận đường đi cứu nước như những chiến sĩ trẻ lên đường:

*Với núi sông vừa khi tươi sáng
 Lên đường ta quyết tiến
 Đoàn quân ta cùng bước đều ca
 Rền khắp ngàn nơi xa
 Cứu nước non vượt khi nguy biến
 Lên đường ta quyết chiến
 (**Chiến Sĩ Lên Đường, Tâm Điền - Lữ Sinh, 1947**)*

Trước mặt chúng tôi, ba tấm ảnh lớn của các văn hào: *Gorki*, kỹ sư tâm hồn; *Romain Rolland*, bạn của kẻ yếu; *Henri Barbusse*, Đại Tướng chống Phát Xít được treo ngang nhau một cách trang trọng. Tôi nhớ không có ảnh Hồ Chí Minh. Không biết vô tình hay sự cố ý của ban chỉ huy trại.

Anh Mạch Văn Tu là người không chấp nhận Cộng sản từ đầu kháng chiến. Ngày nay, tức là sau bốn mươi sáu năm rời trại bắt ngờ tôi được biết vị trại trưởng của tôi chính là thi sĩ Xuân Tước hiện tị nạn ở Colorado! Chỉ có ba khẩu hiệu: “*Dân Tộc - Khoa Học - Đại Chúng*” viết trên gỗ thô đóng đinh trên xà ngang của giảng đường. Tuy không hiểu trọn vẹn, nhưng tất cả những gì tôi được dạy, tôi đều cảm thấy mới lạ và rất bổ ích. Chương trình huấn luyện của trại như một bó đuốc soi đường kỳ diệu. Bên ba tấm ảnh là bức tranh một chiến sĩ trẻ ôm súng máy xông trận với dòng chữ chú thích: “*Thanh Niên Mới*”.

Ba mươi ngày học ở đây thật chẳng khác nào một khúc nhạc xuân vui tươi, hồn nhiên và nóng sốt. Trong khung cảnh này, thi sĩ Tâm Điền và nhạc sĩ Lữ Sinh có được nguồn hứng để đẻ ra những tác phẩm bất hủ.

Cùng đi nguyện đem thân hiến cho đời mới

*Tim thom nồng đứng lên thét lên ánh dương chan
hòa*

*... Nghe nắng mới reo xôn xao, chim với gió tung bay
cao*

Ta muốn đắp xây tương lai, ngàn tươi sáng.

Khi sông máu trôi tràn đầy

Ta quyết hiến tâm hồn này

Dâng ánh sáng cho đời sống

Nghe nắng mới reo xôn xao

Chim với gió tung bay cao...

(Tiến Lên Đường Sáng - TĐ-LS, 1946)

Một hôm anh Lữ Sinh nhạc sĩ vĩ cầm sang giảng đường bảo chúng tôi:

Hôm nay tôi dạy các em bản hát mới. Rồi tay kẹp nách vĩ cầm, tay ra bộ, anh hát:

Làm sao khắp chúng dân đều tự do

Làm sao khắp muôn dân đầy cơm áo

Làm sao khắp thiên hạ hưởng hòa bình

Bao nhiêu năm đói rét và lâm than

Bao nhiêu lần bao nước mắt đầm máu xương

Đứng lên đều tung gông cùm giam đời sống

Vùng lên đem hết máu xương

Vùng lên quyết tranh phần sống

Nào nại tan nát thân mình

Nào nại cực khổ gian lao

Muôn dân khóc than

Muôn dân nát lòng

Muôn dân căm hờn

Vì đời bất công!

Vùng lên đem hết máu xương

Vùng lên quyết tranh phần sống!

Tự do hạnh phúc kia rồi

Hòa bình no ấm chào đón ta!

(Tự Do, Cơm Áo, Hòa Bình, Lữ Sinh-Tâm Điền, 1947)

Chúng tôi học thuộc rất mau nhờ tiếng đàn dẫn dắt. Nhưng chính là nhờ những ý tưởng xã hội cao đẹp của bài hát đã đi vào tâm hồn chúng tôi như một mối lửa phóng vào một mớ rơm khô. Nó tiếp nhận một cách hào hứng.

Cũng như đối với những bài khác sáng tác chung với anh Tâm Điền, anh Lữ Sinh đều không giới thiệu tác giả nên mãi về sau chúng tôi mới biết lời ca là của thi sĩ Tâm Điền. Hai mươi năm đi khắp đất nước, bây giờ trở lại vùng biển rừng như gặp lại một “*kỷ vật*” vĩ đại, tôi nghe nổi buồn thấm tận tâm can.

Con người và tác phẩm của thi sĩ Tâm Điền đã ảnh hưởng sâu sắc trong đời viết văn của tôi. Chính anh đã gieo vào tâm hồn tôi mầm mống nghệ thuật từ đó nhưng tôi cũng không biết. Có lẽ anh cũng chẳng hay Bà tiên cầm đóa hoa thổi đi, những hạt hoa bay, bà đâu biết nó sẽ bắt mầm và mọc lên ở mảnh đất nào. Bà chỉ biết gởi nó cho gió:

“Je sème à tout vent. “

Thật vậy tôi bắt đầu ham thơ phú, nhạc họa từ lúc hát những bài của Lưu Hữu Phước, xem tranh của Diệp Minh Châu và nghe thơ của Tâm Điền. Hồi ở trại, chính anh đã bảo tôi đóng mấy tập thơ “*Đuống Hồng*” của anh để triển lãm ở buổi lửa trại bế mạc khóa Chiến Thắng tại huyện lỵ Thanh Phú. Nhờ đó tôi đã đọc hết tập thơ của anh. Và chưa bao giờ tôi đọc nhiều thơ cùng một lúc như vậy.

Bên cạnh văn học nghệ thuật anh còn dạy cho tôi lòng yêu nước. Anh đã làm theo những lời anh từng dạy chúng tôi. Một lòng yêu nước trọn vẹn và không bị bất cứ thứ chủ nghĩa nào chi phối.

Trong lúc làm Tỉnh Đoàn Trưởng Thanh Niên Cứu Quốc Tỉnh, anh đã bị Tỉnh Ủy chèn ép, mua chuộc, nhưng anh nhất định không vô đảng. Vì quá cứng

đầu nên anh bị đưa lên Nam Bộ cho Tỉnh Ủy khởi chương tai gai mắt. Lên đây anh lại bị chèn ép bởi cơ quan Thanh Niên Cứu Quốc Nam Bộ đứng đầu là Trần Bạch Đằng. Tài năng vượt xa Đằng nhưng anh bị đặt dưới Đằng. Mặc dù vậy anh buộc lòng chấp nhận công tác cho đến 1954. Chính anh quen biết Hoàng Xuân Nhị từ 1946 trong buổi lễ bế mạc khóa Chiến Thắng kể trên, nhưng sau này chính Hoàng Xuân Nhị lẫn Hà Huy Giáp thuyết phục anh vô đảng. Anh vẫn từ chối. Nhất định không vô Cộng sản để được ân huệ của đảng. Khi đình chiến, anh tuyên bố:

- Tôi chịu đựng các anh đã quá nhiều. Sự đóng góp của tôi trong chín năm kháng chiến coi như đã đủ đối với đất nước. Bây giờ tôi phải đi con đường của tôi!

Và anh dắt vợ con về Sài Gòn.

Mạch Văn Tư, người thanh niên hai mươi sáu tuổi trại trưởng, tỉnh đoàn trưởng, ủy viên thường vụ Thanh Niên Cứu Quốc Nam Bộ, người đã võ trang trên bốn trăm cán bộ Thanh Niên cho tỉnh Bến Tre, hàng ngàn cán bộ cho toàn Nam Bộ, vũ khí lòng yêu nước mẫu nhiệm, đành phải về Sài Gòn, tự hủy bỏ công lao của mình vì không thể hợp tác với Cộng sản năm 1954 và đã phải bỏ nước ra đi vì không thể sống chung với Cộng sản năm 1975. Nhưng điều đó không có nghĩa là anh khuất phục chúng. Không! Thi sĩ Tâm Điền thời đầu Kháng chiến và nhà thơ Xuân Tước bây giờ là một, vẫn chiến đấu chống Cộng sản, với ngọn bút trong tay.

Tôi đã dắt độc giả đi ngược thời gian quá xa. Bây giờ xin trở về nền trại cũ. Thành học trò của thầy Mạch Văn Tư, bạn tôi, Ba Thơ, bây giờ là Tỉnh Ủy Viên. Cả hai đứa bồi hồi ôn lại những kỷ niệm xưa. Có lẽ hẳn cũng như tôi đều cảm thấy buồn, một nỗi buồn ghê gớm, nỗi buồn của hai tên học trò trở lại trường cũ mà ngôi trường đã biến mất hoàn toàn. Ba Thơ bảo:

- Thôi trở về để hỏi xem Tư Cua có phải là bà Bé con ông Chín Bản hay không?

Tôi và Tư Mô leo đèo theo sau hắn. Bên cạnh nỗi buồn bất chợt đến, tôi có suy nghĩ của tôi: miền Bắc xã hội chủ nghĩa muốn bỏ vôi biển miền Nam thành một loại bò vàng trán in dấu lửa Nga Xô. Khi ra đến đó, sống một năm tôi đã hết chịu nổi. Nhưng, như ván đã đóng thuyền tôi không có cách gì trốn thoát. Tôi chỉ tiếc rẻ: hồi đầu kháng chiến, nếu biết tương

lai của mình như vậy, thì mình đã không đi. Và có lẽ cũng không ai đi theo tiếng gọi “*đáp lời sông núi*”. Hai mươi năm phí ổng, vô ích. May mà tôi còn sống để về được xứ sở quê hương.

Đang đi, bỗng Ba Thơ quay lại:

- Tao nghe nói ở ngoài đó sung sướng lắm mà mày!

- Đ...!

- Tao nghe tụi Mùa Thu về tuyên truyền mạnh lắm!

- Mẹ mấy tháng nói láo. Sao chúng nó không ở ngoài hưởng mà mang đầu về?

- ... để giải phóng Miền Nam!

- Chưa giải phóng còn cơm ăn, giải phóng xong, húp cháo.

- Giỡn hoài mày!

- Lập trường của mày hiện giờ lộ ra một tắc rưởi, giải phóng rồi, thụt mất tiêu!

Ba Thơ không quạu lại cười hề hề:

- Vậy ở Miền Bắc chắc cái của chú mày cao trên tắc rưởi... ời?

Cả ba cùng cười. Ba Thơ tiếp:

- Bữa nay tao biểu Tư Cua cho tụi mình ăn Tết sớm cho chắc tay. Lơ mơ nó chụp, mất ăn!

Sáng thức dậy ở nhà ông Tư Cua, tôi và anh Tư Mò nhìn nhau:

- Kiểm chỗ khác ăn chục, chớ không lẽ ở đây bắt người ta dãi hoài.

Tư Cua là người điệu đàn, nên chúng tôi chưa

kip vác ba-lô đi thì cơm nước đã dọn ra. Không rõ vì nể Ba Thor hay là thương mến chúng tôi. Cơm nước xong, chúng tôi, vì tự trọng, cương quyết ra đi. Nhưng Ba Thor phụ nhĩ:

- Cán bộ bây giờ phải tự túc hết cả. Không còn được lãnh sinh hoạt phí như trước. Các cha cũng nên tính kế.

Tôi nói:

- Tụi tao có thể đi làm mướn để sống. Ở trên Tân Hào, tao đã từng gánh lúa mướn, bồi vườn, dạy học, ở đây có việc gì không?

- Nếu mày chịu lao động thì thiếu gì việc. Mày còn nhớ cái bãi này có vô số sò hến! Đi trên bãi cát, lấy ngón chân cái xùi một cái là văng lên vài con hến. Ở đây, năm nay hến lan tràn, nên tao chia ra thành ruộng hến. Để tao bảo Chi Ủy cấp cho mày một ít “manh” rồi cào bắt đem bán. Có người thầu đem lên đong cho vừa ở Bến Tre. Đó là nghề dễ ăn nhất.

- Tao nhớ hồi tụi mình học ở trại, ngày nào cũng ăn hến, hến luộc hến nấu canh bí, hến kho... Cả hến rô ti nữa!

Ba Thor bảo:

- Tuy dễ ăn, nhưng có lúc cũng phải hy sinh nghe mày!

- Tại sao?

- Tại vì mày phải ra ruộng, mà ruộng hến thì đâu có hầm hố gì. Phải liềm mạng mới cào được. Nếu có trục thẳng phải chạy. Chạy không kịp thì lên đài tử sĩ.

Tư Mô lắc đầu:

- Vậy không chơi được! Bộ giò tụi tao bây giờ hết chất nhờn rồi, chạy không kịp trực thăng đâu.

Ba Thơ tiếp:

- Còn một nghề nữa. Là nghề móc cua biển. Ở sau rừng có vô số cua biển. Dem lên Bến Tre một vốn lời năm.

- Được rồi. Một ngày bắt được chục rươi con cũng đủ sống.

- Nhưng lắm khi cũng đổ máu.

- Tại sao?

Ba Thơ rí tai tôi.

- Là vì trong rừng mình... giấu “ông kẹ, bà kẹ” cho nên du kích phải gài lựu đạn chặn các ngõ. Nếu không dân móc cua đi luồn tuồng lộ bí mật hết.

Tôi sực nhớ vụ thằng Hồng bị lựu đạn nổ dưới đĩa ở Tân Hào vừa rồi.

- Cái gì chớ lựu đạn gài thì tụi tao xin rút lui. Còn nghề gì nữa không?

- Còn một nghề khoẻ nhất là trồng dưa hấu. Nhưng lâu ăn.

- Hồng được. Rùi trồng rồi bỏ chạy thì cứt vốn làm sao?

- Còn nghề “*đắp bùn vô cua*” cũng rất khoẻ.

- Nghề gì kỳ cục vậy?

- Nghe thì kỳ cục nhưng không sợ trực thăng. Tức là các tay móc cua đem về, bà Tư Cua cân hết. Tụi này lãnh rồi móc đất sét đắp lên mình từng con một. Đắp nhiều ăn nhiều, đắp ít ăn ít.

- Ăn đất à!

- Ấy! Để tao nói cho nghe. Thí dụ một giỏ cân được 50 kí lô. Giao cho mày mày cứ móc đất sét đắp lên mình từng con một. Đắp càng nhiều càng tốt. Vì có đất nhiều cua sống dai, sống dai bán cho vừa được nhiều tiền hơn cua chết. Nếu ông đắp xong cả giỏ cân được 75 kí thì bà Tư Cua sẽ trả tiền cho ông 25 kí cua tính theo giá ở đây.

- Chỉ đắp đất vậy thôi à?

- Chỉ có vậy thôi. Đắp bít cả mắt cua cho muối không cắn được. Mày biết không? Khấp mình con cua chỉ có cặp mắt là muối không cắn được, muối cắn mắt là nó chết.

- Tại sao dân ở đây không làm?

- Vì ít tiền hơn đi ngoéo cua.

- Thôi được mày nói với bà Tư Cua, cho hai đứa tao cái công tác đó đi!

Thế là hai nhà văn R trở thành chuyên viên đắp đất cho cua. Chúng tôi không lấy tiền mà chỉ xin được ăn cơm ngày hai bữa. Riêng anh Tu thì có thuốc hút và trà uống tì tì. Ông Tư Cua mền chúng tôi, dù hèn cũng là cán R là văn sĩ nọ kia. Còn chúng tôi thì biết phận mình chẳng ra chi nên vui lòng làm, không dám mè nheo gì cả. Coi như việc sáng tác xếp lại một bên. Nhưng mà thời cuộc biến chuyển. Trục thẳng đầu có để yên cho hai gã giang hồ này toại hưởng thái bình. Cứ mỗi sáng mở mắt ra thì gặp những đoàn cán bộ lũ lượt kéo qua. Chúng tôi quen hoặc không quen cũng chặn lại hỏi:

- Ê! Tình hình ở trên giờ sao ta?

- Tụi Bình Định đóng bít hết Tân Hào, Thạnh Phú Đông, Phước Long rồi.

Vậy là chỉ còn có cái lỏm Thạnh Phong ra biển nữa thôi. Chạy đi đâu? Bắc giáp Ba Tri, Nam giáp Trà Vinh. Đông giáp biển Nam Hải, Tây giáp Thạnh Phú. Không chỗ nào khả dĩ dung thân được. Mặt người nào người nấy méo xẹo. Không ai muốn nói chuyện với ai. Có khi bị hỏi, không trả lời mà còn văng tục trở lại.

Trong lúc thế sự ở dưới đất bất ổn thì từ trên trời, cái con đầm già cứ ong ong chụp loa xuống oang oang:

- Hồ Chí Minh Đã Ngủm Cù Đeo (nó thêm hai chữ “cù đeo”) và Chiêu Hồi Hoặc Tử Thần!

Đi sau những câu này là tiếng nói của các ông các bà cán bộ vừa tìm tự do xong. Ngày nào cũng có vài ông bà mới. Họ xưng tên, tuổi, chức vụ, và gốc gác rất chi tiết. Tôi không còn nhớ hết tên, nhưng có một bữa tôi giật mình vì một giọng nói rất quen. Nghe rõ tên thì đó là dưỡng của tôi làm Huyện Đội Phó huyện Mỏ Cày. Lúc tôi về ở nhà cụ tôi, dưỡng có đến thăm, lưng giắt “*cun*” oai ra phết.

Liên tiếp chuyện không lành xảy đến. Việc đau khổ nhất giáng xuống nỗi cơm chúng tôi. Số là đã bình định xong Cù Lao Minh, quân Sài Gòn chặn ngách Thạnh Phong không cho cán bộ vọt ra khỏi đó. Họ không cho dò từ Thạnh Phú trở lên đi Bến Tre, dò Cồn Chim Thạnh Phong không được đi. Như vậy bao nhiêu chuyến buôn của bị đuổi lộn về. Và hai chàng văn sĩ cố nhiên phải thất nghiệp. Vựa

cua Cồn Chim đóng cửa. Dân móc cua không còn hành nghề.

Lũ lượt dân quân cán chính từ miệt trên đổ xuống. Tôi không hiểu tại sao có lệnh cấm ngặt không cho ai xuống vùng thánh địa này mà bây giờ ngày nào cũng có hàng đàn xuống đây. Người ngợm mặt mày đông đến khiếp. Chúng tôi thấy trước một cuộc chụp dù qui mô sẽ xảy đến không xa. Đó chẳng khác nào người đóng đày, *đổ đục* bắt trộm cá lóc cá trê cá rô cá kèo cá chốt tôm tép không sót thứ nào.

Muốn tránh nhưng không có đường. Một bữa tôi và Tư Mô gặp Ba Lương, Trưởng Đoàn Văn Công tỉnh đội. Anh là người hiền hậu dễ thương nhưng không có khả năng văn nghệ. Sở dĩ anh đem cả đoàn về nơi tử địa, không còn là thánh địa nữa, là vì gia đình anh ở đây. Đoàn có thể tựa vào cơ sở của gia đình anh sống ngấp ngáp chờ chụp, còn anh thì có cơ hội gần gia đình trước khi bị chụp.

Gặp chúng tôi, anh ngoẹo cổ sang một bên như gà nòi bị chém cần:

- Con Thu Ba chết rồi anh ạ!
- Chết hồi nào?
- Cách đây vài hôm.
- Tại sao?
- Bù nốc đuối bắn chết.

Thu Ba là cô bé mười bảy tuổi, ca vọng cổ mằm non ai cũng công nhận cô bé có giọng ca giống giọng Lệ Thủy.

- Trời đất! Tội nghiệp! Bây giờ anh tính ai thay thế nó để biểu diễn?

- Biểu gì nổi mà biểu.

Ba Son, ông bạn vàng của tôi bị ban Tuyên Huấn Tỉnh Ủy cho nghỉ việc vì cứng đầu đã sang đoàn Văn Công của Ba Lương thủ cây đòn tranh, cùng đi với Ba Lương. Tôi hỏi.

- Bà bầu thế nào?

- Tôi gọi về Bến Tre rồi. Chị sanh chưa?

- Rồi! Gái!

Tôi và Tư Mỏ nhập ngang xương vào đoàn Ba Lương làm chùm gỏi. Họ không mất cũng không được gì với sự có mặt của hai ông cán R. Chỉ ghép nhau chạy cho vui, rủi có bị thương thì băng bó nhau. Vậy thôi. Tỉnh đồng chí không giúp ích gì nhau cả. Tuy vậy, Ba Lương cũng làm bộ oai, hứa sẽ dựng sân khấu phục vụ nhân dân. Tôi cũng làm ra vẻ còn tinh thần. Tôi sẽ viết cho đoàn một vở cải lương hài hước. Lúc ở chung với Tám Không tôi cũng có học lóm được vài bản Kim Tiền, Bình Bán... Bây giờ đem ra xài.

Tôi hỏi thăm đoàn Văn Công của tỉnh vì trong đó có thằng em con dì tôi. Ba Lương bảo:

- Mười Xường xui quá!

- Chuyện gì vậy?

- Y tìm đầu được con mèo mướp.

- Có vụ chạy giàn ngoài nữa à?

- Không! Đây là mèo ăn thịt, không phải “mèo” kia. Y đem lại nhà chị Sáu ở Giồng Chùa rủ tôi làm thịt nhậu. Tôi bảo ăn thịt mèo xui lắm! Y bảo y không tin dị đoan. Hai đứa làm, xào lăn cua hết nửa cây đẽ.

Đã thiệt! Có chụp cũng không thềm chạy, chiều tối hai đứa chia tay. Hôm sau nghe y đập đập cà-nông cải tiến của du kích Phước Long.

- Cà-nông cải tiến là cà-nông gì?

- Là đầu cà-nông lép, tụi du kích đào lên gắn hột nổ mới. Cái đồ khôn nhà đại chợ. Lính lợi qua lợi lại dẫm nát đất mà không nổ, đến phiên mình thì lại nổ.

- Tôi ón ba ông nội con nít lắm cha ơi! Chuyện qua rồi không nên nhắc lại làm gì cho thêm rùn chí tơ lòng. Hồi mới qua đây, tôi dắt vợ lon ton đầu biết lối nào, chẳng may đá sút chột một trái, không hiểu sao nó lại câm. Nếu nó “u” một cái là hốt xương rồi.

- Sao anh biết?

- Tôi vừa đi qua thì mấy ông tới gõ đem vô, nói cho tôi biết.

- Trời cứu mà! Tôi bị cà-nông xén hết một bên tóc, rốc-kết bắn cháy râu mà mình mẩy còn nguyên.

- Bây giờ tỉnh sao cha?

- Tỉnh gì được mà tỉnh. Tụi mình hiện giờ đang ở trong hũ nút. Nó muốn xúc ra làm mắm, kho khô lúc nào thì tùy nó chớ lợi đi đâu được?

- Tụi Bình Định tro đó mà mình không làm gì được à?

- Làm mẹ gì. Tiểu đoàn của thằng Chín Chu còn có non nửa. Sau Mậu Thân lặn mất tăm.

Ba Lương ngó dáo dác rồi hạ giọng hỏi tôi:

- Ê, mấy cha ở trên R có nghe ngóng ngoài Bắc gần thay đổi chủ trương chưa?

- Chủ trương gì?

Ba Lương ậm ờ một chút rồi gạt ngang:

- Mà thôi, bỏ mẹ nó đi!

Bỗng đâu con đằm già tới, phóng loa chụp xuống đầu tội tôi. Ba Lương lôi tay tôi núp vô cây măng cầu ta còi cộc. Biết là không trốn khỏi mà vẫn né cho có lệ. Tôi biết Ba Lương cũng như tôi và bao nhiêu cán bộ khác sốt ruột muốn hòa bình. Đánh gì mà từ thắng tới huê, tới thua. Rồi bây giờ sắp thua trộm mà cũng chưa chịu thôi. Bởi vì cái tâm lý của bọn lãnh tụ là những kẻ hi sinh không phải là con cháu, dòng họ của chúng. Ruột ai nấy xót. Dân Nam Kỳ chết càng nhiều thì càng bớt đi những mũi nhọn chống đối, chúng càng ngồi yên chớ có sao đâu.

- Chíp! Tội nghiệp con Thu Ba.

Tôi nói thầm:

- Nếu nó là con Lê Duẩn, Trường Chinh thì giờ này nó đang ở bên Liên Xô, Đông Đức chớ đâu có nằm dưới đất đen để hưởng vinh quang của đảng.

Tôi hỏi lái qua một chuyện khác:

- Các chả đâu hết rồi?

- Các chả nào?

- Còn các chả nào nữa ông nội?

- Mỗi cha một hang, ai tìm cũng không ra.

- Bây giờ anh đem vui cái đám Văn Công của anh ở xó nào?

- Hồi trước tôi thấy cái bãi biển này rộng ghê. Từ Cồn Chim ra Cồn Lớn đi một buổi. Bây giờ nháy mắt.

- Ê cha! Tối giờ này mà cha còn giữ mấy cô nuông

để xe khô hả. Tụi nó chụp một phát là xúc sạch hết, rồi tiếc nghe.

- Xúc thì xúc chớ tụi tui đâu có dám rớ tới.

- Để mọc mọng hay cống Hồ cho mấy lão FM đầu bạc? Nghe con nhỏ đánh máy về thành nạo rể rồi hả?

- Ông biết một không biết hai. Không phải một con nhỏ đó thôi đâu. Còn vài ba đứa nữa. Tại mấy ông cán bộ “R” của ông đó.

- Ai R chớ tui tui có R đâu mà hô oán!

Tôi và Tư Mô trở thành đoàn viên không chứng nhận của Ba Lương. Cứ hể sáng sớm thì vác ba lô đi xuống Cồn Lớn “*phòng động*” vì ở đây có rừng rậm. Nếu bị chụp thì lui vô rừng. Ở miệt trại Cua thì rừng mắm lá thua thốt. Hầm hố cái nào cái nấy như hang còng không bảo đảm. Ở ngoài rừng đến xế, nếu tình hình êm thì lại kéo về xóm nấu cơm. Nhà dân thì có hầm nhưng thấy cán bộ xuống nuôm nược thì sợ liên lụy nên cũng đùm tùm xuống Cồn Lớn cất chòi trong rừng mà ở. Thấy rõ là họ không muốn cán bộ tới gần. Tôi gặp một gia đình ở trong một cái nhà sàn tum hùm. Tôi cố lấy hết sức tuyên truyền cách mạng, nào là giải phóng, nào là Miền Bắc ấm no, nào Liên Xô thiên đàng mặt đất. Ông già ngồi nghe rất chăm chú. Bà già nấu nước mời uống. Sáng hôm sau tôi trở lại định tuyên truyền tiếp, chẳng ngờ ngôi nhà trống hoang. Gia đình dọn đi sạch không còn để lại một món gì. Rõ ràng tình cá nước vô cùng thấm thiết!

Tôi thường đi ghép với tổ âm nhạc của Ba Sơn vì y là người quen từ lâu đồng thời hai đứa cùng có vợ vừa đẻ. Bữa nào cũng mắc võng trong bụi Sơn Tra nói

chuyện vợ con, trong lúc Tư Mô thì đi thọc ổ kiến vàng lấy nhộng câu cá lòng tong. Anh có kiên nhẫn ngồi chờ cá cắn câu. Triết lý của anh là giết thì giờ một cách có lợi. Thường thường bữa ăn ngon nhờ anh. Lắm khi với một vài con bù cào mỡ anh bắt được hai con cá rô.

Đi trên đất cũ, tôi tiếc thời kháng chiến chống Pháp. Hồi đó cuộc sống của cán bộ rất phấn khởi, hồn nhiên. Ai cũng sẵn lòng hy sinh cho đại cuộc. Bây giờ có cái đảng này chen vô mệt quá. Nó hoàn toàn độc tài từ Trung ương xuống tỉnh, từ tỉnh xuống ấp. Mỗi tổ trưởng là một ông trời con, muốn giết ai cứ gán cho tội phản động và lôi ra giết.

Một hôm trên đường từ Cồn Lớn về Cồn Chim, tôi đang lúi thủi đi, bỗng nghe tiếng kêu:

- Ê phải mày là thằng Triết không?

Tôi quay lại thấy một ông nông dân vác cuốc trên vai, mặt mày lem luốc, áo quần xốc xếch. Tôi đang ngo ngác thì ông ta cười hề hề, đến vỗ vai tôi:

- Bồn nè. Bồn học lớp thầy Pho ở Cầu Mống.

Bùng lên trong óc tôi mái trường ngôi đồ au ba gian. Một chiếc trống đặt ở giữa, học trò đua nhau giành giật cái dùi trống để đánh giờ tan học, vào lớp.

- Tôi không nhớ.

Ông ta nhắc tiếp:

- “Bồn... lù” nè!

- À! Nhớ rồi.

Nhờ cái biệt danh “Bồn lù” mà chúng tôi nghịch ngợm đặt cho hần. Trời đất. Ba chục năm qua. Kể từ xa mái trường làng tôi không có dịp quay về thăm thầy và không gặp lại thằng bạn nào hết.

- Về nhà tao chơi!

- Sao mày lợt xuống đây?

- Ông già tao chết. Má tao có chồng khác. Tao theo bà xuống đây làm ăn mấy chục năm nay.

- Mày ở Làng Mới với thằng Xuân thằng Thu, thằng Vinh Trần, thằng Hai Địa phải không?

- Đúng rồi. Tao ở Làng Mới! Nhưng bỏ đi lâu rồi.

- Mày còn viết chữ đẹp như xưa nữa không?

- Viết gì mà viết. Tao có đi cán bộ một lúc, nhưng ở trên huyện bảo tao "*hụt tiêu chuẩn*" nên không cho đi nữa.

- Tiêu chuẩn gì mà hụt?

- Ông già tao là hội tể.

Về đến nhà bạn, tôi hết sức ngạc nhiên. Vợ nó gần như má chiến sĩ. Con một bảy. Thằng lớn nhất đã có ria mép, nói tiếng ồ ề. Bốn hỏi:

- Muốn nhậu gì?

- Gì cũng được.

- Cá khô hay gà vịt. Heo cũng có. Ở làng xóm có con heo bị lựu đạn gài.

- Làm nhè nhẹ thôi mày ạ!

Nhà Bốn cất trong đụn cát. Nghĩa là nó khoét cát thành hang rồi dựng sườn nhà cột kèo gác trong đó. Nóc và vách đều bằng cát chỉ có cửa là bằng gỗ thôi.

- Ngủ trong nhà tao cà-nông của hạm đội Bảy cũng không làm gì được. Bốn tía con tao làm một tháng mới xong. Chỉ sợ phản lực bỏ bom thôi.

- Ở đây vài bữa ăn đám gả con gái tao.

- Há?

- Tao sắp gả con gái. Con chị của thằng nhỏ đó.
- Trời đất!

Tư Mô giải thích:

- Tại chú ham vui cứ đi hà rong hà rỗi từ Nam ra Bắc rồi từ Bắc vô Nam, chớ nếu ở nhà thì cũng có thua gì chú Bốn.

Bữa cỗ chiều nay thật là linh đình. Thứ gì ngon nó cũng dọn lên hết.

- Ăn mừng ba mươi năm gặp lại nhau.
- Mà có gặp thầy cũ nào của mình không?
- Có nghe chuyện như không gặp.
- Thầy nào?

- Thầy Pho. Ông bị Việt Minh bắn hụt rồi ông bỏ nhà lên Bến Tre luôn. Từ đó tới giờ không biết thầy ở đâu nữa. Thầy Ba thì chết rồi. Thầy Thượng nghe hình như cũng chết. Ông uống rượu li bì... Con thầy Ba có chồng hồi mười bảy tuổi. Mà nhớ nó không? Huỳnh Thị Kim Anh có cặp mắt mơ huyền! Máy chục năm rồi mà không có đi chợ Cầu Mống?

- Ít nhất là ba chục năm. Kể từ ngày bộ đội anh Hai Phải hạ đồn Cầu Mống, Tây tái chiếm tao đi luôn tới bây giờ.

- Mà đi kháng chiến hồi nào?
- Đi luôn từ 45.

- Dữ vậy? Tao cũng có hủ hợ hết vài năm. Rồi bỏ về nhà. Đồng Khởi lên, tao cũng dựa hủ mé vài năm rồi bị chê thành phần không cơ bản. Về nhà trồng dưa hấu.

- Ở đây dưa dễ trồng không?

- Muốn trồng thì trồng chớ dễ khó gì. Mà mày đâu có thì giờ như tao.

- Ờ. Con Lự bây giờ ở đâu?

- Nó chết rồi!

- Con nhỏ ngộ ghê.

- Hồi đó cú hể trời mưa thì tụi mình làm xe lửa chạy, cú nhầm tụi con gái mà đâm vào. Tụi nó thua thấy bị phạt mà cũng không thất kinh.

- Con Lự ở Làng Mới phải không?

- Nó ở gần nhà tao. Tao muốn ve mà không biết làm sao.

- Muốn người ta người ta hồng muốn... Xách ...

- ... cặp dừa đi xuống đi lên, hà hà...

- Trời! Con nhỏ trắng như bông buồm tóc dài chấm mông đoan trang hết sức.

- Toàn mặc đồ trắng đi học.

- Con Phượng cũng ngộ chớ mậy.

- Ngộ nhưng tao không muốn. Hồi nào tới giờ tao chưa thấy đứa nào ngộ bằng con Lự. Ờ còn thằng Thổ Bền, thằng Vĩnh Phạm, Vĩnh Bùi đâu mậy?

- Vĩnh Phạm đi đâu biệt tích. Anh nó là anh Trung làm cứu thương chết trong trận Cầu Mống. Vĩnh Bùi là chú tao. Ổng có vợ có con cũng cỡ đám con mày. Còn thằng Thổ Bền cùng ấp với tao nhưng không gặp. Chắc cũng vợ con đùm đề rồi.

- Còn mày?

- Con tao mới sáu tháng.

- Trời đất? Chùng nào mới làm xuôi được?

- Chùng ăn trâu ngoái.

Bỗng nghe rung rinh mặt đất. Bốn ngung dừa nói:

- Hạm đội Bảy tưng buổi chiều.

- Ở đây bị thương không?

- Một ngày ba trận, sáng, trưa, chiều.

- Trận nào nặng nhất.

- Tùy hỉ. Bữa nào thiếu rượu nó quạo thì nó bắn nhiều. Bữa nào có nhiều rượu, bận đua cay thì nó bắn ít. Thử lính Mỹ mới tập bắn, nó bắn mình không biết đường đỡ.

- Đỡ cách nào?

- Lấy thúng ra hứng chớ còn cách nào! Nó chạy lên gần ngang đây rồi đó. Nhưng cứ yên trí làm hết chai này. Nó rĩa đều mỗi nơi vài quả. Vì nó chạy chớ không phải đứng tại chỗ. Hầm này “*châu đôi*” kia mới sợ.

- Châu đôi là sao?

- Là hai trái rớt một lỗ. Trái trước dùi một thước rưỡi, trái sau tiếp theo... cũng chưa thủng vì nóc “nhà” tao dày bốn mét cát cứng chớ không phải cát xốp.

Tôi hỏi sang cái xác tàu nằm ngoài bãi. Bốn thuật lại rất chi tiết. Vì chuyện này ai cũng biết hết rồi, không còn giấu giếm được nữa.

- Tụi nó theo dõi đầu từ ngoài Miền Trung lặn. Cho nên tàu vừa cặp vô đây là ba chiếc phản lực tới bỏ bom liền. Bom rơi xuống biển nước tung lên cả chục lần. Sau cùng mới thấy khói đen lên. Rồi tiếp theo là tiếng nổ liên hồi. Tao núp ở miệng hầm ngoài bãi nên trông thấy rõ.

- Mày đi đâu ngoài đó, bộ không sợ à?

- Tao đang làm rẫy dưa, nghe phản lực tới thì chui hầm. Mọi lần thì nó bỏ bom trong xóm, còn lần này nó bỏ ngoài biển. Khi tàn cuộc thì trực thăng tới, tiếp tục bắn. Chập sau thì thấy lửa lên. Tao biết là tàu bí mật của mình.

- Sao giỏi vậy?

- Vì mấy lần trước thoát hết. Đạn được đem vô bờ rồi tán khai ra. Kỳ này nó bỏ bom tàu xong thì bỏ bom luôn rừng Trảng Cát. Hồi đầu kháng chiến Binh Công Xưởng của mình đặt ở đó. Tụi Nhứt thua chạy ra tàu cũng nhui trốn trong rừng đó. Bây giờ mình cũng đặt căn cứ ở đó, làm sao bí mật được? Nó không chơi bằng phản lực đâu. Nó xài B52 mày ạ. Bây giờ còn đạn mà không ai dám vô mò lấy. Tụi Mỹ này ghê gớm lắm. Không có cái giống gì lọt mắt nó đâu. Ban đêm mày thấy máy bay thám thính chụp hình rầm rầm, liên tục, mấy đêm liên không?

- Ở như vậy mần ăn sao được. Mày định dời đi đâu?

- Mắc gốc mắc rễ ở đây rồi, dời đi đâu mà dời? Ngày nào cũng lãnh vài trăm phát cà-nông hạm đội Bảy. Vài bữa trực thăng rượt dân cào nghêu một bữa. Ít có ngày nào yên ổn. Người ta coi cái chết như cơm bữa. Riết rồi cũng quen đi. Không quen cũng không được.

Tôi hỏi:

- Làm sao tàu vô trong cạn được vậy?

Bốn đáp:

- Không phải đâu. Hai năm trước, khi bị bắn, nó ở ngoài khơi, nhưng bây giờ bãi bồi ra xa nên coi như

nó bị mắc cạn vậy. Vài năm nữa thì cát sẽ lấp lên đến nửa thân nó.

- Còn người trên tàu đâu?

- Có người đồn là trực thăng có xúc được một vài người. Nhưng không ai rõ. Chỉ thấy mấy cái xác cháy thui tấp vô bờ.

- Không có giấy tờ gì à?

- Thân mình đâu cổ còn không nguyên vẹn, giấy tờ nào còn được?

Về sau khi gặp Dương Đình Lôi ở Củ Chi tôi mới biết rằng thủy thủ đoàn gồm những người cảm tử. Giữa tàu có đặt một tấn thuốc nổ TNT, hễ đụng trận giữa biển liệu bề không thoát thì cho nổ. Trường hợp ở bãi biển này có lẽ bị tấn công bất ngờ nên họ không trở tay kịp hoặc họ không muốn hy sinh. Không biết lẽ nào.

Sống trong cái “rọ” này tôi mới thấy Trường Sơn là dễ thở. Mặc dù sốt rét, thiếu ăn, đôi lúc bị biệt kích, nhưng cái chết không sát sườn như ở đây. Ở đây lúc nào cũng có thể lăn đùng ra chết. Cả nhà đang ăn cơm, một trái đạn từ hạm đội Bảy bắn vào rơi ngay giữa mâm. Một đám người đang cào nghêu, trực thăng đến. Ít nhất vài người bị thương. Ngày nào cũng có dân ngoéo cua bị lựu đạn gài nổ, v.v...

Có một nhân vật thiệt ngộ nghĩnh, đó là ông Tư Chảo. Ông Tư có lò nấu muối gồm ba cái chảo đựng to. Một lần trực thăng bắn rất quá. Sẵn cái chảo, ông chui tọt vào úp lại. Khi trực thăng đi, cả nhà không biết ông ở đâu, chỉ nghe bên trong tiếng la văng

vắng. Vợ con giở chiếc chảo lên. Ông ngộp suýt chết. Hàng xóm hỏi sao lúc này một mình mà giở chiếc chảo nổi, bây giờ lại không giở nổi. Ông cười:

- Lúc nó bắn, cái núi tôi giở cũng nổi nữa là cái chảo.

Từ đó ông có biệt danh là Tư Chảo. Tôi và Tư Mô thỉnh thoảng cũng tấp lại nhà ông Tư Chảo xin một bữa cơm. Riêng tôi định bụng khi viết truyện sẽ đưa nhân vật này vào. Chỉ một nét “Chảo” cũng đủ làm nên nhân vật. Độc giả chỉ xem qua là không thể nào quên được.

Thế cùng tắc biến. Đeo mãi đoàn Văn Công của Ba Lương rồi cũng chán, tôi và Tư Mô tìm chỗ khác để bám vào. Tôi thấy trung đội địa phương của huyện Thanh Phú bèn bàn với Tư Mô tìm cách làm quen. Hồi kháng chiến tôi đã từng đi với nhiều trung đội địa phương của các huyện Châu Thành, Phụng Hiệp, Ô Môn để làm công tác văn nghệ và săn đề tài. Trong tình thế hiện nay, việc dạy hát, dạy viết bích báo không còn thực hành được nữa thì tôi trở tài nói chuyện văn nghệ. Tôi kể truyện Tàu, truyện Tây và phân tích cho lính nghe. Lính thích lắm. Do đó họ cho chúng tôi ăn cơm “siêu mẫu”. Chỉ được một tuần lễ thì họ rời địa điểm đi xa, chúng tôi không thể nào lê gót theo được. Tình trạng thân sơ thất sở này kéo dài cả tháng chớ không ít.

Một buổi sáng tôi và Tư Mô đang chuẩn bị đi “phòng động” thì “động” tới. Nếu trước đây chợ An Định được coi như một “đống chà” để nhử cá thì bây

giờ phần đất này của Thạnh Phong chính là một đồng chà vĩ đại hơn nhiều vì nó gồm đủ loại cá có thể có cả “*cá tra, cá mập*” nữa.

Sự việc bị chụp đã được dự đoán từ lâu thì nay xảy đến. Quân Sài Gòn đổ một phát ba mặt. Từ trong rừng đánh ra, từ cửa Hàm Luông ruồng tới và từ cửa Cổ Chiên ộp lại. Giao điểm sẽ là chợ Cồn Chim. Chỉ còn một cửa sống là biển. Chiến cuộc này còn nguy hiểm hơn Huế Dung Đạo cho Tào Tháo khi xưa nhiều.

Chúng tôi đeo dính đoàn Văn Công của Ba Lương. Bị đuổi nột, đoàn ra tới mé biển thấy có một bãi lầy cách bờ biển một cái “*khém*” chừng hai trăm thước. Ba Lương quyết định đưa cả đám nam nữ chém về bên đó. Tôi và Tư Mô bàn với nhau không đi theo vì cái khém đang cạn lòi bùn, lội lầy cũng mất mười lăm phút còn phần nước sâu bơi cũng mất mười lăm phút. Nhìn đám nam thanh nữ tú vượt chết chúng tôi quyết định ở lại. Ai chỉ huy cuộc hành quân này cũng phải rõ địa hình và đoán được những kẻ cùng đường phải tìm nơi chém về ở cái “*cồn lầy*” bé tí tẹo này. Nhất định trục thẳng sẽ bắn nát như tương sau đó sẽ nhảy giò xách tóc từng mạng một.

Tôi và Tư Mô lùi trở lại lùi bật mạng vào bụi rậm. Quả nhiên cánh quân đánh từ rừng đi thẳng một mạch ra mé biển, chờ hai cánh kia đánh tới. Chúng tôi như hai cọng lát lọt kẽ răng bừa và sống sót. Đoàn Văn Công bị xúc gần hết.

Cuộc hành quân chớp nhoáng và kết thúc vào

lúc trưa. Sau đó chúng tôi chạy ngược lên phía Rạch Vẹt, nơi đây có nhiều rừng lá dẻ trốn lánh hơn. Cuộc sống của hai gã cán bộ R thiệt gian nan, sự đói khát đã đành nhưng điều đó không đáng sợ bằng sự lạnh nhạt của người dân. Không ai muốn cho mình vào ở đậu, không ai muốn cho mình nấu nhờ cơm. Mà chúng tôi không có một người quen nào để bám víu ngoài Ba Thơ và Tư Cua. Không biết giờ này hai cụ ở đâu?

Chúng tôi vào đại một ngôi nhà quen ở giữa Rạch Vẹt. Nơi đây có một cái bến đò máy đi Thạnh Phú. Ở bến này có một cái quán con. Sau cuộc ruồng chủ quán cũng rục rịch đóng cửa, đi chỗ khác làm ăn. Chúng tôi vào mua khô và gạo rồi sang ngôi nhà hoang nấu ăn. Ánh lửa hoang vu hiu hắt lạ lùng. Chẳng lẽ khóc?

Tư Mô trở lại mua trà. Khi về nhà anh nói:

- Ông chủ quán nói có hai người đàn bà ẵm con nhỏ đi tìm chồng, nhưng nghe chụp dù thì lật đặt xuống đò về liền.

- Rồi sao?

- Tôi nghi là thím Hai lắm!

- Tại sao?

- Không hiểu sao. Có lúc linh tính. Hồi kháng chiến, tôi cũng gặp một ông chủ quán mách cho tôi một trường hợp như vậy. Chẳng dè là vợ con của tôi! Đâu chú sang hỏi thêm coi!

Tôi bỗng nghe tim rung động. Tôi bỏ nồi cơm cho anh Tư, vọt qua quán, hỏi ông chủ quán:

- Người đàn bà đi rồi hả bác?

Bác chủ quán vừa ngó tôi và nói ngay.

- Vợ con của chú chờ ai.

- Sao bác dám chắc vậy?

- Tôi thấy đứa nhỏ giống chú lắm.

- Nó chừng mấy tuổi hả bác?

- Chừng năm, sáu tháng thôi. Còn một người đàn bà cũng rất giống chú.

- Hai người lận à?

- Hai người đàn bà.

Tôi cũng cả quyết.

- Vậy là vợ và em gái tôi?! Họ đến đây bao lâu hả bác?

- Họ đến chuyển đồ chiều, ở lại một đêm trong cái nhà hoang đó. Sáng nghe tin chụp dù, họ liền xuống đò đi lên Thạnh Phú. Thấy họ hỏi thăm mấy người cán bộ tới mua đồ, tôi biết đó là vợ cán bộ. Họ nói đã đi tìm chồng hai ba nơi rồi mà không gặp thì họ đoán là chồng họ xuống đây.

- Đúng là vợ con cháu! Chắc! Nếu cháu lên đây hôm qua thì gặp rồi.

Tôi đau đớn vô cùng, trở về nhà nằm vật ra võng không buồn cơm nước. Tư Mô khuyên dứt hồi lâu tôi mới ráng nuốt một chén. Tôi cứ trách mình:

- Phải hôm qua tôi với anh lên đây thì hay quá!

- Không vợ không con thì ít lo ít khổ. Có vợ có con rồi vừa lo vừa khổ chú ơi! Nhất là khi có đứa con đầu lòng, mình muốn gặp mặt coi nó có đủ tay đủ chân không. Nó có giống mình không?

Tôi nói bằng quơ.

- Tôi được đưa con gái đầu lòng...

- Chú có ai quen không, nhờ người ta đi Thạnh Phú. Chắc bây giờ thím còn ở đó chờ chưa về Cầu Mống đầu.

Tôi chạy sang quán. Ông già lắc đầu:

- Tình hình này không có ai chịu đi đâu chú em.

Lính chặn đò, không cho đi thông thương như trước.

- Vài hôm nữa tôi sẽ mượn người về tận nhà rước vợ con tôi.

- Tôi nghe ta đồn quân Bình Định sắp xuống đây.

Nghe tới hai tiếng “Bình Định” hồn vía tôi lên mây. Chúng đóng đồn Thạnh Phong Cầu Ván thì hết đường lên xuống rồi. Ông già lại tiếp:

- Tôi nghe có một anh du kích chiêu hồi đấy.

- Du kích ở đâu, bác?

- Ở Bần Mít hay Cồn Chim gì đó. Tên là Cồn, Cồn gì không rõ. Đây rồi tình hình sẽ căng hơn chứ không phải chỉ vậy thôi đâu. Chú không gặp vợ con chú lâu chưa?

- Dạ cũng hơi lâu.

- Thằng con tôi nó đi ngoài Bắc bỏ vợ mười mấy năm. Còn thằng đi R bốn năm nay không thu từ gì ráo.

- Anh đi ngoài Bắc tên gì, ở đơn vị nào bác?

- Có biết đơn vị nào, hồi Hòa Bình, ở trên kều đi thì nó đi. Đi rồi thì coi như gà nòi buông đuôi ăn trót.

- Ảnh tập kết bến nào bác?

- Đầu ở trong khu 9.

- Nói vậy chắc anh ở Tiểu Đoàn 307 hoặc 308 chứ gì. Anh đi bến Chắc Băng.

Thấy tôi rành chuyện, ông già mời tôi ngồi và hỏi thêm:

- Sao chú em biết rõ vậy?

- Dạ dân Bến Tre mình hể đi bộ đội thì chắc là vô hai Tiểu Đoàn đó thôi. Vì hai Tiểu Đoàn đó thành lập ở tỉnh mình. Hầu hết lính và cán bộ đều là dân tỉnh mình. Cháu biết ông Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 308 là người làng Hưng Khánh Trung.

Câu chuyện bất ngờ đưa tôi lọt vào cái hố đau thương của dân Nam Bộ mù quáng: “*Tập kết*”. Tập kết là thắng lợi của riêng Trung Ương Đảng chứ không phải của dân Việt Nam càng không phải của dân Nam Bộ. Ngược lại, đối với dân Nam Bộ là một sự phũ phàng, một sự tàn bạo, một sự lừa gạt ngọt ngào.

Tiểu Đoàn Trưởng Lê Thanh Nhân, tức Nhân Râu là một anh hùng dân tộc. Anh là con trai độc nhất của một ông Hội Đồng, anh có bằng Tú Tài, biết làm thơ và vẽ tranh. Đầu kháng chiến anh đứng ra chiêu tập dân làng và tiến tới thành lập bộ đội võ trang, sau này trở thành Tiểu Đoàn chủ lực 308. Giặc Pháp phải nể uy danh. Tám năm xông pha trên trăm trận, Nhân Râu ra Bắc được gì? - Tù!!

Trong cái cách ruồng đất, thành phần địa chủ bị đấu tố. Nhân Râu chống đối lên tới Bộ Tổng Tư Lệnh. Anh bị qui cho cái tội là “*phản ứng giai cấp*” tức là địa chủ chống lại bản cố nông, cái tội làm cho

bất cứ ai, dù thành tích cách mạng to đến đâu cũng phải tàn đời. Nhân Râu ở tù mút mùa cho đến sau 75 mới được về xứ với cái quần tiêu dính da. Đó là bài học cho những ai không thuộc thành phần cơ bản, trừ những tên đầu sỏ Trung Ương, đi theo cách mạng.

Riêng những đơn vị Nam Bộ ra Bắc thì mất phiên hiệu, một số làm lính giữ ngựa cho triều đình nhà Hồ, số còn lại thì đi phá rừng Lam Sơn, rừng Xuân Mai. Trong số này có không ít những người bất mãn bỏ ra dân làm những nghề vô danh hoặc lên rừng cạo đầu làm Mán, Mường... kẻ không biết nổi đau buồn. Đến khi cần thì Đảng Bác gọi lại, đem đứt vô lò sát sinh Trường Sơn. Ai biết được đứa con trai của ông chủ quán bị xếp vào hạng nào, còn sống hay bỏ xác ở đâu? Ông chủ quán biết tôi là cán Mùa Thu nên càng hỏi phăng tới. Thì tôi cũng múa mép như bao nhiêu lần trước, nghĩa là tôi đã bị bịp, nhưng không dám nói ra, ngược lại, bịp đồng bào. Tội nghiệp, ông già phẩn khởi cầm chừng có nghĩa là không tin lắm. Có lẽ nhiều người hỏi hương đã kể cho ông nghe sự thực về cái Miền Bắc xã hội chủ nghĩa như họ đã sống.

Đảng Cộng Sản sinh ra để làm hai việc: nói láo và làm bậy. *Hễ chúng nói là nói láo, hễ làm là làm bậy.* Xin độc giả nhớ dùm cho như vậy. Sông có thể cạn, núi có thể mòn nhưng chân lý đó không bao giờ thay đổi.

Tôi mua thêm vài ba món định ra về thì có khách đi đuôi tôm tới: một bác nông dân sồn sồn. Vừa

chạm mặt tôi, bác khựng lại. Tôi cũng nhìn bác. Bác hỏi tôi:

- Chú ở đâu, tôi trông quen quá!
- Dạ cháu cũng...
- Tôi là người làng Minh Đức, ở gần chợ Tân Hương.
- Dạ đó là quê ngoại cháu. Nhà ngoại cháu cũng ở gần chợ.

Bác bước lại vỗ vai tôi:

-Tôi nhớ ra rồi. Cháu là cháu ngoại bà Sáu phải không?

- Dạ, ông Bảy Hưng và Tám Hà là cậu của cháu.

Hai bên tự khai lý lịch và mừng rỡ xiết bao: tha hương ngộ cố tri! Bác nông dân đó là cậu Tám Xi ở giáp ranh đất ngoại tôi. Đứng ra cậu có bà con xa xa với ngoại. Cậu có nhiều anh em trai đi làm ăn tứ tán Sài Gòn, Vũng Tàu. Thỉnh thoảng đến ngày giỗ ông bà thì mới tụ họp lại. Về lần nào các cậu cũng đem những quà lạ về cúng kiến ông bà và tặng cho gia đình ngoại tôi như rượu Tây và thuốc lá Camel có hình con lạc đà.

Cậu hỏi sơ qua rồi bảo tôi và Tư Mô xuống xuống chạy về nhà. Nhà cậu rất đồ sộ, chưa có dấu vết bom đạn. Hơn nữa, trong nhà có tới hai ba cái radio, cái để trên ván gỗ, cái treo trên cột. Cuộc hạnh ngộ nhìn bà con thật bất ngờ và chớp nhoáng. Cậu Tám hỏi.

- Cháu và anh bạn cháu ăn cơm chiều chưa?
- Dạ mới nấu, chưa kịp ăn.
- Để cậu bảo sắp nhỏ nấu cho cậu cháu mình và anh bạn nhậu một bữa. Có ăn được thịt rùa thịt rắn không?

- Dạ, ếch, nhái, tềng heng, kỳ đà kỳ nhông gì cháu cũng quất tuốt.

- Vậy để xé phay vài con rùa nhậu chơi! Xong rồi ăn cơm với cá mè kho lút mía tây. Sáng mai nhậu lươn với rắn. Mấy thứ đó làm hơi mất công!

Nói vậy rồi cậu mở tủ lấy ra chai rượu lạ, bảo:

- Đây là rượu Mỹ rượu miếc gì đó, cậu không mấy khi nếm thử, nay cháu và anh bạn tới, đầu nếm dùm cậu coi. Cậu mới đi Sài Gòn về. Sắp nhỏ ở trên cho mấy chai với một thùng thịt hộp.

Thiệt là ngồi buồn lại gặp chiếu manh. Ăn uống xong, Tư Mô mắc vòng mở đài VOA và BBC trong lúc hai cậu cháu hàn huyên. Cậu bảo:

- Tình hình này khó lắm ăn mà cũng không dễ gì sống. Chắc cậu phải đi Sài Gòn. Lên đó làm bậy bạ việc gì cũng được. Nghe mấy đứa nhỏ nói trên đó đi thâu đồ rác cũng làm giàu. Cháu cũng biết hồi cách mạng nổ ra tới bây giờ các cậu đều bỏ xứ đi làm ăn sinh sống chớ đâu có ai ở nhà. Làng Minh Đức bây giờ cậu cũng không muốn về nữa. Năm kia cậu có về một lần. Xã giải phóng cũng như ở đây, nhưng bà con thì xơ xác quá. Con Nguyệt có chồng làm tổ trưởng đảng. Cậu có nghe dì Sáu (ngoại tôi) mét là nó lẩn ranh đất của dì. Cậu buồn lòng lắm. Chuyện bà con xóm giềng không nên làm như vậy, nhưng cậu không dám nói. Nói biết nó có nghe không? Nó nghe thì tốt, còn nó không nghe thì mình mắc cỡ với vợ nó. Thứ cậu vợ ăn nhằm gì. Lại nữa nó là tổ trưởng đảng. Tổ trưởng đảng là ông trời con. Ở đây cũng vậy!

Cậu lấy thuốc thơm, nestcafé ra mời chúng tôi và bảo:

- Ba cái thú xa xỉ phẩm này là của thằng Nhuận cho đây. Thằng Nhuận anh con Nguyệt.

Tôi lơ mơ chưa nhớ ra thì cậu tiếp:

- Thằng Nhuận con ông Nhì Nhé. Ông thương cháu lắm đó. Hồi cháu còn nhỏ, mỗi lần cháu từ Cầu Mống ra, ông gặp là ông vác trên vai đem về nhà cho chơi với thằng Nhuận. Khi lớn lên hai đứa đi câu cá bóng dừa bỏ chung một gáo, khi đem về chia hai đó, nhớ chưa.

- Dạ, nhớ rồi...

- Bây giờ nó có nhà hàng ở Sài Gòn. Tại bến xe chở rau cải Đà Lạt. Nó định mua một cái lớn hơn.

Chuyện tới khuya, cậu mới bảo:

- Tình hình này cháu đừng có đi lang bang không ổn.

Tôi làm bộ vững vàng:

- Đại cháu có cơ sở chứ cậu!

- Ai đó?

- Dạ, Tư Cua!

- Ồ, được nhưng “Cua” bây giờ gãy cẳng rồi. Vì những chuyến hàng của y bị lính chặn không lên vựa Bến Tre được. Quán của y cũng không còn hàng.

- Dạ cháu còn Ba Thơ.

- Tay đó hả? Vài bữa y đến đây chơi một lần. Y lách kỷ lắm. Không ai biết y ở đâu. Thấy đó rồi biến ngay đó. Cháu đi đâu xa thì cậu không có ý kiến, nhưng nếu còn ở luẩn quẩn vùng Thạnh Phong này thì cứ ở

đây. Nhà này khách đến thường lắm, sợ e đựng mặt lộ bí mật. Cậu có cái chòi ngoài bờ. Hai người ra đó ở. Hằng ngày cậu bảo trẻ nhỏ đem cơm nước ra cho, hoặc cháu muốn thì cậu đưa gạo muối nước mắm ra đó nấu nướng tự do. Nói là chòi nhưng đó là một cái nhà nhỏ đủ tiện nghi, hai người ở thì rộng.

Bên cạnh nhà lại có con rạch, nếu cháu còn nhớ câu cá bóng dừa thì không lo ăn cực. Có thể làm vòng bằng râu đùng đình giạt cá bóng kéo kho ăn không hết.

Tư Mô ngồi bật dậy lên tiếng ngay:

- Vậy thì anh khỏi lo tiếp tế đồ ăn cho tụi tôi anh Tám.

Tôi tiếp:

- Ảnh là thợ câu cá lòng tong đó cậu à!

- Ở đây không ai ăn cá lòng tong. Tệ lắm cũng cá kèo trỏ lên.

- Cá kèo *kho gột*, ăn cơm quên thôi.

- Cá kèo phơi khô nhậu mới đã!

Cậu đứng dậy với tay lên đầu tủ lấy mấy hộp thịt để trên bàn.

- Bữa nào không câu thì có thứ này thay thế.

Trò chuyện với cậu đến khuya, tôi mới bắt sang vụ vợ con của tôi. Cậu nói ngay:

- Tưởng ở đâu xa chớ Cầu Mống thì đi và về chỉ một ngày. Cậu sẽ cho sắp nhỏ đi móc. Hùng đông đi thì chiều tối về tới chớ lâu lắc gì.

Tư Mô bèn thừa thẳng xông lên:

- Anh cho sắp nhỏ đi móc dùm vợ con tôi với, được không anh Tám?

- Ở đâu?

- Dạ ở quận Châu Thành xã Lương Hoà. Sau Mậu Thân tôi không biết gia đình tôi có thiệt hại gì không. Tin sơ sơ thì một đứa con trai chết cháy, một đứa bị thương không biết lành chưa.

- Hai cháu đi lính quốc gia hay đi đảng mình?

- Dạ một đứa chín tuổi còn một đứa đang học Tú Tài chớ đâu có đi đảng nào.

- Ghi rõ địa chỉ rồi tôi sai sắp nhỏ đi dùm cho! Không có tiền bạc gì hết. Sẵn đó tôi biểu nó mua vài thứ về nhậu chơi.

Nhung than ôi, người muốn còn trời cho. Kế hoạch đã sẵn nhưng tình hình không yên. Chúng tôi ra chòi nằm kể cũng khỏe thân lắm. Ngồi nhà cất dưới những tàng cây sum suê máy bay không thể nào trông thấy được. Nhưng chẳng khác gì ném mìn nằm gai. Vì hằng ngày trực thăng bay rần rần không lúc nào yên. Rõ ràng là chúng mở đường cho quân Bình Định tới.

Thanh Phong càng ngày càng hiện ra là cái “rọ” mà các loại cá một khi đã lọt qua chiếc hom thì không có cách nào chui ra được. Một bữa chúng tôi đang ăn cơm thì cậu Tám ra bảo:

- Có người tìm!
- Ai vậy cậu?
- Không biết!
- Sao họ biết cháu ở đây?
- Cũng không biết!

- Đâu cậu chịu khó vô hỏi dùm họ là ai vậy?

Cậu đi vào một lát rồi trở ra đưa cho tôi một bức thư nhàu nát, trên bì thư có dòng chữ: “*Gởi Xuân Vũ*” bên cạnh còn một dòng khác với chữ ký Năm Cảnh.

Tôi nói với Tư Mô:

- Thơ của Năm Cảnh anh ạ.

Năm Cảnh là Chánh Văn Phòng của Khu Ủy Khu IV tức khu Sài Gòn Chợ Lớn do Trần Bạch Đằng làm bí thư. Trần Bạch Đằng là người rất quan tâm đến đám văn nghệ sĩ R. Anh gặp mặt thằng nào, bất kỳ ở đâu thì việc đầu tiên là móc túi cho tiền cái đã rồi sau đó mới hỏi gì hỏi.

Tôi và Tư Mô đã từng gặp Năm Cảnh ở Tân Hào. Chúng tôi thật không ngờ rằng Văn Phòng của Quân Khu IV lại bị đánh vắng xuống tới đây. Tuy tróc gốc tróc rễ nhưng vẫn chỉ đạo công tác ở Sài Gòn bằng nhiều đường dây giao liên hợp pháp. Năm Cảnh cho biết anh Tư Ánh tức Trần Bạch Đằng cho đi tìm chúng tôi để đưa về R gấp. Cũng giống như Tư Ánh, Năm Cảnh thường cho tiền chúng tôi. Nhờ vậy mà hai đứa khỏi đi làm muộn dài ngày.

Khi gặp tôi và Tư Mô đi gánh lúa muộn ở Tân Hào một cách bất ngờ thì anh la lên:

- Bộ mấy thằng Tỉnh Ủy này đui hết rồi sao mà chúng nó để các cha đi làm như vậy?

Tư Mô nói:

- Không phải tại Tỉnh Ủy đâu anh à. Đó là do trên R kêu về, mà chúng tôi không về được nên họ cắt sinh hoạt phí của chúng tôi.

Năm Cảnh nói:

- Đường đi bây giờ, một bước là chết trước mắt làm sao mà đi?

Năm Cảnh là dân ở Cồn Ốc thuộc xã Thanh Phú Đông, là em trai chị Nuong, bạn học của tôi, thuộc tuổi đàn em của Tư Mô, kêu Tư Mô bằng chú. Do trách nhiệm đối với chúng tôi, mà có tình cảm riêng cũng có, nên Năm Cảnh cho người đi tìm chúng tôi và gặp ở Tân Hào.

Đó là một tình cảm rất quý báu đối với chúng tôi. Giữa lúc cán bộ lăm lét trốn chui trốn nhủi không ai còn muốn nhìn mặt ai, còn chúng tôi thì bị cắt sinh hoạt phí mà Năm Cảnh cho đi tìm để đùm bọc thì thiệt vô cùng cảm kích đối với chúng tôi lúc bấy giờ. Nếu không có Năm Cảnh thì Xuân Vũ và Tư Mô không còn sống đến ngày nay. Dù bây giờ mỗi người một ngã nhưng tôi vẫn còn mang cái ơn đó đối với Năm Cảnh. Tư Mô nói:

- Nói vậy thì các chả cũng lợt xuống đây rồi. Mình phải cấp tốc “đeo vè” mới được.

Tôi quay lại định hỏi cậu Tám xem người đem thơ còn ở đó không thì cậu Tám đã vào nhà. Tôi theo vào nhà thì anh ta đã biến mất. Cậu Tám nói:

- Thằng đó tên là Hai Dân giao liên xã này, cậu biết.
- Ảnh có dặn gì không cậu?
- Nó bảo cháu ở đây, khi cần ở trên tới rước.
- Cậu biết chỗ ở của Hai Dân không cậu?
- Cứ vài hôm nó ghé đây một lần. Nó không chịu ai tìm đến chỗ của nó đâu.

Tôi yên trí và trở ra chòi khui thơ xem. Trong bao có hai lá. Một của Trần Bạch Đằng một của Năm Cánh.

Lá thư của Trần Bạch Đằng dài bốn trang *pelure* chữ viết tay. Vắn cái tuồng chữ loạn ngoằn xoắn tít thời kháng chiến mà tôi thường đọc khi tôi làm ủy Viên Thiếu Nhi Cứu Quốc tỉnh Bến Tre còn anh thì làm Xứ Đoàn Phó Thanh Niên Cứu Quốc Nam Bộ.

Đại khái anh hỏi thăm sức khỏe hai đứa tôi, thuật lại việc Tết vừa rồi, trước Mậu Thân, có ra Hà Nội và được Tố Hữu mời ăn cơm tối. Sau đó anh bảo chúng tôi thu xếp về R ngay.

Lá thư thứ hai của Năm Cánh nói ba điều bốn chuyện và dặn hãy ở đây, sẽ cho người đến rước. Ngoài ra còn sáu tờ giấy bạc tổng cộng ba ngàn đồng, mỗi đứa được ngàn rưỡi bó đầu gối chạy chụp dù đỡ mệt lắm.

Vậy kể như ổn rồi. Nằm ở cái Ngọa Long Cung này chờ thời như Khổng Minh. Một đêm nằm trên giường tôi nghe tiếng xuống bơi nhè nhẹ dưới rạch. Tôi bấm anh Tư. Anh bấm lại tôi. Bấm qua bấm lại rồi hai đứa cùng im.

Sáng ra hay tin một ổ cán bộ xã huyện bị biệt kích đột nhập bắn chết một số, bắt sống một số, cách đây không xa. Tôi và Tư Mô nhìn nhau mặt mày xanh lét. Nếu chúng “làm siêng” ghé lại nhà mình hồi hôm thì sao?

Tư Mô nói:

- Chú có nghe tụi nó bàn với nhau không?

- Có chú! Một thằng bảo “có”. Một thằng nói “không” nên chúng nó đi thẳng đó chớ!

- Do đó tôi bám chú.

- Tôi hiểu rằng anh bảo: nếu chúng lên thì đừng chống cự chớ gì?

- Đúng?

- Tôi nhớ lúc xuống xuống ở Thạnh Phú Đông, anh cũng dặn: không chống cự, nếu đụng ho-bo.

- Tôi nghe chú bám lại tôi cũng hiểu là chú đồng ý nên yên tâm nằm mím. Chú chạy là chết. Thường thường chúng đi được sông thì cũng đi trên bờ, cặp đôi như vậy, hễ mình bị động ỏ chạy loạn là dính.

Sau vụ chết hụt của chúng tôi, cậu Tám khuyên chúng tôi nên dời chỗ. Chưa biết dời đi đâu, nhưng phải dời: vì ở đây không chắc sống nữa.

Cậu tìm cho chúng tôi một cái chòi khác ở giữa đồng, không có bụi rậm chung quanh: Đó là chòi của những người chăn vịt bỏ đi. Vào đến nơi thấy có những ống trúm đặt lươn thì biết là nơi cư trú của những người sống bằng nghề bắt lươn rắn. Chúng tôi thương lươn và được họ cho dung thân tạm một thời gian. Chợ Cồn Chim bây giờ đã trở thành một cái *chốt* lớn. Bần Mít, Cồn Lớn là những cái *chốt* nhỏ. Từ những cái chốt đó, đêm ngày lính tỏa ra đi sục sạo, tối cụm lại. Cứ như thế, cán bộ không còn chỗ trốn nên phải chạy dồn lên miệt Rạch Vẹt nhưng ở đây cũng không ổn. Tất cả cán bộ như chuột mất hang chạy lung tung, tấp vô chỗ này ở vài buổi, chỗ kia vài ngày. Vùng đất cát khả dĩ đào hầm bí mật được thì đã

bị chốt, còn những nơi khác thì sinh lũy có thể dùng để chém về tạm bợ một vài giờ đồng hồ thôi. Vì nước mặn không thể ngâm mình lâu được. Tôi và Tư Mô ở trong cái chòi vệt kể trên. Ở đây chúng tôi gặp một người kháng chiến cũ tên là Ba Vĩnh. Ông đã trên sáu mươi nên tự xưng là “*Hội ông nội chiến sĩ*” chớ không phải là cha chiến sĩ mà thôi. Ông cho chúng tôi ăn món lươn um lá cách nước cốt dừa tuyệt diệu. Uống vài chum rượu rồi ông khoa tay nói oang oang:

- Tôi là tiểu đội phó bộ đội anh Măng, anh Tỷ. Con tôi đi bộ đội ông Cống, chết ở Khu 9, để lại cho tôi hai thằng cháu nội, bây giờ chúng đã mười bốn, mười sáu tuổi rồi. Tôi không phải là ông nội chiến sĩ hay sao?

Ông cười ha hả mà mắt đỏ hoe, cái cười chất chứa một sự chua cay. Ông bảo:

- Vừa rồi trung đội địa phương quận đến rủ thằng cháu lớn đi tổng tấn công. Tôi không cho. Họ có ý bất mãn cho tôi là thằng cha già sọc dưa. Tôi nói thẳng: kể về cái vụ chơi với súng ống, tôi đã chơi từ hồi 45. Tôi đánh 25 trận bị thương ở gót không chạy được nên mới quảy gói về làng đó mấy chú à. Con trai tôi chết vì nước, tôi còn hai đứa cháu nội để nối dòng chớ. Đi nữa, cụt làm sao? Họ bảo đi dân công chiến trường. Tôi cũng không cho. Bảo đi cứu thương tôi cũng lắc luôn. Nói không là không tuốt. Hai chú nghĩ thử hồi trước chúng tôi kéo cả hai đại đội đánh cái đồn Giồng Lông có chục rưởi lính mà không hạ được, bây giờ họ có non một trung đội mà đánh cả

cái quận Thanh Phú thì đánh cách nào? Quả thật có đánh được đâu, chỉ làm cho tụi nó chửi om lên.

Tôi không muốn đụng chạm với địa phương, cũng như mối thương tâm của chính mình nên hỏi chuyện cũ:

- Bác có tham gia trận đánh Giồng Luông à?

- Có chứ. Thăng Vinh này đánh Cầu Mống, Giồng Luông, Cỏ Cò rồi qua Trà Vinh đánh trận Ba Động, Năng Gù. Rồi trở về Bến Tre đánh trận Phước Long bị thương.

Đường như bị khơi đúng mạch lòng, ông Ba Vinh uống rượu liên miên và nói liến miện:

- Hồi đó trong trung đội Đoàn Trần Nghiệp của anh Hai Phải có hai tay bắn FM cự phách là Ba Kích và Vinh Địa là tôi. Hồi đó tôi to lớn nên được kêu là Vinh Địa. Tôi nặng trên 80 kí lô nên bị thương phải hai người một đầu đòn mới khiêng tôi nổi. Nhờ vậy mà tôi bắn FM nổi danh. Tôi không đặt xuống đất mà ôm bắn một hơi chín băng. Nòng súng đỏ như nướng, rùi ở trận đó nhằm đất giồng cát không có nương vũng nên tôi kêu chiến sĩ đài lên cho nguội để bắn tiếp.

Tư Mô thọc gậy bánh xe một cách vui vẻ.

- Ở giữa trận ai rặn cho ra chú Ba!

Ông Ba Vinh cười gio cả nướu:

- Vậy mà cũng rặn ra chú em à!

Tôi lại chêm vào:

- Trong bộ đội anh Hai Phải còn có một tay nữa bắn FM cũng ớn lắm. Đó là Năm Hà em anh Ba Kích.

Ông Ba Vĩnh xua tay:

- Phải! Nhưng Năm Hà mới tấn lên sau khi tôi bị thương và nổi tiếng là ông “*Chín Bắp*”. Ba Kịch chết, Hà lên thế.

Ông Ba Vĩnh hỏi ngược lại tôi.

- Sao chú em biết Năm Hà?

- Dạ, hồi đó cháu còn là thiếu nhi cứu quốc ham coi súng lắm. Mỗi lần bộ đội anh Hai Phải từ Cái Mít qua đóng ở nhà ông Sáu cháu ngoài Vàm Tân Hương hoặc nhà ngoại cháu gần chợ thì cháu ở tuốt trong Cầu Mống cũng chạy ra coi súng. Cháu biết anh Hai Phải Ba Kịch và Năm Hà. Và còn biết vụ Năm Hà xách súng rượt Trần Văn Trà chạy suýt chết vì ông ta đòi sát nhập bộ đội Đoàn Trần Nghiệp vào bộ đội Lê Hồng Phong để ông ta thống nhất chỉ huy.

Ông Ba Vĩnh hỏi:

- Nói vậy chú ở Cầu Mống à?

- Dạ phải, ở ấp Thạnh Đông giáp ranh xóm Cổ Cò.

- Chú có biết trận Cầu Mống không?

- Dạ có, cháu có tham gia nữa mà. Trận Giồng Luông cũng có mặt cháu. Còn trận Cổ Cò cũng có cháu luôn.

- Chú đi bộ đội à?

- Dạ không. Nhưng vì mấy trận này đều ở gần nhà nên cháu chạy tới xem. Riêng trận Cổ Cò thì xảy ra ngay trước cửa nhà cháu. Bữa đó trong nhà có đám giỗ. Bộ đội của anh Rô Măng và anh Tỷ đang ăn cơm, bỗng nghe tin Tây ở đồn Cầu Mống ra xóm bắt gà. Anh Tỷ bảo: “ê, ê... bu... buông đũa... a xuống, đánh rồi hãy ăn?”

Tôi nói cà lăm nhại anh Tỷ. Ông Ba Vĩnh cười gật đầu:

- Chú em nói đúng đó. Thằng cha Tỷ có tật cà lăm. Nên gọi là “*Tỷ cà lăm*”. Riêng mấy thằng già tụi tôi thì kêu “*Tỷ cà lạp*”. Anh ta lại có tật chửi thề. Mở miệng là chửi thề. Ra trận anh ta nạt: Đ... mẹ... xu... xung pho... ong nghe tụi bây! Xu... xu pho... ong! Thằng nào nằm miết, bắn bỏ!” Anh em thương chả lăm. Thằng chả còn có tật chải đầu bảy ba bằng bi-ăng-tin, rẽ đường ngôi thật thẳng ở giữa, thường mặc áo bờ-lu-dông xanh đeo cây colt xê xê bên hông. Còn anh Rô Măng thì to con như Tây lai.

- Dạ đúng. Anh Rô Măng (gọi tắt là anh Măng) học chung với chú của cháu ở Mỹ Tho, người ở Tân Thành Bình, có cô em gái đẹp lắm tên là *Romaine* biết đờn ghi-ta.

- Còn một tay chỉ huy nữa cũng gan dạ lăm. Đó là Hồng Minh Quang, có tánh mủ mĩ nhu mì, da trắng môi son, thân hình mảnh mai như con gái.

- Dạ đúng. Anh cũng có một trung đội, quân số bằng một đại đội, đồng bào gọi là bộ đội anh Quang. Anh có đánh trận Cầu Mống với anh Hai Phải.

- Nhà chú ở Cổ Cò mà ở lối nào?

- Dạ gần nhà thờ Thiên Chúa. Nhà thờ đó là do ông cụ của cháu dựng lên cho con cháu học hành và thờ Chúa.

Ông Ba Vĩnh vỗ đùi đánh bốp:

- Vậy là tôi có đóng trong nhà ở bên cạnh nhà thờ.

- Đó là nhà ông cụ cháu, nhà cháu thì ban chỉ huy đóng.

- Té ra mình quen nhau hơn hai chục năm rồi sao?
Chúng tôi ngồi nhìn nhau như những người bạn cố tri.

- Thôi làm miếng nữa đi hai chú rồi dẹp để coi có tình hình gì mà chạy cho nhanh. Mấy chú thì chạy chó tôi trâu già đầu nệ dao phay. Lính gặp tôi biết bao nhiêu lần rồi. Có thằng kêu tôi bằng ông nội. Nè, làm cái đuôi lươn đi. Con lươn ngon nhất là cái cạnh đuôi. Nó vừa có xương có nạc lại có gân nhai dòn dòn béo béo. Còn khúc mình chỉ có nạc và xương cứng gặm rồi vút, không nhai được.

Bỗng ông Ba ngưng đưa hỏi:

- Mấy chả chắc ra Bắc làm lớn lắm hả chú?

- Dạ mấy cha nào?

- Thì cha Măng, cha Tỷ Cà Lăm, cha Quang, ủa quên nữa, còn cha Nhàn Râu.

- Dạ làm lớn lắm, nhưng lớn nhất là anh Nhàn Râu.

- Lớn cỡ nào, chú nói cho tôi mừng!

Tôi ghen ngào không biết trả lời cách nào thì Tư Mô cười nhếch mép:

- Không biết cỡ nào nhưng nhà ông ở có song sắt và lúc nào cũng có lính canh, vợ con cũng không tới thăm được.

- Lớn dữ vậy à?

Bỗng một thanh niên từ trong vườn lom xom chạy ra, mặt mày hốt hâi:

- Hai chú về nhà cháu. Mau để không kịp!

Tôi và Tư Mô quơ đồ đạc dồn vô ba lô và từ già

ông Ba Vinh, chạy bạt mạng theo thằng bé. Về đến nhà cậu Tám mệt muốn đứt hơi. Đó là thằng con trai của cậu Tám.

Cậu đang đứng ở bến, vẻ mặt âu lo. Chiếc đuôi tôm đã nổ máy. Cậu khoác tay:

- Xuống ngay. Các ổng đang đợi ngoài vàm.

Chúng tôi vừa ngồi yên trên xuồng thì cậu vọt. Chạy một khúc cậu mới móc đưa cho tôi mẫu giấy. Chỉ có mấy chữ: *"Theo người cầm giấy ngay! - Năm Cảnh."*

Tôi hỏi cậu Tám:

- Người cầm giấy đâu cậu?

- Anh ta sợ chờ lâu, đoàn đi mất nên về trước kêu họ đợi.

- Cậu biết đường tới đó không?

- Ngoài vàm.

Đuôi tôm chạy trên con rạch âm u rợp lá dừa nước ngoằn ngoèo, nếu là người không rành đường chắc phải lủi vô bờ. Rong rêu rác rến dày đặc, lâu lâu cậu phải bạt đuôi tôm lên lắc lắc cho rác rơi xuống rồi mới chạy tiếp.

- Quân Bình Định xuống chợ Cồn Chim rồi.

- Vậy là nó chiếm trọn Cù Lao Minh và Cù Lao Bảo.

- Tụi này *hiền* mà *ác*, *ác* mà *hiền*.

- Là sao cậu?

- Hiền là nó không bỏ bom bắn phá, nó chỉ dựng sân khấu hát xướng và đi phát thuốc men, gạo vãi cho bà con. Cho nên bà con ở yên không ai chạy đi đâu

hết. Lại còn đi coi hát của tụi nó. Quán xá chợ búa còn y nguyên. Nhà ai nấy ở. Chỉ vài ngày nó đã lập được chánh quyền, biến vùng giải phóng thành vùng quốc gia, vậy không phải hiền là gì? Cán bộ không phương gì giải thích tuyên truyền về “*sự tàn ác*” của chúng nó. Chúng điều tra rất kỹ những chuyện làm bậy bạ của cán bộ địa phương. Ông nào có vợ bé, ông nào mò vợ chủ nhà đóng quân, ông nào rượu chè be bét, cô nữ cán bộ nào có chửa hoang, chúng đều nói trúng ngay trăn. Cuối cùng chúng nó hỏi: *như vậy giải phóng để làm gì?* Chưa hết, chúng còn phân phát một cuốn sách nói về cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc bị đẩy đi phá rừng đi đập đá làm đường, rồi trên đường Trường Sơn ốm đau chết chóc như thế nào, cuối cùng chúng lại hỏi: *giải phóng để làm gì?* Ở cuối quyển sách có in hình mấy chục cán bộ chiến sĩ Nam Bắc hồi chánh. Trong đó có nhiều ông chức lớn lắm. Ở ngoài bìa sách chúng vẽ hình Cụ Hồ ốm o, chống gậy và đề một câu: *Hồ Chí Minh đã ngủm.*

- Cậu có cuốn sách đó không?
- Coi xong tao đốt liền.
- Nếu cậu giữ cho cháu thì hay quá.
- Tao đâu có dám giữ trong nhà. Rủi cán bộ bắt gặp thì nó cho tao mò tôm ngay.

Xuống chạy ra tới Vàm khá rộng. Tôi không biết đây là đâu cả. Địa danh là gì cũng không cần hỏi. Xã Thạnh Phong mảnh đất cuối cùng của Cù Lao Minh gồm những vùng rừng hoang, những xóm thưa dân làm những nghề nghiệp đặc biệt với những tên đất

tên làng vừa nghe đã thấy sự hoang vu: Láng Cát, Cồn Diệp, Cồn Ngao, Cầu Ván, Sân Trâu, Giồng Chanh, Giồng Ót, An Quý...

Đất nâu, mặn, đi dính chân rít rít. Nước đục lênh bênh. Người dân nước da ngăm, yên phận hưởng thú thiên nhiên trời đất dành cho. Cái thời gián điệp Phạm Ngọc Thảo chui vô chánh quyền quốc gia, được giao cho giữ chức Tỉnh Trưởng Bến Tre, Cồn Chim đã trở thành một trong những bến đỗ của tàu vũ khí từ Bắc vào, và rừng Láng Cát chứa nghet những súng đạn Liên Xô, Trung Quốc, Tiệp, Hung... để rồi tỏa ra khắp miền Nam đánh phá đô thị mà vụ lớn nhất lịch sử là Tết Mậu Thân vừa qua.

Phạm Ngọc Thảo là em ruột Phạm Ngọc Thuần. Tôi biết Thảo hồi tôi làm phóng viên cho tờ *Tiếng Súng Kháng Dịch* ở miền Tây, đi chiến dịch Long Châu Hà II, nằm trong đơn vị của hắn. Tiểu đoàn 410, trong trung đoàn chủ lực Tây Đò do Huỳnh Thủ làm trung đoàn trưởng. Thảo người gầy ốm, mắt lé, còn có tên là Thảo lé. Trong quyển *Mười Năm Mua Phùn Gió Bắc* tôi đang viết cho nhà xuất bản Xuân Thu, tôi sẽ kể chuyện về bàn tay lông lá của Thảo đã mở cửa tù thả hàng trăm tên Việt Cộng và mưu hại một người bạn của tôi hiện ở ngoại quốc. Người bạn này đã mở đường Trường Sơn vượt qua Lào trốn về Sài Gòn trước khi có con đường Hồ Chí Minh. Chính người bạn này đã hợp tác với chánh quyền Cự Diệm ngay sau khi về Sài Gòn năm 1958. Chuyện ba mươi năm cũ viết tới

đâu lòi ra bao nhiêu điều u ẩn bị Cộng Sản giấu nín
nhẹm tới đó. Vô cùng ngán ngẩm, nhưng tôi vẫn cố
viết cho hết những điều tôi biết.

Xuồng chạy ra sông lớn một khúc thì thấy một ghe tam bản đầy nghet những người đậu nép bên ven bản. Cậu Tám biết ngay. Cậu cho xuồng tấp vào. Tòì nhận ra Năm Cảnh ngồi ở sau lái. Cảnh vẫy tay:

- Qua đi các cha!

Tòì và Tư Mô bước qua ghe tam bản, nói với cậu Tám:

- Cậu về Minh Đức cho cháu gọi lời thăm bà con mình.

- Ủ cháu đi mạnh giỏi nghe!

Thế rồi tam bản đi tới, xuồng cậu trở lui. Nước mắt tôi rờn rờn lá chả. Đời tôi là sự nối tiếp của những cuộc biệt ly. Đi kháng chiến biệt ly gia đình. Tập kết lại biệt ly gia đình. Ở Hà Nội, về Nam biệt ly bè bạn, người yêu. Vô Trường Sơn biệt ly người yêu. Về R vĩnh biệt người yêu. Về Bến Tre cưới vợ, xa vợ. Rồi xa vợ xa con.

Bây giờ lại biệt ly quê hương, cậu Tám đồng hương, ân nhân cứu mạng. Nếu không có chiếc đuôi tôm của cậu thì tôi phải ở lại đây và trở thành người rừng.

Chiếc tam bản chở đầy người, nặng tâm tư của tôi. Đi lần này không biết tới đâu và không biết bao giờ trở lại Bến Tre nữa? Có vợ để rồi xa vợ. Có con để lại xa con.

Trong lúc ở nhà cậu Tám tôi đã viết hàng trăm trang thư gởi về cho vợ tôi. Nếu những lá thư đó mà còn thì có thể được in ra như một mối tình sâu của một cán bộ Mùa Thu một loại than vãn trời trắng của một người cha một người chồng gởi về cho con cho vợ.

“Anh muốn nói chuyện với con mặc dù con chưa biết nói. Hôn em. Hôn con!...”

Tôi nhờ cậu Tám cho người mang về Cầu Mống. Cậu đã hứa. Vậy là tôi yên tâm vợ tôi sẽ đọc được thư tôi. Chiếc tam bản chạy đến chiều tối thì ghé lại. Tôi cũng không buồn hỏi đó là đâu và từ đây sẽ đi đâu và tới đâu.

Tôi cứ nghe lời Năm Cảnh một cách ngoan ngoãn. Chỉ biết rằng đây là một cuộc chạy lấy thân. Sống cái đã. Sống sẽ có ngày về.

Hết đi ghe tới lợi bộ. Trời ơi, một cuộc lợi bộ hơn cả những cuộc đi của gia liên Trường Sơn. Sức khỏe của tôi không tệ lắm, nhưng tôi cũng phải quy xuống mấy lần. Không có đường sá gì cả. Toàn càn rừng lợi rú, do một người địa phương dắt.

Chiếc thùng sắt đầy áp *“tác phẩm”* của tôi bây giờ

trở thành cái nợ. Muốn quãng quách đi cho xong. Ba-lô trở thành quả núi con đê trên lưng sau vài lần lội qua rạch.

Đi bằng qua na các ấp chiến lược, nghe tiếng mở chóc chóc, thấy đèn canh leo lét của các trạm nhân dân tự vệ. Ước gì tôi có thể chạy vọt vào đấy rồi về Sài Gòn! Đi từ chiều tối đến hùng sáng thì tới nơi. Xuống ghe có sẵn. Chúng tôi bước xuống như những cái thây ma đem đi chôn.

Một khu rừng lá mịt mù. Chúng tôi được ẩn vào những mái chòi lụp xụp không biết của ai và không biết ở vùng nào. Mặc kệ, cứ lẫn ra bất tỉnh nhân sự.

Tiếng trực thăng âm âm đánh thức những xác chết.

Nguy cơ trước mắt: hoặc chết hoặc đầu hàng. Trực thăng bay sà đùng ngọn lá quắc như bão hốt. Hầm hố không có. Đám chúng tôi chỉ ngước mắt nhìn trời và cầu trời. Tôi thấy rõ cả tên Mỹ lái qua lồng kiếng. Vài loạt cà nông rĩa ở ven rừng. Có lệnh chuyển tôi: *“Không được bắn trả!”*

Bắn là lạy ông con ở bụi này. Chúng nó đã theo được dấu đường mòn trên ruộng trong vùng ở bờ sông bãi cỏ và đến tận đây. Không hiểu sao chúng không bắn cũng không kêu phản lực dội bom. Có tên gián điệp nào kiểu Phạm Ngọc Thảo trong vụ này chăng?

Nếu chúng cho nhảy chùng một đại đội lính thì cả Văn Phòng Khu Ủy Khu IV của Trần Bạch Đằng bị tóm gọn trong đó có hai tên nhà văn R cũng đi

chung một xuồng. Không hiểu sao đủ loại trục thẳng quần tới quần lui rồi biến mất. Chúng tôi chờ lãnh dưa hấu B52. Không thấy. Chờ dưa hấu rời của Thần Sấm, cũng không. Chờ pháo Thanh Phú dọt. Cũng không nốt. Không hiểu tại sao chúng đã tìm ra dấu con mồi, tìm được cả hang ổ của nó mà vẫn không làm gì? Quả thật không thể hiểu. Tới bây giờ thì có thể hiểu lơ mơ. Có thể là... Nhưng thấy bói Từ Mậu Công còn sai nữa là mình.

Ấn huệ đầu tiên đến với tôi là Năm Cảnh cho người tới lấy cái thùng sắt của tôi để gởi về R bằng đường giao liên đặc biệt. Tôi giao ngay không ngần ngại. Mất còn mặc kệ, miễn tống được nó đi cho người có trách nhiệm.

Bây giờ nằm ngay chù trên những bộ vật kết bằng sớng lá còn tươi mà ngó trời. Tôi lại viết thơ cho vợ. Viết thơ cho mấy đứa em con dì con cậu tôi và cho anh Tư Ánh mà từ nay được đổi ra là Năm Quang, kêu tắt là anh Năm.

Từ 1954 tới bây giờ 1968 tôi chỉ gặp anh có một lần. Đó là lần mít-tinh ở Kinh Ba Miền Tây Nam Bộ lúc hòa bình vừa lập lại, chuẩn bị xuống tàu ở bến Chắc Băng ra Bắc. Anh mặc áo thung cổ vuông kiểu lính 307, tóc hớt ngắn, ngồi trên bàn chủ tọa đoàn cùng với Huỳnh Văn Tiểng. Rồi tôi đi, không biết anh ở đâu nữa. Tới nay chưa gặp lại lần nào. Tuy vẫn biết anh ở gần đâu đây.

Một bữa, người ta đem đến cho tôi và Tư Mô, mỗi người một bộ đồ *pyjama* bằng vải *popeline* màu hột

gà và một cái nón vải giống như nón nỉ, bỏ nhỏ, vành lên. Năm Cảnh bảo chúng tôi chuẩn bị đi đường thành về R.

Tôi không ngạc nhiên, nhưng sợ. Không phải sợ gặp lính mà sợ đi xa. Vì cứ mỗi lần di chuyển tôi lại cảm thấy xa gia đình cha mẹ vợ con, xa Bến Tre. Tôi sợ sự xa cách. Một lần đi phải mất hai mươi năm mới trở lại được. Lần này lại hai mươi năm?

Đêm nhận bộ đồ *pyjama* tôi không ngủ được. Tu Mô vốn đã bị bệnh mất ngủ mà đêm nay cũng đã ngủ trước tôi. Anh thức dậy, nghe tôi rọ rạy, hỏi:

- Sao chú thức hoài vậy chú Hai?

- Không hiểu tại sao anh à!

Đó là tôi nói giấu anh. Chớ làm sao tôi không hiểu. Tôi thức vì trong đầu đang tính kế trở lui. Trở lui đường nào? Muộn rồi ở đây hoàn toàn xa lạ. Tôi ân hận vì đã đi chuyển đi này. Lúc bắt cập, hốt hoảng không tính kịp, bây giờ mới sáng mắt ra. Ngổn ngang trăm mối tơ vò.

Tôi nhớ lại tôi lúc ở Miền Bắc. Liễu mạng lên Ủy Ban Quốc Tế thất bại rồi chạy ngược chạy xuôi từ Hải Phòng đến Bến Hải mà vẫn không tìm được đường về Nam. Bây giờ đã ở trên đất Miền Nam mà không tìm được lối thoát ư? Chuyển đi đường thành kỳ này phải chăng là cánh cửa mở cho tôi?

Hôm sau một người đến gặp tôi và Tu Mô, trong đơn vị gọi anh ta là ông Cò theo nghĩa Cò Tây. Anh dắt tôi và Tu Mô sang chòi anh ta để chụp hình và lăn tay, làm thẻ bọc nhựa, loại giấy tùy thân căn bản của Việt Nam Cộng Hòa thời bấy giờ.

Hôm sau thì chúng tôi có thẻ bọc nhựa y chang như những thẻ bọc nhựa chính thức mà tôi có dịp nhìn thấy một đôi lần của bà con ở thành về khu giải phóng.

Có chữ ký của quận trưởng, quên là quận nào, và con dấu đảng hoàng. Nghề nghiệp của tôi là “*làm ruộng*”. Nhưng ông Cò bảo:

- Giấy này cấp hồi 65 mà trông còn mới quá, vậy đồng chí chịu khó lấy tí thuốc rề ngâm nước, bôi lên, phơi nắng rồi chà lên vải, rồi bôi thêm vài chục lần làm cho nó cũ như được cấp hồi 1965 vậy.

Tôi và Tư Mô nghe lời làm theo. Chúng tôi đưa cho nhau coi. Đến lúc cả hai đều công nhận là “*cũ rồi*” mới bỏ vào bóp. Tất cả hành lý và các vật kỷ niệm riêng tư đều vứt lại. Tôi viết thư kèm cây súng ngắn gởi lại cho thằng Đức em tôi ở Văn Công tỉnh cho nó phòng thân. Sau này khi về gặp nó ở Sài Gòn, hỏi ra, nó không nhận được. Ông bà giao liên đã xài dùm rồi. Khuya hôm đó xuống tới rước hai đứa tôi đi ra đuôi tôm. Đuôi tôm chạy ra sông Cổ Chiên. Đến sáng thiệt mặt thì thấy một cái cồn lá dài dằng dặc.

Anh Tư bảo:

- Đó là Cù Lao Dài.

- Sao anh biết?

- Thì đoán chừng vậy thôi!

Cô giao liên trẻ nói.

- Đúng là Cù Lao Dài.

Cùng đi với chúng tôi có hai nàng giao liên, một trẻ một đứng tuổi. Cô trẻ sẽ đóng vai vợ tôi còn cô

kia làm vợ Tư Mô trên đường đi lên Hồng Ngự. Nếu bị xét hỏi thì chúng tôi sẽ trả lời ăn rập là lên đó tìm nơi làm cá.

Con sông Cửu Long này sao mà có duyên với chúng tôi thế. Cứ đặng hoài. Hết Ba Lai, Hàm Luông, bây giờ lại Cổ Chiên! Toàn là những đoạn biệt ly sâu và những đoạn gởi thây cho bà Thủy. Cô giao liên phụ nhĩ với tôi những điều cần làm hoặc nên tránh khi bước chân lên thành.

Độ 11 giờ trưa thì đuôi tôm cập bến chợ Trà Vinh hay một chợ quận nào đó bây giờ tôi không còn nhớ, nhưng chắc chắn là thuộc tỉnh Trà Vinh.

“Vợ tôi”, dắt tôi vào quán ăn phở. Phở tái.

Tôi vừa ăn vừa nghĩ bụng:

- Ở Hà Nội mười năm ăn cả ngàn tô mà cảm thấy như chưa ăn. Về Nam không phải là quê hương của phở, mới được ăn phở. Lạ thật.

- Anh ăn có ngon không?

- Ngon thấy bà chó sao không?

Nàng ta đi cặp với tôi tỏ vẻ âu yếm. Tôi cũng đóng vai “chồng” khá tự nhiên. Rồi nàng dắt tôi lên bến xe. Không phải chờ đợi xếp hàng gì cả. Chủ xe mời mọc và dắt tay từng người khách lên xe. Bến xe đầy những chiếc xe hàng lộng lẫy. Ngồi êm đít mát mẻ bổ khỏe quá trời. Chả bù lại những chuyến đi từ Hà Nội vào Thanh Hóa chỉ trên trăm cây số mà đến nơi bước xuống xe tôi cảm thấy như ốm mới dậy, bụi bám đầy tóc và áo quần như đi bắt cá mới lên.

“Vợ chồng tôi” ngồi cạnh nhau âu yếm thực sự.

Khách toàn quần là áo lụa sang trọng chó đầu quần nâu váy đụp như xứ xã nghĩa ta?

Xe chạy êm ru, đường tráng nhựa không xóc, tưởng như đi trong mộng. Qua tỉnh Sa Đéc hay Vĩnh Long gì đó xe chạy ngang Ty Chiêu Hồi, tôi giật mình thâm trong bụng. Tôi không có ý định nhảy xe. Để “điều tra” cho kỹ đã. Gần tới mức ăn thua phải cẩn thận. Hớ hênh một chút thay vì khoác áo vàng chiến thắng lại mặc áo xanh có số tù thì đáng tiếc.

Qua Bắc Vàm Cống càng thấy sự phồn vinh, không giả tạo chút nào, của Miền Nam. Tôi không hiểu những cây cần câu tua tua trên nóc nhà nóc phố kia là cái giống gì. Bèn hỏi “vợ tôi”. Nàng bảo nhỏ:

- Đó là ăng ten ti vi, nhà quê thế, anh!

Tôi đáp thăm:

- Thì nhà quê chó còn gì nữa.

Hình như đến Sa Đéc thì trời tối. “Vợ tôi” dắt tôi vô nhà người quen. Ở gần mé sông. Com nước xong nàng đi mua đồ còn tôi thì vô buồng nằm chèo queo, bụng hồi hộp sợ bị xét bắt. Một hồi lâu nàng về, vô buồng bảo nhỏ tôi:

- Mai anh thay đồ khác.

- Chi vậy?

- Thay hình đổi dạng mà. Anh nên nhớ là mình phải làm vợ chồng cho khéo nghe. Đừng có sượng. Trên đường này nhiều cảnh sát ngầm dữ lắm. Chúng nó rất tinh mắt. Nếu tối mà bị chúng xét nhà, anh cũng phải... làm chồng thiệt đó.

- Nghĩa là sao?

Nàng kể tai nói nhỏ. Tôi kêu lên:

- Đâu có được nà!

- Ủ hổng chịu làm thì nó nghi nó bắt.

- Sao có chuyện kỳ vậy?

- Em hổng biết đâu, nhưng muốn qua mắt địch phải làm mọi thứ.

Về sau khi hiểu ra thì chuyện “vợ chồng” như vậy. Số là có một vài trường hợp giao liên dắt khách đi đường công khai bị lộ. Cả hai phải khai là vợ chồng. Trong những trường hợp khả nghi cảnh sát hoặc nhân dân tự vệ bảo: đâu hai người chứng tỏ là vợ chồng thiệt coi nào! Chính Tư Mô và “vợ”, bị xét nghiệm kiểu đó. Nhưng Tư Mô than: tôi mới khỏi bệnh còn yếu!... Nhờ vậy mà thoát nạn.

Sáng hôm sau lên xe, trong bụng run quá. Có một người đàn ông đeo ở cửa xe nhìn lom lom từng hành khách một. Tôi sợ bị xét, nhưng đến Hồng Ngự, anh ta tha Tào. Hú vía. “Vợ tôi” trao tôi cho một trạm khác ở chợ Hồng Ngự. Trạm này dắt tôi đến mối đường vào Sông Bé. Ở đây tôi gặp Ba Đường, Trưởng Ban ATK (gọi là A-tê-ca tức là An Toàn Khu) của Khu IV.

Ba Đường vốn là tiểu đội phó trung đội địa phương huyện Ô Môn tỉnh Cần Thơ, chuyên môn bắn cây FM Bì. Ra Bắc không biết làm gì, vào Trường Sơn hỏi nào, nay lọt vô đây. Anh đã có vợ có con.

Nhờ bộ tóc bạc và mớ râu rậm rạp mà anh qua mắt cảnh sát hằng ngày. Phương tiện đưa khách của anh là một chiếc đuôi tôm nhỏ có *rèm ốp*. Vợ con

ngồi bên trong còn anh cầm lái. Gặp lại bạn cũ anh mừng rỡ:

- Sao tới đây chú em?

Rồi lái một lèo chừng một buổi thì tới một xóm nhà trên bờ Sông Bé. Anh dắt hai đứa tôi lên bờ giao cho trạm mới, bắt tay.

- Thôi ở đây rồi đi lên Bắc Lộ.

- Là đâu?

- Qua xứ mắm bò hóc, lên tuốt trên, xa lắm.

Tôi và Tư Mô ở trong một cái nhà sàn. Ban đêm nhân viên văn phòng đánh cá bằng lưới bén. Sáng ngày kéo lên. Cá vô số kể, gỡ mỗi tay không hết.

Chúng tôi tha hồ ăn. Còn thừa lớp ném đi, lớp chà bông để đem theo lên rừng. Cách đó vài cái nhà là nơi mấy ông kẹ đóng chung với mấy em nữ sinh áo hồng áo tím trong thành mới ra và nếm mùi ba-toong gân của cách mệnh.

Một đêm tôi đang ngủ thì có người đập dậy cho hay rằng cái thùng-sắt của nợ của tôi đã đến. Tôi không mừng chút nào. Vì tôi đã quyết định “Đi!”

Xin tặng lại cho cách mạng.

25. ĐƯỜNG ĐI ĐÃ ĐẾN

Hôm sau cơ quan thiết tiệc tiễn chúng tôi về R. Quần áo, ba lô, thực phẩm đầy đủ lại thêm K54 mới toanh. Oai hết cỡ, nhưng lòng tôi buồn rọi nghĩ tới vợ con. Lên Cao Miên làm sao về được?

Năm Xuân - tức là Mai Chí Thọ - ủy viên thường vụ Khu Ủy, dưới phé Trần Bạch Đằng, đến ăn cơm với chúng tôi. Rồi đuôi tôm lại đưa chúng tôi đi. Tôi hoàn toàn không nhớ nơi chốn nào hết chỉ biết đây là Sông Bé nối liền thị trấn Hồng Ngự với một miền đất Miên.

Hết đường thủy tới đường bộ không vất vả như ở Trường Sơn nhưng nặng nề từng bước. Vì trên Trường Sơn thì đi với hi vọng tới quê nhà, còn ở đây thì lại đi bỏ quê nhà lại sau lưng mà không biết chừng nào trở lại. Nghĩ thương cha mẹ vợ con không biết chừng nào.

Giao liên dắt hai đứa tôi qua lộ khô ru, không

như lộ Đông Dương. Vì ở đây lính Sihanouk lãnh lương Việt Cộng nên cho đi qua lại thả giàn.

Đi qua đồn điền cao su Chup mệnh mông, bị tàn phá. Gặp nhiều đoàn xe máy chở những “*can*” xăng chạy ngược lên. Dân Miên xơ xác ngo ngác như mất hồn. Một buổi chiều hai đứa đi ngang một cái chợ thì dừng lại. Tôi trông thấy một người đàn bà Miên trắng trẻo mũi cao mặt trái xoan giống một người yêu của tôi bỏ lại ở Hà Nội vô cùng. Tôi kiếm chuyện hỏi để nhìn bà ta, nhưng bà ta lại không biết nói tiếng Việt. Sực nhớ rằng dân Miên học tiếng Pháp. Tôi nói tiếng Pháp. Bà ta nói khá rành. Bà hỏi chúng tôi đi đâu? Tìm ai?

Còn đang trò chuyện thì một chiếc xe máy dầu sà tới trước mặt. Một tên lính Miên mặt trắng dã chìa tay hỏi giấy. Chúng tôi móc túi đưa ra: giấy đi đường do Khiêu Sam Phan ký hẳn hoi chở đầu có đũa.

Hắn gật đầu. Và hỏi chúng tôi bằng tiếng Việt. Tôi nói cho hắn biết đơn vị mà tôi muốn tìm bằng bí số, do Năm Xuân cho. Hắn bảo chúng tôi ngồi lên xe, chở đi. Chừng một tiếng rưỡi đồng hồ đến một ngôi chùa hẳn bảo vô đó nghỉ. Tư Mô nói nhỏ với tôi:

- Ổn tại này *cáp duông* quá chú!

- Biết làm sao bây giờ.

Chúng tôi nấu cơm ăn và làm “*lục*” giữ chùa đêm đó. Cũng may không chuyện gì xảy ra. Hôm sau một tên khác chạy xe đến chở chúng tôi đi.

Xế chiều mới tới trạm tiếp tế của ông Út Một. Đây là một đầu mối giao liên, kinh tài hăm bà lần đủ

thú. Tôi gặp ông Dương Tử Giang ở đây. ông ta được cho ra Hà Nội để đi chữa bệnh gì đó tận bên Đông Đức. Không biết có đi được hay không, về sau không gặp nữa.

Ông bà cán bộ lão nhớ ở đây khá đông. Lớp ở các đơn vị trong rừng ra, lớp ở ngoài thành mới vào. Mặt mũi người nào cũng phờ phạc, vàng lợt, trông thấy mà ớn tới trứng non. Sau Mậu Thân ngàn năm có một, cán R như đầu thai nhảm đường, nhưng đã lỡ đi không quay lại được.

Ông Út Một là một người lùn, có bít răng vàng trạc chừng năm mươi ngoài, luôn luôn bận rộn, nách ôm một cái xác hổ miệng đầy phè đức Thánh Trần lẫn Rìa. Ông chuyên trách mua gạo mua xăng mua cả xe hơi xe máy dầu cho mặt trận Thọ. Xe cộ rợp trời, xăng gạo chất đống như núi, người ra vào nuồm nợp không thua gì cảng Hải Phòng. Chúng tôi không biết ông ta làm công tác này bao lâu rồi? Nếu quá một tháng phải đem chém đầu cho đúng luật nhà Mao.

Chúng tôi hỏi đường về B2 tức là tiểu ban Văn Nghệ. Ông bảo cứ ở đây, ông cho tin, rồi trong đó cho người ra đón chớ chân ướt chân ráo không mò ra lối đi nổi. Lòng tôi càng náo nức tê tái. Nhưng tôi tự an ủi:

- “Dù sao cũng nhớ đường đi trở về.”

Hôm sau chúng tôi về đến tiểu ban Văn Nghệ R. Chuyến đi công tác ba năm đã kết thúc. Tôi có một nỗi ân hận. Giá mà xin ở lại khu IV với Trần Bạch

Đằng để khỏi chui vô rừng sốt rét có hay hơn không? Ở Sông Bé có cá ăn lại gần Hồng Ngự dễ vớt hơn. Nhưng đã lỡ rồi, còn biết làm sao.

Chúng tôi có ông Trưởng Tiểu Ban Văn Nghệ mới là Ba Thanh Nha, người tôi gặp ở chợ An Định trên đường đi Miền Tây năm nào. Đoàn Văn Công xuống đó bị chụp hao mất vài mạng trong đó có ông nhạc trưởng bạn của tôi tên Miên. Lúc bấy giờ Lưu Hữu Phước đã lên làm Bộ Trưởng Văn Hóa của chánh phủ ma Huỳnh Tấn Phát. Ông ta đóng cái Bộ Văn Hóa ở cách tiểu ban Văn Nghệ xa xa. Trông cơ quan tiêu điều thảm hại.

Cán bộ ngoài Bắc vô đông hơn. Bộ chia làm nhiều Vụ. Vụ Nghệ Thuật, Vụ Điện ảnh, v.v... Mai Lộc, một anh nhiếp ảnh xoàng, làm Vụ Trưởng Vụ Điện ảnh, còn Bích Lâm, một anh chàng viết kịch không có vở nào được diễn thì làm Vụ Trưởng Vụ Nghệ Thuật. Không biết sau 75 làm gì không thấy tên trên báo nhà Cộng.

Hai ông thầy cũ của tôi cũng làm Bộ Trưởng, là Giáo Sư Nguyễn Văn Chí, Bộ Trưởng Bộ Thanh Niên, Giáo Sư Nguyễn Văn Chi Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục hay Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Sài Gòn Chợ Lớn gì đó. Nghe nói cái chánh phủ ma này đóng gần đầu đây tôi muốn đến thăm hai ông thầy cũ để hỏi hai ông “...*phì phạch* với đảng đã *mệt chưa*”? nhưng không đi được, không rõ vì lý do gì.

Tôi và Tư Mô đều không có tiêu chuẩn trung cấp. Tôi thì từ hội viên chánh thức Hội Nhà Văn vì không

để được tác phẩm theo ý đảng nên suýt bị hạ xuống hội viên dự bị, còn Tư Mô thì ở tù ra đang bị xử lý thì lãnh tiêu chuẩn trung cấp ngang với Tỉnh Ủy thế quái nào được. Bởi vậy hai đứa lại sanh tử bất ly định chung ty với nhau dựng một sườn lều để xin cấp ni-lông làm nóc. Cái sườn lều không phải dễ làm. Vì phải đốn cây to, phải đào lỗ cột, phải đắp nền, toàn những việc vất vả mà chúng tôi vừa mất tinh thần vừa không quen lao động. Nhưng cũng may có vài thằng vừa đi “*công tác dài hạn*” nên chúng tôi tạm chiếm hữu cái sườn lều của tụi nó ở tạm.

Chỗ ăn chỗ ở xong xuôi, đến việc làm báo cáo, kiểm thảo. Bộ Trưởng Văn Hóa Lưu Hữu Phước vác xe đạp qua dự kiểm thảo chúng tôi. Tôi định bụng nếu ông ta chất vấn “*Tại sao có điện R gọi về mà không về*” thì tôi sẽ cự một mẻ tung hê cả lên. Nhưng may cho ông mà cũng may cho tôi là ông không đá động tới vụ đó và còn cho biết ông cũng không có cho đánh cái điện nào ác ôn như vậy. Vỡ lẽ ra đó là tác phẩm của một nhân vật khác ký tên ẩu “*Tu Siêng*” tức Lưu Hữu Phước - sau Mậu Thân đổi ra là “*Tám Năng*” nghĩa là công tác gấp đôi.

Thật tình trông thấy ông Bộ Trưởng mà tội nghiệp vô cùng. Khi ở trường đi Nam vác gạch với tôi, ông như Nhị Thiên Đường. Chỉ trên ba năm ông trở thành một bộ xương biết đi. Buổi kiểm thảo kết thúc bằng một tiệc “*chả giò*” do nữ sĩ Lê Giang sáng tác tự chiến tự dọn, rất vui vẻ.

Tôi ở chung lều với Tư Mô thích lắm. Anh luôn

luôn sáng chế và biến hóa món lạ. Trà thì đã thủ sẵn trong ba-lô từ lúc sắp rời Sông Bé. Còn dám đòi gì hơn?

Hoàng Việt chết. Tư Trang, Bảy Thịnh, Ngọc Cung bị B52. Thủy Thủ tức thiếu úy hải quân Thái Trần Trọng Nghĩa tự sát bằng AK sau chuyến công tác Mỹ Tho thất vọng vì tình và bế tắc lý tưởng.

Ông văn sĩ cung số một của Tổ Hữu là Anh Đức có một thằng con trai đã ba tuổi rất xinh nhưng khổ thay lại không nói được vì thiếu dinh dưỡng. Cháu tên là Huy. Cháu rất mến tôi vì tôi xa con nên chơi với cháu cho đỡ nhớ. Trong số nghệ sĩ mới vô có Trương Bình Tòng bí danh Tư Trương, thay chân Quách Vũ vừa chết vì ho lao, BS Phạm Ngọc Thạch thì chết vì thương hàn, v.v...

Tôi đã buồn, càng mất tinh thần.

Xe đạp toàn B2 có hai chiếc, một dành cho thằng Cửu tiếp phẩm đi chợ Ché Phên hằng ngày, không ai rớ được, một dành cho toàn thể thần dân B2 thì không ai xài vì nó không có pê-đan.

Trong những thằng bạn thân của tôi ở Hà Nội mới vô có Đình Phong Nhã. Anh ta còn trẻ nhưng lại có tác phong già, chơi hoa cỏ, phong lan như Nguyễn Tuân. Hằng ngày hẩn lộn khắp rừng tìm phong lan các loại mang về treo giáp vòng lều như những tác phẩm văn hóa.

Trong lúc đó có hai ông Thứ Trưởng Văn Hóa là Thanh Nghị và Lữ Phương thì lại nuôi gà lấy trứng tắm bổ. Thanh Nghị nuôi không biết được mấy chục

gà mái còn Lữ Phương thì nuôi bọn bàng. Tụi lính trẻ ngoài Bắc mới vào gọi ông ta là “*Thú Truong gà mái*”.

Thanh Nha không thân với tôi lắm. Lúc ở Hà Nội, nhưng có đi xuống khu Kim Chung nhậu và coi hát với nhau. Anh rất dễ thương và lãnh đạo bằng tình cảm hơn là nguyên tắc. Ai muốn làm gì làm miễn đừng phá nát cơ quan thì thôi.

Chỉ sống hơn một tuần thì tôi bắt đầu sốt rét. Với tôi cách chữa sốt rét tốt nhất là ra khỏi rừng. Với lý do đó tôi xin anh cho tôi ra Hồ Ché Phèn, thằng Huy con của Anh Đức gọi là *Hù Ché Hù*, để dưỡng bệnh. Anh cho đi liền. Đình Phong Nhã cũng xin đi với tôi cho có cặp tâm tình với nhau.

Ché Phèn là một cái hồ rộng chừng vài chục mẫu tây lọt thỏm giữa khu rừng không biết tên là gì và có trong bản đồ hay không. Chỉ biết là cá mắm vô số kể. Quanh hồ là những ngôi nhà cất nửa trên đất nửa dưới nước gọi là *nhà bè*. Đó là cơ sở sản xuất cá của người Việt Nam từ Châu Đốc Sa Đéc lên đây lâu đời đã Miên hóa về hình thức và ngôn ngữ. Họ nói tiếng và ăn, mặc như người Miên, khó bề nhận ra.

Tôi ở đậu nhà anh Năm Đặng. Anh có hai đứa con, một trai tên Cuồng, bảy tuổi, một gái không nhớ tên gì. Hằng ngày tôi chịu khó tập cho bé Cuồng bơi. Ở *nhà bè* trẻ con phải biết bơi để tránh nạn chết chìm. Đó là công tác dân vận của tôi.

Còn Đình Phong Nhã thì ở nhà của ông Chín bên cạnh. Nhã dạy con gái ông Chín học chữ. Cô bé chừng mười bốn tuổi. Đêm nào Nhã cũng lên lớp

đúng hai giờ đồng hồ ở cái bàn tròn ở giữa nhà trong khi ông Chín nằm trên giường canh chừng, không để cho ông giáo viên làm một cử chỉ nào có thể cô học trò rung rinh trái tim non.

Cô bé có một người chị có chồng ở đâu không rõ nhưng lâu lâu thấy về thăm bố mẹ. Cô ta thường mặc xà-rông sặc sỡ che kín quá ngực, để hai cánh tay trần như ngà. Trưa nắng gắt cô thường ra trước nhà múc nước tắm. Nhã bảo tôi với giọng tiếc rẻ :

- Con chị coi được quá mà lại có chồng, còn con em thì còn nhỏ.

- Ai biểu ở Hà Nội mày cứ chê người ta, rồi vô đây than thở!

Nhằm lúc trời lạnh thấu xương. Cái lạnh thiên nhiên không đáng sợ bằng cái lạnh tụt trong lòng. Tôi nhớ vợ nhớ con, còn Nhã thì nhớ Hà Nội. Bây giờ mới thấy thèm miếng thịt chó mua ở Hàng Bè đem về nhà khìa lại bằng một hào nước mía, mới thấy thèm ly nước mía đơn sơ ở vỉa hè Hà Nội, thèm tô phở vô duyên của Mậu Dịch Tràng Tiền.

Dưỡng sức được vài tuần với cá mắm vô cùng phong phú tôi muốn trở về cơ quan để xin đi rước vợ con lên. Bỗng một hôm Bích Lâm ra Ché Phèn cùng với một anh chàng tên là Sáu Vinh. Vinh là cán bộ thông tin của Huỳnh Văn Tiểng hồi chín năm. Làm thơ xoàng nhưng lập trường thuộc loại siêu. Anh ta có cái tên là Phương Viễn, bây giờ đổi lại là Viễn Phương. Trước đây làm cán bộ văn nghệ của Trần Bạch Đằng không hiểu lên R để trui lại lập trường hay làm gì.

Bích Lâm và hẳn đến thăm tôi. Chỗ tình quen biết từ Hà Nội với Bích Lâm, nên trong lúc uống trà, tôi có buông một câu than thở:

- *Cờ bạc gì mà từ thắng tới thua, từ thua ít đến thua trum. Vậy mà cũng chưa chịu thôi.* (ý tôi nói là cuộc chiến tranh của Hà Nội gây ra đã thua sạch trong Mậu Thân).

Sáu Vinh hiểu và kên lập trường chinh tôi ngay. Tôi không nhin tiếng nào mà còn trả đũa kịch liệt và không thềm nói úp mở nữa.

Cuộc cãi vã có tiếng vang đến Trần Bạch Đằng. Ông ta bèn phái Run Bảo Việt - một nhà thơ coi Tổ Hữu như tổ sư, từng làm phó ban tuyên huấn Miền Tây và là xếp cũ của tôi - đến để tốp bớt tôi lại.

Tôi nói chuyện với anh rất thẳng thắn. Đã đến nước này rồi, còn ngậm miệng mãi sao? Cuối cùng anh mua cá bông nấu cháo đãi chúng tôi để gọi là hòa giải.

Tôi dưỡng bệnh được hai tuần lễ rồi trở lại cơ quan xin với Ba Thanh Nha *“đi rước vợ con lên để ở luôn trong rừng”*.

Ba Thanh Nha cười, nói nửa chơi nửa thiệt:

- Đi rồi về đừng có đi luôn nghe mậy?

Tôi đáp lại:

- Giỡn hoài anh. Nếu tôi đi thì tôi đi lúc ở Bến Tre rồi.

Không ai nghĩ là tôi đi. Vì đúng như tôi nói: nếu đi thì đã đi rồi! Ba Nha kêu quản lý cấp cho tôi sinh hoạt phí, công tác phí. Tôi đi chợ Ché Phèn ra các tiệm thợ bạc mua vàng lá lặn lưng, chuẩn bị đông.

Cùng đi móc gia đình với tôi trong chuyến này có họa sĩ Thái Bình và vợ chưa cưới của anh là cô Thẩm. Hai người đi móc gia đình để xin tiền làm đám cưới. Ngoài ra còn có cô Hoa quê ở vùng ven sông Cửu Long. Nhưng sau cùng cô Hoa bị giữ lại với lý do gì không rõ.

Nữ sĩ Băng Tâm có nhờ tôi đưa thư cho gia đình cũng ở vùng đó. Tôi chỉ có khái niệm lơ mơ trên bản đồ chớ chưa đến đấy bao giờ.

Khi ra tới một thị trấn gần đó tôi và vợ chồng Thái Bình ăn chung một bữa cơm khá ngon miệng. Bỗng nhiên tôi nghĩ:

- Hay là cơ quan cho chúng nó đi theo dõi mình?

Tôi chợt nhớ vụ Hai Nghi ở An Định năm trước đi quay phim *Bình Biển Bình Dương*, và tôi nghĩ ra mưu kế. Sáng hôm sau khi giao liên đến dắt đường thì tôi bảo là tôi đang lên cơn sốt.

Vợ chồng Thái Bình đi trước. Chờ họ đi xa tôi cuốn đồ và tìm đường khác. Cảnh giác là hơn. Nếu đi theo đường giao liên, cơ quan có thể cho người hòa tặc theo bắt lại.

Mà đúng như tôi linh tính. Khi tôi làm Phó Giám Đốc Trung Tâm Chiêu Hồi Trung Ương, một hôm tôi nhận được tin một số đồng văn nghệ sĩ của Văn Công R hồi chánh đã đến Sài Gòn. Số anh em này cho tôi biết ngay:

- Anh đi hôm trước, hôm sau An Ninh R sang tiểu ban Văn Nghệ và tức khắc cho người đuổi theo.

Tôi tách khỏi giao liên và đi đường tự do. Trên

các nẻo đường trên xứ này dập diu cán bộ Việt Cộng. Tôi cứ lẫn vào đó mà đi đâu có ai biết tôi.

Tôi lội bộ suốt ba ngày, toàn ở đậu nhà dân Miên. May nhờ rủi chịu. Phen này không đi được thì chỉ có chết. Đường xa, lạ và gai góc lắm bạn đời ơi! Cuối cùng tôi mò ra được nhà của cô Hoa nhưng chỉ hỏi thăm vài câu rồi đi chớ không dám ở vì sợ cơ quan theo dấu. Nhờ đó mà tôi tìm được một bà má chuyên môn đi móc gia đình cho cán bộ.

Tôi đến nhờ, nhưng rồi cũng không quyết định gì hết. Tôi lảng sang chỗ khác với tâm trạng luôn luôn có cặp mắt theo dõi mình. Rủi thay tôi lại đụng đầu một anh chàng tên là Xuân, vốn quen từ trong kháng chiến chín năm. Hắn làm công tác tiếp vận ở đây. Hắn cũng như tôi tại sao tôi sợ? Tôi vừa nhận ra hắn thì lánh mặt ngay và bỏ đi chỗ khác. Quả thật có tịch thì hay nhúc nhích.

Tôi bèn cặp tàu với một anh lính trẻ người Bắc mang AK. Tôi kên K54 vô cho có vẻ là cán lớn có gác-đờ-co đi theo. Tôi chiếm được cảm tình của hắn bằng cách mua thức ăn cho hắn dùng thỏa thuê. Tôi hơi vũng bụng trong mấy ngày đi chung với hắn. Chúng tôi đến ở đậu một ngôi nhà ở gần bờ sông. Đêm ngày ghe thuyền tấp nập từ Hồng Ngự ra đây. Đó là con buôn bạc Việt Nam và bạc Miên. Mỗi ngày đồng Ría đều lên xuống theo đồng bạc Việt Nam. Tôi sẵn một ít Ría trong túi. Thừa lúc cậu lính đi vắng tôi đem ra bán lấy tiền Việt Nam.

Hôm sau cậu lính tách rời tôi. Tôi lại sợ cậu ta là

kẻ được phái đi theo dõi tôi, nên tôi lẫn vô rừng ở ngay sau nhà. Định bụng nếu bị truy nã thì liều chết với khẩu K54.

Lúc bấy giờ Sư Đoàn 9 đang vượt biên truy kích Việt Cộng sau Tết Mậu Thân. Xe tăng chạy rầm rầm tối ngày. Tàu lúc nào cũng làm mặt sông Cửu Long dậy sóng. Còn máy bay thì bay lượn như mắc cù trên trời.

Có đêm tôi đang ngủ, một anh lính giờ mừng tôi thò đầu vào. Tôi thấy rõ cái nón sắt. Anh ta nói nửa chơi nửa thiệt:

- Dân hay Việt Cộng đây cha? - Rồi bỏ đi.

Một bữa trưa tôi ra ngồi ở bờ sông Cửu Long, thấy “*tắc rán*” (một loại đồ dọc) chạy qua chạy lại, tôi đưa tay ngoắc.

Ngoắc mãi không chiếc nào cặp bờ. Tôi biết là chúng đã chở đầy khách nên không định đi bằng “*tắc rán*” nữa mà tìm ghe buôn quá giang.

Thời may tôi gặp một chiếc ghe chở gạo và khô đi ra Hồng Ngự. Tôi xin quá giang tay không vì súng ống và ba-lô tôi đã chôn lại trong rừng. Tôi xin trả tiền, ngoài ra còn giúp họ chèo mũi. Chủ ghe đồng ý. Tôi nhảy xuống ngay. Đó là cái nhảy quyết định cuộc đời tôi, một cái nhảy nhỏ từ trên bờ xuống ghe, từ *Bên Ni* sang *Bên Tê*.

Chiều hôm đó tôi ra tới chợ Hồng Ngự. Tôi đến bến xe ngay. Còn chuyển chót không biết đi đâu, mặc kệ, tôi cứ phóng lên. Đi cho xa, càng xa cái ổ quỷ càng tốt. Sắn cái thẻ bọc nhựa của ông Cò Khu

IV cấp cho ở rừng Thạnh Phong và một số bạc Việt Nam trong lung, mấy thoi vàng trong lai quần, còn lo gì nữa? Nếu bị cảnh sát xét thì càng hay.

Xe đổ lại tôi bước xuống, không biết là đâu. Ngó thấy tượng đức Huỳnh Giáo Chủ thì chắc là Long Xuyên hay Châu Đốc. Mặc kệ, đâu cũng được. Tôi vô tiệm nước chén một bữa tẩy trần, no nê sáng khoái. Thấy mình sống hoàn toàn. Tôi đi đến khách sạn ở bến xe thuê ngay một phòng, chia thẻ bọc nhựa ra cho chủ tiệm ghi tên tuổi một cách rất đàng hoàng. Tôi bây giờ là dân Miền Nam. Tôi là Tôi. Tôi thuộc về Tôi, thuộc về vợ con Tôi, không thuộc ai khác cả.

Sáng sớm tôi ra bến xe mua vé. Định về Sài Gòn. Nhưng tôi nhớ con nên về Mỹ Tho trước đã. Mỹ Tho tôi từng quen thuở nhỏ, lo gì lạc đường. Rồi từ Mỹ Tho tôi đi về Bến Tre. Bến Tre tôi càng thân thuộc. Xống xe ở Ngã Ba Ông Quán, hồi trước gọi là Ngã Ba Tháp nơi tôi từng qua lại hằng ngày khi tôi học trường Tư Thực Trung Châu. Bến Tre bây giờ trông như nhỏ lại mà cũng như lớn ra. Tôi vẫn còn thấy cái giếng nước bên cạnh trường và những cây dầu cao vút đứng đó. Chúng như vẫn không quên tôi.

Tôi đi thẳng đến nhà mợ Tám tôi và bảo thằng em tôi đi lên Sài Gòn đưa thơ của tôi cho Bộ Chiêu Hồi.

Ngày đêm hôm đó Trung Tá Thiên, Giám Đốc Nha Công Tác đến tận nhà với thằng em tôi ngồi trên xe. Ông đem tôi ra khách sạn ở bờ sông, cái khách sạn mà tôi từng ở khi tía tôi dắt tôi lên tỉnh thi Sơ học. Thì ra từ trước tới giờ người ta vẫn làm

ăn, làm giàu, chỉ có mình tôi đi mần cách mạng!
Ngộ thiệt!

Sáng hôm sau tôi lên đến Sài Gòn. Chiều hôm đó bác sĩ Hồ Văn Châm tiếp tôi.

Đến đây tôi xin viết đôi dòng suy tư. Khi tôi đặt chân ra Hồng Ngự tôi định bụng sẽ về ở với vợ con an hưởng thú gia đình. Chán chê mọi sự đời. Sống cuộc đời tai ngơ mắt lắp không theo quốc gia mà cũng quên luôn quãng đời qua của mình. Hàng thân lơ lảo phận mình ra chi.

Nhưng khi nói chuyện với bác sĩ Hồ Văn Châm thì tôi rất đổi ngạc nhiên về thái độ cư xử, về kiến thức và về tình cảm của người quốc gia đối với tổ quốc, dân tộc và giống nòi, hơn nữa đối với người Cộng Sản. Té ra mấy chục năm nay, Cộng Sản nghĩ sai về người quốc gia và rất phiền diện với tổ quốc. Họ cho chỉ họ là đúng còn ngoài ra ai cũng sai. Ngược lại, họ sai hoàn toàn trong mọi lãnh vực.

Tôi đã từng gặp nhóm người chống đối ông Diệm là Tôn Thất Dương Kỳ và mấy người nữa ra Hà Nội đi thất thủ ở phố Tràng Tiền. Tôi đã nghĩ một cách hồn nhiên như một phản ứng bản năng:

- Tao muốn về Sài Gòn mà không được, còn tụi bây đang ở Sài Gòn lại lui ra đây!?

Chắc họ đã sáng mắt từ lâu!

Nói chuyện xong, bác sĩ Hồ Văn Châm gọi ông Giám Đốc Trung Tâm Chiêu Hồi Trung Ương là anh Phạm Thành Tài sang rước tôi về bên đó. Anh Tài là phụ giảng đại học Văn Khoa Hà Nội được chọn đi

học Liên Xô để lấy bằng Phó Tiến Sĩ nhưng anh xin về Nam, để giải phóng Miền Nam? Về tới nơi anh ra hồi chánh ngay trước tôi vài tháng.

Anh Tài chở tôi ra chợ Sài Gòn chơi một vòng ăn phở, uống cà phê rồi về Trung Tâm.

Hôm sau Bộ Chiêu Hồi, theo lời yêu cầu của tôi, cho xe về tận quận Hương Mỹ đón gia đình tôi lên Sài Gòn. Tôi lên ti vi, lên đài Sài Gòn, đài quân đội, tôi cộng tác ngay với các đài Tự Do, Mặt Đẳng Gương Thiêng, Mẹ Việt Nam, viết báo *Tiền Tuyến*, đủ cả... bất cứ nơi nào mời, tôi chỉ nói một sự thực: *Xã hội chủ nghĩa không có tự do! Không thể sống được, đừng nói chi sáng tác!*

Tôi gặp lại vợ con tôi lần đầu tiên sau hơn hai năm xa cách. Con tôi đã biết đi lẫm lẫm.

Đài Hà Nội và báo *Văn Học* của Hoài Thanh bắt đầu chửi tôi là tên phản bội đầu hàng.

Vài hôm sau Phủ Đặc Ủy Trung Ương Tỉnh Báo mời tôi sang làm việc. Thấm vẩn tôi là một người Bắc chạy bỏ Cộng Sản năm 1954. Anh làm việc với tôi tí mĩ vô cùng:

- Anh tên là Bùi Quang Triết?
- Vâng.
- Bút danh Xuân Vũ?
- Vâng.
- Còn bút danh gì khác?
- Khi tôi về Nam, đổi Xuân Vũ ra Bùi Xuân.
- Anh là nhà văn?
- Vâng.

Anh ta cười dễ dãi:

- Hỏi anh chơi cho “dzui” chứ chúng tôi biết hết cả. Sở dĩ chúng tôi hỏi kỹ vậy là vì sợ có người giả mạo dùng danh nghĩa của anh.

- Không sao cả, anh cứ hỏi.

Anh ta hỏi, vặn, ngoặc đi ngoặc lại một tháng mười bảy ngày về cả trăm chuyện, chuyện văn nghệ sĩ Hà Nội từ Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Hồng đến Trần Dần, Phùng Quán y như là anh ta có quen biết họ vậy.

Tôi cứ như tôi biết mà trả lời về từng người một, không thêm bớt gì cả. Trong thời gian thăm anh ta thỉnh thoảng mời tôi uống cà phê hoặc bia. Tôi cũng mời lại đáp lễ vài lần. Tôi được cho ở riêng một phòng, cơm bung nước rót, tới giờ lên phòng làm việc, xong lại về. Sách báo vô số, muốn đọc thứ gì của Sài Gòn cũng có.

Một bữa, anh nói:

- Vụ anh lên ủy Ban Quốc Tế hồi 1956 ở Hà Nội vui chứ nhỉ!

Tôi giật mình, chưa kịp đáp ứng ra sao thì anh lấy một tờ báo đưa cho tôi và bảo:

- Hồi đó báo Sài Gòn đã nói tới anh rồi. Sao Hà Nội còn tin anh mà cho về Nam?

- Từ đó trở đi tôi phục xuống làm việc để lấy lại lòng tin của họ.

Anh lại hỏi vặn lần nữa

- Anh nói anh là nhà văn?

- Vâng.

- Nếu thật anh là nhà văn thì xin phiền anh tí nữa nhé!

- Vâng, anh cứ tự nhiên.

Anh ta cười:

- Anh nói tiếng Bắc khá lắm. Anh vui lòng viết ngay cho chúng tôi một đoạn văn. Bất cứ về chuyện gì cũng được.

Tôi cầm bút viết ngay những tình cảm của tôi khi trở lại thành phố Bến Tre quê hương của tôi và đưa cho anh ta.

Anh ta xem xong rồi bảo:

- Hay lắm! tình cảm rất sâu đậm và chân thật.

Hôm sau anh ta hỏi tôi:

- Anh nói anh có quen nhiều văn nghệ sĩ ở Hà Nội phải không?

- Vâng.

- Để tôi dắt anh gặp một người xem anh còn nhớ không nhé!

Rồi anh ta dắt tôi ra một gian phòng rộng có cắm một rừng cờ của nhiều nước, tôi nhận ra là cờ Đài Loan, Đại Hàn, Pháp, Anh, Mỹ...

- Mời anh ngồi.

Bỗng từ bên ngoài bước vào một anh chàng to lớn vận âu phục thắt cà vạt hằn hoi. Tôi giật mình kêu to:

- Lê An!

- Xuân Vũ!

Chúng tôi ôm choàng nhau. Tôi hỏi.

- Sao mày ở đây?

- Còn mày sao mày cũng ở đây?

Chúng tôi lại ôm nhau.

Trong một thoáng trong trí tôi hiện lên cái gara tôi tàn ở hẻm 84 Lý Thường Kiệt của tôi. Hấn là nhạc sĩ vĩ cầm trẻ số một được chọn đi học Liên Xô. Hấn mộng trở thành Ostrak, tay vĩ cầm số một Liên Xô. Hấn thường mang những bài báo tiếng Pháp nói về Ostrak đến cho tôi đọc và nói:

- Có chí thì nên.

Sang Liên Xô, hấn gởi thơ về xin tôi nước mắt. Được vài năm thì bất tin. Bây giờ lại gặp ở đây. Tôi hỏi.

- Mày đi đường nào?

- Hòa Lan!

- Bây giờ làm gì?

- Dạy *violon* ở Trường Quốc Gia âm Nhạc.

- Suýt nữa tao nhìn không ra.

- Tao nặng gấp đôi hồi ở Hà Nội. Thăng Thanh Cao Thanh Sủ đâu?

- Còn ở đoàn Văn Công F330.

- Hoàng Việt đâu?

- Chết rồi!

Hấn thét lên.

- Chết ở đâu?

- Trên đường về quê để làm bản Giao Hưởng Quê Hương II.

- Tao có thư cho ảnh lúc ảnh sang Bungari.

- Ảnh sắp có thêm thằng con trai thì chết.

- Trời!

- Ảnh đã đặt tên con trước khi còn ở trên Trường

Son với tao là Lê Tương Phùng. Chẳng ngờ Lê Tương Phùng ra đời lại không biết mặt cha, thành ra Lê Bất Phùng.

Cuộc gặp lại Lê An kết thúc. Vị thẩm vấn viên của tôi rất hài lòng:

- Anh đúng là Xuân Vũ rồi!

Tôi tưởng đã xong. Chẳng ngờ sáng hôm sau tôi lại được mời làm việc với một anh Mỹ trẻ khô. Anh này nói tiếng Việt Nam rất rành. Anh ta dùng máy móc cặp vào khắp người tôi, hai đùi, hai tay, ngực, bụng và hỏi cả trăm câu. Hỏi xong cho tôi nghỉ một lát rồi lại hỏi. Nhiều câu lặp đi lặp lại ba bốn lần. Anh ta nói bằng tiếng Việt khá rành:

- Đây là máy nói thật, nếu anh nói dối thì tôi biết ngay.

Tôi cười:

- Máy của ông nói dối thì có chó tôi thì không!

- Ông là Bùi Xuân?

- Vâng.

- Còn Xuân Vũ là ai?

- Cũng là tôi.

- Ông còn tên gì khác không?

- Không.

- *Tờ Văn Nghệ Giải Phóng* của ai xuất bản?

- Của Hội Văn Nghệ Giải Phóng.

- Ông Tư Trang là gì của cái Hội này?

- Chủ tịch.

- Ông còn sống?

- Chết rồi.

- Nếu tôi có tờ báo của Hội Văn Nghệ Giải Phóng thì đó là tờ báo tên gì?

- *Văn Nghệ Giải Phóng*.

- Ông Tư Trang còn sống?

- Chết rồi.

Hắn cứ loanh quanh tới lui ngoắc ngoéo như thế cả mấy tiếng đồng hồ. Tôi nghĩ thầm: Dùng thứ máy này mà điều tra Việt Cộng thì hỏng bét.

Hôm sau vị thẩm vấn viên Việt Nam của tôi đưa cho tôi một công văn bổ nhiệm tôi làm Giám Đốc Trung Tâm Chiêu Hồi Trung ương. Tôi hoảng hốt:

- Tôi không làm được chức này.

- Anh cứ nhận đi. Mọi việc của anh đã rõ cả rồi. Anh là bạn của chúng tôi. Bộ Chiêu Hồi đã bổ nhiệm anh.

Hôm đó anh thết tôi tiệc bia uống từ chín giờ tối đến ba giờ khuya “*để mừng anh trở về với chánh nghĩa quốc gia*”.

Anh ta nói:

- Bây giờ chức anh cao hơn tôi. Ra đường có gặp xin nhớ nhau nhé!

Bác sĩ Hồ Văn Châm gọi cho tôi một trăm ngàn đồng. Tôi mua tất cả món ngon vật lạ trong quán ăn của Phủ Đặc Ủy thết toàn bộ ban thẩm vấn coi như đó là buổi tiệc tự mừng tôi, mừng cho gia đình tôi gặp lại tôi. Anh bạn thẩm vấn chở tôi đi ăn thịt chó, thịt bò bầy món, v.v...

- Ông có vợ chưa? Nếu chưa tôi gả em vợ tôi cho.

Đó là một người quốc gia, một kiểu người không

thù hận, không cố chấp, rất là người - người Hà Nội, người Việt Nam. Hôm sau anh ta đem tôi về nhà thết tiệc lần nữa. Không biết bây giờ anh ở đâu? Sống hay chết sau 75?

Tôi được đưa về Trung Tâm Chiêu Hồi Trung Ương và đưa đi yết kiến bác sĩ HỒ VĂN CHÂM. Bác sĩ nói ngay:

- Anh Phạm Thành Tài có vợ tư sản giàu quá, nên anh không chịu làm Giám Đốc Trung Tâm, anh cứ xin thôi hoải. Tôi bổ nhiệm anh thay cho anh Tài.

Tôi nói ngay:

- Xin bác sĩ thương dùm tôi. Tôi không làm gì được ngoài việc viết văn. Tôi thành thật xin bác sĩ đừng cho tôi chức vụ gì hết.

Bác sĩ gật gù:

- Thôi được, để tôi yêu cầu anh Tài giúp tôi một thời gian nữa. Còn anh thì nên làm Phó cho anh Tài. Dù anh không quen việc hành chánh nhưng anh cần người sai bảo cũng như cần phương tiện để viết văn.

Thế là tôi về làm Phó cho anh Phạm Thành Tài.

Anh Tài cho tôi hai phòng lầu, một phòng riêng. Một đồng *pelure* một bó viết *Bic*.

- Anh muốn viết gì viết. Cần đi đâu có xe sẵn. Cần sai gì có cần vụ!

Rồi anh ký ngay một công lệnh cho tôi một cần vụ.

Tôi bắt đầu viết *Đường Đi Không Đến*, ngồi viết như trong mơ. Vừa qua cơn hoảng hốt, vượt chết, hoàn hồn.

1968-1993. Một phần tư thế kỷ qua tôi viết xong bộ hồi ký của tôi để cống hiến cho bà con. Đây là quyển chót. Viết ở Hoa Kỳ.

Biết bao gian lao chết chóc biết bao dằn vặt suy tư. Và cuối cùng tôi đã quyết định. Nếu chần chờ thì mất cơ hội, bây giờ chưa biết tôi ra sao? Chết? Tuyệt tự? Bất mãn? Chửi bới Cộng Sản trong cái lồng sắt của chúng? Và bị tù, bị cấm viết? Không biết cái nào!

Tôi đã làm một việc táo bạo nhưng đúng đắn hoàn toàn: dù mang nỗi hận lưu vong mất nước tôi vẫn không ân hận. Ngược lại nếu tôi còn ở với Cộng Sản thì giờ này tôi ân hận vô cùng, và tự trách mình hèn nhát.

Hai mươi lăm năm trước tôi khởi đầu bộ hồi ký bằng cái tên *Đường Đi Không Đến*. Bây giờ tôi kết thúc nó bằng đoạn “*Đường Đi Đã Đến*”. Đến thật rồi. Vì đã dám đi.

Hoa Kỳ 19-9-1993

mục lục

Chương 1.	9
Chương 2.	19
Chương 3.	35
Chương 4.	53
Chương 5.	67
Chương 6.	79
Chương 7.	99
Chương 8.	109
Chương 9.	127
Chương 10.	151
Chương 11.	171
Chương 12.	185
Chương 13.	203
Chương 14.	221
Chương 15.	233
Chương 16.	255
Chương 17.	265

Chương 18.	277
Chương 19.	291
Chương 20.	309
Chương 21.	329
Chương 22.	341
Chương 23.	361
Chương 24.	375
Chương 25. ĐƯỜNG ĐI ĐÃ ĐẾN	385